PHẦN IX. PHỤ LỤC CÁC BIỂU MẪU

Stt	Mẫu số	Nội dung biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Biên bản họp xác định nhu cầu, quy mô đầu tư
2	Mẫu số 02	Biên bản thương thảo hợp đồng các gói thầu tư vấn: lập đề xuất chủ trương, thẩm tra đề xuất chủ trương đầu tư, gói thầu lập BCNCKT/BCKTKT, thẩm tra BCNCKT/BCKTKT, Lập hồ sơ môi trường, khảo sát xây dựng, rà phá bom mìn, tư vấn thiết kế sau khi dự án được phê duyệt….
3	Mẫu số 03	Biên bản thương thảo hợp đồng các tư vấn lập HSMT
4	Mẫu số 04	Biên bản thương thảo hợp đồng các gói thầu xây lắp, thiết bị
5	Mẫu số 05	Biên bản họp xác định các nội dung điều chỉnh, thời gian thực hiện, trách nhiệm các bên có liên quan
6	Mẫu số 06	Biên bản đối chiếu tài liệu
7	Mẫu số 07	Thông báo nội dung cuộc họp về rà soát quy mô đề xuất chủ trương
8	Mẫu số 08	Công văn trình cấp thẩm quyền bố trí vốn
9	Mẫu số 09	Công văn đăng ký mở mã dự án
10	Mẫu số 10	Công văn mời nhà thầu tham gia gói thầu
11	Mẫu số 11	Công văn gửi Sở NN&MT có ý kiến về hồ sơ môi trường của dự án
12	Mẫu số 12	Công văn cho chủ trương phát sinh, thay đổi trong quá trình thi công
13	Mẫu số 13	Công văn đề nghị đơn vị sử dụng bàn giao mặt bằng (trong đó có bàn giao các tài sản cũ (nếu có))
14	Mẫu số 14	Thông báo thông qua phương án lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc BCKTKT; thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt
15	Mẫu số 15	Công văn tham vấn ý kiến trong quá trình cấp phép hồ sơ môi trường
16	Mẫu số 16	Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư
17	Mẫu số 17	Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (hoàn chỉnh theo báo cáo thẩm định)
18	Mẫu số 18	Báo cáo Thẩm định nhiệm vụ, dự toán chi phí chuẩn bị dự án (giai đoạn lập đề xuất chủ trương đầu tư)
19	Mẫu số 19	Báo cáo Thẩm định Kế hoạch LCNT chuẩn bị dự án
20	Mẫu số 20	Báo cáo Thẩm định dự toán các gói thầu chuẩn bị dự án
21	Mẫu số 21	Báo cáo kiểm tra đánh giá năng lực nhà thầu tư vấn (lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc BCKTKT; khảo

Stt	Mẫu số	Nội dung biểu mẫu
		sát xây dựng, tư vấn thiết kế sau khi dự án được phê duyệt,….)
22	Mẫu số 22	Báo cáo Thẩm định HSMT gói thầu tư vấn (lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc BCKTKT; khảo sát xây dựng, tư vấn thiết kế sau khi dự án được phê duyệt)
23	Mẫu số 23	Báo cáo Thẩm định kết quả LCNT gói thầu tư vấn (lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc BCKTKT; khảo sát xây dựng, tư vấn thiết kế sau khi dự án được phê duyệt,….) (đề xuất kỹ thuật)
24	Mẫu số 24	Báo cáo Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu gói thầu tư vấn (lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc BCKTKT; khảo sát xây dựng, tư vấn thiết kế sau khi dự án được phê duyệt,….)
25	Mẫu số 25	Kế hoạch LCNT của dự án (Gói thầu tư vấn, xây lắp, thiết bị,…)
26	Mẫu số 26	Báo cáo Thẩm định kế hoạch LCNT của dự án (Gói thầu tư vấn, xây lắp, thiết bị,…)
27	Mẫu số 27	Báo cáo thẩm định Nhiệm vụ thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt
28	Mẫu số 28	Báo cáo Thẩm định hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt
29	Mẫu số 29	Báo cáo Thẩm định dự toán gói thầu xây lắp, thiết bị
30	Mẫu số 30	Báo cáo kiểm tra, đánh giá năng lực nhà thầu xây lắp, thiết bị
31	Mẫu số 31	Báo cáo Thẩm định HSMT gói thầu xây lắp, thiết bị
32	Mẫu số 32	Báo cáo Thẩm định kết quả LCNT gói thầu xây lắp, thiết bị
33	Mẫu số 33	Báo cáo Thẩm định phát sinh tăng, giảm
34	Mẫu số 34	Báo cáo Thẩm định thiết kế, dự toán điều chỉnh
35	Mẫu số 35	Báo cáo giải trình các nội dung xử lý kỹ thuật làm cơ sở trình phê duyệt dự toán phát sinh
36	Mẫu số 36	Tờ trình thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn
37	Mẫu số 36	Tờ trình phê duyệt chủ trương đầu tư
38	Mẫu số 38	Bảng dự toán chi phí chuẩn bị dự án (giai đoạn lập đề xuất chủ trương đầu tư)
39	Mẫu số 39	Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ, dự toán chi phí chuẩn bị dự án (giai đoạn lập đề xuất chủ trương đầu tư)
40	Mẫu số 40	Kế hoạch LCNT chuẩn bị dự án
41	Mẫu số 41	Tờ trình phê duyệt Kế hoạch LCNT chuẩn bị dự án
42	Mẫu số 42	Dự toán gói thầu chuẩn bị dự án
43	Mẫu số 43	Tờ trình phê duyệt dự toán gói thầu chuẩn bị dự án
44	Mẫu số 44	Tờ trình phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu

Stt	Mẫu số	Nội dung biểu mẫu
		chuẩn bị dự án
45	Mẫu số 45	Tờ trình thẩm tra BCNCKT/BCKTKT
46	Mẫu số 46	Tờ trình thẩm định BCNCKT/BCKTKT
47	Mẫu số 47	Tờ trình thẩm tra hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt
48	Mẫu số 48	Công văn gửi Sở VH,TT &DL đề nghị Sở VH,TT &DL trình Bộ VH,TT &DL xác nhận di tích xuống cấp đối với di tích cấp quốc gia
49	Mẫu số 49	Tờ trình phê duyệt HSMT gói thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc BCKTKT; khảo sát xây dựng, tư vấn thiết kế sau khi dự án được phê duyệt
50	Mẫu số 50	Tờ trình phê duyệt kết quả LCNT gói thầu gói thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc BCKTKT; khảo sát xây dựng, tư vấn thiết kế sau khi dự án được phê duyệt
51	Mẫu số 51	Tờ trình trình phê duyệt kế hoạch LCNT của dự án (Gói thầu tư vấn, xây lắp, thiết bị,…)
52	Mẫu số 52	Dự toán gói thầu khảo sát xây dựng, tư vấn thiết kế sau khi dự án được phê duyệt
53	Mẫu số 53	Nhiệm vụ thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt
54	Mẫu số 54	Tờ trình phê duyệt thiết kế sau khi dự án được phê duyệt
55	Mẫu số 55	Tờ trình thẩm định báo cáo ĐTM
56	Mẫu số 56	Tờ trình phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu xây lắp, thiết bị
57	Mẫu số 57	Tờ trình phê duyệt dự toán gói thầu xây lắp, thiết bị
58	Mẫu số 58	Tờ trình xin chủ trương phát sinh, thay đổi trong quá trình thi công
59	Mẫu số 59	Tờ trình thẩm định thiết kế, dự toán điều chỉnh
60	Mẫu số 60	Tờ trình phê duyệt thiết kế, dự toán điều chỉnh
61	Mẫu số 61	Tờ trình thẩm định phát sinh tăng, giảm
62	Mẫu số 62	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư
63	Mẫu số 63	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập đề xuất chủ trương đầu tư, lập dự toán chi phí chuẩn bị dự án (giai đoạn lập đề xuất chủ trương đầu tư)
64	Mẫu số 64	Quyết định phê duyệt Kế hoạch LCNT chuẩn bị dự án
65	Mẫu số 65	Quyết định phê duyệt dự toán gói thầu
66	Mẫu số 66	Quyết định kết quả chỉ định thầu gói thầu lập đề xuất chủ trương, thẩm tra đề xuất chủ trương đầu tư (nếu có)
67	Mẫu số 67	Quyết định phê duyệt HSMT gói thầu lập báo cáo

Stt	Mẫu số	Nội dung biểu mẫu
		nghiên cứu khả thi hoặc BCKTKT
68	Mẫu số 68	Quyết định phê duyệt kết quả LCNT gói thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc BCKTKT/ thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt (đề xuất kỹ thuật)
69	Mẫu số 69	Quyết định kết quả LCNT gói thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc BCKTKT/ thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt
70	Mẫu số 70	Quyết định phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc BCKTKT
71	Mẫu số 71	Quyết định phê duyệt kế hoạch LCNT của dự án (Gói thầu tư vấn, xây lắp, thiết bị,…)
72	Mẫu số 72	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt
73	Mẫu số 73	Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt
74	Mẫu số 74	Quyết định phê duyệt dự toán xây lắp, thiết bị
75	Mẫu số 75	Quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu xây lắp, thiết bị
76	Mẫu số 76	Quyết định phê duyệt kết quả LCNT gói thầu xây lắp, thiết bị
77	Mẫu số 77	Quyết định phê duyệt phát sinh tăng, giảm
78	Mẫu số 78	Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán điều chỉnh
79	Mẫu số 79	Hợp đồng tư vấn lập đề xuất chủ trương đầu tư/BCNCKT/BCKTKT
80	Mẫu số 80	Hợp đồng thiết kế xây dựng sau khi dự án được duyệt
81	Mẫu số 81	Hợp đồng thi công xây dựng, thiết bị
82	Mẫu số 82	Báo cáo giám sát đánh giá tổng thể đầu tư năm
83	Mẫu số 83	Báo cáo đánh giá ban đầu
84	Mẫu số 84	Báo cáo giám sát đánh giá định kỳ đầu tư 6 tháng, cả năm
85	Mẫu số 85	Báo cáo giám sát đánh giá trước khi điều chỉnh dự án đầu tư
86	Mẫu số 86	Báo cáo đánh giá đột xuất
87	Mẫu số 87	Báo cáo giám sát đánh giá kết thúc đầu tư
88	Mẫu số 88	Báo cáo tổng hợp công tác giám sát, đánh giá các chương trình, dự án đầu tư công thuộc phạm vi quản lý trong năm

MẪU SỐ 1

UBND TỈNH TÂY NINH **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG** Số: /BB-BQLDA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tây Ninh, ngày tháng ... năm 2026*

BIÊN BẢN HỌP

Về việc đánh giá, thống nhất quy mô đầu tư làm cơ sở để lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án ……..

Căn cứ Giấy mời họp số /GM-BQLDA ngày /…/2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc đánh giá, thống nhất quy mô đầu tư làm cơ sở để lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án ……..

Hôm nay, vào lúc …. giờ 00 phút, ngày …. tháng … năm 2026 tại ……. (vị trí của dự án) gồm có các bên:

I. Thành phần tham dự cuộc họp:

1. Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

…….

…….

…….

…….

…….

…….

2. Đại diện đơn vị sử dụng:

…….

3. Đại diện các sở ban ngành:

…….

…….

…….

…….

…….

II. Nội dung cuộc họp: về việc đánh giá, thống nhất quy mô đầu tư làm cơ sở để lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án ……..

- Đại diện phòng chuyên môn của Ban QLDA báo cáo tóm tắt về cơ sở đề xuất quy mô và sự cần thiết đầu tư để lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án …….. (căn cứ vào Nghị quyết trung hạn 2026-2030, văn bản đề xuất quy mô của đơn vị sử dụng,…)

Cuộc họp thảo luận và các thành viên dự họp có ý kiến đóng góp như sau:

- Đại diện đơn vị sử dụng:

…….

…….

- Đại diện các sở ban ngành:

…….

…….

…….

…….

- Trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các thành viên dự họp, cuộc họp đã thảo luận và thống nhất quy mô đầu tư dự án như sau:

…….

…….

…….

…….

Biên bản kết thúc vào lúc … giờ cùng ngày, các bên thống nhất ký tên

1. Đại diện Ban Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh

…….

…….

…….

2. Đại diện đơn vị sử dụng:

…….

3. Đại diện các sở ban ngành:

…….

…….

…….

…….

MẪU SỐ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày…..tháng ……năm 2026

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

Gói thầu tư vấn lập đề xuất chủ trương/ thẩm tra đề xuất chủ trương đầu tư/gói thầu lập BCNCKT/BCKTKT….

Dự án: ……

I. Căn cứ pháp lý:

Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 210/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về hợp đồng xây dựng;

Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tây Ninh, về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số ……. Ngày…… của UBND tỉnh (HĐND tỉnh) về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án …..;

Căn cứ Quyết định số ……. Ngày…… của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án …..;

Căn cứ Quyết định số ……. Ngày…… của UBND tỉnh về việc bố trí vốn thực hiện dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../ 2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án……;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../ 2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt thầu dự án……;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../ 2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán gói thầu..... dự án……;

Công văn số ... ngày.... của ..... về việc tham gia thực hiện gói thầu ..... dự án.....;

Hôm nay, ngày……tháng năm 2026, tại Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh, số 74, Nguyễn Huệ, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, đại diện hai bên gồm có:

1. Chủ đầu tư (Bên giao thầu):

- Tên giao dịch : **Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;**
- Đại diện : Ông/Bà…….**,** Chức vụ: **Phó Giám đốc;**
- Địa chỉ : Số 74, Nguyễn Huệ, phường Long An, tỉnh Tây Ninh;

(Theo Quyết định số 82/QĐ-BQLDA ngày 11/2/2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh)

- Tài khoản : sẽ ghi cụ thể trong Hợp đồng;
- Mã số thuế : 3900975678;
- Điện thoại : 02762240008;

2. Nhà thầu (Bên nhận thầu):

- Tên giao dịch : **…….;**
- Đại diện là : ..... Chức vụ: **Giám đốc;**
- Địa chỉ : .....
- Điện thoại : .....
- Mã số thuế : .....
- Tài khoản : .....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp .....

II. Nội dung thương thảo Hợp đồng:

Sau khi bàn bạc thảo luận, cuộc họp thống nhất nội dung thương thảo hợp đồng như sau:

1. Nội dung và khối lượng công việc nhà thầu tư vấn

Nội dung chủ yếu của lập đề xuất chủ trương/ thẩm tra đề xuất chủ trương đầu tư/gói thầu lập BCNCKT/BCKTKT…. bao gồm:

Đơn vị tư vấn điều tra, khảo sát khu vực hiện trạng dự án, thu thập các số liệu cơ bản, lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư phù hợp với Quy hoạch, Luật đầu tư công, Luật Xây dựng, và các văn bản hiện hành khác.

Thời gian thực hiện đảm bảo đúng tiến độ theo kế hoạch đã được duyệt.

2. Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự:

Sau 03 ngày khi có quyết định Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Nhà thầu gửi Chủ đầu tư bảng tiến độ thực hiện công việc lập đề xuất chủ trương/ thẩm tra đề xuất chủ trương đầu tư/gói thầu lập BCNCKT/BCKTKT….; danh sách nhân sự thực hiện gói thầu.

3. Thời gian và tiến độ thực hiện

Thời gian thực hiện hợp đồng: **.... ngày,** Hợp đồng có hiệu lực được tính từ ngày Chủ đầu tư bào giao hồ sơ đầy đủ (biên bản bàn giao) cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng *(Thời gian trên bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ, và ngày có thời tiết xấu, bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng)*, cụ thể như sau:

- … ngày để Nhà thầu thực hiện hoàn thành công tác lập đề xuất chủ trương/ thẩm tra đề xuất chủ trương đầu tư/gói thầu lập BCNCKT/BCKTKT….
- … ngày hoàn chỉnh hồ sơ theo ý kiến thẩm định để trình phê duyệt.
- … ngày thực hiện các công việc phát sinh khác (nếu có). Thời gian tính từ khi có thông báo của Chủ đầu tư.

4. Giải quyết thay đổi nhân sự

4.1. Nhà thầu tư vấn, các cá nhân được cử tham gia gói thầu này phải có đủ điều kiện năng lực, chứng chỉ hành nghề theo quy định pháp luật về xây dựng và quy định pháp luật hiện hành có liên quan như đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ làm rõ.

4.2. Trường hợp có thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải giải trình lý do, đồng thời cung cấp hồ sơ của người thay thế cho Chủ đầu tư xem xét, quyết định.

a) Người thay thế phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định pháp luật hiện hành, có trình độ tương đương hoặc cao hơn người được thay thế.

b) Trong thời hạn 07 ngày (kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Nhà thầu tư vấn kèm đầy đủ hồ sơ của người thay thế), Chủ đầu tư xem xét, có Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận.

4.3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự đề xuất trong Hợp đồng.

Trong trường hợp này, trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải lập tức cử nhân sự khác thay thế và đồng thời có Văn bản cử nhân sự mới gửi cho Chủ đầu tư, kèm hồ sơ năng lực chứng minh tương đương. Mọi chi phí phát sinh về thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao do nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

4.4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

4.5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thoả thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở thoả thuận giữa hai bên.

4.6. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thoả thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Văn bản đề nghị của Nhà thầu tư vấn, nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế thì nhân sự mới đó xem như được Chủ đầu tư chấp thuận. Mọi chi phí phát sinh khi thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu.

5. Bố trí điều kiện làm việc

Nhà thầu tự thực hiện và bố trí điều kiện làm việc cho phù hợp để hoàn thành công tác tư vấn đảm bảo chất lượng và thời gian quy định của hợp đồng.

6. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

6.1. Giá hợp đồng

- Giá trị đề nghị trúng thầu **(**đã bao gồm thuế GTGT ....%) Bằng giá gói thầu được duyệt theo Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và giảm tiết kiệm 5% tương ứng với số tiền (làm tròn) là ….. x 0,95 = **…. đồng** *(Bằng chữ: ....đồng)*.

- Giá hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện theo hợp đồng, đến bản quyền, lợi nhuận của bên nhận thầu và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

- Phương thức nộp thuế: Nhà thầu trực tiếp nộp thuế và xuất hóa đơn cho Chủ đầu tư trong mỗi lần được Chủ đầu tư thanh toán.

6.2. Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

6.3. Tạm ứng: Hai bên thống nhất không tạm ứng.

6.4. Thanh toán:

- Số lần thanh toán: 03 lần.

+ Lần 01: Sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành sản phẩm tư vấn được Chủ

đầu tư nghiệm thu và Hồ sơ lập đề xuất chủ trương/ thẩm tra đề xuất chủ trương đầu tư/gói thầu lập BCNCKT/BCKTKT…. được phê duyệt, Nhà thầu tư vấn sẽ được thanh toán 50% giá trị được nghiệm thu.

+ Lần 02: Sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chủ đầu tư thanh toán đến 90%.

+ Lần 03: Sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, Nhà thầu tư vấn sẽ được thanh toán giá trị còn lại.

- Trường hợp trong năm bố trí không đủ vốn thì Chủ đầu tư sẽ thanh toán trước một phần cho nhà thầu (do chủ đầu tư quyết định mức trả). Khi cấp thẩm quyền bổ sung, cấp vốn cho dự án thì chủ đầu tư sẽ tiếp tục thanh toán cho nhà thầu 100% giá trị hợp đồng.

+ Trường hợp số tiền quyết toán được duyệt hoặc khi có kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thấp hơn so với số tiền Chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu thì nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả lại cho Chủ đầu tư số tiền thanh toán thừa trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

7.1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

7.2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng: 08 bộ hồ sơ (Trong đó có 01 bộ được các bên tham gia ký trực tiếp, lập danh mục, xếp và lưu trong hộp khổ giấy A4) và 01 USB chứa toàn bộ dữ liệu công việc theo hợp đồng (file scan và file mềm định dạng word, excel, autocad...).

Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng bao gồm:

- Thuyết minh có đầy đủ nội dung đảm bảo theo quy định.

- Bản vẽ có quy cách, đầy đủ nội dung đảm bảo theo quy định.

- Hồ sơ năng lực của nhân sự tham gia dự án theo quy định.

- Hồ sơ khác có liên quan dự án.

8. Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại

8.1. Nếu Nhà thầu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng, không do lỗi của Chủ đầu tư và không do điều kiện khách quan thì nhà

thầu sẽ chịu phạt theo mức 2% giá trị phần vị phạm hợp đồng cho mỗi ngày trễ hạn hợp đồng; tổng mức tiền phạt không quá 12% giá trị phần vi phạm hợp đồng.

8.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nhà thầu có vi phạm tiến độ chi tiết tùy theo mức độ sẽ bị xử lý như sau:

a) Lần 1 (trễ 02 ngày theo từng giai đoạn công việc): Lập biên bản vi phạm và nhắc nhở;

b) Lần 2 (trễ 05 ngày theo từng giai đoạn công việc): Lập biên bản vi phạm và xử phạt theo tỷ lệ như trên. Ngoài ra, còn phạt bổ sung thêm là bị đánh giá về uy tín nhà thầu và không được tham gia các gói thầu trong phạm vi quản lý của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh làm Chủ đầu tư trong thời gian từ 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tuỳ theo mức độ vi phạm.

8.3. Bồi thường thiệt hại:

a) Trường hợp Nhà thầu tư vấn để sai sót do lỗi chủ quan trong quá trình thực hiện gói thầu làm ảnh hưởng đến các bên liên quan thì Nhà thầu tư vấn chịu trách nhiệm trước pháp luật và đồng thời đền bù phần thiệt hại (toàn bộ phần giá trị) cho các bên liên quan.

b) Ngoài ra, Nhà thầu còn chịu phạt theo quyết định của cấp có thẩm quyền đối với các sai sót của mình theo quy định hiện hành.

9. Ký kết hợp đồng

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận như trên và các nội dung chi tiết khác sẽ được nêu trong Hợp đồng.

Biên bản này làm cơ sở để hai bên ký kết Hợp đồng gói thầu .... Dự án .....

Các bên tham dự họp thống nhất ký biên bản họp gồm 06 trang được lập thành 10 bản, Chủ đầu tư sẽ giữ 08 bản, Nhà thầu tư vấn sẽ giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU **GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN BAN QLDA ĐTXD** **CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG** **PHÓ GIÁM ĐỐC**
.....	.....

Nơi nhận:

- Nhà thầu (02 bản);
- Lưu: VT(01 bản), PTC (04 bản), P….. (01 bản).

(Hiếu)

MẪU SỐ 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

Gói thầu số: Tư vấn Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu……..

Dự án: ……..

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 210/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về hợp đồng xây dựng;

Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tây Ninh, về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số ……. Ngày…… của UBND tỉnh (HĐND tỉnh) về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án …..;

Căn cứ Quyết định số ……. Ngày…… của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ……. Ngày…… của UBND tỉnh về việc bố trí vốn thực hiện dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../ 2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án……;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../ 2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt thầu dự án……;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../ 2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán gói thầu….. dự án……;

Công văn số ... ngày…. của ….. về việc tham gia thực hiện gói thầu ….. dự án…..;

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, tại Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh, số 74, Nguyễn Huệ, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, đại diện hai bên gồm có:

1. Bên giao thầu:

- Tên giao dịch : **Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;**
- Đại diện : Ông/Bà **.....,** Chức vụ: Phó Giám đốc;

(Theo Quyết định số 82/QĐ-BQLDA ngày 11/02/2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh)

- Địa chỉ : Số 74, Nguyễn Huệ, phường Long An, tỉnh Tây Ninh;
- Tài khoản : 9552.2.8189870.00000 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII;
- Mã số thuế : 3900975678;
- Mã ĐVQHNS : 3013905;
- Điện thoại : 02762240008.

2. Bên nhận thầu:

- Tên giao dịch : **…….**
- Đại diện : **……..** Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ : ….....
- Tài khoản số : ……..
- Mã số thuế : ……..
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp .....
- Điện thoại : ……..

Nội dung thương thảo Hợp đồng:

Hai bên đã thương thảo về việc thực hiện Gói thầu Tư vấn Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu …. dự án ….., thống nhất những nội dung trong hợp đồng như sau:

4. Nội dung và khối lượng công việc nhà thầu tư vấn

Tổ chức lựa chọn được nhà thầu có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề xây dựng phù hợp, có giá dự thầu hợp lý, mang tính khách quan, công khai, công bằng, minh bạch đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư (Thay mặt chủ đầu tư lập Hồ sơ mời thầu theo đúng quy định, Thành lập và phê duyệt tổ chuyên gia đấu thầu, Tổ chức lựa chọn nhà thầu và lập báo cáo đánh giá Hồ sơ dự thầu đúng quy định…) và các mục tiêu của dự án. Thực hiện các công việc của nhà thầu tư vấn gồm: Đăng tải các thông tin trong quá trình lựa chọn nhà thầu và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo qui định của pháp luật về đấu thầu.

Thời gian thực hiện quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu phải đúng quy định của pháp luật về đấu thầu và đảm bảo đúng tiến độ theo kế hoạch đã được duyệt.

2. Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự:

Ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, đơn vị Tư vấn sẽ tiến hành lập bảng tiến độ công việc và danh sách nhân sự phù hợp để thực hiện công việc Tư vấn Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu ….. dự án …...

3. Thời gian và tiến độ thực hiện

Thời gian thực hiện hợp đồng: **.... ngày,** được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư bàn giao đầy đủ hồ sơ (Biên bản bàn giao) cho đến khi hai bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng *(Thời gian trên bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ, không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng)*, cụ thể như sau:

+ …. ngày để Nhà thầu thực hiện hoàn thành công tác tư vấn.

+ … ngày hoàn chỉnh hồ sơ theo ý kiến thẩm định để trình phê duyệt (nếu có).

+ …. ngày thực hiện các công việc phát sinh khác (nếu có). Thời gian tính từ khi có thông báo của Chủ đầu tư.

4. Giải quyết thay đổi nhân sự

4.1. Nhà thầu tư vấn, các cá nhân được cử tham gia gói thầu này phải có đủ điều kiện năng lực, chứng chỉ hành nghề theo quy định pháp luật về xây dựng và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

4.2. Trường hợp có thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải giải trình lý do, đồng thời cung cấp hồ sơ của người thay thế cho Chủ đầu tư xem xét, quyết định.

a) Người thay thế phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định pháp luật hiện hành, có trình độ tương đương hoặc cao hơn người được thay thế.

b) Trong thời hạn 07 ngày (kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Nhà thầu tư vấn kèm đầy đủ hồ sơ của người thay thế), Chủ đầu tư xem xét, có Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận.

4.3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự đề xuất trong Hợp đồng.

Trong trường hợp này, trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải lập tức cử nhân sự khác thay thế và đồng thời có Văn bản cử nhân sự mới gửi cho Chủ đầu tư, kèm hồ sơ năng lực chứng minh tương đương. Mọi chi phí phát sinh về thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao do nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

4.4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

4.5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thoả thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở thoả thuận giữa hai bên.

4.6. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thoả thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ)

Văn bản đề nghị của Nhà thầu tư vấn, nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế thì nhân sự mới đó xem như được Chủ đầu tư chấp thuận. Mọi chi phí phát sinh khi thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu.

5. Bố trí điều kiện làm việc

Nhà thầu tự thực hiện và bố trí điều kiện làm việc cho phù hợp để hoàn thành công tác tư vấn đảm bảo chất lượng và thời gian quy định của hợp đồng.

6. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

6.1. Giá hợp đồng

- Giá trị đề nghị trúng thầu **(**đã bao gồm thuế GTGT ....%) Bằng giá dự toán gói thầu được duyệt lại theo Quyết định số …./QĐ-BQLDA ngày ….. và giảm tiết kiệm 5% tương ứng với số tiền (làm tròn) là ….x 0,95 = **….đồng** *(Bằng chữ: ….. đồng).*

- Giá hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện theo hợp đồng, đến bản quyền, lợi nhuận của bên nhận thầu và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

- Phương thức nộp thuế: Nhà thầu trực tiếp nộp thuế và xuất hóa đơn cho Chủ đầu tư trong mỗi lần được Chủ đầu tư thanh toán.

6.2. Tạm ứng: Hai bên thống nhất không tạm ứng.

6.3. Thanh toán:

- Số lần thanh toán: 02 lần.

+ Lần 1: Sau khi Nhà thầu hoàn thành toàn bộ khối lượng theo nghĩa vụ hợp đồng và bàn giao đầy đủ hồ sơ. Bên giao thầu sẽ thanh toán cho Nhà thầu 90% giá trị khối lượng được nghiệm thu.

+ Lần 2: Khi dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán hoàn thành, Bên giao thầu sẽ thanh toán giá trị còn lại cho Bên nhận thầu theo giá trị phê duyệt quyết toán được duyệt.

- Trường hợp số tiền quyết toán được duyệt hoặc khi có kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thấp hơn so với số tiền Chủ đầu tư đã thanh toán cho Nhà thầu thì Nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả lại cho Chủ đầu tư số tiền thanh toán thừa trong thời gian mười (10) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư..

- Trong vòng 07 ngày, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

- Giá trị giải ngân của Chủ đầu tư cho Nhà thầu phải dựa trên kế hoạch vốn hàng năm của UBND tỉnh phân khai cho dự án, giá trị thanh toán không vượt vốn kế hoạch trong năm. Trường hợp kế hoạch vốn được phân bố không đủ cho giá trị đề nghị thanh toán kỳ này thì phần giá trị còn lại sẽ được Chủ đầu tư thanh toán sau khi được cấp có thẩm quyền bố trí vốn tiếp tục.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

7. Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn, bao gồm:

- Hồ sơ mời thầu gói thầu thi công xây dựng được lập theo đúng quy định của Pháp luật về đấu thầu hiện hành và được Chủ đầu tư phê duyệt.

- Hồ sơ đánh giá công tác lựa chọn nhà thầu, gồm: Hồ sơ dự thầu, tài liệu kèm theo (văn bản làm rõ, tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu,…) trong quá trình đánh giá (nếu có); Báo cáo đánh giá chi tiết; Báo cáo tổng hợp,… đảm bảo trung thực, khách quan tuân thủ theo pháp luật đấu thầu và các quy định có liên quan, được Chủ đầu tư thống nhất và phê duyệt kết quả lựa chọn.

9. Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại

9.1. Nếu Nhà thầu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng, không do lỗi của Chủ đầu tư và không do điều kiện khách quan thì nhà thầu sẽ chịu phạt theo mức 2% giá trị phần vị phạm hợp đồng cho mỗi ngày trễ hạn hợp đồng; tổng mức tiền phạt không quá 12% giá trị phần vi phạm hợp đồng.

9.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nhà thầu có vi phạm tiến độ chi tiết tùy theo mức độ sẽ bị xử lý như sau:

a) Lần 1 (trễ 02 ngày theo từng giai đoạn công việc): Lập biên bản vi phạm và nhắc nhở;

b) Lần 2 (trễ 05 ngày theo từng giai đoạn công việc): Lập biên bản vi phạm và xử phạt theo tỷ lệ như trên. Ngoài ra, còn phạt bổ sung thêm là bị đánh giá về uy tín nhà thầu và không được tham gia các gói thầu trong phạm vi quản lý của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh làm Chủ đầu tư trong thời gian từ 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tuỳ theo mức độ vi phạm.

9.3. Bồi thường thiệt hại:

a) Trường hợp Nhà thầu tư vấn để sai sót do lỗi chủ quan trong quá trình thực hiện gói thầu làm ảnh hưởng đến các bên liên quan thì Nhà thầu tư vấn chịu trách nhiệm trước pháp luật và đồng thời đền bù phần thiệt hại (toàn bộ phần giá trị) cho các bên liên quan.

b) Ngoài ra, Nhà thầu còn chịu phạt theo quyết định của cấp có thẩm quyền đối với các sai sót của mình theo quy định hiện hành.

10. Ký kết hợp đồng

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận như trên và các nội dung chi tiết khác sẽ được nêu trong Hợp đồng và phụ lục của Hợp đồng.

Biên bản này làm căn cứ để ký kết Hợp đồng Gói thầu Tư vấn Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu….. dự án …….

Các bên tham dự họp thống nhất ký biên bản thương thảo hợp đồng gồm 07 trang được lập thành 08 bản, Chủ đầu tư sẽ giữ 06 bản, Nhà thầu tư vấn sẽ giữ 02 bản.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 09 giờ 30 phút cùng ngày.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN GIAO THẦU	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN NHẬN THẦU**
……..	……

MẪU SỐ 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG
GÓI THẦU: THI CÔNG XÂY DỰNG (THIẾT BỊ)
THUỘC DỰ ÁN: …….

I- CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng Luật số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 210/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xây dựng về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ Quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1040/QĐ-BXD, ngày 26 tháng 06 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố mẫu hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số ……. Ngày…… của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ……. Ngày…… của UBND tỉnh về việc bố trí vốn thực hiện dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../ 2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án……;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../ 2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt thầu dự án……;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../ 2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán gói thầu….. dự án……;

Công văn số ... ngày…. của ….. về việc tham gia thực hiện gói thầu ….. dự án…..;

II- CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN:

Hôm nay, ngày tháng năm 2026 tại trụ sở làm việc cơ sở 1 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh, chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (Bên giao thầu):

- Tên giao dịch: **Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh**

- Đại diện là: Ông/Bà **.....,** Chức vụ: Phó Giám đốc

(Theo Quyết định số 82/QĐ-BQLDA ngày 11/02/2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc Phân công nhiệm vụ của lãnh đạo Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh)

- Địa chỉ: Số 74, Nguyễn Huệ, phường Long An, tỉnh Tây Ninh;
- Tài khoản: 3713.0.3013905.94001 -Tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII;
- Mã số thuế: 3900975678;
- Mã quan hệ ngân sách: 3013905;
- Điện thoại: 0276 2240008.

Và bên kia là:

II. Nhà thầu (Bên nhận thầu):

- Tên đơn vị: **.....**
- Người đại diện: Ông **……** - Chức vụ: Phó Giám đốc
- Địa chỉ….
- Điện thoại: …..;
- Tài khoản số: …….;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ……
- Mã số thuế: …...

III. NỘI DUNG:

Các bên thống nhất hoàn thiện hợp đồng Thi công gói thầu …… dự án…..

Điều 1. Nội dung và khối lượng công việc

1.1 Bên nhận thầu thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật được mô tả trong hồ sơ của Bên giao thầu và biên bản đàm phán hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

1.2 Nội dung và khối lượng công việc của hợp đồng thi công xây dựng được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP, có thể bao gồm toàn bộ hoặc một số công việc sau:

1.2.1 Bàn giao và tiếp nhận, quản lý mặt bằng xây dựng, tiếp nhận và bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình;

1.2.2 Cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công để thi công xây dựng công trình theo hợp đồng;

1.2.3 Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;

1.2.4 Thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế. Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra chạy thử đơn động và chạy thử liên động theo kế hoạch trước khi đề nghị nghiệm thu;

1.2.5 Kiểm soát chất lượng công việc xây dựng và lắp đặt thiết bị; giám sát thi công xây dựng công trình đối với công việc xây dựng do Nhà thầu phụ thực hiện trong trường hợp là Bên nhận thầu chính hoặc tổng thầu;

1.2.6 Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có);

1.2.7 Thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;

1.2.8 Thực hiện nghiệm thu công việc chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;

1.2.9 Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn, bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ;

1.2.10. Bảo vệ công trường, mặt bằng thi công trong phạm vi hợp đồng;

1.2.11 Thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực công trường;

1.2.12 Hợp tác với các Bên nhận thầu khác trên công trường (nếu có);

1.2.13 Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm sau khi hoàn thành;

1.2.14 Các công việc khác trong quá trình thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận của hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

Bảng nội dung công việc như sau:

1.3 Phạm vi công việc thực hiện đối với hợp đồng thi công xây dựng: Là việc thi công xây dựng công trình trên cơ sở hồ sơ thiết kế do Bên giao thầu cung cấp hoặc phê duyệt; các chỉ dẫn kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng; cung cấp vật tư, vật liệu, thiết bị phục vụ thi công; lắp đặt thiết bị công trình, thiết bị công nghệ; phá dỡ công trình xây dựng; thí nghiệm, kiểm tra chất lượng và một số công việc có liên quan.

Điều 2. Giá hợp đồng:

- Các bên thống nhất giá trị hợp đồng: **(**đã bao gồm thuế GTGT ...%) Bằng giá dự toán gói thầu được duyệt lại theo Quyết định số ….../QĐ-BQLDA ngày ….. và giảm tiết kiệm 5% tương ứng với số tiền là **….. đồng**

- Hai bên thống nhất giá trị hợp đồng làm tròn là .... *(Bằng chữ....).*

(Đính kèm phụ lục bảng giá trị hợp đồng)

(Khi thanh toán các bên thống nhất điều chỉnh thuế giá trị gia tăng theo từng thời điểm áp dụng mức thuế giá trị gia tăng theo quy định pháp luật hiện hành).

- Giá trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí, chi phí hướng dẫn vận hành chạy thử, hướng dẫn sử dụng, chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí dự phòng và các chi phí khác liên quan.

- Giá trên làm cơ sở để hai bên tiến hành ký kết hợp đồng và hoàn thiện các nội dung có liên quan như bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, tiến độ thanh toán, các nội dung khác của gói thầu.

Trường hợp Nhà nước điều chỉnh chính sách thuế trong thời gian thực hiện hợp đồng, các bên sẽ xác định thời điểm nghiệm thu khối lượng hoàn thành để làm cơ sở thanh toán theo đúng mức thuế suất áp dụng tại thời điểm nghiệm thu, phù hợp với quy định hiện hành.

Điều 3. Hình thức hợp đồng: **Trọn gói**

Điều 4. Điều kiện thanh toán, tạm ứng:

a) Các bên thống nhất tạm ứng và thanh toán được thực hiện như sau:

……..

Điều 5. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện hợp đồng: **…. ngày kể từ ngày thông báo khởi công** (thời gian trên bao gồm ngày thứ 7, chủ nhật và ngày lễ, Tết)

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: ……

Điều 7. Bảo lãnh tiền tạm ứng: …….

Điều 8. Tạm ứng: ……

Điều 9. Tiến độ thanh toán:

9.1. Tiến độ thanh toán được chia thành: ….. đợt

- Đợt 1: …..
- Đợt 2: …..

……..

- Mỗi đợt thanh toán Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu **95%** giá trị nghiệm thu khối lượng hoàn thành và chuyển **05%** giá trị nghiệm thu để thực hiện công tác bảo hành vào tài khoản của Chủ đầu tư *(Số tài khoản: 8640778899 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Long An).*

- Khi Nhà thầu thực hiện thi công khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng *(có biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng)* và được sự đồng ý của Chủ đầu tư, Nhà thầu nộp chứng thư bảo lãnh bảo hành cho Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ thanh toán phần giá trị bảo hành mà Chủ đầu tư đang tạm giữ cho nhà thầu.

- Việc thanh toán được thực hiện khi vốn đã được cấp phát và không vượt quá kế hoạch trong năm. Giá trị thanh toán sẽ được chủ đầu tư cân đối nguồn vốn trong năm để thanh toán cho nhà thầu.

9.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

9.3. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

9.4. Thời hạn thanh toán:

Thời hạn thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán của nhà thầu.

Trường hợp giá trị quyết toán được duyệt hoặc khi có kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thấp hơn so với giá trị Chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu thì nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả lại cho Chủ đầu tư số tiền thanh toán thừa trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư.

Điều 10. Thưởng hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng

10.1 Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.

10.2. Phạt vi phạm hợp đồng:

a) Trường hợp Nhà thầu vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng (tiến độ thi công chi tiết đã được chủ đầu tư thống nhất) do lỗi của nhà thầu thì bị phạt tương ứng 0,2% giá trị hợp đồng vi phạm cho 01 mỗi ngày bị trễ thời gian thực hiện hợp đồng, tổng mức phạt hợp đồng không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Trường hợp tổng mức phạt đến 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm mà Nhà thầu vẫn tiếp tục vi phạm thì Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải thanh toán bất cứ khoản chi phí nào cho Nhà thầu. Thời gian xác định trễ hạn để thực hiện xử phạt được tính trên bảng tiến độ thi công chi tiết của từng hạng mục công trình.

b) Nếu nhà thầu ngưng không thực hiện thi công công trình liên tục trong vòng 10 ngày không do lỗi khách quan thì chủ đầu tư sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng.

c) Trong trường hợp bị chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư và bên thứ ba (nếu có) theo quy định tại nội dung Bồi thường thiệt hại trong hợp đồng.

d) Trường hợp nhà thầu không thực hiện đúng thời gian quy định về quyết toán hợp đồng thì sẽ chịu phạt 12% tổng giá trị nghiệm thu lần cuối. Đồng thời, Chủ đầu tư căn cứ hồ sơ hiện có và quyết toán theo giá trị nghiệm thu lần cuối cùng và nhà thầu phải chấp nhận giá trị quyết toán đó. Trường hợp số tiền quyết toán được duyệt hoặc thanh tra, kiểm toán thấp hơn so với số tiền Chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu thì nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả lại cho chủ đầu tư số tiền thanh toán thừa trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư.

10.3 Xử lý vi phạm tiến độ:

Nếu Nhà thầu có vi phạm về tiến độ chi tiết thi công gói thầu, chủ đầu tư có quyền cắt chuyển một phần hoặc toàn bộ khối lượng cho nhà thầu khác hoặc Nhà

thầu phụ thực hiện thì đơn giá phần khối lượng bị cắt chuyển do Chủ đầu tư thương thảo với các nhà thầu đó. Toàn bộ chi phí tăng thêm so với đơn giá trúng thầu thì nhà thầu chậm tiến độ phải chịu trách nhiệm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nhà thầu có vi phạm tiến độ tại Phụ lục về tiến độ chi tiết quy định trong hợp đồng, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý như sau:

- Lần 1 (trễ 02 ngày theo từng giai đoạn công việc): Lập biên bản vi phạm và nhắc nhở;

- Lần 2 (khi trễ 05 ngày theo từng giai đoạn công việc): Lập biên bản vi phạm và thực hiện xử phạt theo vi phạm hợp đồng nêu trên. Ngoài ra còn phạt bổ sung thêm là bị đánh giá về uy tín nhà thầu và không được tham gia các gói thầu trong phạm vi quản lý của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh làm Chủ đầu tư trong thời gian từ 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tuỳ theo mức độ vi phạm.

Điều 11. Nhân sự phục vụ công trình: Nhà thầu phải bố trí nhân sự thực hiện công trình đúng theo nhân sự trong hồ sơ dự thầu. Trường hợp có thay đổi nhân sự thì phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư, nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư mà nhà thầu sử dụng nhân sự không đúng theo danh sách trong hồ sơ dự thầu thì chủ đầu tư được quyền đình chỉ thi công công trình và xem đây là lỗi chủ quan của nhà thầu và sẽ xem xét xử lý theo quy định trong hợp đồng.

Điều 12. Cam kết vật tư: Nhà thầu phải sử dụng vật tư, thiết bị, cấu kiện theo đúng bản cam kết vật tư khi Thi công xây dựng công trình.

Điều 13. Các nội dung khác: Thể hiện chi tiết trong Hợp đồng sẽ ký kết theo quy định.

Biên bản này làm căn cứ để ký kết Hợp đồng thi công Gói thầu số 01: Thi công Xây dựng (bao gồm thiết bị máy lạnh) thuộc dự án Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Biên bản được lập thành **10 bản** gồm **08** trang có giá trị pháp lý như nhau, chủ đầu tư giữ 08 bản và nhà thầu giữ **02** bản./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ **PHÓ GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU**
……	

MẪU SỐ 5

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
Số: /BB-BQLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng ... năm 2026

BIÊN BẢN HỌP

Về việc xác định các nội dung điều chỉnh, thời gian thực hiện, trách nhiệm các bên có liên quan của gói thầu….dự án ……..

Căn cứ Giấy mời họp số /GM-BQLDA ngày /…/2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc xác định các nội dung điều chỉnh, thời gian thực hiện, trách nhiệm các bên có liên quan của gói thầu….dự án ……..

Hôm nay, vào lúc …. giờ 00 phút, ngày …. tháng … năm 2026 tại ……. (vị trí của dự án) gồm có các bên:

I. Thành phần tham dự cuộc họp:

1. Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

…….
…….
…….
…….
…….
…….

2. Đại diện đơn vị sử dụng:

…….

3. Đại diện các có liên quan (Tư vấn thiết kế, Giám sát, thi công,….):

…….
…….
…….
…….
…….

II. Nội dung cuộc họp: xác định các nội dung điều chỉnh, thời gian thực

hiện, trách nhiệm các bên có liên quan của gói thầu….dự án ……..

- Đại diện phòng chuyên môn của Ban QLDA báo cáo tóm tắt về xác định các nội dung điều chỉnh, thời gian thực hiện, trách nhiệm các bên có liên quan của gói thầu….dự án ……..

Cuộc họp thảo luận và các thành viên dự họp có ý kiến đóng góp như sau:

- Đại diện đơn vị sử dụng:

…….

…….

3. Đại diện các có liên quan (Tư vấn thiết kế, Giám sát, thi công,….):

…….

…….

…….

…….

- Trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các thành viên dự họp, cuộc họp đã thảo luận và thống nhất nội dung điều chỉnh, thời gian thực hiện, trách nhiệm các bên có liên quan như sau:

…….

…….

…….

Biên bản kết thúc vào lúc … giờ cùng ngày, các bên thống nhất ký tên

1. Đại diện Ban Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh

…….

…….

…….

2. Đại diện đơn vị sử dụng:

…….

3. Đại diện các có liên quan (Tư vấn thiết kế, Giám sát, thi công,….):

…….

…….

…….

MẪU SỐ 06

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng ... năm 2026

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU TÀI LIỆU
Gói thầu:……
Dự án ……..
Số E-TBMT:……..

Hôm nay, vào lúc …. giờ 00 phút, ngày …. tháng … năm 2026 tại ……. gồm có các bên thực hiện đối chiếu tài liệu hồ sơ dự thầu cụ thể như sau:

I. Thành phần tham dự:

1. Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

…….

…….

2. Đại diện nhà thầu được đối chiếu:

…….

…….

3. Kết quả đối chiếu:

a. Thông tin về tính hợp lệ của E-HSDT:

…….

…….

b. Thông tin về năng lực, kinh nghiệm:

…….

…….

4. Kết luận về việc đối chiếu:

- Thống nhất với thông tin kê khai, được mời vào thương thảo hợp đồng hoặc không thống nhất với thông tin kê khai

5.Đại diện các bên tham gia đối chiếu ký xác nhận

…….

…….

MẪU số 07

UBND TỈNH TÂY NINH **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG** Số: /TB-BQLDA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tây Ninh, ngày tháng ... năm 2026*

THÔNG BÁO NỘI DUNG CUỘC HỌP

Về việc rà soát nội dung quy mô và sự cần thiết đầu tư để lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án ……..

Hôm nay, vào lúc …. giờ 00 phút, ngày …. tháng … năm 2026 tại Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh có tổ chức cuộc họp:

I. Thành phần tham dự cuộc họp:

1. Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

…….

…….

…….

…….

…….

…….

2. Đại diện đơn vị sử dụng:

…….

3. Đại diện các sở ban ngành:

…….

…….

…….

…….

…….

II. Nội dung cuộc họp: về việc rà soát nội dung quy mô và sự cần thiết đầu tư để lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án ……..

Đại diện phòng chuyên môn báo cáo tóm tắt về cơ sở đề xuất quy mô và sự cần thiết đầu tư để lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án …….. (căn cứ vào Nghị quyết trung hạn 2026-2030, văn bản đề xuất quy mô của đơn vị sử dụng, biên bản họp khảo sát thực tế tại dự án,…)

Cuộc họp thảo luận và các thành viên dự họp có ý kiến đóng góp như sau:

*** Đại diện đơn vị sử dụng:**

…….

…….

3. Đại diện các sở ban ngành:

…….

…….

…….

…….

2. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các thành viên dự họp, cuộc họp đã thảo luận và Ông/Bà……..…..Giám đốc/Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh, chủ trì cuộc họp kết luận các nội dung như sau:

- Thống nhất các nội dung sau:

…….

…….

…….

- Giao cho Phòng chuyên môn thực hiện công việc ….., thời gian hoàn thành trước ngày…./.../2026

Với các nội dung đã thống nhất nêu trên, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh thông báo nội dung cuộc họp đến các đơn vị dự họp được biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như thành phần tham dự;
- Giám đốc (báo cáo);
- Lưu: VT, P…….

(……)

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 08

UBND TỈNH TÂY NINH **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /CV-KHTĐ Về việc bố trí vốn chuẩn bị đầu tư dự án …….	*Tây Ninh, ngày ….. tháng….. năm 2026*

Kính gửi: Sở Tài chính

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Căn cứ Quyết định số…. /QĐ-BQLDA ngày ……. của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập …… dự án ……;

Căn cứ tình hình triển khai thực hiện dự án.

Để thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư cho dự án ……, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh kiến nghị Sở Tài chính xem xét trình UBND tỉnh phê duyệt bố trí vốn chuẩn bị đầu tư của dự án với nội dung như sau:

Stt	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư (đồng)	Dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án (đồng)	Đăng ký nhu cầu vốn chuẩn bị đầu tư (đồng)
1	…….	…….	……..…….	……..….	.....
	Tổng cộng				**…….**

Bằng chữ: ……

Với nội dung trên, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh kiến nghị Sở Tài chính xem xét trình UBND tỉnh phê duyệt để Ban triển khai các bước tiếp theo.

Trân trọng./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban giám đốc;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, …..

MẪU SỐ 09

Bộ, ngành; Tỉnh/TP: **……..**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ MÃ SỐ ĐƠN VỊ CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH

DÙNG CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ Ở GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

1. Tên dự án đầu tư: .....

2. Dự án cấp trên (đối với tiểu dự án):

2.1. Tên dự án cấp trên: .....

2.2. Mã dự án cấp trên: .....

3. Chủ đầu tư:

3.1. Tên chủ đầu tư: .....

3.2. Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách: .....

3.3. Địa chỉ chủ đầu tư:

- Tỉnh, Thành phố: .....
- Quận, huyện: …… Xã, phường: .....
- Số nhà, đường phố: .....
- Điện thoại (cố định hoặc di động): .....
- Email: .....

4. Ban quản lý dự án (nếu có):

4.1. Tên Ban quản lý dự án: .....

4.2. Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách: .....

4.3. Địa chỉ Ban quản lý dự án:

- Tỉnh, Thành phố: .....
- Quận, huyện: .....
- Xã, phường: .....
- Số nhà, đường phố: .....
- Điện thoại: .....
- Email: .....

5. Cơ quan chủ quản cấp trên:

5.1. Tên cơ quan chủ quản cấp trên: .....

5.2. Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách: .....

6. Quyết định hoặc văn bản thông báo phê duyệt chủ trương đầu tư dự án:

6.1. Cơ quan ra Quyết định/văn bản: .....

6.2. Số Quyết định/văn bản: .....

6.3. Ngày ra Quyết định/văn bản: .....

6.4. Người ký Quyết định/văn bản: .....

6.5. Tổng kinh phí chuẩn bị đầu tư (nếu có): .....

6.6. Nguồn vốn:

Nguồn vốn	Tỉ lệ nguồn vốn

7. Thông tin về người đại diện đăng ký mã số ĐVQHNS:

7.1. Họ và tên người đại diện: .....

7.2. Điện thoại cơ quan: .....

7.3. Điện thoại di động: .....

7.4. Email: .....

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

MẪU SỐ 10

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

Số: /BQLDA-……
Về việc mời tham gia thực hiện gói thầu …. Dự án…..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: ……..

Thực hiện Quyết định số …../QĐ-BQLDA ngày …… của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu ……,

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh hiện đang tổ chức lựa chọn nhà thầu …. đảm bảo điều kiện, năng lực để thực hiện gói thầu ….. thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu …….

Sau khi xem xét hồ sơ năng lực của ….., Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh kính mời quý Công ty tham gia thực hiện gói thầu nêu trên, với nội dung chính như sau:

1. Yêu cầu thực hiện gói thầu thuộc dự án ……:

- Tên gói thầu: ……..

- Tên dự án: ……..

- Tên nhóm dự án và cấp công trình: …….

- Giá gói thầu (làm tròn): …… ……..

(Áp dụng tỉ lệ giảm giá 5% theo Văn bản số 9886/VPCP-KTTH ngày 13/10/2025 và văn bản số 5557/BTC-QLĐT ngày 05/5/2026 của Bộ Tài chính)

(Bằng chữ: ……. đồng)

- Thời gian thực hiện gói thầu: …. ngày.

2. Đề nghị quý Công ty có ý kiến bằng văn bản về việc đồng ý tham gia gói thầu này và đồng thời cung cấp các thông tin sau:

a) Danh sách nhân sự tham gia gói thầu, đảm bảo phù hợp về số lượng, trình độ và kinh nghiệm để thực hiện tốt nội dung gói thầu.

b) Cam kết thời gian hoàn thành việc thực hiện gói thầu này đảm bảo chất

lượng và tiến độ với mốc thời gian như sau:

- Thời gian thực hiện gói thầu là …. ngày kể từ ngày Chủ đầu tư có thông báo thực hiện gói thầu.

- Thời gian dự phòng khi có phát sinh khối lượng công việc và các công việc khác (nếu có) là … ngày.

3. Trường hợp quý Công ty đồng ý thực hiện gói thầu nêu trên đề nghị quý Công ty có ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo Hợp đồng (đính kèm).

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi của quý Công ty **trước ngày …….** để tiến hành các bước tiếp theo theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (báo cáo);
- Lưu: VT, P…….
(……)

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 11

UBND TỈNH TÂY NINH **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BQLDA-……. V/v xin ý kiến hướng dẫn lập thủ tục hồ sơ môi trường đối với dự án	*Tây Ninh, ngày tháng năm 2026*

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-UBND ngày ..../.../2026 của UBND tỉnh (hoặc HĐND tỉnh) về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án ....;

Dự án …. đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số ..../QĐ-UBND ngày ..../.../2026;. Hiện nay, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh đang triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư và tổ chức thực hiện dự án theo quy định.

Để bảo đảm việc triển khai dự án tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét hướng dẫn thực hiện thủ tục môi trường đối với dự án….. với các thông tin chính của dự án như sau:

- Tổng mức đầu tư thực hiện dự án: .... đồng.

- Nhóm dự án, loại, cấp công trình: .....

- Quy mô đầu tư: …...

- Diện tích khu đất: …. m^2.

- Loại đất: …...

- Loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ: …..

- Lưu lượng nước sinh hoạt tiêu thụ trung bình: ……..

- Phát sinh chất thải nguy hại (kg/ngày): …..

- Phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường (kg/ngày): …….

- Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt: …….

- Tình trạng hồ sơ ĐTM/GP/ĐKMT: …..

Căn cứ theo điểm d khoản 5 Điều 15 Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng qui định *"Theo yêu cầu riêng của từng dự án, chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án phải thực hiện các thủ tục, yêu cầu theo quy định của pháp luật có liên quan ở giai đoạn chuẩn bị dự án, trình cơ quan chủ trì thẩm định làm cơ sở xem xét, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, gồm:*

a) Văn bản thoả thuận cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, đấu nối giao thông, các văn bản thỏa thuận về kết nối hạ tầng khác (nếu có);

b) ...

d) Kết quả thực hiện thủ tục về Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường".

Mặt khác, theo Khoản 7 Điều 15 Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 qui định *"Cơ quan chủ trì thẩm định tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có); ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có), trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng".*

Do đó, để đảm bảo việc thực hiện dự án tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường quan tâm xem xét và có ý kiến về thủ tục môi trường của dự án, cụ thể như sau:

- Xác định dự án thuộc đối tượng phải thực hiện loại hồ sơ môi trường nào theo quy định (Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường, Đăng ký môi trường, Miễn đăng ký môi trường hoặc hình thức khác nếu có).

- Hướng dẫn trình tự, thủ tục lập, thẩm định phê duyệt hồ sơ môi trường tương ứng với quy mô, tính chất của dự án.

Với nội dung trên, Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng công trình Dân dụng tỉnh Tây Ninh rất mong nhận được văn bản phản hồi của Sở Nông nghiệp và Môi trường để Ban có cơ sở triển khai thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc Ban (báo cáo);
- Lưu: VT, P…….
(…..)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

……

MẪU SỐ 12

UBND TỈNH TÂY NINH BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG Số: /BQLDA-…… Về việc thống nhất chủ trương phát sinh, thay đổi một số nội dung trong quá trình thi công gói thầu ….. dự án …...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tây Ninh, ngày tháng năm 2026*

Kính gửi: ……...

Căn cứ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số ..../HĐ-BQLDA ngày .... được ký kết giữa Ban QLDA ĐTXD tỉnh Long An và ..... về việc thi công gói thầu .. thuộc dự án ....;

Căn cứ Biên họp ngày ...., về việc xử lý kỹ thuật trong quá trình thi công gói thầu .... thuộc dự án .....;

Căn cứ Tờ trình số .../TTr-... ngày ... của Phòng .... về việc thống nhất chủ trương phát sinh, thay đổi một số nội dung trong quá trình thi công gói thầu ....thuộc dự án ....

Sau khi xem xét nội dung tại Tờ trình số …TTr-…. ngày …. của Phòng ....., Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh có ý kiến như sau:

1. Về chủ trương:

Đồng ý cho chủ trương phát sinh, thay đổi một số nội dung công việc xây dựng trong quá trình thi công gói thầu …. Dự án…, cụ thể như sau:

.....

.....

.....

.....

*** Lý do:**

.....

2. Về trách nhiệm cụ thể của từng đơn vị và quy trình thực hiện:

- Đối với các nội dung thay đổi, điều chỉnh và phát sinh nêu trên thuộc phần công việc của Nhà thầu nào phụ trách thì sẽ do Nhà thầu đó thực hiện.

- Đơn vị thi công lập bảng dự toán phát sinh theo các nội dung điều chỉnh nêu trên trước ngày …… để làm cở sở phê duyệt, ký kết phụ lục hợp đồng.

- Giao Phòng …… chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan hoàn chỉnh giá trị dự toán phát sinh (đảm bảo không vượt giá trị còn lại của giá gói thầu được duyệt), trình phòng Kế hoạch - Thẩm định thẩm định và trình phê duyệt, ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở triển khai thực hiện.

3. Về đơn giá:

.....

.....

Với các nội dung nêu trên, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh thông báo đến ……. về việc thống nhất chủ trương phát sinh, thay đổi một số nội dung trong quá trình thi công gói thầu ….. dự án…../.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (b/c);
- Phòng KH-TĐ;
- Lưu: VT, P…...

(…….)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

……

MẪU SỐ 13

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

Số: /BQLDA-….
V/v lập kế hoạch bàn giao mặt bằng chuẩn bị thi công dự án…….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: .....(đơn vị sử dụng)

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../2026 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự án ....;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày .../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự án .....;

Hiện nay, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình Dân dụng tỉnh Tây Ninh đang triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công gói thầu … dự án….. Theo kế hoạch, dự kiến công trình sẽ được khởi công vào cuối tháng …năm …..

Để bảo đảm đủ điều kiện triển khai thi công đúng tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình Dân dụng tỉnh Tây Ninh đề nghị ….quan tâm phối hợp thực hiện một số nội dung sau:

- Chủ động xây dựng kế hoạch di dời hồ sơ, tài liệu, trang thiết bị, máy móc, bàn ghế làm việc và các tài sản khác tại khu vực thi công sang khu vực làm việc tạm thời nhằm bảo đảm hoạt động của đơn vị diễn ra liên tục.
- Hoàn thành việc di dời tài sản và bàn giao toàn bộ mặt bằng thi công cho Ban Quản lý dự án trước ngày **…/…/2026** để kịp bàn giao cho nhà thầu triển khai thi công theo kế hoạch.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị …. kịp thời trao đổi với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình Dân dụng tỉnh Tây Ninh để phối hợp xem xét, giải quyết, bảo đảm việc bàn giao mặt bằng và triển khai dự án đúng tiến độ.

Với nội dung trên, Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng công trình Dân dụng tỉnh Tây Ninh rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của ……(đơn vị sử dụng)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (b/c);
- Lưu: VT. P…….
(…….)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

…….

MẪU SỐ 14

UBND TỈNH TÂY NINH **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG** Số: /TB-BQLDA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tây Ninh, ngày tháng ... năm 2026*

THÔNG BÁO NỘI DUNG CUỘC HỌP

Về việc thông qua phương án lập báo cáo NCKT/BCKTKT hoặc thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được duyệt dự án ……..

Hôm nay, vào lúc …. giờ 00 phút, ngày …. tháng … năm 2026 tại Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh có tổ chức cuộc họp:

I. Thành phần tham dự cuộc họp:

1. Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

…….

…….

…….

…….

…….

…….

2. Đại diện đơn vị sử dụng:

…….

3. Đại diện các sở ban ngành:

…….

…….

…….

…….

…….

II. Nội dung cuộc họp: thông qua phương án lập báo cáo NCKT/BCKTKT hoặc thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được duyệt dự án ……..

1. Đại diện phòng chuyên môn báo cáo tóm tắt về chủ trương đầu tư, báo cáo NCKT/BCKTKT hoặc thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được duyệt dự án ……..

(căn cứ vào Nghị quyết trung hạn 2026-2030, chủ trương đầu tư, biên bản họp khảo sát thực tế tại dự án,…)

Chủ trì cuộc họp mời đơn vị tư vấn báo cáo BCNCKT/BCKTKT hoặc thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được duyệt dự án ……..

Cuộc họp thảo luận và các thành viên dự họp có ý kiến đóng góp như sau:

*** Đại diện đơn vị sử dụng:**

…….

…….

***. Đại diện các sở ban ngành:**

…….

…….

…….

…….

2. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các thành viên dự họp, cuộc họp đã thảo luận và Ông/Bà……..…..Giám đốc/Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh, chủ trì cuộc họp kết luận các nội dung như sau:

- Thống nhất các nội dung sau:

…….

…….

…….

- Giao đơn vị tư vấn hoàn chỉnh các nội dung góp ý của các thành viên dự họp và bàn giao hồ sơ trước ngày …./…/2026 để thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định.

- Giao cho Phòng chuyên môn thực hiện công việc ….., thời gian hoàn thành trước ngày…./.../2026

Với các nội dung đã thống nhất nêu trên, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh thông báo nội dung cuộc họp đến các đơn vị dự họp được biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như thành phần tham dự;
- Giám đốc (báo cáo);
- Lưu: VT, P…….
(……)

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 15

(1) -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: ……. V/v tham vấn ý kiến trong quá trình cấp/cấp lại giấy phép môi trường	*(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ……*

Kính gửi: (3)

(1) nhận được hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại giấy phép môi trường của (2) do (4) làm chủ đầu tư.

Căn cứ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, (1) gửi đến (3) văn bản đề nghị cấp/cấp lại giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở và báo cáo đề xuất cấp/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở.

(1) đề nghị (3) cho ý kiến về các nội dung sau:

- Cho ý kiến về việc (2) hoạt động trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp *(trường hợp lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm d khoản 2 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường).*

- Cho ý kiến về việc xả trực tiếp nước thải của (2) vào sông, hồ liên tỉnh, sông, hồ giáp ranh giữa các tỉnh hoặc xả ra vùng biển ven bờ *(theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).*

- Cho ý kiến về kết quả tính toán của mô hình phát tán chất ô nhiễm, sự cố môi trường *(theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).*

(1) rất mong nhận được ý kiến của (3) để làm cơ sở khi xem xét cấp/cấp lại giấy phép môi trường của (2). Đề nghị (3) cho ý kiến bằng văn bản và gửi về (1) trước ngày…tháng…năm… để tổng hợp.

Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà (1) không nhận được văn bản cho ý kiến thì được hiểu là (3) đã chấp thuận nội dung đề nghị cấp/cấp lại giấy phép môi trường của (2) .

Trân trọng./.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Nơi nhận:
- Như trên;
- …;
- Lưu: VT,…

Ghi chú:

(1) Cơ quan cấp giấy phép môi trường;
(2) Dự án đầu tư, cơ sở;
(3) Cơ quan, tổ chức được tham vấn ý kiến;
(4) Chủ dự án đầu tư, cơ sở

MẪU SỐ 16

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

Số: …/BC-BQLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Đề xuất chủ trương đầu tư dự án .....

Kính gửi: Sở Tài chính.

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị Quyết số …./NQ-HĐND ngày ….. của HĐND tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030;

Căn cứ Công văn của đơn vị sử dụng về đề xuất quy mô đầu tư dự án…..;

Căn cứ Biên bản họp ngày /…/2026 của Ban QLDA Đầu ưt xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc đánh giá, thống nhất quy mô đầu tư làm cơ sở để lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án ……..

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: .....

2. Dự án nhóm: .....

(Theo quy định tại khoản 4, Điều 11, Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024)

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư:.....

(Theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 6, Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ)

4. Cấp quyết định đầu tư: .....

(Theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 16, Nghị định 85/2025/NĐ-CP

ngày 08/4/2025 của Chính phủ)

5. Chủ đầu tư: .....

6. Địa điểm thực hiện dự án: .....

7. Tổng mức đầu tư dự kiến: ..... đồng *(Bằng chữ: .....).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng sau thuế : ..... đồng
- Chi phí thiết bị : ..... đồng
- Chi phí QLDA, tư vấn và chi phí khác : ..... đồng
- Chi phí dự phòng : ..... đồng
- Tổng mức đầu tư dự án : ..... đồng
- Làm tròn : ..... đồng

(Chi tiết theo Bảng sơ bộ tổng mức đầu tư đính kèm).

8. Nguồn vốn đầu tư: .....

9. Ngành, lĩnh vực dự án: .....

10. Thời gian triển khai thực hiện dự án: Năm .....

11. Hình thức đầu tư của dự án: .....

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: .....

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch:

1.1. Sự cần thiết để đầu tư

....

1.2. Các điều kiện để thực hiện đầu tư:

Căn cứ Nghị Quyết số …./NQ-HĐND ngày ….. của HĐND tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030;

Căn cứ Công văn của đơn vị sử dụng về đề xuất quy mô đầu tư dự án…..;

Căn cứ Biên bản họp ngày /…/2026 của Ban QLDA Đầu ưt xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc đánh giá, thống nhất quy mô đầu tư làm cơ sở để lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án ……..

Căn cứ báo cáo sơ bộ tổng mức đầu tư của đơn vị tư vấn lập ngày ../…/2026

1.3. Sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch:

....

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư:

2.1. Mục tiêu:

- Mục tiêu chung:…… ……..……

- Mục tiêu cụ thể: …… ……..……

2.2. Quy mô:

……..…….

2.3. Địa điểm và phạm vi đầu tư:

- Địa điểm xây dựng: …… ……

- Phạm vi đầu tư: …… ……..……

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án:

3.1. Dự kiến tổng mức đầu tư: ..... đồng *(Bằng chữ: .....).*

Chi tiết theo bảng dự toán tổng mức đầu tư đính kèm.

3.2. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công:

……..……..……..……..

3.3. Việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án: .....

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả:

- Thời gian thực hiện dự án: Năm ….. là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Đầu tư công (dự án nhóm … thời gian bố trí vốn không quá … năm).

- Dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả: Trong quá trình điều hành ngân sách, Sở Tài chính sẽ chủ động phối hợp với chủ đầu tư rà soát các nguồn vốn cụ thể để cân đối và tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí đủ vốn cho công trình phù hợp theo tiến độ và nhu cầu vốn thực tế, đảm bảo hoàn thành dự án theo thời gian được duyệt, phát huy hiệu quả đầu tư. Dự án chỉ được triển khai thực hiện khi được bố trí vốn và theo khả năng cân đối nguồn vốn để không gây nợ đọng xây dựng cơ bản.

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:

- Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện: Tổng chi phí dự kiến khoảng **..... đồng** *(Bằng chữ: .....)*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng sau thuế : ..... đồng
- Chi phí thiết bị : ..... đồng
- Chi phí QLDA, tư vấn và chi phí khác : ..... đồng
- Chi phí dự phòng : ..... đồng

- Tổng mức đầu tư dự án : ..... đồng
- Làm tròn : ..... đồng

(Chi tiết theo bảng sơ bộ tổng mức đầu tư đính kèm).

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội:

a. Tác động về môi trường, xã hội:

- Tác động về môi trường: .....

Căn cứ theo khoản 1 Điều 29 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật này.

- Tác động về xã hội: .....

b. Hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội: .....

7. Phân chia các dự án thành phần: Dự án không phân chia các dự án thành phần.

8. Các giải pháp tổ chức thực hiện: .....

Để đảm bảo dự án ..... được triển khai đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả, các giải pháp tổ chức thực hiện được xác định như sau:

- Giải pháp về tổ chức quản lý và điều hành dự án

.....

- Giải pháp về tài chính

.....

- Giải pháp về kỹ thuật – thi công

.....

- Giải pháp về tiến độ

.....

Ban QLDA Đầu tư xây dựng Long An kính trình Sở Tài chính xem xét, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án ……. để triển khai thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Ban (b/c);
- Lưu: VT, P…..
(….)

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 17

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

Số: …/BC-BQLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Đề xuất chủ trương đầu tư dự án .....

(Hoàn chỉnh theo báo cáo thẩm định số ... ngày... của .....)

Kính gửi: Sở Tài chính.

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị Quyết số …./NQ-HĐND ngày ….. của HĐND tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030;

Căn cứ Công văn của đơn vị sử dụng về đề xuất quy mô đầu tư dự án…..;

Căn cứ Biên bản họp ngày /…/2026 của Ban QLDA Đầu ưt xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc đánh giá, thống nhất quy mô đầu tư làm cơ sở để lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án ……..

Căn cứ Công văn số …../STC-TĐ ngày …../…/2026 của Sở Tài chính về việc hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án…….

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: .....

2. Dự án nhóm: .....

(Theo quy định tại khoản 4, Điều 11, Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024)

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư:.....

(Theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 6, Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ)

4. Cấp quyết định đầu tư: .....

(Theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 16, Nghị định 85/2025/NĐ-CP

ngày 08/4/2025 của Chính phủ)

5. Chủ đầu tư: .....

6. Địa điểm thực hiện dự án: .....

7. Tổng mức đầu tư dự kiến: ..... đồng *(Bằng chữ: .....).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng sau thuế : ..... đồng
- Chi phí thiết bị : ..... đồng
- Chi phí QLDA, tư vấn và chi phí khác : ..... đồng
- Chi phí dự phòng : ..... đồng
- Tổng mức đầu tư dự án : ..... đồng
- Làm tròn : ..... đồng

(Chi tiết theo Bảng sơ bộ tổng mức đầu tư đính kèm).

8. Nguồn vốn đầu tư: .....

9. Ngành, lĩnh vực dự án: .....

10. Thời gian triển khai thực hiện dự án: Năm .....

11. Hình thức đầu tư của dự án: .....

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: .....

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch:

1.1. Sự cần thiết để đầu tư

....

1.2. Các điều kiện để thực hiện đầu tư:

Căn cứ Nghị Quyết số …./NQ-HĐND ngày ….. của HĐND tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030;

Căn cứ Công văn của đơn vị sử dụng về đề xuất quy mô đầu tư dự án…..;

Căn cứ Biên bản họp ngày /…/2026 của Ban QLDA Đầu ưt xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc đánh giá, thống nhất quy mô đầu tư làm cơ sở để lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án ……..

Căn cứ báo cáo sơ bộ tổng mức đầu tư của đơn vị tư vấn lập ngày ../…/2026

1.3. Sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch:

....

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư:

2.1. Mục tiêu:

- Mục tiêu chung:…… ……..……..……
- Mục tiêu cụ thể: …… ……..……

2.2. Quy mô:

……..……

2.3. Địa điểm và phạm vi đầu tư:

- Địa điểm xây dựng: …… ……

- Phạm vi đầu tư: …… ……..……..……

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án:

3.1. Dự kiến tổng mức đầu tư: ..... đồng *(Bằng chữ: .....).*

Chi tiết theo bảng dự toán tổng mức đầu tư đính kèm.

3.2. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công:

…….……..……..……..……..

3.3. Việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án: .....

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả:

- Thời gian thực hiện dự án: Năm ….. là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Đầu tư công (dự án nhóm … thời gian bố trí vốn không quá … năm).

- Dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả: Trong quá trình điều hành ngân sách, Sở Tài chính sẽ chủ động phối hợp với chủ đầu tư rà soát các nguồn vốn cụ thể để cân đối và tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí đủ vốn cho công trình phù hợp theo tiến độ và nhu cầu vốn thực tế, đảm bảo hoàn thành dự án theo thời gian được duyệt, phát huy hiệu quả đầu tư. Dự án chỉ được triển khai thực hiện khi được bố trí vốn và theo khả năng cân đối nguồn vốn để không gây nợ đọng xây dựng cơ bản.

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:

- Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện: Tổng chi phí dự kiến khoảng **..... đồng** *(Bằng chữ: .....)*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng sau thuế : ..... đồng
- Chi phí thiết bị : ..... đồng
- Chi phí QLDA, tư vấn và chi phí khác : ..... đồng
- Chi phí dự phòng : ..... đồng
- Tổng mức đầu tư dự án : ..... đồng

- Làm tròn : ..... đồng

(Chi tiết theo bảng sơ bộ tổng mức đầu tư đính kèm).

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội:

a. Tác động về môi trường, xã hội:

- Tác động về môi trường: .....

Căn cứ theo khoản 1 Điều 29 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật này.

- Tác động về xã hội: .....

b. Hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội: .....

7. Phân chia các dự án thành phần: Dự án không phân chia các dự án thành phần.

8. Các giải pháp tổ chức thực hiện: .....

Để đảm bảo dự án ..... được triển khai đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả, các giải pháp tổ chức thực hiện được xác định như sau:

- Giải pháp về tổ chức quản lý và điều hành dự án

.....

- Giải pháp về tài chính

.....

- Giải pháp về kỹ thuật – thi công

.....

- Giải pháp về tiến độ

.....

Ban QLDA Đầu tư xây dựng Long An kính trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án ……. để triển khai thực hiện các bước tiếp theo./.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Ban (b/c);
- Lưu: VT, P…..

(….)

MẪU SỐ 18

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH
PHÒNG KẾ HOẠCH – THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……/BC-KHTĐ

Tây Ninh, ngày……tháng …… năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH NHIỆM VỤ LẬP BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

Dự án: ……..

Địa điểm thực hiện dự án: ……

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Ngày ……/……/2026, Phòng Kế hoạch – Thẩm định nhận được Tờ trình số ……./TTr-…… ngày ……/……/2026 của phòng << phòng trình >> - Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của dự án <<tenduan>>.

Sau khi xem xét hồ sơ, để có cơ sở phê duyệt nhiệm vụ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án <<tenduan>> theo quy định, Phòng Kế hoạch – Thẩm định báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của dự án <<tenduan>>, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất
TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU TRÌNH THẨM ĐỊNH:

- Nghị quyết số ……/NQ-HĐND ngày ……/……/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030.

- Tờ trình số ……./TTr-…… ngày ……/……/2026 của phòng <<phongtrinh>> về việc thẩm định nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của dự án <<tenduan>>.

- Thuyết minh nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của dự án <<tenduan>> do <<phongtrinh>> lập ngày .../.../2026.

- Tài liệu khác (nếu có).

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều

của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

III. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH:

Theo quy định tại Điều 35 của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc Hội:

"Điều 35. Nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C

Nội dung chủ yếu của báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C bao gồm:

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư;

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án;

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả;

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành;

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội;

7. Phân chia các dự án thành phần (nếu có);

8. Giải pháp tổ chức thực hiện."

Phần thứ hai

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH NHIỆM VỤ LẬP BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NỘI DUNG NHIỆM VỤ LẬP BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ:

1. Dự án ..... được HĐND tỉnh giao Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh làm chủ đầu tư và dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030 tại Nghị quyết số …../NQ-HĐND ngày .../..../2026.

2. Nội dung nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư *(theo Hồ sơ nhiệm lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án <<tenduan>> do <<phongtrinh>> lập ngày .../.../2026)*:

Nội dung chủ yếu của báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư bao gồm:

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư;

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án;

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả;

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành;

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội;

7. Phân chia các dự án thành phần (nếu có);

8. Giải pháp tổ chức thực hiện."

(Chi tiết theo Hồ sơ nhiệm lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án <<tenduan>> do <<phongtrinh>> lập ngày .../.../2026 đính kèm).

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH:

Sau khi rà soát hồ sơ, Phòng Kế hoạch – Thẩm định có ý kiến như sau:

1. Về cơ sở pháp lý lập nhiệm vụ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Phù hợp theo danh mục kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030 tại Nghị quyết số …../NQ-HĐND ngày .../..../2026 của HĐND tỉnh.

2. Về nội dung chính nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Đảm bảo nội dung theo quy định tại Điều 35 của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc Hội.

III. KẾT LUẬN:

Hồ sơ Nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của dự án <<*tenduan*>> đủ điều kiện phê duyệt.

IV. KIẾN NGHỊ:

Trên cơ sở kết quả thẩm định kiến nghị phòng <<phongtrinh>> hoàn thiện hồ sơ, trình phê duyệt theo quy định.

Trên đây là kết quả thẩm định Nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của dự án <<*tenduan*>>.

Kính trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: P.KHTĐ.
(…….)

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 18

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH
PHÒNG KẾ HOẠCH – THẨM ĐỊNH

Số:……/BC-KHTĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày …… tháng …… năm 2026

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN
Về dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<BCĐXCTĐT/BCNCKT/BCKTKT>> dự án <<tenduan>>.

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng
Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Ngày ……/……/2026, Phòng Kế hoạch – Thẩm định nhận được Tờ trình số <<songaytotrinh>> của Phòng <<phongtrinh>> về việc thẩm định dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<BCĐXCTĐT/BCNCKT/BCKTKT>> thuộc dự án <<tenduan>>. Phòng Kế hoạch – Thẩm định tổ chức thẩm định từ ngày ……/……/2026 đến ngày ……/……/2026 và báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH:

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số <<songayquyetdinh>> của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Bảng dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<BCĐXCTĐT/BCNCKT/BCKTKT>> dự án <<tenduan>> do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh lập ngày ...../...../2026;

Căn cứ Tờ trình số <<songaytotrinh>> của phòng <<phongtrinh>> - Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<BCĐXCTĐT/BCNCKT/BCKTKT>> dự án <<tenduan>>.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN:

1. Tên dự án: <<tenduan>>.

2. Nhóm dự án: <<ghitennhomduan>>.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư: <<ghitencapquyetdinhdautu>>.

4. Cấp quyết định đầu tư: <<ghitennguoiquyetdinhdautu>>.

5. Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

6. Tổng mức đầu tư*:* **……. đồng** *(Bằng chữ: .....).*

7. Đơn vị lập dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<BCĐXCTĐT/BCNCKT/BCKTKT>>: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

8. Tổng dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<BCĐXCTĐT/BCNCKT/BCKTKT>> theo nội dung tại Tờ trình số <<songaytotrinh>> của phòng <<phongtrinh>> - Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh: **……. đồng** *(Bằng chữ: .....).*

9. Nguồn vốn đầu tư: <<ghinguonvon>>.

10. Địa điểm thực hiện dự án: <<ghidiadiem>>.

III. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH:

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định:

- Quyết định số <<songayquyetdinh>> của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án <<tenduan>>.

- Bảng dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<BCĐXCTĐT/BCNCKT/BCKTKT>> dự án <<tenduan>> do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh lập ngày ...../...../2026.

- Tờ trình số <<songaytotrinh>> của phòng <<phongtrinh>> - Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<BCĐXCTĐT/BCNCKT/BCKTKT>> dự án <<tenduan>>.

2. Nội dung lập dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<BCĐXCTĐT/BCNCKT/BCKTKT>>:

Stt	Nội dung	Giá trị
1	Chi phí.....	
2	Chi phí.....	
3	Chi phí.....	
4	**Tổng cộng (làm tròn)**	

IV. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH:

1. Thẩm quyền thẩm định: Theo quy định tại khoản 2, Điều 11 của Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026:

"2. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp đã xác định được chủ đầu tư) tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án quy định tại khoản 1 Điều này.".

2. Phạm vi thẩm định:

- Theo quy định tại khoản 1, Điều 11 của Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026:

"1. Chi phí chuẩn bị dự án là chi phí để thực hiện các công việc trong giai đoạn chuẩn bị dự án theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.".

- Theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 4 của Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026:

"a) Giai đoạn chuẩn bị dự án gồm các công việc: lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (sau đây gọi là Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (nếu có); lập đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (vốn ODA), vốn vay ưu đãi nước ngoài (nếu có); lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch làm căn cứ lập dự án (nếu có); khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án; lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (sau đây gọi là Báo cáo nghiên cứu khả thi) hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (sau đây gọi là Báo cáo kinh tế - kỹ thuật); phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng; tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành; các công việc được cho phép thực hiện trước theo quy định của pháp luật

và các công việc cần thiết khác liên quan đến chuẩn bị dự án;”.

3. Hệ thống quy phạm áp dụng:

- Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

- Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội.

- Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng.

- Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng.

- Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH:

Sau khi rà soát hồ sơ, Phòng Kế hoạch – Thẩm định có ý kiến như sau:

Giá trị dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<BCĐXCTĐT/BCNCKT/BCKTKT>> sau thẩm định: **……. đồng** *(Bằng chữ: .....).*

Trong đó:

Stt	Nội dung	Giá trị đề nghị thẩm định	Giá trị thẩm định	Chênh lệch Tăng (+)/ Giảm (-)
1	Chi phí.....			
2	Chi phí.....			
3	Chi phí.....			
4	**Tổng cộng (làm tròn)**			

VI. KẾT LUẬN:

Hồ sơ dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<BCĐXCTĐT/BCNCKT/BCKTKT>> dự án <<tenduan>> đủ điều kiện phê duyệt.

VII. KIẾN NGHỊ:

Trên cơ sở kết quả thẩm định kiến nghị phòng <<phongtrinh>> hoàn thiện hồ sơ, trình phê duyệt theo quy định.

Trên đây là kết quả thẩm định dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<BCĐXCTĐT/BCNCKT/BCKTKT>> dự án <<tenduan>>.

Kính trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt./.

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH	**CÁN BỘ CHỦ TRÌ**
……	……

PHÒNG KẾ HOẠCH – THẨM ĐỊNH
TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:
- Như trên;
-<<Phongtrinh>>;
- Lưu: P.KHTĐ.
(tencanbothamdinh)

MẪU SỐ 19

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH
PHÒNG KẾ HOẠCH – THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BCTĐ-KHTĐ

Tây Ninh, ngày……tháng……năm 2026

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
<<NDTHAMDINH>>
Dự án: <<tenduan>>

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng
Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Trên cơ sở Tờ trình số <<songaytotrinh>> của <<phongtrinh>> về việc thẩm định <<ndthamdinh>> thuộc dự án <<tenduan>> và các tài liệu liên quan được cung cấp.

Phòng Kế hoạch – Thẩm định tổ chức thẩm định khi nhận đầy đủ hồ sơ trình thẩm định <<ndthamdinh>> thuộc dự án <<tenduan>> từ ngày <<ngaybatdauthamdinh>> đến ngày <<ngayketthucthamdinh>> và báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN:

1. Căn cứ pháp lý:

- *Căn cứ <<luatdauthau>>;*
- *Căn cứ <<nghidinhdauthau>>;*
- *Căn cứ <<thongtukhlcnt>>;*
- *Căn cứ <<quyetdinhthanhlapban>>;*
- *Căn cứ <<quydinhchucnangnhiemvuBan>>;*
- *Căn cứ <<quydinhchucnangnhiemvuphong>>;*
- *Căn cứ <<chutruongdautu>>;*
- *Căn cứ <<nghiquyetvontrunghan>>;*
- *Căn cứ <<kehoachvon>>;*
- *Căn cứ <<quyetdinhdutoan>>;*
- *Căn cứ <<cancukhaccolienquan>>;*

- *Căn cứ <<totrinhthamdinh>>.*

2. Thông tin cơ bản:

- Tên dự án: <<tenduan>>.

- Tổng mức đầu tư: <<giatritongmuc>> đồng.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

- Nguồn vốn: <<nguonvon>>.

- Thời gian thực hiện dự án: <<thoigianthuchienduan>>.

- Địa điểm xây dựng: <<diadiemxaydung>>.

- Nhóm dự án: <<nhomcapcongtrinh>>.

- Quy mô đầu tư xây dựng: theo <<quyetdinhduan>>.

3. Tóm tắt nội dung văn bản trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Phòng Kế hoạch – Thẩm định tóm tắt các nội dung thẩm định, cụ thể như sau:

a) Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện: **<<giatridathuchien>> đồng**.

b) Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: **<<giatrikhongapdung>> đồng**.

c) Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: **<<giatrikehoach>> đồng**.

d) Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): **<<giatrichuadudieukien>> đồng**.

đ) Tổng giá trị các phần công việc (làm tròn): **<<tongcong>> đồng**.

e) Tổng giá trị dự toán chuẩn bị đầu tư dự án: **<<tongcongdt>> đồng**.

4. Tổ chức thẩm định:

a) Đơn vị thẩm định

Đơn vị thẩm định là Phòng Kế hoạch – Thẩm định thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh thực hiện thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

b) Cách thức làm việc:

Sau khi nhận Tờ trình số <<songaytotrinh>> của <<phongtrinh>> về việc đề nghị thẩm định <<ndthamdinh>> và hồ sơ kèm theo, Phòng Kế hoạch - Thẩm định đã tổ chức thẩm định <<ndthamdinh>> thuộc dự án <<tenduan>>.

Việc thẩm định được thực hiện theo hình thức cá nhân.

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu

được tổng hợp theo Bảng số 1 dưới đây:

Bảng số 1

STT	Nội dung	Kết quả thẩm định	
		Có	Không
	(1)	(2)	(3)
1	*<<chutruongdautu>>*	x	
2	*Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có)*		x
3	*<<nghiquyetvontrunghan>>*	x	
4	*<<kehoachvon>>*	x	
5	*Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, trừ trường hợp đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu.*		x
6	*Văn bản pháp lý có liên quan.*	x	

b) Ý kiến thẩm định về căn cứ pháp lý: đảm bảo cơ sở thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Đấu thầu.

2. Phân chia dự án thành các gói thầu:

Thống nhất với phương án phân chia gói thầu theo nội dung Tờ trình số <<songaytotrinh>> của <<phongtrinh>>.

<<phongtrinh>> chịu trách nhiệm về việc phân chia gói thầu, bảo đảm tuân thủ quy định tại khoản 1, 4 Điều 37 Luật Đấu thầu và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Mục V – Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Mẫu số 02A (Mẫu tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu) ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính.

3. Nội dung tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Phần công việc không thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Phần công việc đã thực hiện: thống nhất theo nội dung tại Tờ trình số <<songaytotrinh>> của <<phongtrinh>>.

- Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: thống nhất theo nội dung tại Tờ trình số <<songaytotrinh>> của <<phongtrinh>>.

- Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): thống nhất theo nội dung tại Tờ trình số <<songaytotrinh>> của <<phongtrinh>>.

b) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến về kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các nội dung theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH NỘI DUNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU			
		Kết quả thẩm định	
STT	**Nội dung thẩm định**	**Tuân thủ, phù hợp**	**Không tuân thủ hoặc không phù hợp**
	(1)	(2)	(3)
1	*Tên gói thầu, bao gồm cả nội dung công việc chính của gói thầu*	x	
2	*Giá gói thầu*	x	
3	*Nguồn vốn*	x	
4	*Hình thức lựa chọn nhà thầu*	x	
5	*Phương thức lựa chọn nhà thầu*	x	
6	*Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu*	x	
7	*Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu*	x	
8	*Loại hợp đồng*	x	
9	*Thời gian thực hiện gói thầu*	x	
10	*Tùy chọn mua thêm*	Không áp dụng	

c) Ý kiến thẩm định về tổng giá trị các phần công việc:

Tổng giá trị các phần công việc trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu không vượt tổng giá trị dự toán chuẩn bị đầu tư dự án được phê duyệt theo <<quyetdinhdutoan>>.

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Sau khi rà soát hồ sơ, Phòng Kế hoạch – Thẩm định có ý kiến như sau:

1. Nhận xét về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

1.1. Về nguyên tắc và căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Phù hợp với quy định tại Điều 37 và Điều 38 Luật Đấu thầu 2023, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư, đấu thầu ngày 25/6/2025.

1.2. Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho các gói thầu:

- Nguồn vốn: phù hợp theo nguồn vốn đã duyệt tại <<kehoachvon>>.

- Khả năng cân đối vốn:

Dự án dự kiến được bố trí nguồn vốn theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030 tại <<nghiquyetvontrunghan>>, trong đó năm 2026 được giao kế hoạch vốn là <<von2026>> theo <<kehoachvon>>, đảm bảo khả năng cân đối vốn triển khai các gói thầu và không gây nợ đọng.

<<phongtrinh>> triển khai thực hiện các gói thầu khi xác định được cụ thể nguồn vốn thanh toán, đảm bảo phù hợp với lộ trình bố trí vốn, không phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản. Đồng thời, chỉ triển khai thực hiện, nghiệm thu khối lượng hoàn thành khi đảm bảo khả năng thanh toán cho nhà thầu, không để xảy ra

nợ đọng.

<<phongtrinh>> chịu trách nhiệm về việc tổ chức lựa chọn nhà thầu đảm bảo không vi phạm khoản 9 Điều 16 Luật Đấu thầu 2023, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư, đấu thầu ngày 25/6/2025 *"9. Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi chưa xác định được nguồn vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 39, trừ trường hợp đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật này"*.

1.3. Về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu:

- Về tên gói thầu:

Tên các gói thầu phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Đấu thầu 2023 và hướng dẫn tại phần Ghi chú số 3 mục V của Mẫu số 02A. Mẫu tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu ban hành kèm theo Thông tư 79/2025/TT-BTC.

- Về giá gói thầu:

<<giagoithau>>.

<<phongtrinh>> chịu trách nhiệm tính toán cụ thể và cập nhật lại giá gói thầu làm cơ sở lựa chọn nhà thầu đảm bảo phù hợp quy định hiện hành về giá gói thầu tại khoản 2 Điều 39 Luật Đấu thầu 2023 và khoản 1 Điều 18 Nghị định 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp cần điều chỉnh giá gói thầu thì xử lý tình huống theo quy định tại khoản 1, 2, 8 Điều 140 Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

- Về hình thức lựa chọn nhà thầu các gói thầu, <<phongtrinh>> đề xuất như sau:

+ Các gói thầu số <<sogoithauchidinh>>, <<phongtrinh>> đề xuất hình thức lựa chọn nhà thầu là "Chỉ định thầu rút gọn" phù hợp với hạn mức chỉ định thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 78 và khoản 2 Điều 80 Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

+ Các gói thầu số <<sogoithauchidinhthongthuong>>, <<phongtrinh>> đề xuất hình thức lựa chọn nhà thầu là "Chỉ định thầu thông thường" phù hợp với quy định tại Điều 78 và khoản 1 Điều 79 Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

+ Các gói thầu số <<chaohangcanhtranh>>, <<phongtrinh>> đề xuất hình thức lựa chọn nhà thầu là "Chào hành cạnh tranh qua mạng" phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật Đấu thầu và Điều 81 Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

+ Các gói thầu số <<dauthaurongrai>>, <<phongtrinh>> đề xuất hình thức lựa chọn nhà thầu là "Đấu thầu rộng rãi qua mạng" phù hợp với quy định tại Điều 21 của Luật Đấu thầu.

- Về phương thức lựa chọn nhà thầu các gói thầu:

+ Các gói thầu số <<khongghiphuongthuc>>, không ghi phương thức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Luật Đấu thầu 2023 và hướng dẫn tại phần Ghi chú số 7 mục V của Mẫu số 02A. Mẫu tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu ban hành kèm theo Thông tư 79/2025/TT-BTC.

+ Các gói thầu số <<01giaidoan01tuihs>>, phương thức lựa chọn nhà thầu là "một giai đoạn một túi hồ sơ" phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Luật Đấu thầu 2023 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều

của các luật liên quan đến đầu tư, đấu thầu ngày 25/6/2025.

+ Các gói thầu <<01giaidoan02tuihs>>, phương thức lựa chọn nhà thầu là "một giai đoạn hai túi hồ sơ" phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Đấu thầu 2023 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư, đấu thầu ngày 25/6/2025.

- Về thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu:

+ Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu số <<chaohangcanhtranh>>, <<dauthaurongrai>> phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 39 Luật Đấu thầu 2023, khoản 7 Điều 18 Nghị định 214/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại phần Ghi chú số 8 mục V của Mẫu số 02A. Mẫu tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu ban hành kèm theo Thông tư 79/2025/TT-BTC.

+ Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu số <<sogoithauchidinh>> phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 80 Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

+ Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu số <<sogoithauchidinhthongthuong>> phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 23 Luật Đấu thầu 2023.

+ Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 39 Luật Đấu thầu 2023, khoản 7 Điều 18 Nghị định 214/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại phần Ghi chú số 9 mục V của Mẫu số 02A. Mẫu tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu ban hành kèm theo Thông tư 79/2025/TT-BTC.

- Về loại hợp đồng:

Loại hợp đồng các gói thầu phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 39 và Điều 64 Luật Đấu thầu 2023.

- Về thời gian thực hiện gói thầu:

Thời gian thực hiện gói thầu các gói thầu phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 39 Luật Đấu thầu 2023 và thời gian thực hiện dự án.

- Về tùy chọn mua thêm:

<<phongtrinh>> không đề xuất.

2. Kiến nghị:

<<phongtrinh>> chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung nhận xét tại mục 1 phần III của Báo cáo thẩm định này trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

3. Kết luận:

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đủ điều kiện trình phê duyệt.

Trên đây là báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu gửi <<phongtrinh>> tổng hợp, tham mưu trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Đấu thầu năm 22/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 22 Điều 1 Luật số

90/2025/QH15.

Phòng Kế hoạch – Thẩm định báo cáo Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh nội dung thẩm định <<ndthamdinh>> thuộc dự án <<tenduan>>.

Nơi nhận:
- Như trên;
- <<phongnhan>>;
- Lưu: P.KHTĐ.

<<cbthamdinh>>

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 20

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH
PHÒNG KẾ HOẠCH – THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:……/BC-KHTĐ

Tây Ninh, ngày …… tháng …… năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN GÓI THẦU

Gói thầu: <<tengoithau>>.

Dự án: <<tenduan>>.

Địa điểm thực hiện dự án: <<ghidiadiem>>.

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng
Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Ngày ……/……/2026, Phòng Kế hoạch – Thẩm định nhận được Tờ trình số <<songaytotrinh>> của Phòng <<phongtrinh>> về việc thẩm định dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>. Phòng Kế hoạch – Thẩm định tổ chức thẩm định từ ngày ……/……/2026 đến ngày ……/……/2026 và báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH:

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số <<songayquyetdinh>> về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Quyết định số <<songayquyetdinh>> của UBND tỉnh về việc <<noidungphanbovon>>;

Căn cứ Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu

tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<BCĐXCTĐT/BCNCKT/BCKTKT>> dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<BCĐXCTĐT/BCNCKT/BCKTKT>> dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Bảng dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>> do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh lập ngày ...../...../2026;

Căn cứ Tờ trình số <<songaytotrinh>> của phòng <<phongtrinh>> - Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU:

1. Tên dự án: <<tenduan>>.

2. Gói thầu: <<tengoithau>>.

3. Chủ đầu tư: <<tenchudautu>>.

4. Đơn vị lập dự toán gói thầu: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

5. Địa điểm thực hiện dự án: <<ghidiadiem>>.

III. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH:

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định:

- Quyết định số <<songayquyetdinh>> về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án <<tenduan>>.

- Quyết định số <<songayquyetdinh>> của UBND tỉnh về việc <<noidungphanbovon>>.

- Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<BCĐXCTĐT/BCNCKT/BCKTKT>> dự án <<tenduan>>.

- Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<BCĐXCTĐT/BCNCKT/BCKTKT>> dự án <<tenduan>>.

- Bảng dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>> do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh lập ngày ...../...../2026.

- Tờ trình số <<songaytotrinh>> của phòng <<phongtrinh>> - Ban Quản lý

dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

2. Nội dung lập dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>:

Stt	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
1	Chi phí ……	A		
2	Chi phí dự phòng	B		
3	**Giá trị dự toán gói thầu**	**C**		
4	**Làm tròn**			

IV. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH:

1. Phạm vi thẩm định: Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 của Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026:

"1. Dự toán gói thầu xây dựng được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 76 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 gồm một hoặc một số các công việc: Tư vấn xây dựng, thi công xây dựng công trình, cung cấp vật tư, thiết bị lắp đặt vào công trình xây dựng và các công việc liên quan khác.

2. Đối với dự toán gói thầu xây dựng xác định từ sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng công trình: Chủ đầu tư căn cứ nội dung, phạm vi, tính chất, đặc điểm, điều kiện cụ thể của gói thầu để xác định dự toán gói thầu từ các khoản mục chi phí tương ứng trong sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng công trình được duyệt."

2. Hệ thống quy phạm áp dụng:

- Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

-Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội.

- Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng.

- Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng.

3. Nhận xét về chất lượng hồ sơ dự toán gói thầu:

- Phương pháp xác định dự toán gói thầu phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng: "*2. Đối với dự toán gói thầu*

xây dựng xác định từ sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng công trình: Chủ đầu tư căn cứ nội dung, phạm vi, tính chất, đặc điểm, điều kiện cụ thể của gói thầu để xác định dự toán gói thầu từ các khoản mục chi phí tương ứng trong sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng công trình được duyệt.”.

- Các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong dự toán gói thầu:

+ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

+ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng.

+ Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng.

- Chi phí dự phòng: Phù hợp theo quy định tại khoản 5, mục 2 Phụ lục số II của Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng:

“5. Chi phí dự phòng của dự toán gói thầu

Chi phí dự phòng được xác định cho khối lượng, công việc phát sinh và cho yếu tố trượt giá, theo công thức sau:

$$G_{DP} = G_{DP1} + G_{DP2}$$

Trong đó:

- G_{DP1}: chi phí dự phòng cho khối lượng, công việc phát sinh của dự toán gói thầu được xác định theo công thức:

$$G_{DP1} = \sum_{i=1}^{n} G_{GTi} \, x \, k_{psi}$$

+ G_{GTi}: là các khoản mục chi phí cho các công việc thuộc dự toán gói thầu xây dựng được xác định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Mục 2 Phụ lục này;

*+ k_{psi} là tỷ lệ dự phòng cho khối lượng, công việc phát sinh tương ứng với từng khoản mục chi phí (GGTi) thuộc dự toán gói thầu xây dựng, **$k_{psi} \leq 5\%$;***

- G_{DP2}: chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá của dự toán gói thầu xây dựng được xác định như đối với chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá trong dự toán xây dựng công trình theo công thức (2.9) tại Mục 1 Phụ lục này, trong đó G_{XDCTt}^{TDP} là giá trị dự toán gói thầu chưa bao gồm dự phòng được thực hiện trong khoảng thời gian thứ t.

Thời gian để tính chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá trong dự toán gói thầu là thời gian thực hiện gói thầu.”.

Trong đó:

+ Tỷ lệ chi phí dự phòng của dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<BCĐXCTĐT/BCNCKT/BCKTKT>> kèm theo Quyết định số <<songayquyetdinh>> của UBND tỉnh là: **……%.**

+ Tỷ lệ chi phí dự phòng của dự toán gói thầu trình thẩm định là: **……%.** Phù hợp/không phù hợp theo quy định.

- Hồ sơ đủ điều kiện thẩm định.

4. Nguyên tắc thẩm định:

Theo phương pháp xác định các khoản mục chi phí của dự toán gói thầu quy định tại khoản 2 Điều 13 của Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH:

Sau khi rà soát hồ sơ, Phòng Kế hoạch – Thẩm định có ý kiến như sau:

Giá trị dự toán gói thầu sau thẩm định: **……. đồng** *(Bằng chữ: .....).*

Trong đó:

Stt	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị đề nghị thẩm định	Giá trị thẩm định	Chênh lệch Tăng (+)/ Giảm (-)
1	Chi phí ……	A				
2	Chi phí dự phòng	B				
3	**Giá trị dự toán gói thầu**	**C**				
4	**Làm tròn**					

VI. KẾT LUẬN:

Hồ sơ dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>> đủ điều kiện phê duyệt.

VII. KIẾN NGHỊ:

- Trên cơ sở kết quả thẩm định kiến nghị phòng <<phongtrinh>> hoàn thiện hồ sơ, trình phê duyệt theo quy định.

- Khối lượng công việc hoàn thành quyết toán theo thực tế.

- Khi lập hồ sơ phải thực hiện đúng tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành về các tiêu chuẩn thiết kế, tiêu chuẩn ngành có liên quan,... đã được quy định.

Trên đây là kết quả thẩm định dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

Kính trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt./.

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH **CÁN BỘ CHỦ TRÌ**

…… ……

PHÒNG KẾ HOẠCH – THẨM ĐỊNH
TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:
- Như trên;
-<<Phongtrinh>>;
- Lưu: P.KHTĐ.
(tencanbothamdinh)

MẪU SỐ 21

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
PHÒNG KẾ HOẠCH – THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

Số: /BC-KHTĐ

BÁO CÁO
Về việc kiểm tra, đánh giá năng lực ….. để thực hiện gói thầu ….
thuộc dự án …..

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng
Công trình dândụng tỉnh Tây Ninh

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../.../2026 của UBND tỉnh (HĐND tỉnh) về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Căn cứ Quyết định số /QĐBQLDA ngày /2026 của Ban QLDA Đầu tư phê duyệt xây dựng Công trình xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc dự toán chuẩn bị dự án... dự án....

Căn cứ Quyết định số /QĐBQLDA ngày /2026 của Ban QLDA Đầu tư phê duyệt xây dựng Công trình xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kế hoạch LCNT.... dự án....

Căn cứ Quyết định số /QĐBQLDA ngày /2026 của Ban QLDA Đầu tư phê duyệt xây dựng Công trình xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc dự toán gói

thầu.... dự án....

Căn cứ Công văn số ..../BQLDA-... ngày ..../.../2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc mời tham gia thực hiện gói thầu …. Dự án…;

Căn cứ Công văn số .... ngày ..../.../2026 của …. về việc tham gia thực hiện gói thầu …. Dự án…;

Căn cứ quy mô, tính chất, phạm vi gói thầu …. Dự án…; .

II. KHÁI QUÁT THÔNG TIN GÓI THẦU

- Tên gói thầu: .....

- Tóm tắt công việc chính của gói thầu: .....

- Thời gian thực hiện gói thầu: ... ngày, kể từ khi hợp đồng có hiệu lực (gồm cả ngày lễ, tết, ngày nghỉ và ngày có thời tiết xấu).

- Giá trị gói thầu (đã bao gồm VAT 8% và áp dụng tỷ lệ giảm giá 5%): **..... đồng** *(Bằng chữ: .... đồng).*

- Loại hợp đồng: .....

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: .....

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu rút gọn.

III. CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA VỀ HỒ SƠ NĂNG LỰC

1. Về tư cách pháp nhân

……

2. Nghĩa vụ thuế:

……

3. Về việc đăng ký thông tin trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

……

4. Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng:

……

5. Năng lực của nhân sự chủ chốt đề xuất tham gia thực hiện gói thầu

Stt	Họ và tên	Trình độ chuyên môn, chứng chỉ ngành nghề	Chức danh, công việc thực hiện

(Đính kèm bản scan các hồ sơ năng lực).

6. Hợp đồng tương tự

……

(Đính kèm bản scan các hồ sơ năng lực)

III. KẾT LUẬN

Qua xem xét và đánh giá hồ sơ năng lực của ….., Phòng chuyên môn có đánh giá như sau: …….. có đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện gói thầu …… thuộc dự án…...

Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác các tài liệu mà Nhà thầu đã cung cấp trong Hồ sơ năng lực.

Phòng chuyên môn trình Ban Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng xem xét./.

Người lập **TRƯỞNG PHÒNG**

Nơi nhận:
- Như trên;
- PGĐ ……. (báo cáo);
- ….. (để biết);
- Lưu: P…...

(…….)

MẪU SỐ 22

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
TỔ THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-KHTĐ

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH HỒ SƠ MỜI THẦU

Gói thầu <<tengoithau>>

thuộc dự án <<tenduan>>

Kính gửi: <<tenchuadautu>>

Trên cơ sở Tờ trình của Tổ chuyên gia thuộc <<donvituvandauthau>> về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu và các tài liệu liên quan được cung cấp, Tổ thẩm định thuộc <<tenchudautu>> đã tiến hành thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>> từ ngày <<ngaynhanduhoso>> đến ngày <<ngaybaocaothamdinh>>.

Kết quả thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu nêu trên được tổng hợp theo các nội dung sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Căn cứ pháp lý

Hồ sơ mời thầu được thẩm định trên cơ sở căn cứ pháp lý sau đây:

- Căn cứ <<luatdauthau>>;
- Căn cứ <<nghidinhdauthau>>;
- Căn cứ <<thongtudauthau>>;
- Căn cứ <<quyetdinhduan>>;
- Căn cứ <<kehoachvon>>;
- Căn cứ <<quyetdinhthanhlapban>>;
- Căn cứ <<quyetdinhdieuchinhchudautu>>;
- Căn cứ <<quyetdinhphancongnhiemvulanhdao>>;
- Căn cứ <<quyetdinhthanhlaptothamdinh>>;
- Căn cứ <<quyetdinhkhlcnt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhpheduyettkdt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhdtgt>>;

- Căn cứ các tài liệu khác có liên quan.

2. Khái quát về dự án, gói thầu

2.1. Khái quát về dự án:

- Tên dự án: <<tenduan>>;

- Chủ đầu tư: <<tenchudautu>>;

- Tổng mức đầu tư: <<giatritongmuc>>;

- Địa điểm xây dựng: <<diadiemxaydung>>;

- Thời gian thực hiện dự án: <<thoigianthuchienduan>>.

2.2. Khái quát về gói thầu:

- Tên gói thầu: <<tengoithau>>;
- Nguồn vốn: <<nguonvon>>;
- Tổ chuyên gia: là các cá nhân thuộc <<donvituvandauthau>>;
- Dự toán gói thầu: <<giatridutoangoithau>> đồng;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: <<hinhthucluachonnhathau>>;
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: <<phuongthucluachonnhathau>>;
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: <<thoigiantochucluachonnhathau>>;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: <<thoigianbatdautochuclcnt>>;
- Loại hợp đồng: <<loaihopdong>>;
- Thời gian thực hiện gói thầu: <<thoigianthuchiengoithau>>;
- Địa điểm thực hiện gói thầu: <<diadiemxaydung>>;
- Phạm vi gói thầu: Theo <<quyetdinhpheduyettkdt>>.

3. Tổ chức thẩm định

3.1. Cơ sở pháp lý thành lập đơn vị thẩm định/tổ thẩm định:

Tổ thẩm định được <<tenchudautu>> thành lập theo Quyết định số 230/QĐ-BQLDA ngày 09/3/2026 của <<tenchudautu>> để thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

3.2. Thành phần tổ thẩm định:

Số lượng, họ và tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định tại **Bảng số 1**.

Bảng số 1

STT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định	Phân công công việc của các thành viên
1	Nguyễn Văn Vẹn	Tổ trưởng	Điều hành Tổ thẩm định thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định. Chịu mọi trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về kết quả thẩm định E-HSMT
2	Trần Minh Đạt	Thành viên	Thực hiện công việc thẩm định E-HSMT, chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổ trưởng, Chủ đầu tư và pháp luật về kết quả thẩm định E-HSMT
3	Huỳnh Minh Tâm	Thành viên	Thực hiện công việc thẩm định E-HSMT, chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổ trưởng, Chủ đầu tư và pháp luật về kết quả thẩm định E-HSMT

3.3. Cách thức làm việc:

Tổ thẩm định làm việc theo nhóm, trường hợp trong Tổ thẩm định có một hoặc một số thành viên có ý kiến khác biệt so với đa số thành viên còn lại thì kết quả thẩm định theo số đông ý kiến thành viên, nếu số phiếu bằng nhau thì quyền quyết định thuộc về tổ trưởng.

II. TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

1.1. Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc lập hồ sơ mời thầu được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

Bảng số 01

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
1	- Quyết định phê duyệt dự án - Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh (nếu có)	x	
2	- Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có)	x	

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu - Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh (nếu có)		
3	Điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi nước ngoài		x
4	- Hồ sơ thiết kế, dự toán của gói thầu, yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có) hoặc điều khoản tham chiếu đối với gói thầu tư vấn. - Các văn bản về việc điều chỉnh các tài liệu nêu trên (nếu có).	x	
5	Quyết định thành lập Tổ chuyên gia/hợp đồng (nếu có) thuê cá nhân, tổ chức, đơn vị lập hồ sơ mời thầu	x	
6	Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có)	x	

1.2 Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, Tổ thẩm định nhận xét: Cơ sở pháp lý của hồ sơ cơ bản bảo đảm theo quy định.

2. Nội dung của hồ sơ mời thầu

2.1. Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ mời thầu:

Kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ mời thầu được tổng hợp tại **Bảng số 02**.

Bảng số 02

Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
	Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
[1]	[2]	[3]
1. Thủ tục đấu thầu - Bảng dữ liệu đấu thầu - Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT - Biểu mẫu mời thầu và dự thầu	x	
2. Yêu cầu **- Yêu cầu về kỹ thuật** (đối với phần công việc xây lắp, phi tư vấn, mua sắm hàng hóa) **- Điều khoản tham chiếu** (đối với phần công	x	

việc tư vấn)		
3. Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng/thỏa thuận khung - Điều kiện cụ thể của hợp đồng - Biểu mẫu hợp đồng	x	

2.2. Ý kiến thẩm định về nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp: Không có.

3. Ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ mời thầu (nếu có): Không có.

4. Các nội dung liên quan khác: Không có.

III. Ý KIẾN BẢO LƯU CỦA THÀNH VIÊN THAM GIA THẨM ĐỊNH TRONG ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH/TỔ THẨM ĐỊNH: Không có.

IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Sau khi rà soát hồ sơ, Phòng Kế hoạch – Thẩm định có ý kiến như sau:

1. Nhận xét về nội dung hồ sơ mời thầu

Trên cơ sở kết quả xem xét, đánh giá hồ sơ mời thầu theo các nội dung nêu trên, Tổ thẩm định nhận thấy dự thảo hồ sơ mời thầu cơ bản được lập phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan; nội dung hồ sơ mời thầu bảo đảm các yêu cầu về phạm vi công việc, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, điều kiện hợp đồng và các yêu cầu kỹ thuật của gói thầu.

Tổ thẩm định thống nhất với nội dung dự thảo hồ sơ mời thầu và kiến nghị Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt để làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định.

2. Kiến nghị

Trên cơ sở tờ trình của Tổ chuyên gia thuộc <<donvituavandauthau>> về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu, dự thảo hồ sơ mời thầu và nội dung tại báo cáo thẩm định này, Tổ thẩm định kiến nghị <<tenchudautu>> phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

Báo cáo thẩm định này được lập bởi:

STT	Họ và tên	Chức vụ trong tổ thẩm định	Chữ ký
1	Trần Minh Đạt	Thành viên	
2	Huỳnh Minh Tâm	Thành viên	

Nơi nhận:
- Như trên;
- <<phongnhan>>;
- Lưu: P.KHTĐ.

<<cbthamdinh>>

TỔ THẨM ĐỊNH
TỔ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Vẹn

Phụ lục

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH HỒ SƠ MỜI THẦU

STT	Số hiệu, nội dung văn bản	Ghi chú
1	<<quyetdinhduan>>	File
2	<<quyetdinhkhlcnt>>	File
3	<<quyetdinhpheduyettkdt>>	File
4	<<quyetdinhdtgt>>	File
5	Các tài liệu khác có liên quan	File

MẪU SỐ 23

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
TỔ THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-KHTĐ

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
DANH SÁCH NHÀ THẦU ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Gói thầu <<tengoithau>>

thuộc dự án <<tenduan>>

Kính gửi: <<tenchudautu>>

Trên cơ sở Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật số <<songaybaocaodanhgia>> của Tổ chuyên gia thuộc <<donvituvandauthau>> đề nghị phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>> và các tài liệu liên quan kèm theo;

Kết quả thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được tổng hợp theo các nội dung sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Căn cứ pháp lý

Báo cáo thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được thẩm định trên cơ sở căn cứ pháp lý sau đây:

- Căn cứ <<luatdauthau>>;
- Căn cứ <<nghidinhdauthau>>;
- Căn cứ <<thongtudauthau>>;
- Căn cứ <<quyetdinhduan>>;
- Căn cứ <<kehoachvon>>;
- Căn cứ <<quyetdinhthanhlapban>>;
- Căn cứ <<quyetdinhdieuchinhchudautu>>;
- Căn cứ <<quyetdinhphancongnhiemvulanhdao>>;
- Căn cứ <<quyetdinhthanhlaptothamdinh>>;
- Căn cứ <<quyetdinhkhlcnt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhpheduyettkdt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhdtgt>>;

- Căn cứ <<quyetdinhhsmt>>;

- Căn cứ các tài liệu khác có liên quan.

2. Khái quát về dự án, gói thầu

2.1. Khái quát về dự án:

- Tên dự án: <<tenduan>>;

- Chủ đầu tư: <<tenchudautu>>;

- Tổng mức đầu tư: <<giatritongmuc>>;

- Địa điểm xây dựng: <<diadiemxaydung>>;

- Thời gian thực hiện dự án: <<thoigianthuchienduan>>.

2.2. Khái quát về gói thầu:

- Tên gói thầu: <<tengoithau>>;
- Nguồn vốn: <<nguonvon>>;
- Tổ chuyên gia: là các cá nhân thuộc <<donvituvandauthau>>;
- Dự toán gói thầu: <<giatridutoangoithau>> đồng;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: <<hinhthucluachonnhathau>>;
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: <<phuongthucluachonnhathau>>;
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: <<thoigiantochucluachonnhathau>>;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: <<thoigianbatdautochuclcnt>>;
- Loại hợp đồng: <<loaihopdong>>;
- Thời gian thực hiện gói thầu: <<thoigianthuchiengoithau>>;

- Địa điểm thực hiện gói thầu: <<diadiemxaydung>>;

- Phạm vi gói thầu: Theo <<quyetdinhpheduyettkdt>>.

2.3. Cơ sở pháp lý của việc lựa chọn nhà thầu:

- Căn cứ <<quyetdinhduan>>;
- Căn cứ <<quyetdinhkhlcnt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhpheduyettkdt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhdtgt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhhsmt>>;
- Căn cứ Báo cáo số <<songaybaocaodanhgia>> của Tổ chuyên gia thuộc <<donvituvandauthau>> về việc báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật gói thầu <<tengoithau>>, dự án <<tenduan>>.

3. Tóm tắt quá trình lựa chọn nhà thầu

3.1. Thời gian trong lựa chọn nhà thầu:

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	**Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu**	
2	**Đăng tải KHLCNT**	Ngày phê duyệt: <<ngaypheduyetKHLCNT>> Ngày đăng tải: <<dangtaiKHLCNT>>
3	**Mời thầu**	
3.1	Đăng tải E-TBMT và phát hành E-HSMT	Số <<sothongbaomoithau>>, thời điểm đăng tải: <<thoidiemdangtaihsmt>>
3.2	Làm rõ E-HSMT	<<lamrohsmt>>
3.3	Sửa đổi E-HSMT	<<suadoihsmt>>
3.4	Thời điểm đóng thầu	<<thoidiemdongthau>>
4	**Mở thầu**	
4.1	Thời gian mở thầu	<<thoidiemmothau>>
4.2	Các vấn đề khác trong quá trình mở thầu (nếu có)	<<vandemothau>>
5	**Đánh giá E-HSĐXKT**	
	Thời gian đánh giá E-HSĐXKT	Từ <<thoidiemmothau>> đến ngày <<ngaytrinh>>. Tổng số ngày đánh giá: <<tongsongaydanhgia>>.

3.2. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá E-HSĐXKT:

STT	**Nội dung**	**<<nhathau1>>**	**<<nhathau2>>**	**<<nhathau3>>**	**<<nhathau4>>**
1	Kết quả đánh giá tính hợp lệ của E-HSĐXKT	<<hople1>>	<<hople2>>	<<hople3>>	<<hople4>>
2	Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm	<<nlkn1>>	<<nlkn2>>	<<nlkn3>>	<<nlkn4>>
3	Kết quả đánh giá về kỹ thuật	<<kt1>>	<<kt2>>	<<kt3>>	<<kt4>>

4. Tổ chức thẩm định

4.1. Cơ sở pháp lý thành lập tổ thẩm định:

Tổ thẩm định được <<tenchudautu>> thành lập theo Quyết định số 230/QĐ-BQLDA ngày 09/3/2026 của <<tenchudautu>> để thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

4.2. Thành phần tổ thẩm định:

Số lượng, họ và tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định tại **Bảng số 1**.

Bảng số 1

STT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định	Phân công công việc của các thành viên
1	Nguyễn Văn Vẹn	Tổ trưởng	Điều hành Tổ thẩm định thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định. Chịu mọi trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về kết quả thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật
2	Trần Minh Đạt	Thành viên	Thực hiện công việc thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổ trưởng, Chủ đầu tư và pháp luật về kết quả thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật
3	Huỳnh Minh Tâm	Thành viên	Thực hiện công việc thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổ trưởng, Chủ đầu tư và pháp luật về kết quả thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật

4.3. Cách thức làm việc:

Tổ thẩm định làm việc theo nhóm, trường hợp trong Tổ thẩm định có một hoặc một số thành viên có ý kiến khác biệt so với đa số thành viên còn lại thì kết quả thẩm định theo số đông ý kiến thành viên, nếu số phiếu bằng nhau thì quyền quyết định thuộc về tổ trưởng.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

1.1. Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

Bảng số 01

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
1	- Quyết định phê duyệt dự án - Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh (nếu có)	x	
2	- Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có) - Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, - Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh (nếu có)	x	
3	Điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi nước ngoài		x
4	- Hồ sơ thiết kế, dự toán của gói thầu, yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có) hoặc điều khoản tham chiếu đối với gói thầu tư vấn. - Các văn bản về việc điều chỉnh các tài liệu nêu trên (nếu có)	x	
5	Quyết định phê duyệt danh sách ngắn (nếu có)		x
6	- Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu - Quyết định phê duyệt sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có)	x	
7	Quyết định thành lập Tổ chuyên gia/hợp đồng (nếu có) thuê cá nhân, tổ chức, đơn vị đánh giá hồ sơ dự thầu	x	
8	Báo cáo đánh giá do Tổ chuyên gia thực hiện	x	
9	Các văn bản pháp lý khác có liên quan bao gồm cả các văn bản về xử lý tình huống (nếu có)	x	

1.2. Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, Tổ thẩm định nhận xét: Cơ sở pháp lý của hồ sơ cơ bản bảo đảm theo quy định.

2. Quá trình tổ chức thực hiện

Tổ thẩm định kiểm tra và có ý kiến về quá trình tổ chức thực hiện theo các nội dung dưới đây:

2.1. Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu:

Kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu được tổng hợp tại **Bảng số 02** dưới đây:

Bảng số 02

STT	Nội dung kiểm tra	Thời gian thực tế thực hiện	Kết quả thẩm định	
			Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]	[4]
1	Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có)	Không có	-	-
2	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Ngày phê duyệt: <<ngaypheduyetKHLCNT>> Ngày đăng tải: <<dangtaiKHLCNT>>	x	
3	Thông báo mời thầu	Ngày đăng tải: <<thoidiemdangtaihsmt>>	x	
4	Thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu, thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu	Thời điểm thực tế phát hành hồ sơ mời thầu: <<thoidiemdangtaihsmt>>. Số ngày chuẩn bị hồ sơ dự thầu: từ <<thoidiemdangtaihsmt>> đến <<thoidiemdongthau>>; <<songaychuanbihsdt>>.	x	
5	Thời gian tổ chức hội nghị tiền đấu thầu (nếu có)	Không có	-	-
6	Thời gian tổ chức khảo sát hiện trường (nếu có)	Không có	-	-
7	Thời gian yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu của nhà thầu (nếu có)	Thời gian thực tế yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu của nhà thầu: <<thoigianyclr>>. Số lần yêu cầu làm rõ đối với gói thầu: <<solanlamro>>.	x	
8	Thời gian làm rõ hồ sơ mời thầu của Chủ	Thời gian thực tế làm rõ hồ sơ mời thầu:	x	

STT	Nội dung kiểm tra	Thời gian thực tế thực hiện	Kết quả thẩm định	
			Tuân thủ	Không tuân thủ
	đầu tư (nếu có)	<<thoigianlamrohsmt>>.		
9	Thời gian sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có)	Thời gian thực tế sửa đổi hồ sơ mời thầu: <<thoigiansuadoihsmt>>.	x	
10	Thời điểm đóng thầu	Thời điểm đóng thầu: <<thoidiemdongthau>>	x	
11	Gia hạn thời điểm đóng thầu	Số ngày gia hạn: <<songaygiahan>>. Thời điểm đóng thầu mới được gia hạn: <<thoidiemdongthaumoi>>.	x	
12	Mở thầu	Thời gian hoàn thành mở thầu: <<thoidiemmothau>>.	x	
13	Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu	Thời gian thực tế đánh giá hồ sơ dự thầu từ ngày mở thầu đến ngày trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu: từ <<thoidiemmothau>> đến ngày <<ngaytrinh>>. Tổng số ngày đánh giá: <<tongsongaydanhgia>>.	x	

b) Ý kiến thẩm định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 02**, Tổ thẩm định có ý kiến như sau: thời gian thực hiện các bước trong quá trình lựa chọn nhà thầu cơ bản phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn có liên quan; không phát hiện nội dung vi phạm quy định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

Nội dung phản ánh, kiến nghị: <<noidungkiennghi>>.

Ý kiến của Tổ thẩm định về nội dung kiến nghị: <<ykienkiennghi>>.

2.2. Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:

Kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu được tổng hợp tại **Bảng số 03** dưới đây:

Bảng số 03

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]
1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ	x	
2	Nội dung đánh giá về năng lực, kinh nghiệm	x	
3	Nội dung đánh giá về kỹ thuật	x	

b) Ý kiến thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 03**, Tổ thẩm định có ý kiến như sau:

- Việc đánh giá hồ sơ dự thầu đã được Tổ chuyên gia thực hiện theo tiêu chí và phương pháp đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu. Kết quả đánh giá, xếp hạng nhà thầu và việc loại bỏ các nhà thầu không đáp ứng yêu cầu được thực hiện trên cơ sở các tiêu chí đã được phê duyệt.

- Quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu cơ bản bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch; tại thời điểm thẩm định không phát hiện nội dung có thể làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

III. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA CÁC THÀNH VIÊN TỔ CHUYÊN GIA (NẾU CÓ)

1. Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên Tổ chuyên gia (nếu có): Không có.

2. Ý kiến thẩm định về các ý kiến khác biệt, bảo lưu nêu trên (nếu có): Không có.

IV. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA THÀNH VIÊN THAM GIA THẨM ĐỊNH TRONG ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH/TỔ THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ): Không có.

V. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Ý kiến thẩm định đối với gói thầu được tổng hợp tại **Bảng số 04** dưới đây:

Bảng số 04

STT	Nội dung kiểm tra	Ý kiến thẩm định	
		Thống nhất	Không thống nhất
	[1]	[2]	[3]

STT	Nội dung kiểm tra	Ý kiến thẩm định	
		Thống nhất	Không thống nhất
1	**Căn cứ pháp lý**	**x**	
2	**Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu**	**x**	
3	**Nội dung thẩm định kết quả đánh giá về kỹ thuật/hồ sơ đề xuất về kỹ thuật**	**x**	
3.1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ	x	
3.2	Nội dung đánh giá về năng lực, kinh nghiệm	x	
3.3	Nội dung đánh giá về kỹ thuật	x	

VI. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

Sau khi rà soát hồ sơ và trên cơ sở ý kiến của Phó Giám đốc Ban phụ trách phòng, Phòng Kế hoạch – Thẩm định có ý kiến như sau:

1. Nhận xét

Trên cơ sở các nhận xét theo từng nội dung nêu trên, đơn vị thẩm định/tổ thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về các nội dung như sau:

- Về cơ sở pháp lý: Hồ sơ trình thẩm định đã viện dẫn các căn cứ pháp lý liên quan đến việc tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan; cơ sở pháp lý của hồ sơ cơ bản bảo đảm theo quy định để xem xét kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Về kết quả đánh giá: Việc đánh giá hồ sơ dự thầu đã được Tổ chuyên gia thực hiện theo tiêu chí và phương pháp đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu; kết quả đánh giá và xếp hạng nhà thầu được xác định trên cơ sở các tiêu chí đã được phê duyệt.

- Về sự bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch trong quá trình tổ chức đấu thầu: Quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu cơ bản bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Ý kiến của Tổ thẩm định về danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật: Tổ thẩm định thống nhất với danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật do Tổ chuyên gia đề xuất.

2. Kiến nghị

Trên cơ sở đề nghị của Tổ chuyên gia về danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và nội dung tại báo cáo thẩm định này, Tổ thẩm định kiến nghị <<tenchudautu>> phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>> theo các nội dung sau:

STT	Tên nhà thầu	Điểm kỹ thuật *(nếu có)*	Xếp hạng *(nếu có)*
1	<<nhathaudapung1>>	<<diemkt1>>	<<xephang1>>
2	<<nhathaudapung2>>	<<diemkt2>>	<<xephang2>>
3	<<nhathaudapung3>>	<<diemkt3>>	<<xephang3>>
4	<<nhathaudapung4>>	<<diemkt4>>	<<xephang4>>
5	<<nhathaudapung5>>	<<diemkt5>>	<<xephang5>>

Báo cáo thẩm định này được lập bởi:

STT	Họ và tên	Chức vụ trong tổ thẩm định	Chữ ký
1	Trần Minh Đạt	Thành viên	
2	Huỳnh Minh Tâm	Thành viên	

Nơi nhận:
- Như trên;
- PGĐ. Nguyễn Anh Phương (báo cáo);
- <<phongnhan>>;
- Lưu: P.KHTĐ.

<<cbthamdinh>>

TỔ THẨM ĐỊNH
TỔ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Vẹn

Phụ lục

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH DANH SÁCH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

STT	Số hiệu, nội dung văn bản	Ghi chú
1	<<quyetdinhduan>>	File
2	<<quyetdinhkhlcnt>>	File
3	<<quyetdinhpheduyettkdt>>	File
4	<<quyetdinhdtgt>>	File
5	<<quyetdinhhsmt>>	File
6	Báo cáo số <<songaybaocaodanhgia>> của Tổ chuyên gia thuộc <<donvituvandauthau>> về việc báo cáo đánh giá HSĐXKT gói thầu <<tengoithau>>, dự án <<tenduan>>	File

MẪU SỐ 24

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
TỔ THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-KHTĐ

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu: <<tengoithau>>
thuộc dự án <<tenduan>>

Kính gửi: <<tenchudautu>>

Trên cơ sở Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu của tổ chuyên gia <<songaybaocaodanhgia>> của Tổ chuyên gia thuộc <<donvituvandauthau>> đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>, kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có) và các tài liệu liên quan kèm theo;

Kết quả thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu được tổng hợp theo các nội dung sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Căn cứ pháp lý

Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu được thẩm định trên cơ sở căn cứ pháp lý sau đây:

- Căn cứ <<luatdauthau>>;
- Căn cứ <<nghidinhdauthau>>;
- Căn cứ <<thongtudauthau>>;
- Căn cứ <<quyetdinhduan>>;
- Căn cứ <<kehoachvon>>;
- Căn cứ <<quyetdinhthanhlapban>>;
- Căn cứ <<quyetdinhdieuchinhchudautu>>;
- Căn cứ <<quyetdinhphancongnhiemvulanhdao>>;
- Căn cứ <<quyetdinhthanhlaptothamdinh>>;
- Căn cứ <<quyetdinhkhlcnt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhpheduyettkdt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhdtgt>>;

- Căn cứ <<quyetdinhhsmt>>;

- Căn cứ <<quyetdinhpheduyetkt>>;

- Căn cứ các tài liệu khác có liên quan.

2. Khái quát về dự án, gói thầu

2.1. Khái quát về dự án:

- Tên dự án: <<tenduan>>;

- Chủ đầu tư: <<tenchudautu>>;

- Tổng mức đầu tư: <<giatritongmuc>>;

- Địa điểm xây dựng: <<diadiemxaydung>>;

- Thời gian thực hiện dự án: <<thoigianthuchienduan>>.

2.2. Khái quát về gói thầu:

- Tên gói thầu: <<tengoithau>>;
- Nguồn vốn: <<nguonvon>>;
- Tổ chuyên gia: là các cá nhân thuộc <<donvituvandauthau>>;
- Dự toán gói thầu: <<giatridutoangoithau>> đồng;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: <<hinhthucluachonnhathau>>;
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: <<phuongthucluachonnhathau>>;
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: <<thoigiantochucluachonnhathau>>;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: <<thoigianbatdautochuclcnt>>;
- Loại hợp đồng: <<loaihopdong>>;
- Thời gian thực hiện gói thầu: <<thoigianthuchiengoithau>>;

- Địa điểm thực hiện gói thầu: <<diadiemxaydung>>;

- Phạm vi gói thầu: Theo <<quyetdinhpheduyettkdt>>.

2.3. Cơ sở pháp lý của việc lựa chọn nhà thầu:

- Căn cứ <<quyetdinhduan>>;
- Căn cứ <<quyetdinhkhlcnt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhpheduyettkdt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhdtgt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhhsmt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhpheduyetkt>>;

- Căn cứ Báo cáo số <<songaybaocaodanhgia>> của Tổ chuyên gia thuộc <<donvituvandauthau>> về việc báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu <<tengoithau>>, dự án <<tenduan>>;

- Căn cứ Kết quả đối chiếu tài liệu ngày <<ngaydoichieu>> giữa Chủ đầu

tư, Tổ chuyên gia thuộc <<donvituvandauthau>> và nhà thầu <<nhathaudoichieu>> đối với gói thầu <<tengoithau>>, dự án <<tenduan>>.

3. Tóm tắt quá trình lựa chọn nhà thầu

3.1. Thời gian trong lựa chọn nhà thầu:

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	**Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu**	
2	**Đăng tải KHLCNT**	Ngày phê duyệt: <<ngaypheduyetKHLCNT>> Ngày đăng tải: <<dangtaiKHLCNT>>
3	**Mời thầu**	
3.1	Đăng tải E-TBMT và phát hành E-HSMT	Số <<sothongbaomoithau>>, thời điểm đăng tải: <<thoidiemdangtaihsmt>>
3.2	Làm rõ E-HSMT	<<lamrohsmt>>
3.3	Sửa đổi E-HSMT	<<suadoihsmt>>
3.4	Thời điểm đóng thầu	<<thoidiemdongthau>>
4	**Mở thầu**	
4.1	Thời gian mở thầu	- Thời gian hoàn thành mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật: <<thoidiemmohsdxkt>>. - Thời gian hoàn thành mở hồ sơ đề xuất về tài chính: <<thoidiemmohsdxtc>>.
4.2	Các vấn đề khác trong quá trình mở thầu (nếu có)	<<vandemothau>>
5	**Đánh giá E-HSDT**	
	Thời gian đánh giá E-HSDT	Thời gian thực tế đánh giá hồ sơ dự thầu từ ngày mở thầu đến ngày trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu: - Thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (tính từ ngày mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đến ngày trình danh sách đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật): <<songaydanhgiakt>>. - Thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính (tính từ ngày mở hồ sơ đề xuất về tài chính đến ngày trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu: <<songaydanhgiatc>>. - Tổng số ngày đánh giá: <<tongsongaydanhgia>>.

3.2. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá E-HSDT:

STT	Nội dung	<<nhathau1>>	<<nhathau2>>	<<nhathau3>>	<<nhathau4>>
1	Kết quả đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT	<<hople1>>	<<hople2>>	<<hople3>>	<<hople4>>
2	Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm	<<nlkn1>>	<<nlkn2>>	<<nlkn3>>	<<nlkn4>>
3	Kết quả đánh giá về kỹ thuật	<<kt1>>	<<kt2>>	<<kt3>>	<<kt4>>
	Phương pháp giá thấp nhất				
4	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có) trừ giá trị giảm giá (nếu có), tính ưu đãi (nếu có)	<<gia1>> VND	<<gia2>> VND	<<gia3>> VND	<<gia4>> VND
5	Xếp hạng các E-HSDT	<<xephang1>>	<<xephang2>>	<<xephang3>>	<<xephang4>>

3.3. Kiến nghị của Tổ chuyên gia về kết quả lựa chọn nhà thầu:

Theo báo cáo đánh giá E-HSDT số <<songaybaocaodanhgia>> của Tổ chuyên gia thuộc <<donvituvandauthau>> thì nhà thầu <<nhathaudoichieu>> đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Vì vậy, <<nhathaudoichieu>> được mời vào đối chiếu tài liệu dự thầu.

- Kết quả đối chiếu tài liệu: Thống nhất;
- Các vấn đề trong quá trình đánh giá E-HSDT, các vấn đề phát sinh cần xử lý tình huống: Không có
- Thông tin về nhà thầu được đề nghị trúng thầu:
  + Tên nhà thầu: <<nhathaudoichieu>>;
  + Giá trúng thầu: <<giatrungthau>> đồng;
  + Loại hợp đồng: <<loaihopdong>>;
  + Thời gian thực hiện gói thầu: <<thoigianthuchienduthau>>.

4. Tổ chức thẩm định

4.1. Cơ sở pháp lý thành lập tổ thẩm định:

Tổ thẩm định được <<tenchudautu>> thành lập theo Quyết định số 230/QĐ-BQLDA ngày 09/3/2026 của <<tenchudautu>> để thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

4.2. Thành phần tổ thẩm định:

Số lượng, họ và tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định tại **Bảng số 1**.

Bảng số 1

STT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định	Phân công công việc của các thành viên
1	Nguyễn Văn Vẹn	Tổ trưởng	Điều hành Tổ thẩm định thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định. Chịu mọi trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về kết quả thẩm định KQLCNT
2	Trần Minh Đạt	Thành viên	Thực hiện công việc thẩm định KQLCNT, chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổ trưởng, Chủ đầu tư và pháp luật về kết quả thẩm định KQLCNT
3	Huỳnh Minh Tâm	Thành viên	Thực hiện công việc thẩm định KQLCNT, chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổ trưởng,

STT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định	Phân công công việc của các thành viên
			Chủ đầu tư và pháp luật về kết quả thẩm định KQLCNT

4.3. Cách thức làm việc:

Tổ thẩm định làm việc theo nhóm, trường hợp trong Tổ thẩm định có một hoặc một số thành viên có ý kiến khác biệt so với đa số thành viên còn lại thì kết quả thẩm định theo số đông ý kiến thành viên, nếu số phiếu bằng nhau thì quyền quyết định thuộc về tổ trưởng.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

1.1. Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

Bảng số 01

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
1	- Quyết định phê duyệt dự án - Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh (nếu có)	x	
2	- Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có) - Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, - Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh (nếu có)	x	
3	Điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi nước ngoài		x
4	- Hồ sơ thiết kế, dự toán của gói thầu, yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có) hoặc điều khoản tham chiếu đối với gói thầu tư vấn. - Các văn bản về việc điều chỉnh các tài liệu nêu trên (nếu có)	x	
5	Quyết định phê duyệt danh sách ngắn (nếu có)		x
6	- Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu	x	

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	- Quyết định phê duyệt sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có)		
7	Quyết định thành lập Tổ chuyên gia/hợp đồng (nếu có) thuê cá nhân, tổ chức, đơn vị đánh giá hồ sơ dự thầu	x	
8	Báo cáo đánh giá do Tổ chuyên gia thực hiện	x	
9	Các văn bản pháp lý khác có liên quan bao gồm cả các văn bản về xử lý tình huống (nếu có)	x	
10	Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có)		x
11	Biên bản đối chiếu tài liệu (nếu có);	x	

1.2. Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, Tổ thẩm định nhận xét: Cơ sở pháp lý của hồ sơ cơ bản bảo đảm theo quy định.

2. Quá trình tổ chức thực hiện

2.1. Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu:

Kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu được tổng hợp tại **Bảng số 02** dưới đây:

Bảng số 02

STT	Nội dung kiểm tra	Thời gian thực tế thực hiện	Kết quả thẩm định	
			Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]	[4]
1	Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có)	Không có	-	-
2	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Ngày phê duyệt: <<ngaypheduyetKHLCNT>> Ngày đăng tải: <<dangtaiKHLCNT>>	x	
3	Thông báo mời thầu	Ngày đăng tải: <<thoidiemdangtaihsmt>>	x	

STT	Nội dung kiểm tra	Thời gian thực tế thực hiện	Kết quả thẩm định	
			Tuân thủ	Không tuân thủ
4	Thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu, thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu	Thời điểm thực tế phát hành hồ sơ mời thầu: <<thoidiemdangtaihsmt>>. Số ngày chuẩn bị hồ sơ dự thầu: từ <<thoidiemdangtaihsmt>> đến <<thoidiemdongthau>>; <<songaychuanbihsdt>>.	x	
5	Thời gian tổ chức hội nghị tiền đấu thầu (nếu có)	Không có	-	-
6	Thời gian tổ chức khảo sát hiện trường (nếu có)	Không có	-	-
7	Thời gian yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu của nhà thầu (nếu có)	Thời gian thực tế yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu của nhà thầu: <<thoigianyclr>>. Số lần yêu cầu làm rõ đối với gói thầu: <<solanlamro>>.	x	
8	Thời gian làm rõ hồ sơ mời thầu của Chủ đầu tư (nếu có)	Thời gian thực tế làm rõ hồ sơ mời thầu: <<thoigianlamrohsmt>>.	x	
9	Thời gian sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có)	Thời gian thực tế sửa đổi hồ sơ mời thầu: <<thoigiansuadoihsmt>>.	x	
10	Thời điểm đóng thầu	Thời điểm đóng thầu: <<thoidiemdongthau>>	x	
11	Gia hạn thời điểm đóng thầu	Số ngày gia hạn: <<songaygiahan>>. Thời điểm đóng thầu mới được gia hạn: <<thoidiemdongthaumoi>>.	x	
12	Mở thầu	- Thời gian hoàn thành mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật: <<thoidiemmohsdxkt>>. - Thời gian hoàn thành mở hồ sơ đề xuất về tài chính: <<thoidiemmohsdxtc>>.	x	
13	Thời gian	Thời gian thực tế đánh giá hồ sơ dự thầu từ	x	

STT	Nội dung kiểm tra	Thời gian thực tế thực hiện	Kết quả thẩm định	
			Tuân thủ	Không tuân thủ
	đánh giá hồ sơ dự thầu	ngày mở thầu đến ngày trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu: - Thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (tính từ ngày mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đến ngày trình danh sách đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật): <<songaydanhgiakt>>. - Thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính (tính từ ngày mở hồ sơ đề xuất về tài chính đến ngày trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu: <<songaydanhgiatc>>. - Tổng số ngày đánh giá: <<tongsongaydanhgia>>.		

b) Ý kiến thẩm định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 02**, Tổ thẩm định có ý kiến như sau: thời gian thực hiện các bước trong quá trình lựa chọn nhà thầu cơ bản phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn có liên quan; không phát hiện nội dung vi phạm quy định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

Nội dung phản ánh, kiến nghị: <<noidungkiennghi>>.

Ý kiến của Tổ thẩm định về nội dung kiến nghị: <<ykienkiennghi>>.

2.2. Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:

Kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu được tổng hợp tại **Bảng số 03** dưới đây:

Bảng số 03

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]
1	**Nội dung thẩm định kết quả đánh giá về kỹ thuật/hồ sơ đề xuất về kỹ thuật**	**x**	
1.1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ	x	

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ	Không tuân thủ
1.2	Nội dung đánh giá về năng lực, kinh nghiệm	x	
1.3	Nội dung đánh giá về kỹ thuật	x	
2	**Nội dung thẩm định kết quả đánh giá về tài chính/hồ sơ đề xuất về tài chính**	**x**	
2.1	Nội dung đánh giá về tài chính/hồ sơ đề xuất về tài chính	x	

b) Ý kiến thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 03**, Tổ thẩm định có ý kiến như sau:

- Việc đánh giá hồ sơ dự thầu đã được Tổ chuyên gia thực hiện theo tiêu chí và phương pháp đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu. Kết quả đánh giá, xếp hạng nhà thầu và việc loại bỏ các nhà thầu không đáp ứng yêu cầu được thực hiện trên cơ sở các tiêu chí đã được phê duyệt.

- Quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu cơ bản bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế; tại thời điểm thẩm định không phát hiện nội dung có thể làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

III. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA CÁC THÀNH VIÊN TỔ CHUYÊN GIA (NẾU CÓ)

1. Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên Tổ chuyên gia (nếu có): Không có.

2. Ý kiến thẩm định về các ý kiến khác biệt, bảo lưu nêu trên (nếu có): Không có.

IV. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA THÀNH VIÊN THAM GIA THẨM ĐỊNH TRONG TỔ THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ): Không có.

V. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Ý kiến thẩm định đối với gói thầu được tổng hợp tại **Bảng số 04** dưới đây:

Bảng số 04

STT	Nội dung kiểm tra	Ý kiến thẩm định	
		Thống nhất	Không thống nhất
	[1]	[2]	[3]

STT	Nội dung kiểm tra	Ý kiến thẩm định	
		Thống nhất	Không thống nhất
1	**Căn cứ pháp lý**	**x**	
2	**Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu**	**x**	
3	**Nội dung thẩm định kết quả đánh giá về kỹ thuật/hồ sơ đề xuất về kỹ thuật**	**x**	
3.1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ	x	
3.2	Nội dung đánh giá về năng lực, kinh nghiệm	x	
3.3	Nội dung đánh giá về kỹ thuật	x	
4	**Nội dung thẩm định kết quả đánh giá về tài chính/hồ sơ đề xuất về tài chính**	**x**	
3.4	Nội dung đánh giá về tài chính/hồ sơ đề xuất về tài chính	x	

VI. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Sau khi rà soát hồ sơ và trên cơ sở ý kiến của Phó Giám đốc Ban phụ trách phòng, Phòng Kế hoạch – Thẩm định có ý kiến như sau:

1. Nhận xét

Trên cơ sở các nhận xét theo từng nội dung nêu trên, tổ thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về các nội dung như sau:

- Về cơ sở pháp lý: Hồ sơ trình thẩm định đã viện dẫn các căn cứ pháp lý liên quan đến việc tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan; cơ sở pháp lý của hồ sơ cơ bản bảo đảm theo quy định để xem xét kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Về kết quả đánh giá: Việc đánh giá hồ sơ dự thầu đã được Tổ chuyên gia thực hiện theo tiêu chí và phương pháp đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu; kết quả đánh giá và xếp hạng nhà thầu được xác định trên cơ sở các tiêu chí đã được phê duyệt.

- Về sự bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch trong quá trình tổ chức đấu thầu: Quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu cơ bản bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Ý kiến của Tổ thẩm định về kết quả lựa chọn nhà thầu: Tổ thẩm định thống nhất với kết quả lựa chọn nhà thầu do Tổ chuyên gia đề xuất.

2. Kiến nghị

Trên cơ sở đề nghị của Tổ chuyên gia về kết quả lựa chọn nhà thầu và nội dung tại báo cáo thẩm định này, Tổ thẩm định kiến nghị <<tenchudautu>> phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>> theo các nội dung sau:

- Tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu: <<nhathaudoichieu>>;
- Giá đề nghị trúng thầu: <<giatrungthau>> đồng;
- Loại hợp đồng: <<loaihopdong>>;
- Thời gian thực hiện gói thầu: <<thoigianthuchienduthau>>;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: <<thoigianthuchienhopdong>>;
- Các nội dung kiến nghị cần lưu ý (nếu có).

Báo cáo thẩm định này được lập bởi:

STT	Họ và tên	Chức vụ trong tổ thẩm định	Chữ ký
1	Trần Minh Đạt	Thành viên	
2	Huỳnh Minh Tâm	Thành viên	

Nơi nhận:
- Như trên;
- PGĐ. Nguyễn Anh Phương (báo cáo);
- <<phongnhan>>;
- Lưu: P.KHTĐ.

<<cbthamdinh>>

TỔ THẨM ĐỊNH
TỔ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Vẹn

Phụ lục

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

STT	Số hiệu, nội dung văn bản	Ghi chú
1	<<quyetdinhduan>>	File
2	<<quyetdinhkhlcnt>>	File
3	<<quyetdinhpheduyettkdt>>	File
4	<<quyetdinhdtgt>>	File
5	<<quyetdinhhsmt>>	File
6	<<quyetdinhpheduyetkt>>	File
7	Báo cáo số <<songaybaocaodanhgia>> của Tổ chuyên gia thuộc <<donvituvandauthau>> về việc báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu <<tengoithau>>, dự án <<tenduan>>	File
8	Biên bản đối chiếu tài liệu ngày <<ngaydoichieu>>	File

MẪU SỐ 25

[ĐƠN VỊ TRÌNH[1]]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:____	___, *ngày*___*tháng*__*năm*___

TỜ TRÌNH[2]
Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
dự án, dự toán mua sắm:___*[tên dự án, dự toán mua sắm]*

Kính gửi:___ *[người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu[3]]*

[Đơn vị trình] trình *[người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án, dự toán mua sắm[4]

1. Đối với dự án, phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án

- Tổng mức đầu tư[5]

- Chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư;

- Nguồn vốn;

- Thời gian thực hiện dự án;

- Địa điểm, quy mô dự án;

- Các thông tin khác (nếu có).

---

[1] Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22, khoản 23 Điều 1 của Luật số 90/2025/QH15), chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Đối với gói thầu đấu thầu trước theo quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư thì người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Đơn vị trình là đơn vị được giao lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

[2] Trường hợp đã lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu thì cần đảm bảo nội dung của kế hoạch lựa chọn nhà thầu phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu. Trong trường hợp này, đơn vị trình không cần giải trình, nêu lý do đối với các nội dung phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu; trường hợp các nội dung của kế hoạch lựa chọn nhà thầu khác với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu thì chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định mà không phải trình, phê duyệt lại kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

[3] Được xác định căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22, khoản 23 Điều 1 của Luật số 90/2025/QH15).

[4] Đối với công việc lập quy hoạch, căn cứ vào nhiệm vụ quy hoạch (nếu có), không căn cứ quyết định phê duyệt dự án.

[5] Đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì thay bằng "dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư"

2. Đối với dự toán mua sắm, phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự toán mua sắm như sau:

a) Dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo niên độ ngân sách hoặc dự kiến dự toán ngân sách nhà nước được cấp trong năm ngân sách hoặc dự kiến dự toán ngân sách nhà nước được cấp cho các năm kế tiếp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm; dự kiến nguồn tài chính hợp pháp trong năm tài chính hoặc dự kiến nguồn tài chính hợp pháp cho các năm kế tiếp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm;

b) Giá trị phần công việc mua sắm đã thực hiện trong năm tài chính, năm ngân sách. Không liệt kê phần công việc đã thực hiện tại điểm b này vào Bảng số 1 Mục III.

c) Phần kinh phí không dùng để mua sắm;

d) Dự toán mua sắm, được xác định bằng kinh phí quy định tại điểm a khoản này trừ kinh phí quy định tại điểm b và điểm c khoản này. Chủ đầu tư không phải thẩm định, phê duyệt dự toán mua sắm.

Trường hợp chủ đầu tư có sẵn kinh phí để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính và không dùng nguồn thu dự kiến trong năm thì không phải xác định dự toán mua sắm theo quy định tại khoản này. Trong trường hợp này, dự toán mua sắm là khoản kinh phí có sẵn dùng để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính. Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng dài hơn 01 năm hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực và ngày hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng không cùng một năm tài chính thì nêu rõ dự toán mua sắm của năm ngân sách, năm tài chính và dự kiến dự toán mua sắm của các năm tiếp theo.

Đối với mua sắm tập trung thực hiện trên cơ sở tổng hợp khối lượng mua sắm của các đơn vị có nhu cầu mua sắm hoặc mua sắm theo quy định tại khoản 5 Điều 53 Luật Đấu thầu, dự toán mua sắm được xác định bằng tổng chi phí dự kiến để thực hiện gói thầu mà không cần xác định dự toán mua sắm theo Mục I.2. Đơn vị có nhu cầu mua sắm tự chịu trách nhiệm bảo đảm nguồn vốn để thanh toán cho nhà thầu đối với phần khối lượng hàng hóa, dịch vụ gửi mua sắm tập trung.

Trong phần này cũng nêu rõ tên chủ đầu tư; năm ngân sách, năm tài chính của dự toán mua sắm.

Trường hợp hình thành dự án đầu tư đối với dự toán mua sắm và tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với dự án đầu tư thì tại Mục I (Mô tả tóm tắt dự án, dự toán mua sắm) chỉ cần giới thiệu khái quát thông tin về dự án theo hướng dẫn tại Mục I.1 mà không phải giới thiệu khái quát thông tin về dự toán mua sắm theo hướng dẫn tại Mục I.2. Trong trường hợp này, cần nêu rõ dự án đầu tư thuộc dự toán mua sắm. Thủ tục trình, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các nội dung trong đấu thầu thực hiện theo quy định như đối với dự án đầu tư.

II. Căn cứ pháp lý

Căn cứ___ [Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15];

Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ __[Ghi số, ngày ban hành và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Đối với dự án nêu căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 38[6] của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023];

- Đối với dự toán mua sắm nêu căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023].

III. Phần công việc đã thực hiện(1)

Bảng số 1

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu(2)	Đơn vị thực hiện(3)	Giá trị(4)	Văn bản phê duyệt(5)
1				
2				
…				
Tổng giá trị [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5]				

Ghi chú:

(1) Phần công việc đã thực hiện bao gồm nội dung công việc liên quan đến chuẩn bị dự án, các gói thầu, công việc khác đã được thực hiện (gồm cả gói thầu đã được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng chưa lựa chọn được nhà thầu, gói thầu đã lựa chọn nhà thầu nhưng chưa ký hợp đồng, gói thầu đã ký kết và đang thực hiện hợp đồng, gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đã thực hiện) với giá trị tương ứng và văn bản phê duyệt là căn cứ pháp lý để thực hiện.

(2) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.

(3) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.

(4) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền (ghi theo giá trị thanh lý, nghiệm thu hoặc giá hợp đồng… tùy theo giá trị nào gần nhất với thời điểm trình).

(5) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc,…).

(6) Đối với dự toán mua sắm, không cần điền nội dung tại Bảng số 1.

---

[6] được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Luật số 57/2024/QH15

IV. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu(1)

Bảng số 2

STT	Nội dung công việc(2)	Đơn vị thực hiện(3)	Giá trị(4)
1			
2			
…			
Tổng giá trị [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5]			

Ghi chú:

(1) Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu bao gồm: hoạt động của ban quản lý dự án, tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng[7], trả lãi vay; các công việc do chủ đầu tư tự tiến hành bao gồm lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (nếu có); đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có); các công việc khác không áp dụng được các hình thức lựa chọn nhà thầu với giá trị tương ứng. Phần này bao gồm cả các gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng dự kiến sẽ mua sắm theo quy trình quy định tại khoản 4 Điều 80 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP). Trường hợp gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu mà dự kiến hình thành gói thầu để tổ chức lựa chọn nhà thầu theo các hình thức: đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp, chỉ định thầu, tự thực hiện, tham gia của cộng đồng, lựa chọn nhà thầu theo trường hợp đặc biệt, chào giá trực tuyến, mua sắm trực tuyến thì các gói thầu này thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu tại Mục V. Trường hợp chủ đầu tư chưa dự kiến được gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng có thể phát sinh trong năm tài chính, năm ngân sách thì phần công việc này thuộc phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu tại Mục VI.

(2) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã thực hiện được kê khai tại Bảng 1.

(3) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).

(4) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.

V. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu(1):

[7] Đối với nội dung tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng, đối với các công việc mà Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng tự làm (ví dụ: tổ chức họp với người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản; trình duyệt, công khai phương án bồi thường, bàn giao chi phí bồi thường..,) thì thuộc phần công việc không áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu ở Mục IV. Đối với các hạng mục công việc phải hình thành gói thầu để thuê tư vấn thực hiện thì ghi vào phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu ở Mục V.

Bảng số 3

Stt	Tên chủ đầu tư[2]	Tên gói thầu[3]		Giá gói thầu[4]	Nguồn vốn[5]	Hình thức lựa chọn nhà thầu[6]	Phương thức lựa chọn nhà thầu[7]	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu[8]	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu[9]	Loại hợp đồng[10]	Thời gian thực hiện gói thầu[11]	Tùy chọn mua thêm[12])
		Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*									
1												
2												
Tổng giá gói thầu *[kết chuyển sang **Bảng số 5**]*												

Ghi chú:

(1) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu. Đơn vị trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu rõ cơ sở của việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu tại Mục V.2 của tờ trình này.

(2) Điền tên chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu đấu thầu trước theo quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án.

(3) Ghi tên gói thầu vào cột "Tên gói thầu"; nêu tóm tắt phạm vi công việc chính của gói thầu vào cột "Tóm tắt công việc chính của gói thầu".

Nội dung, phạm vi công việc của gói thầu phù hợp với nội dung nêu trong quyết định phê duyệt dự án, phù hợp với dự toán mua sắm. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần riêng biệt thì tên của từng phần cần thể hiện nội dung cơ bản của từng phần.

(4) Giá gói thầu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

(5) Nguồn vốn thực hiện theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 38, khoản 3 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

(6) Hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 39 của Luật Đấu thầu; việc áp dụng từng hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II Luật Đấu thầu, các khoản từ 12 đến 17 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15; Mục 2 Chương IV, Mục 2, Mục 3 Chương VII Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Đối với mỗi gói thầu, ghi rõ lựa chọn nhà thầu trong nước hay quốc tế; đấu thầu qua mạng hay không qua mạng.

Đối với gói thầu chỉ định thầu quy định tại khoản 3 Điều 80 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trường hợp đề xuất áp dụng quy trình rút gọn thì ghi "chỉ định

thầu rút gọn" vào Mục này; trường hợp đề xuất áp dụng quy trình thông thường thì ghi "chỉ định thầu thông thường" vào Mục này.

Đối với chào giá trực tuyến, ghi rõ chào giá trực tuyến thông thường hoặc chào giá trực tuyến rút gọn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 99 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đối với lựa chọn nhà thầu tư vấn cá nhân, ghi rõ lựa chọn tư vấn cá nhân thông thường hoặc lựa chọn tư vấn cá nhân quy trình rút gọn theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

(7) Phương thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương II Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18, 19 Điều 1 Luật Đấu thầu số 90/2025/QH15). Trong đó, phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được áp dụng đối với: Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn; Đấu thầu rộng rãi đối với gói thầu hỗn hợp tổ chức đấu thầu quốc tế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Luật Đấu thầu, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15); Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu mua thuốc, vật tư y tế, thiết bị y tế; đấu thầu rộng rãi gói thầu có yêu cầu sử dụng công nghệ hoặc sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghệ cao theo quy định tại khoản 1a Điều 31 Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 19 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15).

Đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy trình rút gọn, tự thực hiện, tham gia thực hiện của cộng đồng, đàm phán giá, chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn, mua sắm trực tuyến, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt thì không ghi nội dung này.

(8) Ghi tổng thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu (là số ngày tối đa tính từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến khi có kết quả lựa chọn nhà thầu, bao gồm cả thời gian thẩm định (nếu có). Trường hợp cần thiết, có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, thời gian thẩm định (nếu có) vào mục này.

Trường hợp gói thầu có lựa chọn danh sách ngắn thì thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu bao gồm cả thời gian lựa chọn danh sách ngắn tính từ ngày phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm đến khi có kết quả lựa chọn danh sách ngắn (có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, thời gian thẩm định (nếu có)).

Đối với trường hợp xử lý tình huống theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và trường hợp hủy thầu theo quy định tại khoản 1

Điều 17[8] của Luật Đấu thầu, không phải điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

(9) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

(10) Loại hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu máy đặt, máy mượn, chỉ áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh hoặc kết hợp hợp đồng theo đơn giá cố định và hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

(11) Thời gian thực hiện gói thầu thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

Thời gian thực hiện gói thầu cần phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, dự toán mua sắm. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì quy định cụ thể thời gian thực hiện gói thầu cho từng phần.

Đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung, thời gian thực hiện gói thầu căn cứ theo thỏa thuận khung.

(12) Tùy chọn mua thêm chỉ áp dụng đối với gói thầu đấu thầu rộng rãi, đàm phán giá và thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Trường hợp áp dụng tùy chọn mua thêm thì ghi rõ khối lượng, số lượng có thể mua bổ sung theo tỷ lệ phần trăm so với khối lượng tương ứng của hợp đồng nhưng bảo đảm không vượt 30%; nêu giá trị ước tính tương ứng. Trường hợp không áp dụng tùy chọn mua thêm thì ghi "không áp dụng".

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp áp dụng tùy chọn mua thêm, chủ đầu tư phê duyệt dự toán riêng cho tùy chọn mua thêm làm căn cứ thực hiện mua thêm. Đối với gói thầu chia làm nhiều phần, mỗi phần đều được chọn áp dụng tùy chọn mua thêm không vượt quá tỷ lệ phần trăm ghi tại kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Dự toán cho tùy chọn mua thêm có thể phê duyệt theo từng phần hoặc phê duyệt chung cho các phần.

Đối với gói thầu máy đặt, máy mượn, khuyến nghị chủ đầu tư xem xét, áp dụng tùy chọn mua thêm.

Chủ đầu tư quyết định áp dụng hoặc không áp dụng việc gói thầu có giá gói thầu dưới 500 triệu đồng đối với dự toán mua sắm chỉ cho phép nhà thầu có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực được tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp chủ đầu tư quyết định áp dụng mà không có nhà thầu tham dự hoặc không có nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì tổ chức đấu thầu lại và cho phép các loại hình nhà thầu khác được tham dự

[8] được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Luật số 57/2024/QH15, khoản 11 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15,

thầu. Việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp này căn cứ ghi chú (6).

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

*Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại **Bảng số 3**, cụ thể như sau:*

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: *[giải trình cơ sở phân chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu. Việc phân chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, dự toán mua sắm, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:*

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, dự toán mua sắm, không được chia công việc của dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, dự toán mua sắm;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, dự toán mua sắm năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

Việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu];

Việc phân chia thành các gói thầu EPC, EP, EC, PC phải đảm bảo phù hợp với pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có), đồng thời đảm bảo quy định tại Điều 37 của Luật Đấu thầu, không được phân chia thành các gói thầu này nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu theo quy định tại điểm l khoản 6 Điều 16 Luật Đấu thầu.

b) Giá gói thầu;

c) Nguồn vốn;

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;

đ) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu;

e) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;

g) Loại hợp đồng;

h) Thời gian thực hiện gói thầu;

i) Tùy chọn mua thêm (nếu có);

VI. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)

Trường hợp tại thời điểm lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án, dự toán mua sắm có những phần công việc chưa đủ điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì cần nêu rõ nội dung và giá trị của phần công việc này tại Bảng số 4.

Bảng số 4

STT	Nội dung	Giá trị
1		
2		
3		
...		
Tổng giá trị *[kết chuyển sang **Bảng số 5**]*		

VII. Tổng giá trị các phần công việc

Bảng số 5

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
Tổng giá trị các phần công việc		
Tổng mức đầu tư của dự án, dự toán mua sắm hoặc dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư		*[ghi giá trị]*

VIII. Kiến nghị

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, *[đơn vị trình]* đề nghị___*[người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm:___*[ghi tên dự án, dự toán mua sắm]*.

Kính trình *[người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu]* xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ TRÌNH
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

DANH MỤC TÀI LIỆU

(Kèm theo Tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu)

STT	Nội dung	Ghi chú
I	**Đối với dự án**	
1	*Quyết định phê duyệt dự án và tài liệu có liên quan, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án; quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và tài liệu có liên quan đối với gói thầu tư vấn lập quy hoạch và các gói thầu phục vụ công tác lập quy hoạch, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và trường hợp không phải phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì căn cứ theo quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư;*	*Bản chụp*
2	*Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có)*	*Bản chụp*
3	*Tài liệu về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công*	*Bản chụp*
4	*Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án đối với các dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023.*	*Bản chụp*
5	*Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay về vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi nước ngoài, trừ trường hợp đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023.*	*Bản chụp*
6	*Văn bản pháp lý có liên quan*	
II	**Đối với dự toán mua sắm**	
1	*Tài liệu về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (nếu có)*	*Bản chụp*
3	*Văn bản pháp lý có liên quan*	

MẪU SỐ 26

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH
PHÒNG KẾ HOẠCH – THẨM ĐỊNH

Số: /BCTĐ-KHTĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày……tháng……năm 2026

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

<<NDTHAMDINH>>

Dự án: <<tenduan>>

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng
Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Trên cơ sở Tờ trình số <<songaytotrinh>> của <<phongtrinh>> về việc thẩm định <<ndthamdinh>> thuộc dự án <<tenduan>> và các tài liệu liên quan được cung cấp.

Phòng Kế hoạch – Thẩm định tổ chức thẩm định khi nhận đầy đủ hồ sơ trình thẩm định <<ndthamdinh>> thuộc dự án <<tenduan>> từ ngày <<ngaybatdauthamdinh>> đến ngày <<ngayketthucthamdinh>> và báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN:

1. Căn cứ pháp lý:

- *Căn cứ <<luatdauthau>>;*
- *Căn cứ <<nghidinhdauthau>>;*
- *Căn cứ <<thongtukhlcnt>>;*
- *Căn cứ <<quyetdinhthanhlapban>>;*
- *Căn cứ <<quydinhchucnangnhiemvuBan>>;*
- *Căn cứ <<quydinhchucnangnhiemvuphong>>;*
- *Căn cứ <<chutruongdautu>>;*
- *Căn cứ <<quyetdinhduan>>;*
- *Căn cứ <<nghiquyetvontrunghan>>;*
- *Căn cứ <<kehoachvon>>;*
- *Căn cứ <<quyetdinhdutoan>>;*

- *Căn cứ <<cancukhaccolienquan>>;*

- *Căn cứ <<totrinhthamdinh>>.*

2. Thông tin cơ bản:

- Tên dự án: <<tenduan>>.

- Tổng mức đầu tư: <<giatritongmuc>> đồng.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

- Nguồn vốn: <<nguonvon>>.

- Thời gian thực hiện dự án: <<thoigianthuchienduan>>.

- Địa điểm xây dựng: <<diadiemxaydung>>.

- Nhóm dự án: <<nhomcapcongtrinh>>.

- Quy mô đầu tư xây dựng: theo <<quyetdinhduan>>.

3. Tóm tắt nội dung văn bản trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Phòng Kế hoạch – Thẩm định tóm tắt các nội dung thẩm định, cụ thể như sau:

a) Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện: **<<giatridathuchien>> đồng**.

b) Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: **<<giatrikhongapdung>> đồng**.

c) Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: **<<giatrikehoach>> đồng**.

d) Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): **<<giatrichuadudieukien>> đồng**.

đ) Tổng giá trị các phần công việc (làm tròn): **<<tongcong>> đồng**.

e) Tổng mức đầu tư dự án: **<<tongcongdm>> đồng**.

4. Tổ chức thẩm định:

a) Đơn vị thẩm định

Đơn vị thẩm định là Phòng Kế hoạch – Thẩm định thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh thực hiện thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

b) Cách thức làm việc:

Sau khi nhận Tờ trình số <<songaytotrinh>> của <<phongtrinh>> về việc đề nghị thẩm định <<ndthamdinh>> và hồ sơ kèm theo, Phòng Kế hoạch - Thẩm định đã tổ chức thẩm định <<ndthamdinh>> thuộc dự án <<tenduan>>.

Việc thẩm định được thực hiện theo hình thức cá nhân.

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo Bảng số 1 dưới đây:

Bảng số 1

TT	Nội dung	Kết quả thẩm định	
		Có	Không
	(1)	(2)	(3)
	<<quyetdinhduan>>	x	
	Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có)		x
	<<nghiquyetvontrunghan>>	x	
	<<kehoachvon>>	x	
	Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, trừ trường hợp đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu.		x
	Văn bản pháp lý có liên quan.	x	

b) Ý kiến thẩm định về căn cứ pháp lý: đảm bảo cơ sở thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Đấu thầu.

2. Phân chia dự án thành các gói thầu:

Thống nhất với phương án phân chia gói thầu theo nội dung Tờ trình số <<songaytotrinh>> của <<phongtrinh>>.

<<phongtrinh>> chịu trách nhiệm về việc phân chia gói thầu, bảo đảm tuân thủ quy định tại khoản 1, 4 Điều 37 Luật Đấu thầu và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Mục V – Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Mẫu số 02A (Mẫu tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu) ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính.

3. Nội dung tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Phần công việc không thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Phần công việc đã thực hiện: thống nhất theo nội dung tại Tờ trình số

<<songaytotrinh>> của <<phongtrinh>>.

- Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: thống nhất theo nội dung tại Tờ trình số <<songaytotrinh>> của <<phongtrinh>>.

- Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): thống nhất theo nội dung tại Tờ trình số <<songaytotrinh>> của <<phongtrinh>>.

b) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến về kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các nội dung theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH NỘI DUNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU			
		Kết quả thẩm định	
STT	**Nội dung thẩm định**	**Tuân thủ, phù hợp**	**Không tuân thủ hoặc không phù hợp**
	(1)	(2)	(3)
1	*Tên gói thầu, bao gồm cả nội dung công việc chính của gói thầu*	x	
2	*Giá gói thầu*	x	
3	*Nguồn vốn*	x	
4	*Hình thức lựa chọn nhà thầu*	x	
5	*Phương thức lựa chọn nhà thầu*	x	
6	*Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu*	x	
7	*Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu*	x	
8	*Loại hợp đồng*	x	
9	*Thời gian thực hiện gói thầu*	x	
10	*Tùy chọn mua thêm*	Không áp dụng	

c) Ý kiến thẩm định về tổng giá trị các phần công việc:

Tổng giá trị các phần công việc trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu không vượt tổng mức đầu tư dự án được phê duyệt tại <<quyetdinhduan>>.

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Sau khi rà soát hồ sơ và trên cơ sở ý kiến của Phó Giám đốc Ban phụ trách phòng, Phòng Kế hoạch – Thẩm định có ý kiến như sau:

1. Nhận xét về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

1.1. Về nguyên tắc và căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Phù hợp với quy định tại Điều 37 và Điều 38 Luật Đấu thầu 2023, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư, đấu thầu ngày 25/6/2025.

1.2. Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho các gói thầu:

- Nguồn vốn: phù hợp theo nguồn vốn đã duyệt tại <<kehoachvon>>.

- Khả năng cân đối vốn:

Dự án dự kiến được bố trí nguồn vốn theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030 tại <<nghiquyetvontrunghan>>, trong đó năm 2026 được giao kế hoạch vốn là <<von2026>> theo <<kehoachvon>>, đảm bảo khả năng cân đối vốn triển khai các gói thầu và không gây nợ đọng.

<<phongtrinh>> triển khai thực hiện các gói thầu khi xác định được cụ thể nguồn vốn thanh toán, đảm bảo phù hợp với lộ trình bố trí vốn, không phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản. Đồng thời, chỉ triển khai thực hiện, nghiệm thu khối lượng hoàn thành khi đảm bảo khả năng thanh toán cho nhà thầu, không để xảy ra nợ đọng.

<<phongtrinh>> chịu trách nhiệm về việc tổ chức lựa chọn nhà thầu đảm bảo không vi phạm khoản 9 Điều 16 Luật Đấu thầu 2023, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư, đấu thầu ngày 25/6/2025 *"9. Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi chưa xác định được nguồn vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 39, trừ trường hợp đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật này"*.

1.3. Về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu:

- Về tên gói thầu:

Tên các gói thầu phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Đấu thầu 2023 và hướng dẫn tại phần Ghi chú số 3 mục V của Mẫu số 02A. Mẫu tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu ban hành kèm theo Thông tư 79/2025/TT-BTC.

- Về giá gói thầu:

<<giagoithau>>.

<<phongtrinh>> chịu trách nhiệm tính toán cụ thể và cập nhật lại giá gói thầu làm cơ sở lựa chọn nhà thầu đảm bảo phù hợp quy định hiện hành về giá gói thầu tại khoản 2 Điều 39 Luật Đấu thầu 2023 và khoản 1 Điều 18 Nghị định 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp cần điều chỉnh giá gói thầu thì xử lý tình huống theo quy định tại khoản 1, 2, 8 Điều 140 Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

- Về hình thức lựa chọn nhà thầu các gói thầu, <<phongtrinh>> đề xuất như sau:

+ Các gói thầu số <<sogoithauchidinh>>, <<phongtrinh>> đề xuất hình thức lựa chọn nhà thầu là "Chỉ định thầu rút gọn" phù hợp với hạn mức chỉ định thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 78 và khoản 2 Điều 80 Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

+ Các gói thầu số <<sogoithauchidinhthongthuong>>, <<phongtrinh>> đề xuất hình thức lựa chọn nhà thầu là "Chỉ định thầu thông thường" phù hợp với quy định tại điều 78 và khoản 1 Điều 79 Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

+ Các gói thầu số <<chaohangcanhtranh>>, <<phongtrinh>> đề xuất hình thức lựa chọn nhà thầu là "Chào hành cạnh tranh qua mạng" phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật Đấu thầu và Điều 81 Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

+ Các gói thầu số <<dauthaurongrai>>, <<phongtrinh>> đề xuất hình thức lựa chọn nhà thầu là "Đấu thầu rộng rãi qua mạng" phù hợp với quy định tại Điều 21 của Luật Đấu thầu.

- Về phương thức lựa chọn nhà thầu các gói thầu:

+ Các gói thầu số <<khongghiphuongthuc>>, không ghi phương thức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Luật Đấu thầu 2023 và hướng dẫn tại phần Ghi chú số 7 mục V của Mẫu số 02A. Mẫu tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu ban hành kèm theo Thông tư 79/2025/TT-BTC.

+ Các gói thầu số <<01giaidoan01tuihs>>, phương thức lựa chọn nhà thầu là "một giai đoạn một túi hồ sơ" phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Luật Đấu thầu 2023 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư, đấu thầu ngày 25/6/2025.

+ Các gói thầu <<01giaidoan02tuihs>>, phương thức lựa chọn nhà thầu là "một giai đoạn hai túi hồ sơ" phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Đấu thầu 2023 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư, đấu thầu ngày 25/6/2025.

- Về thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu:

+ Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu số <<chaohangcanhtranh>>, <<dauthaurongrai>> phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 39 Luật Đấu thầu 2023, khoản 7 Điều 18 Nghị định 214/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại phần Ghi chú số 8 mục V của Mẫu số 02A. Mẫu tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu ban hành kèm theo Thông tư 79/2025/TT-BTC.

+ Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu số <<sogoithauchidinh>> phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 80 Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

+ Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu số

<<sogoithauchidinhthongthuong>> phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 23 Luật Đấu thầu 2023.

+ Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 39 Luật Đấu thầu 2023, khoản 7 Điều 18 Nghị định 214/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại phần Ghi chú số 9 mục V của Mẫu số 02A. Mẫu tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu ban hành kèm theo Thông tư 79/2025/TT-BTC.

- Về loại hợp đồng:

Loại hợp đồng các gói thầu phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 39 và Điều 64 Luật Đấu thầu 2023.

- Về thời gian thực hiện gói thầu:

Thời gian thực hiện gói thầu các gói thầu phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 39 Luật Đấu thầu 2023 và thời gian thực hiện dự án.

- Về tùy chọn mua thêm:

<<phongtrinh>> không đề xuất.

2. Kiến nghị:

<<phongtrinh>> chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung nhận xét tại mục 1 phần III của Báo cáo thẩm định này trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

Riêng gói thầu "kiểm toán" <<phongtrinh>> chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu đảm bảo theo quy định điểm a, khoản 3, Điều 34, Nghị định số 254/2025/NĐ-CP quy định: *"a) Các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công khi hoàn thành phải kiểm toán báo cáo quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán (trừ dự án thuộc danh mục bí mật nhà nước). Các dự án sử dụng vốn đầu tư công còn lại, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án xem xét, quyết định đấu thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán.*

Chủ đầu tư tổ chức đấu thầu kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu và ký kết hợp đồng kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật về hợp đồng.

Chủ đầu tư, nhà thầu kiểm toán độc lập và các đơn vị có liên quan thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này."

3. Kết luận:

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đủ điều kiện trình phê duyệt.

Trên đây là báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu gửi <<phongtrinh>> tổng hợp, tham mưu trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Đấu thầu năm

22/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 22 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15.

Phòng Kế hoạch – Thẩm định báo cáo Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh nội dung thẩm định <<ndthamdinh>> thuộc dự án <<tenduan>>.

Nơi nhận:
- Như trên;
- PGĐ. Nguyễn Anh Phương (báo cáo);
- <<phongnhan>>;
- Lưu: P.KHTĐ.
<<cbthamdinh>>.

TRƯỞNG PHÒNG

Phụ lục: Tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*									
1												
2												
Tổng giá gói thầu												

DANH MỤC TÀI LIỆU

(Kèm theo Báo cáo thẩm định <<ndthamdinh>> thuộc dự án <<tenduan>>)

TT	Nội dung	Ghi chú
	<<chutruongdautu>>	Bản chụp
	<<quyetdinhduan>>	Bản chụp
	<<nghiquyetvontrunghan>>	Bản chụp
	<<kehoachvon>>	Bản chụp
	<<quyetdinhdutoan>>	Bản chụp
	<<cancukhaccolienquan>>	Bản chụp
	<<totrinhthamdinh>>	Bản chụp

MẪU SỐ 27

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH
PHÒNG KẾ HOẠCH – THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……/BC-KHTĐ

Tây Ninh, ngày …… tháng …… năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH NHIỆM VỤ THIẾT KẾ
(Bước [9] …..)

Dự án: <<tenduan>>.

Địa điểm thực hiện dự án: <<ghidiadiem>>.

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng
Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Ngày ……/……/2026, Phòng Kế hoạch – Thẩm định nhận được Tờ trình số <<songaytotrinh>> của phòng <<phong trinh>> - Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định Nhiệm vụ thiết kế (bước .....) của dự án <<tenduan>>.

Sau khi xem xét hồ sơ, để có cơ sở phê duyệt nhiệm vụ thiết kế (bước .....) của dự án <<tenduan>> theo quy định, Phòng Kế hoạch – Thẩm định tổ chức thẩm định từ ngày ……/……/2026 đến ngày ……/……/2026 và báo cáo kết quả thẩm định cụ thể như sau:

Phần thứ nhất
TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU TRÌNH THẨM ĐỊNH

- Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án <<tenduan>>.

- Tờ trình số <<songaytotrinh>> Phòng <<phongtrinh>> về việc thẩm định Nhiệm vụ thiết kế (bước .....) của dự án <<tenduan>>.

- Thuyết minh Nhiệm vụ thiết kế (bước .....) của dự án <<tenduan>> do <<phongtrinh>> lập ngày .../.../2026.

- Tài liệu khác (nếu có)

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy

[9]. Bước lập Báo cáo Nghiên cứu khả thi hoặc Bước lập Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán (chú ý bỏ dòng footnote này sau khi ghi rõ)

định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án <<tenduan>>.

Căn cứ Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

III. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

Theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng:

"3. Nội dung chính của nhiệm vụ thiết kế xây dựng bao gồm:

a) Căn cứ để lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng;

b) Mục tiêu xây dựng công trình;

c) Địa điểm xây dựng công trình;

d) Các yêu cầu về quy hoạch sử dụng làm căn cứ lập dự án, cảnh quan và kiến trúc của công trình (nếu có) đối với thiết kế xây dựng tại Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

đ) Các yêu cầu về quy mô và thời hạn sử dụng công trình, công năng sử dụng, tiêu chuẩn, công nghệ (nếu có) và các yêu cầu kỹ thuật khác đối với công trình;

e) Các yêu cầu đối với chỉ dẫn kỹ thuật;

g) Các yêu cầu về mức độ, nhu cầu thông tin trong mô hình BIM của dự án.".

Phần thứ hai
Ý KIẾN THẨM ĐỊNH NHIỆM VỤ THIẾT KẾ
(Bước…….)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NỘI DUNG NHIỆM VỤ THIẾT KẾ

1. Dự án <<tenduan>> được UBND tỉnh giao Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh làm chủ đầu tư và dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số <<songayquyetdinh>>.

2. Nội dung nhiệm vụ thiết kế (bước ……) (theo Hồ sơ nhiệm vụ thiết kế bước …….. do <<phongtrinh>> lập ngày .../.../2026):

- Nội dung chính của nhiệm vụ thiết kế xây dựng bao gồm:

+ Các căn cứ để lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng;

+ Mục tiêu xây dựng công trình;

+ Địa điểm xây dựng công trình;

+ Các yêu cầu về quy hoạch, cảnh quan và kiến trúc của công trình;

+ Các yêu cầu về quy mô và thời hạn sử dụng công trình, công năng sử

dụng, tiêu chuẩn và các yêu cầu kỹ thuật khác đối với công trình.

- Tổng mức đầu tư: …… đồng (*bằng chữ: ……..đồng*).

- Quy cách hồ sơ thiết kế xây dựng

- Nội dung thiết kế cơ sở/ Nội dung thiết kế bản vẽ thi công (tùy theo bước thiết kế)

- Chỉ dẫn kỹ thuật (nêu ở bước thiết kế bản vẽ thi công)

- Tổ chức và tiến độ thực hiện.

(Chi tiết theo Hồ sơ nhiệm vụ thiết kế bước ……. do << phòng trình/ đơn vị tư vấn>> lập ngày .../.../2026 đính kèm).

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Sau khi rà soát hồ sơ, Phòng Kế hoạch – Thẩm định có ý kiến như sau:

1. Về cơ sở pháp lý lập nhiệm vụ thiết kế (bước ……): Phù hợp theo chủ trương đầu tư dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số <<songayquyetdinh>>.

2. Về nội dung chính nhiệm vụ thiết kế xây dựng (bước…..): Đảm bảo nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

III. KẾT LUẬN

Hồ sơ Nhiệm vụ thiết kế (bước……) của dự án <<tenduan>> đủ điều kiện phê duyệt.

IV. KIẾN NGHỊ:

Trên cơ sở kết quả thẩm định kiến nghị phòng <<phongtrinh>> hoàn thiện hồ sơ, trình phê duyệt theo quy định.

Trên đây là kết quả thẩm định Nhiệm vụ thiết kế (bước……) của dự án <<tenduan>>.

Kính trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:
- Như trên;
-<<Phongtrinh>>;
- Lưu: P.KHTĐ ;
(tencanbothamdinh)

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 28

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH
PHÒNG KẾ HOẠCH – THẨM ĐỊNH

Số:……/BC-KHTĐ

Về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và dự toán xây dựng công trình dự án <<tenduan>>.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày …… tháng …… năm 2026

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng
Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Phòng Kế hoạch – Thẩm định nhận được Tờ trình số <<songaytotrinh>> của Phòng <<phongtrinh>> - Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc đề nghị thẩm định thiết kế thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và dự toán xây dựng công trình thuộc dự án <<tenduan>>.

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số <<songayquyetdinh>> về việc phê duyệt dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Hồ sơ trình thẩm định;

Căn cứ Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt <<songayhoso>> của <<tendonvituvan>> dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Hồ sơ dự toán xây dựng công trình <<songayhoso>> của

<<tendonvituvan>> dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Kết quả thẩm tra số <<songaythamtra>> của <<tendonvituvan>> về việc báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và dự toán xây dựng công trình thuộc dự án <<tenduan>>;

Căn cứ các văn bản có liên quan khác.

Sau khi xem xét, Phòng Kế hoạch – Thẩm định - Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh thông báo kết quả thẩm định thiết kế thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và dự toán xây dựng công trình thuộc dự án <<tenduan>> như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH:

1. Tên dự án: <<tenduan>>.

2. Mã định danh: <<nhapmadinhdanh>>.

3. Loại, cấp công trình: <<nhaploaicongtrinh, capcongtrinh>>.

4. Địa điểm thực hiện dự án: <<ghidiadanhxa,tinh>>.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

6. Giá trị dự toán xây dựng công trình: <<tonggiatridutoan>>.

7. Nguồn vốn đầu tư: <<ghignuonvon>>.

8. Nhà thầu thiết kế xây dựng: <<tennhathau, masodoanhgnhiep>>.

9. Nhà thầu khảo sát xây dựng: <<tennhathau, masodoanhgnhiep>>.

10. Nhà thầu thẩm tra thiết kế: <<tennhathau, masodoanhgnhiep>>.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ DỰ TOÁN XÂY DỰNG:

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định số <<songayquyetdinh>> về việc phê duyệt dự án <<tenduan>>.

- Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt <<songayhoso>> của <<tendonvituvan>> dự án <<tenduan>>.

- Hồ sơ dự toán xây dựng công trình <<songayhoso>> của <<tendonvituvan>> dự án <<tenduan>>.

- Kết quả thẩm tra số <<songaythamtra>> của <<tendonvituvan>> về việc báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt dự án <<tenduan>>.

- Căn cứ các văn bản có liên quan khác.

2. Hồ sơ, tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thẩm tra:

- Kết quả khảo sát địa chất và địa hình.

- Thuyết minh thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt.

- Bản vẽ thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt.

- Dự toán xây dựng công trình.

- Báo cáo kết quả thẩm tra.

3. Năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình:

- Nhà thầu khảo sát xây dựng: <<tenhathautuvan>>.

+ Chủ trì khảo sát địa hình: <<hovaten>>; <<masochungchi>>.

+ Chủ trì khảo sát địa chất: <<hovaten>>; <<masochungchi>>.

- Nhà thầu thiết kế xây dựng: <<tenhathautuvan>>.

+ Chủ nhiệm thiết kế: <<hovaten>>; <<masochungchi>>.

+ Chủ trì thiết kế kiến trúc: <<hovaten>>; <<masochungchi>>.

+ Chủ trì thiết kế kết cấu: <<hovaten>>; <<masochungchi>>.

+ Chủ trì lập dự toán: <<hovaten>>; <<masochungchi>>.

+ Chỉ trì thiết kế cơ - điện: <<hovaten>>; <<masochungchi>>.

+ Chủ trì thiết kế cấp thoát nước: <<hovaten>>; <<masochungchi>>.

- Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng công trình: <<tenhathautuvan>>.

+ Chủ nhiệm dự án: <<hovaten>>; <<masochungchi>>.

+ Chủ trì thẩm tra kiến trúc: <<hovaten>>; <<masochungchi>>.

+ Chủ trì thẩm tra thiết kế kết cấu: <<hovaten>>; <<masochungchi>>.

+ Chủ trì thẩm tra cơ - điện: <<hovaten>>; <<masochungchi>>.

+ Chủ trì thẩm tra cấp thoát nước: <<hovaten>>; <<masochungchi>>.

+ Chủ trì thẩm tra dự toán: <<hovaten>>; <<masochungchi>>.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH:

1. Tóm tắt giải pháp thiết kế chủ yếu: <<quymoduan>>.

2. Nội dung lập dự toán xây dựng công trình thuộc dự án <<tenduan>>:

Stt	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
1	Chi phí ……	A		
2	Chi phí ……	B		
3	Chi phí ……	C		
4	Chi phí ……	D		
5	Chi phí dự phòng	E		
6	**Giá trị dự toán xây dựng**	**F**		
7	**Làm tròn**			

3. Tiêu chuẩn áp dụng: <<neutieuchuan>>.

IV. PHẠM VI VÀ NGUYÊN TẮC THẨM ĐỊNH:

- Phạm vi thực hiện thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt của chủ đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 41 của Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026:

"2. Nội dung thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt của chủ đầu tư như sau:

a) Đối với công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư công, nội dung thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Xây dựng năm 2025;

b) Đối với công trình xây dựng thuộc dự án PPP, nội dung thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Xây dựng năm 2025 và các nội dung quy định tại hợp đồng dự án PPP (nếu có). Riêng đối với dự án PPP quy định tại điểm d khoản 1 Điều 57 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 3 Luật số 57/2024/QH15, chủ đầu tư gửi dự toán xây dựng đối với hạng mục sử dụng vốn đầu tư công đến cơ quan chuyên môn về xây dựng để thẩm định, nội dung thẩm định dự toán xây dựng theo quy định tại Nghị định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

c) Đối với công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư kinh doanh, nội dung thẩm định thực hiện theo quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều 30 Luật Xây dựng năm 2025 và các nội dung khác theo yêu cầu của người quyết định đầu tư (nếu có);

d) Đối với công trình thuộc dự án đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, chủ đầu tư tự quyết định việc thẩm định, xác định giá trị dự toán xây dựng công trình đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của doanh nghiệp."

- Phạm vi thực hiện thẩm định dự toán xây dựng công trình của chủ đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026:

"3. Nội dung thẩm định dự toán xây dựng công trình của chủ đầu tư quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 30 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, gồm:

a) Sự đầy đủ của hồ sơ dự toán xây dựng công trình thẩm định; kiểm tra kết quả thẩm tra dự toán xây dựng công trình của tổ chức tư vấn (nếu có);

b) Sự phù hợp của việc xác định khối lượng chủ yếu của công tác xây dựng, chủng loại và số lượng thiết bị tính toán trong dự toán xây dựng công trình so với khối lượng thiết kế;

c) Xác định giá trị dự toán xây dựng công trình theo quy định phù hợp với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật, biện pháp thi công xây dựng định hướng, công nghệ được sử dụng cho dự án, tiến độ thi công công trình và mặt bằng giá thị trường;

d) Phân tích, đánh giá mức độ, nguyên nhân tăng, giảm của các khoản mục chi phí so với giá trị dự toán xây dựng công trình do đơn vị tư vấn lập, thẩm tra (nếu có).".

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Việc đáp ứng các yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế:

- Hồ sơ thiết kế xây dựng phù hợp với nhiệm vụ thiết kế được phê duyệt số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

- Hồ sơ thiết kế xây dựng phù hợp với quy định tại hợp đồng thiết kế số <<songayhopdong>> giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và <<tendonvituvan>>

- Hồ sơ thiết kế xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan khác.

2. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt so với thiết kế xây dựng tại Báo cáo nghiên cứu khả thi:

Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt phù hợp với thiết kế xây dựng tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được phê duyệt tại Quyết định số <<songayquyetdinh>> về việc phê duyệt dự án <<tenduan>>.

3. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt công trình nêu trên tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Vật liệu sử dụng cho công trình theo quy định của pháp luật.

4. Đánh giá an toàn chịu lực công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận; đánh giá giải pháp thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ.

Đánh giá an toàn chịu lực công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

.....

.....

.....

.....

Đánh giá giải pháp thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

.....

.....

.....

.....

Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ:

- Dự án phù hợp với dây chuyền và thiết bị công nghệ (nêu quy định).

- Dự án không có dây chuyền và thiết bị công nghệ (nếu không có).

5. Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế; sự phù hợp của giá trị dự toán xây dựng công trình với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng; xác định giá trị dự toán công trình (nội dung này được thực hiện theo yêu cầu của dự án được phân loại theo hình thức đầu tư):

Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế:

.....

.....

.....

.....

Sự phù hợp của giá trị dự toán xây dựng công trình với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng:

Giá trị dự toán xây dựng công trình đảm bảo phù hợp với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt tại quyết định số <<songayquyetdinh>> về việc phê duyệt dự án <<tenduan>>, không vượt tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt.

6. Việc đáp ứng điều kiện năng lực của các chủ thể thực hiện khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan:

- Đơn vị thiết kế: <<tendonvituvan>> có các cá nhân chủ trì thiết kế (kiến trúc, kết cấu, cấp điện, dự toán) có chứng chỉ hành nghề và đáp ứng điều kiện năng lực theo quy định.

- Đơn vị thẩm tra: <<tendonvituvan>> có các cá nhân chủ trì thẩm tra (kiến trúc, kết cấu, cấp điện, dự toán) có chứng chỉ hành nghề và đáp ứng điều kiện năng lực theo quy định.

- Đơn vị khảo sát xây dựng: <<tendonvituvan>> có các cá nhân chủ trì khảo sát xây dựng (địa chất, địa hình) có chứng chỉ hành nghề và đáp ứng điều kiện năng lực theo quy định.

7. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của chủ đầu tư (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH:

a) Sự đầy đủ của hồ sơ dự toán xây dựng công trình thẩm định; kiểm tra kết quả thẩm tra dự toán xây dựng công trình của tổ chức tư vấn (nếu có):

.....

.....

.....

.....

b) Sự phù hợp của việc xác định khối lượng chủ yếu của công tác xây dựng, chủng loại và số lượng thiết bị tính toán trong dự toán xây dựng công trình so với khối lượng thiết kế:

.....

.....

.....

.....

c) Xác định giá trị dự toán xây dựng công trình theo quy định phù hợp với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật, biện pháp thi công xây dựng định hướng, công nghệ được sử dụng cho dự án, tiến độ thi công công trình và mặt bằng giá thị trường:

- Việc lập dự toán xây dựng công trình:

Phương pháp xác định dự toán xây dựng phù hợp theo quy định tại mục 1 Phụ lục II của Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

$$G_{XDCT} = G_{XD} + G_{TB} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K + G_{DP}$$

Trong đó:

+ G_{XDCT}: Dự toán xây dựng công trình;

+ G_{XD}: Chi phí xây dựng;

+ G_{TB}: Chi phí thiết bị;

+ G_{QLDA}: Chi phí quản lý dự án;

+ G_{TV}: Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng;

+ G_K: Chi phí khác;

+ G_{DP}: Chi phí dự phòng.

- Xác định giá trị dự toán xây dựng công trình:

+ Đối với chi phí xây dựng:

i1. Đơn giá, định mức:

● Đơn giá nhân công, máy thi công: Áp dụng theo Văn bản số 8330/SXD-QLHĐXD ngày 09/7/2026 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung có liên quan đến lập và quản lý chi phí ĐTXD theo Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

● Định mức: Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng và Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng.

● Đối với các công tác không có trong định mức quy định của Bộ Xây dựng, hồ sơ dự toán đang tạm tính theo thực tế là cơ bản phù hợp *(định mức do tư vấn thiết kế đang tạm tính theo thực tế và đã được tư vấn thẩm tra thống nhất) (cho ý kiến cụ thể khi thẩm định cụ thể từng dự án)*

i2. Đơn giá vật tư: Áp dụng theo Thông báo số 406/TB-SXD ngày 07/02/2025 của Sở xây dựng tỉnh Long An về việc công bố giá VLXD tháng 01 năm 2025; Báo giá của Công ty TNHH DV-XD-TM Ngọc Bích, HKD. Cơ sở Quảng cáo Quang Trọng, Công ty TNHH Cường Phát Electric; Báo giá của các đơn vị sản xuất Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Nam (Cadivi), Công ty Cổ phần nhựa Bình Minh, Công ty Cổ phần thiết bị vệ sinh Caesar Việt Nam, Rạng Đông, Panasonic, Nanoco, Schneider, Sino.

+ Đối với chi phí thiết bị:

Hồ sơ dự toán áp dụng đơn giá do báo giá của các đơn vị cung cấp và chứng thư thẩm định giá của đơn vị tư vấn thẩm định giá thiết bị là phù hợp *(cho ý kiến cụ thể khi thẩm định cụ thể từng dự án).*

- Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm định: ……. đồng *(Bằng chữ: .....).*

Đvt: VNĐ

Stt	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị đề nghị thẩm định	Giá trị thẩm định	Chênh lệch Tăng (+)/ Giảm (-)
1	Chi phí ……	A				
2	Chi phí ……	B				
3	Chi phí ……	C				
4	Chi phí ……	D				
5	Chi phí dự phòng	E				
6	**Giá trị dự toán xây dựng**	**F**				
7	**Làm tròn**					

d) Phân tích, đánh giá mức độ, nguyên nhân tăng, giảm của các khoản mục chi phí so với giá trị dự toán xây dựng công trình do đơn vị tư vấn lập, thẩm tra (nếu có).":

.....

.....

.....

.....

VII. KẾT LUẬN:

Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và dự toán xây dựng công trình dự án <<tenduan>> đủ điều kiện trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

VIII. KIẾN NGHỊ:

- Trên cơ sở kết quả thẩm định kiến nghị phòng <<phongtrinh>> hoàn thiện hồ sơ, trình phê duyệt theo quy định.

- Đơn vị Tư vấn thiết kế; Đơn vị thẩm tra; phòng <<phongtrinh>> chịu trách nhiệm về khối lượng, chủng loại vật tư, cấu hình thiết bị, cơ sở xác định giá trị vật tư, thiết bị.

- Khối lượng công việc hoàn thành quyết toán theo thực tế.

- Khi thi công phải thực hiện đúng tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành về tiêu chuẩn vật liệu, trang thiết bị, phương pháp thi công, an toàn lao động, vệ sinh môi trường... đã được quy định.

Trên đây là kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và dự toán xây dựng công trình dự án <<tenduan>>.

Kính trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:
- Như trên;
-<<Phongtrinh>>;
- Lưu: P.KHTĐ.
(tencanbothamdinh)

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 29

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH
PHÒNG KẾ HOẠCH – THẨM ĐỊNH

Số:……/BC-KHTĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày …… tháng …… năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN GÓI THẦU

Gói thầu: <<tengoithau>>.
Dự án: <<tenduan>>.
Địa điểm thực hiện dự án: <<ghidiadiem>>.

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng
Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Ngày ……/……/2026, Phòng Kế hoạch – Thẩm định nhận được Tờ trình số <<songaytotrinh>> của Phòng <<phongtrinh>> về việc thẩm định dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>. Phòng Kế hoạch – Thẩm định tổ chức thẩm định từ ngày ……/……/2026 đến ngày ……/……/2026 và báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH:

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số <<songayquyetdinh>> của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và dự toán xây dựng dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Bảng dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>> do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh lập ngày ...../...../2026;

Căn cứ Tờ trình số <<songaytotrinh>> của phòng <<phongtrinh>> - Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU:

1. Tên dự án: <<tenduan>>.

2. Gói thầu: <<tengoithau>>.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

4. Đơn vị lập dự toán gói thầu: <<tendonvilapdutoan>>.

5. Địa điểm thực hiện dự án: <<ghidiadiem>>.

III. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH:

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định:

- Quyết định số <<songayquyetdinh>> của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án <<tenduan>>.

- Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án <<tenduan>>.

- Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và dự toán xây dựng dự án <<tenduan>>.

- Bảng dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>> do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh lập ngày ...../...../2026.

- Tờ trình số <<songaytotrinh>> của phòng <<phongtrinh>> - Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

2. Nội dung lập dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>:

Stt	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền

1	Chi phí ……	A		
2	Chi phí dự phòng	B		
3	**Giá trị dự toán gói thầu**	**C**		
4	**Làm tròn**			

IV. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH:

1. Thẩm quyền thẩm định: Theo quy định tại khoản 5 Điều 16 của Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026:

"5. Việc thẩm định dự toán gói thầu quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này thực hiện như đối với dự toán xây dựng công trình quy định tại khoản 3 và 4 Điều này.".

2. Phạm vi thẩm định: Theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 13 của Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026:

"1. Dự toán gói thầu xây dựng được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 76 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 gồm một hoặc một số các công việc: Tư vấn xây dựng, thi công xây dựng công trình, cung cấp vật tư, thiết bị lắp đặt vào công trình xây dựng và các công việc liên quan khác.

……

3. Đối với dự toán gói thầu xây dựng xác định từ thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt: chủ đầu tư xác định dự toán gói thầu trên cơ sở phạm vi gói thầu và thiết kế xây dựng tương ứng. Các khoản mục chi phí của dự toán gói thầu xác định như quy định tại Điều 12 Nghị định này, phù hợp với nội dung, phạm vi, tính chất, đặc điểm, điều kiện cụ thể của từng gói thầu.".

3. Hệ thống quy phạm áp dụng:

- Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội.

- Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng.

- Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng.

4. Nhận xét về chất lượng hồ sơ dự toán gói thầu:

- Phương pháp xác định dự toán gói thầu phù hợp theo quy định tại bảng 2.6 mục 2 Phụ lục số II của Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của

Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong dự toán gói thầu:

+ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

+ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng.

+ Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng.

- Chi phí dự phòng: Phù hợp theo quy định tại khoản 5, mục 2 Phụ lục số II của Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng:

"5. Chi phí dự phòng của dự toán gói thầu

Chi phí dự phòng được xác định cho khối lượng, công việc phát sinh và cho yếu tố trượt giá, theo công thức sau:

$$G_{DP} = G_{DP1} + G_{DP2}$$

Trong đó:

- G_{DP1}: chi phí dự phòng cho khối lượng, công việc phát sinh của dự toán gói thầu được xác định theo công thức:

$$G_{DP1} = \sum_{i=1}^{n} G_{GTi}\, x\, k_{psi}$$

+ G_{GTi}: là các khoản mục chi phí cho các công việc thuộc dự toán gói thầu xây dựng được xác định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Mục 2 Phụ lục này;

+ k_{psi} là tỷ lệ dự phòng cho khối lượng, công việc phát sinh tương ứng với từng khoản mục chi phí (GGTi) thuộc dự toán gói thầu xây dựng, ***$k_{psi} \leq 5\%$;***

- G_{DP2}: chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá của dự toán gói thầu xây dựng được xác định như đối với chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá trong dự toán xây dựng công trình theo công thức (2.9) tại Mục 1 Phụ lục này, trong đó G_{XDCTt}^{TDP} là giá trị dự toán gói thầu chưa bao gồm dự phòng được thực hiện trong khoảng thời gian thứ t.

Thời gian để tính chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá trong dự toán gói thầu là thời gian thực hiện gói thầu.".

Trong đó:

+ Tỷ lệ chi phí dự phòng chung của dự toán xây dựng kèm theo Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình

dân dụng tỉnh Tây Ninh là: **……%.**

+ Tỷ lệ chi phí dự phòng cho khối lượng, công việc phát sinh của dự toán gói thầu trình thẩm định là: **……%.** Phù hợp/không phù hợp theo quy định.

- Hồ sơ đủ điều kiện thẩm định.

5. Nguyên tắc thẩm định:

- Theo phương pháp xác định các khoản mục chi phí của dự toán gói thầu tại bảng 2.6 mục 2 Phụ lục số II của Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

+ Định mức: Áp dụng theo Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng.

+ Đơn giá nhân công, máy thi công: Áp dụng theo Văn bản số 8330/SXD-QLHĐXD ngày 09/7/2026 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung có liên quan đến lập và quản lý chi phí ĐTXD theo Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

- Đơn giá vật tư: Áp dụng theo báo giá của các đơn vị sản xuất Cadivi, Panasonic, Sino, Bình Minh, Caesar, Chứng thư thẩm định giá số 339/2025/314 ngày 15/12/2025 của Công ty TNHH Tư vấn và Định giá Châu Thành; Công bố giá số 5644/TB-SXD ngày 09/12/2025 của Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng tại thị trường tỉnh Tây Ninh Tháng 11 năm 2025.

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH:

Sau khi rà soát hồ sơ, Phòng Kế hoạch – Thẩm định có ý kiến như sau:

Giá trị dự toán gói thầu sau thẩm định: **……. đồng** *(Bằng chữ: .....).*

Trong đó:

Stt	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị đề nghị thẩm định	Giá trị thẩm định	Chênh lệch Tăng (+)/ Giảm (-)
1	Chi phí ……	A				
2	Chi phí dự phòng	B				
3	**Giá trị dự toán gói thầu**	**C**				
4	**Làm tròn**					

VI. KẾT LUẬN:

Hồ sơ dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>> đủ điều kiện phê duyệt.

VII. KIẾN NGHỊ:

- Trên cơ sở kết quả thẩm định kiến nghị phòng <<phongtrinh>> hoàn thiện hồ sơ, trình phê duyệt theo quy định.

- Phòng <<phongtrinh>> chịu trách nhiệm về khối lượng, giá trị, chủng loại vật tư của dự toán gói thầu.

- Khối lượng công việc hoàn thành quyết toán theo thực tế.

- Khi thi công phải thực hiện đúng tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành về tiêu chuẩn vật liệu, trang thiết bị, phương pháp thi công, an toàn lao động, vệ sinh môi trường... đã được quy định.

Trên đây là kết quả thẩm định dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

Kính trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt./.

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH **CÁN BỘ CHỦ TRÌ**

…… ……

PHÒNG KẾ HOẠCH – THẨM ĐỊNH
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Vẹn

Nơi nhận:
- Như trên;
-<<Phongtrinh>>;
- Lưu: P.KHTĐ.
(tencanbothamdinh)

MẪU SỐ 30

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH
PHÒNG …….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: …../…..

Tây Ninh, ngày ….. tháng ….. năm 2026

BÁO CÁO
Về việc kiểm tra, đánh giá hồ sơ năng lực của <<tên nhà thầu>> để tham gia thực hiện gói thầu <<tên gói thầu>> thuộc dự án <<tên dự án>>

Kính gửi:
- Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;
- Trưởng phòng ……

I. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ <<Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án>>;

Căn cứ <<Quyết định phê duyệt dự toán gói thầu>>;

Căn cứ <<Công văn mời tham gia thực hiện gói thầu *(Ban thực hiện)*>>;

Căn cứ <<Công văn tham gia thực hiện gói thầu *(Đơn vị tư vấn thực hiện)*>>;

II. Khái quát thông tin gói thầu:

- Tên gói thầu: <<tên gói thầu>>.

- Tóm tắt công việc chính của gói thầu: <<tên gói thầu>> để có cơ sở trình Sở xây dựng thẩm định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: …. ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận đầy đủ hồ sơ *(căn cứ biên bản giao nhận hồ sơ giữa hai bên)*.

- Giá trị gói thầu: **…….. đồng.**

(Bằng chữ:…… đồng).

- Loại hợp đồng: ……..

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý …. năm ….

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: ……..

III. Các nội dung kiểm tra về hồ sơ năng lực:

1. Về tư cách pháp nhân:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp …., số …… do ….. cấp, đăng ký lần đầu ngày …./…./….., đăng ký thay đổi lần thứ …. ngày …./…./…..

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số …….. ngày …./…./….. do …… cấp.

- Nhà thầu đã đăng ký thông tin trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (còn hiệu lực.

2. Nghĩa vụ thuế:

Đã thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước tính đến ngày …./…./….. (đính kèm Thông báo về việc xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước *hoặc* Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước có xác nhận của Tổng cục Thuế).

3. Năng lực của nhân sự chủ chốt đề xuất tham gia thực hiện gói thầu:

Stt	Họ và tên	Trình độ chuyên môn, chứng chỉ ngành nghề	Chức danh, công việc thực hiện
1			
2			
….			

4. Về kinh nghiệm trong việc <<tên gói thầu>>:

<<tên nhà thầu>> có các hợp đồng <<tên gói thầu>> với quy mô và tính chất tương tự như sau:

4.1. Hợp đồng số ……. ngày …./…./…. gói thầu …… công trình ……., được ký kết giữa …….. và ……...

- Nội dung công việc: ……...

- Giá hợp đồng: **……** đồng.

- Thời gian thực hiện gói thầu: …… ngày.

- Biên bản nghiệm thu *hoặc* Biên bản thanh lý *hoặc* Hóa đơn GTGT ngày

…./…./…..

IV. Kết luận:

- <<tên nhà thầu>> đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu <<tên gói thầu>> thuộc <<tên dự án>>.

<<tên dự án>> chịu trách nhiệm về tính chính xác các tài liệu mà Nhà thầu đã cung cấp trong Hồ sơ năng lực.

- Kính báo cáo Trưởng phòng tham mưu Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét./.

	KT.TRƯỞNG PHÒNG
Người lập	**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**
……..	**……..**

Nơi nhận:
- Như trên;
- PGĐ. …. (báo cáo);
- <<tên nhà thầu>>
- Lưu: <<phòng trình>>

<<cán bộ đánh giá>>

MẪU SỐ 31

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
TỔ THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-KHTĐ

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH HỒ SƠ MỜI THẦU

Gói thầu <<tengoithau>>

thuộc dự án <<tenduan>>

Kính gửi: <<tenchuadautu>>

Trên cơ sở Tờ trình của Tổ chuyên gia thuộc <<donvituvandauthau>> về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu và các tài liệu liên quan được cung cấp, Tổ thẩm định thuộc <<tenchudautu>> đã tiến hành thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>> từ ngày <<ngaynhanduhoso>> đến ngày <<ngaybaocaothamdinh>>.

Kết quả thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu nêu trên được tổng hợp theo các nội dung sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Căn cứ pháp lý

Hồ sơ mời thầu được thẩm định trên cơ sở căn cứ pháp lý sau đây:

- Căn cứ <<luatdauthau>>;
- Căn cứ <<nghidinhdauthau>>;
- Căn cứ <<thongtudauthau>>;
- Căn cứ <<quyetdinhduan>>;
- Căn cứ <<kehoachvon>>;
- Căn cứ <<quyetdinhthanhlapban>>;
- Căn cứ <<quyetdinhdieuchinhchudautu>>;
- Căn cứ <<quyetdinhphancongnhiemvulanhdao>>;
- Căn cứ <<quyetdinhthanhlaptothamdinh>>;
- Căn cứ <<quyetdinhkhlcnt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhpheduyettkdt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhdtgt>>;
- Căn cứ các tài liệu khác có liên quan.

2. Khái quát về dự án, gói thầu

2.1. Khái quát về dự án:

- Tên dự án: <<tenduan>>;

- Chủ đầu tư: <<tenchudautu>>;

- Tổng mức đầu tư: <<giatritongmuc>>;

- Địa điểm xây dựng: <<diadiemxaydung>>;

- Thời gian thực hiện dự án: <<thoigianthuchienduan>>.

2.2. Khái quát về gói thầu:

- Tên gói thầu: <<tengoithau>>;
- Nguồn vốn: <<nguonvon>>;
- Tổ chuyên gia: là các cá nhân thuộc <<donvituvandauthau>>;
- Dự toán gói thầu: <<giatridutoangoithau>> đồng;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: <<hinhthucluachonnhathau>>;
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: <<phuongthucluachonnhathau>>;
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: <<thoigiantochucluachonnhathau>>;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: <<thoigianbatdautochuclcnt>>;
- Loại hợp đồng: <<loaihopdong>>;
- Thời gian thực hiện gói thầu: <<thoigianthuchiengoithau>>;
- Địa điểm thực hiện gói thầu: <<diadiemxaydung>>;
- Phạm vi gói thầu: Theo <<quyetdinhpheduyettkdt>>.

3. Tổ chức thẩm định

3.1. Cơ sở pháp lý thành lập đơn vị thẩm định/tổ thẩm định:

Tổ thẩm định được <<tenchudautu>> thành lập theo Quyết định số 230/QĐ-BQLDA ngày 09/3/2026 của <<tenchudautu>> để thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

3.2. Thành phần tổ thẩm định:

Số lượng, họ và tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định tại **Bảng số 1**.

Bảng số 1

STT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định	Phân công công việc của các thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định	Phân công công việc của các thành viên
1	Nguyễn Văn Vẹn	Tổ trưởng	Điều hành Tổ thẩm định thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định. Chịu mọi trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về kết quả thẩm định E-HSMT
2	Trần Minh Đạt	Thành viên	Thực hiện công việc thẩm định E-HSMT, chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổ trưởng, Chủ đầu tư và pháp luật về kết quả thẩm định E-HSMT
3	Huỳnh Minh Tâm	Thành viên	Thực hiện công việc thẩm định E-HSMT, chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổ trưởng, Chủ đầu tư và pháp luật về kết quả thẩm định E-HSMT

3.3. Cách thức làm việc:

Tổ thẩm định làm việc theo nhóm, trường hợp trong Tổ thẩm định có một hoặc một số thành viên có ý kiến khác biệt so với đa số thành viên còn lại thì kết quả thẩm định theo số đông ý kiến thành viên, nếu số phiếu bằng nhau thì quyền quyết định thuộc về tổ trưởng.

II. TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

1.1. Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc lập hồ sơ mời thầu được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

Bảng số 01

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
1	- Quyết định phê duyệt dự án - Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh (nếu có)	x	
2	- Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có) - Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu - Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh	x	

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	(nếu có)		
3	Điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi nước ngoài		x
4	- Hồ sơ thiết kế, dự toán của gói thầu, yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có) hoặc điều khoản tham chiếu đối với gói thầu tư vấn. - Các văn bản về việc điều chỉnh các tài liệu nêu trên (nếu có).	x	
5	Quyết định thành lập Tổ chuyên gia/hợp đồng (nếu có) thuê cá nhân, tổ chức, đơn vị lập hồ sơ mời thầu	x	
6	Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có)	x	

1.2 Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, Tổ thẩm định nhận xét: Cơ sở pháp lý của hồ sơ cơ bản bảo đảm theo quy định.

2. Nội dung của hồ sơ mời thầu

2.1. Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ mời thầu:

Kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ mời thầu được tổng hợp tại **Bảng số 02**.

Bảng số 02

Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
	Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
[1]	[2]	[3]
1. Thủ tục đấu thầu - Bảng dữ liệu đấu thầu - Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT - Biểu mẫu mời thầu và dự thầu	x	
2. Yêu cầu **- Yêu cầu về kỹ thuật** (đối với phần công việc xây lắp, phi tư vấn, mua sắm hàng hóa) **- Điều khoản tham chiếu** (đối với phần công việc tư vấn)	x	

3. Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng/thỏa thuận khung - Điều kiện cụ thể của hợp đồng - Biểu mẫu hợp đồng	x	

2.2. Ý kiến thẩm định về nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp: Không có.

3. Ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ mời thầu (nếu có): Không có.

4. Các nội dung liên quan khác: Không có.

III. Ý KIẾN BẢO LƯU CỦA THÀNH VIÊN THAM GIA THẨM ĐỊNH TRONG ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH/TỔ THẨM ĐỊNH: Không có.

IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Sau khi rà soát hồ sơ, Phòng Kế hoạch – Thẩm định có ý kiến như sau:

1. Nhận xét về nội dung hồ sơ mời thầu

Trên cơ sở kết quả xem xét, đánh giá hồ sơ mời thầu theo các nội dung nêu trên, Tổ thẩm định nhận thấy dự thảo hồ sơ mời thầu cơ bản được lập phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan; nội dung hồ sơ mời thầu bảo đảm các yêu cầu về phạm vi công việc, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, điều kiện hợp đồng và các yêu cầu kỹ thuật của gói thầu.

Tổ thẩm định thống nhất với nội dung dự thảo hồ sơ mời thầu và kiến nghị Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt để làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định.

2. Kiến nghị

Trên cơ sở tờ trình của Tổ chuyên gia thuộc <<donvituavandauthau>> về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu, dự thảo hồ sơ mời thầu và nội dung tại báo cáo thẩm định này, Tổ thẩm định kiến nghị <<tenchudautu>> phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

Báo cáo thẩm định này được lập bởi:

STT	Họ và tên	Chức vụ trong tổ thẩm định	Chữ ký
1	Trần Minh Đạt	Thành viên	

STT	Họ và tên	Chức vụ trong tổ thẩm định	Chữ ký
2	Huỳnh Minh Tâm	Thành viên	

Nơi nhận:
- Như trên;
- <<phongnhan>>;
- Lưu: P.KHTĐ.
<<cbthamdinh>>

TỔ THẨM ĐỊNH
TỔ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Vẹn

Phụ lục

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH HỒ SƠ MỜI THẦU

STT	Số hiệu, nội dung văn bản	Ghi chú
1	<<quyetdinhduan>>	File
2	<<quyetdinhkhlcnt>>	File
3	<<quyetdinhpheduyettkdt>>	File
4	<<quyetdinhdtgt>>	File
5	Các tài liệu khác có liên quan	File

MẪU SỐ 32

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH
TỔ THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BCTĐ-KHTĐ

Tây Ninh, ngày……tháng……năm 2026

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu: <<tengoithau>>
thuộc dự án <<tenduan>>

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng
Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Trên cơ sở Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu của tổ chuyên gia <<songaybaocaodanhgia>> của Tổ chuyên gia thuộc <<donvituvandauthau>> đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>, kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có) và các tài liệu liên quan kèm theo;

Kết quả thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu được tổng hợp theo các nội dung sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Căn cứ pháp lý

Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu được thẩm định trên cơ sở căn cứ pháp lý sau đây:

- Căn cứ <<luatdauthau>>;
- Căn cứ <<nghidinhdauthau>>;
- Căn cứ <<thongtudauthau>>;
- Căn cứ <<quyetdinhduan>>;
- Căn cứ <<kehoachvon>>;
- Căn cứ <<quyetdinhthanhlapban>>;
- Căn cứ <<quyetdinhdieuchinhchudautu>>;
- Căn cứ <<quyetdinhphancongnhiemvulanhdao>>;
- Căn cứ <<quyetdinhthanhlaptothamdinh>>;
- Căn cứ <<quyetdinhkhlcnt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhpheduyettkdt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhdtgt>>;

- Căn cứ <<quyetdinhhsmt>>;

- Căn cứ các tài liệu khác có liên quan.

2. Khái quát về dự án, gói thầu

2.1. Khái quát về dự án:

- Tên dự án: <<tenduan>>;

- Chủ đầu tư: <<tenchudautu>>;

- Tổng mức đầu tư: <<giatritongmuc>>;

- Địa điểm xây dựng: <<diadiemxaydung>>;

- Thời gian thực hiện dự án: <<thoigianthuchienduan>>.

2.2. Khái quát về gói thầu:

- Tên gói thầu: <<tengoithau>>;
- Nguồn vốn: <<nguonvon>>;
- Tổ chuyên gia: là các cá nhân thuộc <<donvituvandauthau>>;
- Dự toán gói thầu: <<giatridutoangoithau>> đồng;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: <<hinhthucluachonnhathau>>;
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: <<phuongthucluachonnhathau>>;
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: <<thoigiantochucluachonnhathau>>;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: <<thoigianbatdautochuclcnt>>;
- Loại hợp đồng: <<loaihopdong>>;
- Thời gian thực hiện gói thầu: <<thoigianthuchiengoithau>>;

- Địa điểm thực hiện gói thầu: <<diadiemxaydung>>;

- Phạm vi gói thầu: Theo <<quyetdinhpheduyettkdt>>.

2.3. Cơ sở pháp lý của việc lựa chọn nhà thầu:

- Căn cứ <<quyetdinhduan>>;
- Căn cứ <<quyetdinhkhlcnt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhpheduyettkdt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhdtgt>>;
- Căn cứ <<quyetdinhhsmt>>;
- Căn cứ Báo cáo số <<songaybaocaodanhgia>> của Tổ chuyên gia thuộc <<donvituvandauthau>> về việc báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu <<tengoithau>>, dự án <<tenduan>>;
- Căn cứ Kết quả đối chiếu tài liệu ngày <<ngaydoichieu>> giữa Chủ đầu tư, Tổ chuyên gia thuộc <<donvituvandauthau>> và nhà thầu <<nhathaudoichieu>> đối với gói thầu <<tengoithau>>, dự án <<tenduan>>.

3. Tóm tắt quá trình lựa chọn nhà thầu

3.1. Thời gian trong lựa chọn nhà thầu:

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	**Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu**	
2	**Đăng tải KHLCNT**	Ngày phê duyệt: <<ngaypheduyetKHLCNT>> Ngày đăng tải: <<dangtaiKHLCNT>>
3	**Mời thầu**	
3.1	Đăng tải E-TBMT và phát hành E-HSMT	Số <<sothongbaomoithau>>, thời điểm đăng tải: <<thoidiemdangtaihsmt>>
3.2	Làm rõ E-HSMT	<<lamrohsmt>>
3.3	Sửa đổi E-HSMT	<<suadoihsmt>>
3.4	Thời điểm đóng thầu	<<thoidiemdongthau>>
4	**Mở thầu**	
4.1	Thời gian mở thầu	<<thoidiemmothau>>
4.2	Các vấn đề khác trong quá trình mở thầu (nếu có)	<<vandemothau>>
5	**Đánh giá E-HSDT**	
	Thời gian đánh giá E-HSDT	Từ <<thoidiemmothau>> đến ngày <<ngaytrinh>>. Tổng số ngày đánh giá: <<tongsongaydanhgia>>.

3.2. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá E-HSDT:

STT	Nội dung	<<nhathau1>>	<<nhathau2>>	<<nhathau3>>	<<nhathau4>>
1	Kết quả đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT	<<hople1>>	<<hople2>>	<<hople3>>	<<hople4>>
2	Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm	<<nlkn1>>	<<nlkn2>>	<<nlkn3>>	<<nlkn4>>
3	Kết quả đánh giá về kỹ thuật	<<kt1>>	<<kt2>>	<<kt3>>	<<kt4>>
	Phương pháp giá thấp nhất				
4	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có) trừ giá trị giảm giá (nếu có), tính ưu đãi (nếu có)	<<gia1>> VND	<<gia2>> VND	<<gia3>> VND	<<gia4>> VND
5	Xếp hạng các E-HSDT	<<xephang1>>	<<xephang2>>	<<xephang3>>	<<xephang4>>

3.3. Kiến nghị của Tổ chuyên gia về kết quả lựa chọn nhà thầu:

Theo báo cáo đánh giá E-HSDT số <<songaybaocaodanhgia>> của Tổ chuyên gia thuộc <<donvituvandauthau>> thì nhà thầu <<nhathaudoichieu>> đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Vì vậy, <<nhathaudoichieu>> được mời vào đối chiếu tài liệu dự thầu.

- Kết quả đối chiếu tài liệu: Thống nhất;
- Các vấn đề trong quá trình đánh giá E-HSDT, các vấn đề phát sinh cần xử lý tình huống: Không có
- Thông tin về nhà thầu được đề nghị trúng thầu:
  + Tên nhà thầu: <<nhathaudoichieu>>;
  + Giá trúng thầu: <<giatrungthau>> đồng;
  + Loại hợp đồng: <<loaihopdong>>;
  + Thời gian thực hiện gói thầu: <<thoigianthuchienduthau>>.

4. Tổ chức thẩm định

4.1. Cơ sở pháp lý thành lập đơn vị thẩm định/tổ thẩm định:

Tổ thẩm định được <<tenchudautu>> thành lập theo Quyết định số 230/QĐ-BQLDA ngày 09/3/2026 của <<tenchudautu>> để thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

4.2. Thành phần tổ thẩm định:

Số lượng, họ và tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định tại **Bảng số 1**.

Bảng số 1

STT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định	Phân công công việc của các thành viên
1	Nguyễn Văn Vẹn	Tổ trưởng	Điều hành Tổ thẩm định thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định. Chịu mọi trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về kết quả thẩm định E-HSMT
2	Trần Minh Đạt	Thành viên	Thực hiện công việc thẩm định E-HSMT, chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổ trưởng, Chủ đầu tư và pháp luật về kết quả thẩm định E-HSMT
3	Huỳnh Minh Tâm	Thành viên	Thực hiện công việc thẩm định E-HSMT, chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổ trưởng, Chủ đầu tư và pháp luật về kết quả thẩm định E-HSMT

4.3. Cách thức làm việc:

Tổ thẩm định làm việc theo nhóm, trường hợp trong Tổ thẩm định có một hoặc một số thành viên có ý kiến khác biệt so với đa số thành viên còn lại thì kết quả thẩm định theo số đông ý kiến thành viên, nếu số phiếu bằng nhau thì quyền quyết định thuộc về tổ trưởng.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

1.1. Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

Bảng số 01

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
1	- Quyết định phê duyệt dự án - Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh (nếu có)	x	
2	- Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có) - Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, - Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh (nếu có)	x	
3	Điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi nước ngoài		x
4	- Hồ sơ thiết kế, dự toán của gói thầu, yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có) hoặc điều khoản tham chiếu đối với gói thầu tư vấn. - Các văn bản về việc điều chỉnh các tài liệu nêu trên (nếu có)	x	
5	Quyết định phê duyệt danh sách ngắn (nếu có)		x
6	- Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu - Quyết định phê duyệt sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có)	x	
7	Quyết định thành lập Tổ chuyên gia/hợp đồng (nếu có) thuê cá nhân, tổ chức, đơn vị đánh giá hồ sơ dự thầu	x	
8	Báo cáo đánh giá do Tổ chuyên gia thực hiện	x	
9	Các văn bản pháp lý khác có liên quan bao gồm cả các văn bản về xử lý tình huống (nếu có)	x	

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
10	Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có)		x
11	Biên bản đối chiếu tài liệu (nếu có);	x	

1.2. Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, Tổ thẩm định nhận xét: Cơ sở pháp lý của hồ sơ cơ bản bảo đảm theo quy định.

2. Quá trình tổ chức thực hiện

2.1. Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu:

Kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu được tổng hợp tại **Bảng số 02** dưới đây:

Bảng số 02

STT	Nội dung kiểm tra	Thời gian thực tế thực hiện	Kết quả thẩm định	
			Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]	[4]
1	Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có)	Không có	-	-
2	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Ngày phê duyệt: <<ngaypheduyetKHLCNT>> Ngày đăng tải: <<dangtaiKHLCNT>>	x	
3	Thông báo mời thầu	Ngày đăng tải: <<thoidiemdangtaihsmt>>	x	
4	Thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu, thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu	Thời điểm thực tế phát hành hồ sơ mời thầu: <<thoidiemdangtaihsmt>>. Số ngày chuẩn bị hồ sơ dự thầu: từ <<thoidiemdangtaihsmt>> đến <<thoidiemdongthau>>; <<songaychuanbihsdt>>.	x	
5	Thời gian tổ chức hội nghị	Không có	-	-

STT	Nội dung kiểm tra	Thời gian thực tế thực hiện	Kết quả thẩm định	
			Tuân thủ	Không tuân thủ
	tiền đấu thầu (nếu có)			
6	Thời gian tổ chức khảo sát hiện trường (nếu có)	Không có	-	-
7	Thời gian yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu của nhà thầu (nếu có)	Thời gian thực tế yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu của nhà thầu: <<thoigianyclr>>. Số lần yêu cầu làm rõ đối với gói thầu: <<solanlamro>>.	x	
8	Thời gian làm rõ hồ sơ mời thầu của Chủ đầu tư (nếu có)	Thời gian thực tế làm rõ hồ sơ mời thầu: <<thoigianlamrohsmt>>.	x	
9	Thời gian sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có)	Thời gian thực tế sửa đổi hồ sơ mời thầu: <<thoigiansuadoihsmt>>.	x	
10	Thời điểm đóng thầu	Thời điểm đóng thầu: <<thoidiemdongthau>>	x	
11	Gia hạn thời điểm đóng thầu	Số ngày gia hạn: <<songaygiahan>>. Thời điểm đóng thầu mới được gia hạn: <<thoidiemdongthaumoi>>.	x	
12	Mở thầu	Thời gian hoàn thành mở thầu: <<thoidiemmothau>>.	x	
13	Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu	Thời gian thực tế đánh giá hồ sơ dự thầu từ ngày mở thầu đến ngày trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu: từ <<thoidiemmothau>> đến ngày <<ngaytrinh>>. Tổng số ngày đánh giá: <<tongsongaydanhgia>>.	x	

b) Ý kiến thẩm định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 02**, Tổ thẩm định có ý kiến như sau: thời gian thực hiện các bước trong quá trình lựa chọn nhà thầu cơ bản phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định

số 214/2025/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn có liên quan; không phát hiện nội dung vi phạm quy định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

Nội dung phản ánh, kiến nghị: <<noidungkiennghi>>.

Ý kiến của Tổ thẩm định về nội dung kiến nghị: <<ykienkiennghi>>.

2.2. Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:

Kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu được tổng hợp tại **Bảng số 03** dưới đây:

Bảng số 03

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]
1	**Nội dung thẩm định kết quả đánh giá về kỹ thuật/hồ sơ đề xuất về kỹ thuật**	**x**	
1.1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ	x	
1.2	Nội dung đánh giá về năng lực, kinh nghiệm	x	
1.3	Nội dung đánh giá về kỹ thuật	x	
2	**Nội dung thẩm định kết quả đánh giá về tài chính/hồ sơ đề xuất về tài chính**	**x**	
2.1	Nội dung đánh giá về tài chính/hồ sơ đề xuất về tài chính	x	

b) Ý kiến thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 03**, Tổ thẩm định có ý kiến như sau: việc đánh giá hồ sơ dự thầu đã được Tổ chuyên gia thực hiện theo tiêu chí và phương pháp đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu. Kết quả đánh giá, xếp hạng nhà thầu và việc loại bỏ các nhà thầu không đáp ứng yêu cầu được thực hiện trên cơ sở các tiêu chí đã được phê duyệt.

Quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu cơ bản bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế; tại thời điểm thẩm định không phát hiện nội dung có thể làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

III. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA CÁC THÀNH VIÊN TỔ CHUYÊN GIA (NẾU CÓ)

1. Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên Tổ chuyên gia (nếu có): không có.

2. Ý kiến thẩm định về các ý kiến khác biệt, bảo lưu nêu trên (nếu có): không có.

IV. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA THÀNH VIÊN THAM GIA THẨM ĐỊNH TRONG TỔ THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ): không có.

V. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Ý kiến thẩm định đối với gói thầu được tổng hợp tại **Bảng số 04** dưới đây:

Bảng số 04

STT	Nội dung kiểm tra	Ý kiến thẩm định	
		Thống nhất	Không thống nhất
	[1]	[2]	[3]
1	**Căn cứ pháp lý**	**x**	
2	**Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu**	**x**	
3	**Nội dung thẩm định kết quả đánh giá về kỹ thuật/hồ sơ đề xuất về kỹ thuật**	**x**	
3.1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ	x	
3.2	Nội dung đánh giá về năng lực, kinh nghiệm	x	
3.3	Nội dung đánh giá về kỹ thuật	x	
4	**Nội dung thẩm định kết quả đánh giá về tài chính/hồ sơ đề xuất về tài chính**	**x**	
3.4	Nội dung đánh giá về tài chính/hồ sơ đề xuất về tài chính	x	

VI. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Sau khi rà soát hồ sơ, Phòng Kế hoạch – Thẩm định có ý kiến như sau:

1. Nhận xét

Trên cơ sở các nhận xét theo từng nội dung nêu trên, tổ thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về các nội dung như sau:

- Về cơ sở pháp lý: Hồ sơ trình thẩm định đã viện dẫn các căn cứ pháp lý liên quan đến việc tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan; cơ sở pháp lý của hồ sơ cơ bản bảo đảm theo quy định để xem xét kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Về kết quả đánh giá: Việc đánh giá hồ sơ dự thầu đã được Tổ chuyên gia thực hiện theo tiêu chí và phương pháp đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu; kết

quả đánh giá và xếp hạng nhà thầu được xác định trên cơ sở các tiêu chí đã được phê duyệt.

- Về sự bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch trong quá trình tổ chức đấu thầu: Quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu cơ bản bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Ý kiến của Tổ thẩm định về kết quả lựa chọn nhà thầu: Tổ thẩm định thống nhất với kết quả lựa chọn nhà thầu do Tổ chuyên gia đề xuất.

2. Kiến nghị

Trên cơ sở đề nghị của Tổ chuyên gia về kết quả lựa chọn nhà thầu và nội dung tại báo cáo thẩm định này, Tổ thẩm định kiến nghị <<tenchudautu>> phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>> theo các nội dung sau:

- Tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu: <<nhathaudoichieu>>;

- Giá đề nghị trúng thầu: <<giatrungthau>> đồng ;

- Loại hợp đồng: <<loaihopdong>>;

- Thời gian thực hiện gói thầu: <<thoigianthuchienduthau>>;

- Thời gian thực hiện hợp đồng: <<thoigianthuchienhopdong>>;

- Các nội dung kiến nghị cần lưu ý (nếu có).

Báo cáo thẩm định này được lập bởi:

STT	Họ và tên	Chức vụ trong tổ thẩm định	Chữ ký
1	Trần Minh Đạt	Thành viên	
2	Huỳnh Minh Tâm	Thành viên	

Nơi nhận:
- Như trên;
- <<phongnhan>>;
- Lưu: P.KHTĐ.
<<cbthamdinh>>.

TỔ THẨM ĐỊNH
TỔ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Vẹn

Phụ lục

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

STT	Số hiệu, nội dung văn bản	Ghi chú
1	<<quyetdinhduan>>	File
2	<<quyetdinhkhlcnt>>	File
3	<<quyetdinhpheduyettkdt>>	File
4	<<quyetdinhdtgt>>	File
5	<<quyetdinhhsmt>>	File
6	Báo cáo số <<songaybaocaodanhgia>> của Tổ chuyên gia thuộc <<donvituvandauthau>> về việc báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu <<tengoithau>>, dự án <<tenduan>>	File
7	Biên bản đối chiếu tài liệu ngày <<ngaydoichieu>>	File

MẪU SỐ 33

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH
PHÒNG KẾ HOẠCH – THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:……/BC-KHTĐ

Tây Ninh, ngày …… tháng …… năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN PHÁT SINH

Gói thầu: <<tengoithau>>.
Dự án: <<tenduan>>.
Địa điểm thực hiện dự án: <<ghidiadiem>>.

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng
Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Ngày ……/……/2026, Phòng Kế hoạch – Thẩm định nhận được Tờ trình số <<songaytotrinh>> của Phòng <<phongtrinh>> về việc thẩm định dự toán phát sinh gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>. Phòng Kế hoạch – Thẩm định tổ chức thẩm định từ ngày ……/……/2026 đến ngày ……/……/2026 và báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH:

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số <<songayquyetdinh>> về việc phê duyệt dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư

xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và dự toán xây dựng dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Hợp đồng số <<songayquyetdinh>> được ký kết giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và <<tendonvithicong>> về việc thực hiện gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Biên bản họp ngày ……/……/2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và các đơn vị có liên quan về việc xử lý phát sinh gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Văn bản số <<songayvanban>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc cho chủ trương phát sinh khi thực hiện gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Bảng xác nhận khối lượng phát sinh ngày ……/……/2026 của gói thầu gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Bảng dự toán phát sinh của gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>> do <<tennhathau>> lập ngày ……/……/2026;

Căn cứ Tờ trình số <<songaytotrinh>> của phòng <<phongtrinh>> - Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định dự toán phát sinh gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

II. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU:

1. Tên dự án: <<tenduan>>.

2. Gói thầu: <<tengoithau>>.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

4. Địa điểm thực hiện dự án: <<ghidiadiem>>.

5. Giá gói thầu được duyệt: **…… đồng** *(theo Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh)*. Trong đó:

+ Chi phí xây dựng: …… đồng.

+ Chi phí thiết bị: …… đồng.

+ Chi phí dự phòng: …… đồng.

6. Giá gói thầu điều chỉnh được duyệt: **…… đồng** *(theo Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh)*. Trong đó:

+ Chi phí xây dựng: …… đồng.

+ Chi phí thiết bị: …… đồng.

+ Chi phí dự phòng: …… đồng.

7. Giá trị hợp đồng: **…… đồng**. Trong đó:

+ Chi phí xây dựng: …… đồng.

+ Chi phí thiết bị: …… đồng.

+ Chi phí dự phòng: …… đồng.

8. Giá trị hợp đồng điều chỉnh: **…… đồng** *(theo văn bản sửa đổi hợp đồng lần …… số ……/2026/VBSĐHĐ-BQLDA ngày ……/……/2026)*. Trong đó:

+ Chi phí xây dựng: …… đồng.

+ Chi phí thiết bị: …… đồng.

+ Chi phí dự phòng: …… đồng.

9. Hình thức hợp đồng: <<ghihinhthuchopdong>>

10. Thời gian thực hiện hợp đồng: …… ngày *(từ ngày ……/……/2026 đến ngày ……/……/2026).*

11. Thời gian thực hiện hợp đồng điều chỉnh: Đến *ngày ……/……/2026 (theo văn bản sửa đổi hợp đồng lần …… số ……/2026/VBSĐHĐ-BQLDA ngày ……/……/2026).*

12. Đơn vị thi công: <<tennhathau>>.

13. Đơn vị giám sát: <<tendonvituvan hoac chudautu>>.

III. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH:

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định:

- Quyết định số <<songayquyetdinh>> về việc phê duyệt dự án <<tenduan>>.

- Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và dự toán xây dựng dự án <<tenduan>>.

- Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

- Hợp đồng số <<songayquyetdinh>> được ký kết giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và <<tendonvithicong>> về việc thực hiện gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

- Văn bản số <<songayvanban>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc cho chủ trương phát sinh khi thực hiện gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

- Biên bản họp ngày ……/……/2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và các đơn vị có liên quan về việc xử lý phát sinh gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

- Bảng xác nhận khối lượng phát sinh ngày ……/……/2026 của gói thầu gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

- Bảng dự toán phát sinh của gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>> do <<tennhathau>> lập ngày ……/……/2026.

- Tờ trình số <<songaytotrinh>> của phòng <<phongtrinh>> - Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định dự toán phát sinh gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

2. Nội dung lập dự toán phát sinh gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án

<<tenduan>>:

Stt	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
1	Chi phí ……	A		
2	Chi phí ……	B		
3	Chi phí ……	C		
4	Giá trị giảm giá	D		
5	**Giá trị dự toán phát sinh**	**E**		
6	**Làm tròn**			

IV. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH:

1. Nội dung và khối lượng công việc thực hiện:

Khối lượng phát sinh tăng, giảm thực hiện theo các cở sở sau:

- Văn bản số <<songayvanban>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc cho chủ trương phát sinh khi thực hiện gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

- Biên bản họp ngày ……/……/2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và các đơn vị có liên quan về việc xử lý phát sinh gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

- Bảng xác nhận khối lượng phát sinh ngày ……/……/2026 của gói thầu gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

Cụ thể như sau:

PHÁT SINH TĂNG			
Stt	**Nội dung công việc**	**Đơn vị**	**Khối lượng**
1	……	……	……
2	……	……	……
3	……	……	……

PHÁT SINH GIẢM			
Stt	**Nội dung công việc**	**Đơn vị**	**Khối lượng**
1	……	……	……
2	……	……	……
3	……	……	……

2. Hệ thống quy phạm áp dụng:

- Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

- Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội.

- Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng.

- Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng.

3. Nguyên tắc thẩm định:

3.1. Phát sinh tăng không có đơn giá trong hợp đồng:

a. Định mức nhân công, máy thi công:

Áp dụng Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng và Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng.

b. Đơn giá:

- Đơn giá nhân công, máy thi công: Áp dụng theo Văn bản số 8330/SXD-QLHĐXD ngày 09/7/2026 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung có liên quan đến lập và quản lý chi phí ĐTXD theo Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

- Đơn giá vật tư:

+ Áp dụng theo Thông báo số 2080/TB-SXD ngày 13/5/2025 của Sở Xây dựng về việc công bố giá vật liệu xây dựng tháng 4 năm 2025.

+ Áp dụng theo chứng thư Thẩm định giá số 149/2025/028/TĐG-VAAL ngày 02/12/2025 của Công ty TNHH Kiểm toán Việt Úc.

+ Bảng báo giá của các đơn vị sản xuất: Panasonic, Sino, Schneider; Caesar, Tiền Phong, Shinyi.

3.2. Phát sinh tăng có đơn giá trong hợp đồng:

Đơn giá: Áp dụng theo Hợp đồng số <<songayquyetdinh>> được ký kết giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và <<tendonvithicong>> về việc thực hiện gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

3.2. Phát sinh giảm:

Đơn giá: Áp dụng theo Hợp đồng số <<songayquyetdinh>> được ký kết giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và <<tendonvithicong>> về việc thực hiện gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án

<<tenduan>>.

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH:

Sau khi rà soát hồ sơ, Phòng Kế hoạch – Thẩm định có ý kiến như sau:

Giá trị dự toán phát sinh sau thẩm định:

Đvt: đồng

Stt	Giá trị phát sinh tăng/giảm	Giá trị đề nghị thẩm định	Giá trị thẩm định	Chênh lệch Tăng (+)/ Giảm (-)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(4)-(3)*
1	Giá trị phát sinh tăng	……..	……..	……..
2	Giá trị phát sinh giảm	……..	……..	……..

VI. KẾT LUẬN:

- Hồ sơ dự toán phát sinh gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>> đủ điều kiện phê duyệt.

- Giá trị phát sinh tăng: ……..–……..=…….. **đồng**. Giá trị phát sinh tăng được lấy từ dự phòng phí của *Hợp đồng số <<songayquyetdinh>> được ký kết giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và <<tendonvithicong>> về việc thực hiện gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>* hoặc dự phòng phí của *Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>* hoặc cả hai.

- Giá trị phát sinh không vượt tổng mức đầu tư được duyệt Chủ đầu tư được quyền phê duyệt điều chỉnh phù hợp với quy định tại điểm c, Khoản 3, Điều 84 của Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội, cụ thể: "*c) Khi sửa đổi hợp đồng làm thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng nhưng không vượt thời gian thực hiện dự án được phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh hoặc vượt giá gói thầu (bao gồm dự phòng) được duyệt nhưng không làm vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh thì chủ đầu tư được quyền xem xét, quyết định sửa đổi hợp đồng;*".

VII. KIẾN NGHỊ:

- Trên cơ sở kết quả thẩm định kiến nghị phòng <<phongtrinh>> hoàn thiện hồ sơ, trình phê duyệt theo quy định.

- Khối lượng phát sinh thực hiện theo:

+ Văn bản số <<songayvanban>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc cho chủ trương phát sinh khi thực hiện gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

+ Biên bản họp ngày ……/……/2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và các đơn vị có liên quan về việc xử lý phát sinh gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

+ Bảng xác nhận khối lượng phát sinh ngày ……/……/2026 của gói thầu gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

- Khối lượng công việc hoàn thành quyết toán theo thực tế thi công.

- Phòng <<phongtrinh>> chịu trách nhiệm khối lượng, giá trị công việc phát sinh.

Trên đây là kết quả thẩm định dự toán phát sinh gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>.

Kính trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt./.

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH	**CÁN BỘ CHỦ TRÌ**
……	……

PHÒNG KẾ HOẠCH – THẨM ĐỊNH
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Vẹn

Nơi nhận:
- Như trên;
-<<Phongtrinh>>;
- Lưu: P.KHTĐ.
(tencanbothamdinh)

MẪU SỐ 34

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH
PHÒNG KẾ HOẠCH – THẨM ĐỊNH

Số:……/BC-KHTĐ

Về việc báo cáo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán điều chỉnh triển khai sau khi dự án được phê duyệt và dự toán xây dựng công trình dự án …..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày …… tháng …. năm 2026

Kính gửi: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng
Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Phòng Kế hoạch – Thẩm định nhận được Tờ trình số …./TTr-…. ngày …./…/2026 của Phòng chuyên môn - Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc đề nghị thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và dự toán xây dựng công trình thuộc dự án …..

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp và xác định định mức dự toán và các chi tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-SKHĐT ngày 15/11/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự án Phục dựng hiện trạng Căn cứ xứ uỷ Nam Bộ (X40 Đồng Rùm) và một số công trình mới;

Căn cứ Quyết định số <<songayquyetdinh>> về việc phê duyệt dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và dự toán xây dựng dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Hợp đồng số <<songayquyetdinh>> được ký kết giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và <<tendonvithicong>> về việc thực hiện gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Biên bản họp số …./BB-BQLDA-…. ngày …./…/2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về nội dung điều chỉnh thiết kế, phát sinh khối lượng gói thầu Thi công xây lắp (bao gồm thiết bị) thuộc dự án …….;

Căn cứ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (điều chỉnh) dự án …….. của …… lập ngày …/…/2026;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra số …../BCTT ngày …./…/2026 về việc thẩm tra hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (điều chỉnh) dự án ….. của ……;

Sau khi xem xét, Phòng Kế hoạch – Thẩm định - Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh thông báo kết quả thẩm định thiết kế thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và dự toán xây dựng công trình thuộc dự án …….. như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH:

1. Tên dự án: ……

2. Mã định danh: <<nhapmadinhdanh>>.

3. Loại, cấp công trình: …….

4. Địa điểm thực hiện dự án: …...

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

6. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **….. đồng** *(bằng chữ: …….đồng).*

7. Nguồn vốn đầu tư: .....

8. Nhà thầu thiết kế xây dựng: ……

9. Nhà thầu khảo sát xây dựng: ……

10. Nhà thầu thẩm tra thiết kế: …….

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ DỰ TOÁN XÂY DỰNG:

1. Văn bản pháp lý:

Căn cứ Quyết định số <<songayquyetdinh>> về việc phê duyệt dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và dự toán xây dựng dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Quyết định số <<songayquyetdinh>> của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Hợp đồng số <<songayquyetdinh>> được ký kết giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và <<tendonvithicong>> về việc thực hiện gói thầu <<tengoithau>> thuộc dự án <<tenduan>>;

Căn cứ Biên bản họp số …./BB-BQLDA-…. ngày …./…/2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về nội dung điều chỉnh thiết kế, phát sinh khối lượng gói thầu Thi công xây lắp (bao gồm thiết bị) thuộc dự án …….;

Căn cứ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (điều chỉnh) dự án …….. của …… lập ngày …/…/2026;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra số …../BCTT ngày …./…/2026 về việc thẩm tra hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (điều chỉnh) dự án ….. của ……;

- Căn cứ các văn bản có liên quan khác.

2. Hồ sơ, tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thẩm tra:

Căn cứ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (điều chỉnh) dự án …….. của …… lập ngày …/…/2026;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra số …../BCTT ngày …./…/2026 về việc thẩm tra hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (điều chỉnh) dự án ….. của ……;

3. Năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình:

- Nhà thầu thiết kế xây dựng: .....:

+ Chủ nhiệm thiết kế/Chủ trì thiết kế kiến trúc: …...

- Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng công trình: …..

+ Chủ nhiệm thẩm tra/Chủ trì thẩm tra kết cấu: …...

+ Chủ trì thẩm tra kiến trúc công trình: ……..

+ Chủ trì thẩm tra cấp thoát nước công trình xây dựng: …….

+ Chủ trì thẩm tra thiết kế hạ tầng kỹ thuật: …...

+ Chủ trì thẩm tra dự toán……..

…….

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH:

1. Tóm tắt nội dung điều chỉnh thiết kế: *Căn cứ Biên bản họp số …./BB-BQLDA-… ngày /…./2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về nội dung điều chỉnh thiết kế, phát sinh khối lượng gói thầu Thi công xây lắp (bao gồm thiết bị) thuộc dự án ……*

Stt	Hạng mục	Quy mô xây dựng		Lý do điều chỉnh
		Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	

2. Nội dung lập dự toán xây dựng điều chỉnh:

Stt	Nội dung	Ký hiệu	Theo Quyết định phê duyệt	Giá trị điều chỉnh	Dự toán xây dựng sau điều chỉnh
1	Chi phí xây dựng	A			
2	Chi phí thiết bị	B			
3	Chi phí quản lý dự án	C			
4	Chi phí Tư vấn	D			
5	Chi phí khác	E			
6	Chi phí dự phòng	F			
7	**Giá trị dự toán xây dựng**	**G**			

3. Các nội dung khác ……;

IV. PHẠM VI VÀ NGUYÊN TẮC THẨM ĐỊNH:

- Phạm vi thực hiện thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt của chủ đầu tư

+ Theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 41 của Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026:

"2. Nội dung thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt của chủ đầu tư như sau:

a) Đối với công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư công, nội dung thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Xây dựng năm 2025"

+ Theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Xây dựng năm 2025:

" 1. Đối với công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư công, chủ đầu tư thẩm định các nội dung sau đây:

a) Việc đáp ứng các yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế;

b) Sự phù hợp của thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt so với thiết kế xây dựng tại Báo cáo nghiên cứu khả thi;

c) Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình;

d) Đánh giá an toàn chịu lực công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận; đánh giá giải pháp thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của

pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ;

đ) Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế; sự phù hợp của giá trị dự toán xây dựng công trình với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng; xác định giá trị dự toán công trình;

e) Việc đáp ứng điều kiện năng lực của các chủ thể thực hiện khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan."

- Phạm vi thực hiện thẩm định dự toán xây dựng công trình của chủ đầu tư

+ Theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026:

"3. Nội dung thẩm định dự toán xây dựng công trình của chủ đầu tư quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 30 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, gồm:

a) Sự đầy đủ của hồ sơ dự toán xây dựng công trình thẩm định; kiểm tra kết quả thẩm tra dự toán xây dựng công trình của tổ chức tư vấn (nếu có);

b) Sự phù hợp của việc xác định khối lượng chủ yếu của công tác xây dựng, chủng loại và số lượng thiết bị tính toán trong dự toán xây dựng công trình so với khối lượng thiết kế;

c) Xác định giá trị dự toán xây dựng công trình theo quy định phù hợp với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật, biện pháp thi công xây dựng định hướng, công nghệ được sử dụng cho dự án, tiến độ thi công công trình và mặt bằng giá thị trường;

d) Phân tích, đánh giá mức độ, nguyên nhân tăng, giảm của các khoản mục chi phí so với giá trị dự toán xây dựng công trình do đơn vị tư vấn lập, thẩm tra (nếu có).;

+ Theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 18 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026:

"b) Đối với công trình, gói thầu đã ký hợp đồng, chủ đầu tư tổ chức xác định dự toán xây dựng điều chỉnh căn cứ vào nội dung hợp đồng xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng; quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại thời điểm điều chỉnh để xác định dự toán xây dựng điều chỉnh theo nội dung điều chỉnh, đảm bảo hiệu quả, mục tiêu, tiến độ của dự án."

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐIỀU CHỈNH

1. Việc đáp ứng các yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế:

- Hồ sơ thiết kế xây dựng điều chỉnh phù hợp với quy định tại hợp đồng thiết kế số giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và ……..

- Hồ sơ thiết kế xây dựng điều chỉnh phù hợp với nội dung Biên bản họp số

…./BB-BQLDA-…. ngày …./…/2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về nội dung điều chỉnh thiết kế, phát sinh khối lượng gói thầu Thi công xây lắp (bao gồm thiết bị) thuộc dự án ……..

2. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt so với thiết kế xây dựng tại Báo cáo nghiên cứu khả thi:

Hồ sơ thiết kế xây dựng điều chỉnh triển khai sau khi dự án được phê duyệt phù hợp với thiết kế xây dựng tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được phê duyệt tại Quyết định số ….. ngày ….. của ….. về việc phê duyệt dự án …...

3. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt công trình nêu trên tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Vật liệu sử dụng cho công trình theo quy định của pháp luật.

4. Đánh giá an toàn chịu lực công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận; đánh giá giải pháp thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ.

- Đánh giá an toàn chịu lực công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận: Công trình đảm bảo an toàn chịu lực và bảo đảm an toàn của công trình lân cận được Tư vấn thẩm tra là …… đánh giá phù hợp tại Báo cáo kết quả thẩm tra số ….. ngày …./…/2026.

- Đánh giá giải pháp thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: Thiết kế xây dựng điều chỉnh không thay đổi về pháp thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đã phê duyệt.

- Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ: ……..

5. Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế; sự phù hợp của giá trị dự toán xây dựng công trình với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng; xác định giá trị dự toán công trình (nội dung này được thực hiện theo yêu cầu của dự án được phân loại theo hình thức đầu tư):

- Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế: Khối lượng dự toán xây dựng điều chỉnh phù hợp với khối lượng thiết kế.

- Sự phù hợp của giá trị dự toán xây dựng công trình với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng:

Giá trị dự toán xây dựng công trình đảm bảo phù hợp với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt tại quyết định số ..... ngày ..... của ..... về việc phê duyệt dự án ....., không vượt tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt.

6. Việc đáp ứng điều kiện năng lực của các chủ thể thực hiện thiết kế xây

dựng và dự toán xây dựng theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan:

- Đơn vị thiết kế: ..... có các cá nhân chủ trì thiết kế (kiến trúc, kết cấu) có chứng chỉ hành nghề và đáp ứng điều kiện năng lực theo quy định.

- Đơn vị thẩm tra: ……. có các cá nhân chủ trì thẩm tra (kiến trúc, kết cấu, cấp điện, dự toán) có chứng chỉ hành nghề và đáp ứng điều kiện năng lực theo quy định.

7. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của chủ đầu tư (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH:

a) Sự đầy đủ của hồ sơ dự toán xây dựng công trình thẩm định; kiểm tra kết quả thẩm tra dự toán xây dựng công trình của tổ chức tư vấn (nếu có):

- Hồ sơ dự toán xây dựng điều chỉnh được lập theo quy định, đủ căn cứ pháp lý liên quan làm cơ sở xác định dự toán:

+ Hợp đồng Thi công xây dựng số ….. ngày ….. giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và ……

+ Biên bản họp số …./BB-BQLDA-…. ngày …./…/2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

+ Hồ sơ thiết kế Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (điều chỉnh) dự án ….. của ….. lập

+ Công bố Giá vật liệu Xây dựng số …./TB-SXD ngày …./…/2026 của Sở xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc công bố giá vật liệu xây dựng tại thị trường tỉnh Tây Ninh Tháng … năm 2026.

+ Văn bản quy phạm pháp luật liên quan về quản lý chi phí đầu tư xây dựng

- Kết quả thẩm tra dự toán xây dựng công trình của tổ chức tư vấn: Phù hợp Theo đánh giá tại Báo cáo kết quả thẩm tra số …. ngày …/…/2026 về việc thẩm tra hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (điều chỉnh) dự án …..

b) Sự phù hợp của việc xác định khối lượng chủ yếu của công tác xây dựng, chủng loại và số lượng thiết bị tính toán trong dự toán xây dựng công trình so với khối lượng thiết kế:

Khối lượng chủ yếu của công tác xây dựng tính toán trong dự toán xây dựng công trình phù hợp so với hồ sơ thiết kế điều chỉnh, phạm vi công việc thực hiện theo Biên bản họp số …./BB-BQLDA-…. ngày …./..7/2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về nội dung điều chỉnh thiết kế, phát sinh khối lượng gói thầu Thi công xây lắp (bao gồm thiết bị) thuộc dự án …..

c) Xác định giá trị dự toán xây dựng công trình theo quy định phù hợp với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng, tiêu chuẩn, quy

chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật, biện pháp thi công xây dựng định hướng, công nghệ được sử dụng cho dự án, tiến độ thi công công trình và mặt bằng giá thị trường:

c1. Việc lập dự toán xây dựng công trình:

Phương pháp xác định dự toán xây dựng phù hợp theo quy định tại mục 1 Phụ lục II của Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

$$G_{XDCT} = G_{XD} + G_{TB} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K + G_{DP}$$

Trong đó:

+ G_{XDCT}: Dự toán xây dựng công trình;

+ G_{XD}: Chi phí xây dựng;

+ G_{TB}: Chi phí thiết bị;

+ G_{QLDA}: Chi phí quản lý dự án;

+ G_{TV}: Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng;

+ G_K: Chi phí khác;

+ G_{DP}: Chi phí dự phòng.

c2. Xác định giá trị dự toán xây dựng công trình:

- Đối với chi phí xây dựng:

+ Đơn giá, định mức:

● Đơn giá nhân công, máy thi công: Áp dụng theo Văn bản số 8330/SXD-QLHĐXD ngày 09/7/2026 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung có liên quan đến lập và quản lý chi phí ĐTXD theo Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

● Định mức: Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng.

+ Đơn giá vật tư: Áp dụng theo Thông báo số …./TB-SXD ngày …./../2026 của Sở xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc công bố giá vật liệu xây dựng tại thị trường tỉnh Tây Ninh Tháng …. năm 2026; Báo giá của đơn vị sản xuất,….

+ Đơn giá công việc có trong hợp đồng: Theo Hợp đồng Thi công xây dựng số HD ….. ngày …/../2026 giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và ……

+ Đối với chi phí thiết bị: Dự toán xây dựng điều chỉnh không điều chỉnh tăng , giảm chi phí thiết bị

- Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm định: **….. đồng** *(bằng chữ: ……đồng).*

Đvt: VNĐ

Stt	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị điều chỉnh đề nghị thẩm định	Giá trị thẩm định	Chênh lệch Tăng (+)/ Giảm (-)
1	Chi phí xây dựng	G_{XD}	Theo dự toán xây dựng điều chỉnh do ..... lập			-
2	Chi phí thiết bị	G_{TB}				-
3	Chi phí quản lý dự án	G_{QLDA}				-
4	Chi phí Tư vấn	G_{TV}				-
5	Chi phí khác	G_{K}				-
6	Chi phí dự phòng	G_{DP}				-
7	**Giá trị dự toán xây dựng**	**G_{XDCT}**				**-**

d) Phân tích, đánh giá mức độ, nguyên nhân tăng, giảm của các khoản mục chi phí so với giá trị dự toán xây dựng công trình do đơn vị tư vấn lập, thẩm tra (nếu có): ……..

VII. KẾT LUẬN:

Hồ sơ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và dự toán xây dựng công trình dự án ..... đủ điều kiện trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

+ Theo quy định tại khoản 4, Điều 43 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026

" 4. Chủ đầu tư thực hiện thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng điều chỉnh đối với thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt đã được chủ đầu tư thẩm định và phê duyệt. Đối với các bước thiết kế còn lại, chủ đầu tư quyết định việc kiểm soát thiết kế theo quy định tại hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan."

+ Theo quy định tại khoản 2, Điều 18 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026

2. Chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 và Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

VIII. KIẾN NGHỊ:

- Trên cơ sở kết quả thẩm định kiến nghị phòng chuyên môn hoàn thiện hồ sơ, trình phê duyệt theo quy định.

- Đơn vị Tư vấn thiết kế; Đơn vị thẩm tra; phòng chuyên môn chịu trách nhiệm về khối lượng, chủng loại vật tư, cấu hình thiết bị, cơ sở xác định giá trị vật tư, thiết bị.

- Đơn vị tư vấn thiết kế và phòng chuyên môn chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng theo hồ sơ thiết kế xây dựng điều chỉnh và điều kiện áp dụng đơn giá hợp đồng. Việc xác nhận khối lượng tăng, giảm và điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo Điều …. Hợp đồng thi công số ….. ngày …/../2026 giữa Ban Quản

lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và ……và quy định pháp luật có liên quan.

- Khối lượng công việc hoàn thành quyết toán theo thực tế.

- Khi thi công phải thực hiện đúng tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành về tiêu chuẩn vật liệu, trang thiết bị, phương pháp thi công, an toàn lao động, vệ sinh môi trường... đã được quy định.

Trên đây là kết quả thẩm định Hồ sơ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và dự toán xây dựng công trình dự án .....

Kính trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: P.KHTĐ.
(……)

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 35

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH
PHÒNG ……

Số:……/BC-…..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày …… tháng …. năm 2026

BÁO CÁO
Về việc giải trình các nội dung xử lý kỹ thuật để làm cơ sở trình phê duyệt dự toán phát sinh và ký phụ lục hợp đồng gói thầu… dự án…

Phòng ….. báo cáo về việc giải trình các nội dung xử lý kỹ thuật để làm cơ sở trình phê duyệt dự toán phát sinh và ký phụ lục hợp đồng gói thầu… dự án…, cụ thể như sau:

1. **Quá trình xử lý kỹ thuật và trình chủ trương phát sinh:**

……
……
……

Lý do:

……
……
……

2. **Quá trình lập, thẩm định dự toán phát sinh:**

Ngày /…/2026 Nhà thầu đã lập và trình bảng dự toán phát, với giá trị củ thể là:

- Phát sinh tăng: …. Đồng
- Phát sinh giảm: …. Đồng

Trên đây báo cáo của Phòng… về các nội dung xử lý kỹ thuật trong quá trình thi công gói thầu… dự án…../.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: P…...
(……)

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 36

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BQLDA

Tây Ninh, ngày tháng …. năm 2026

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án .....

Kính gửi: Sở Tài chính.

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Nghị Quyết số ..../NQ-HĐND ngày ..../.../... của HĐND tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030;

Căn cứ biên bản họp ngày ..../.../... về việc họp khảo sát hiện trạng và đề xuất quy mô đầu tư dự án ……;

Căn cứ công văn số đơn vị sử dụng về việc đề xuất quy mô đầu tư dự án…….;

Căn cứ Báo cáo số .../BC-BQLDA ngày ..../.../... của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc đề xuất chủ trương đầu tư dự án ……,

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh kính trình Sở Tài chính Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án ……. với các nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: …….

2. Dự án nhóm: Dự án nhóm …….

3. Loại, cấp công trình: công trình ….., cấp ….

4. Cấp quyết định đầu tư: ……...

5. Tên chủ đầu tư: Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

6. Địa điểm thực hiện dự án: ……..

7. Tổng mức đầu tư dự án (dự kiến): …… đồng

(Bằng chữ: …….. đồng).

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng : ……. đồng
+ Chi phí thiết bị : ……. đồng
+ Chi phí quản lý dự án : ……. đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : ……. đồng
+ Chi phí khác : ……. đồng
+ Chi phí dự phòng : ……. đồng
+ Tổng mức đầu tư dự án (làm tròn) : ……. đồng

(Chi tiết theo bảng sơ bộ tổng mức đầu tư đính kèm).

8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: ……..

9. Thời gian thực hiện: Năm ……..

10. Hình thức đầu tư: …….

11. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO:

Căn cứ Nghị Quyết số ..../NQ-HĐND ngày ..../.../... của HĐND tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030;

Căn cứ biên bản họp ngày ..../.../... về việc họp khảo sát hiện trạng và đề xuất quy mô đầu tư dự án ……;

Căn cứ công văn số đơn vị sử dụngvề việc đề xuất quy mô đầu tư dự án……;

Căn cứ Báo cáo số .../BC-BQLDA ngày ..../.../... của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc đề xuất chủ trương đầu tư dự án ……,

- Bảng khái toán sơ bộ tổng mức đầu tư dự án ..... do đơn vị tư vấn lập ngày ...../.../....

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh trình Sở Tài chính xem xét, thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án …… với các nội dung nên trên ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Giám đốc (báo cáo);
- Phòng .....;
- Lưu: VT, P…..

(…..)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 37

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BQLDA

Tây Ninh, ngày .... tháng ... năm 2026

TỜ TRÌNH
Quyết định chủ trương đầu tư dự án
.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số ...../NQ-HĐND ngày .../.../2026 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Báo cáo số ..../BC-STC ngày .../.../2026 của Sở Tài chính về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án ……;

Căn cứ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư số ...../BC-BQLDA ngày ..../../2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh dự án ..... (Hoàn thiện theo Báo cáo thẩm định số .../BC-STC ngày .../.../2026 của Sở Tài chính);

Căn cứ Điều 3, Chương II, Quyết định số 43/2026/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Quy định về phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án ….., với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: …...

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

3. Đối tượng thụ hưởng của dự án: …..

4. Địa điểm thực hiện dự án: …..

5. Tổng vốn thực hiện dự án *(làm tròn)*: **….. đồng** *(Bằng chữ: ... đồng)*. Trong đó:

+ Chi phí xây dựng : ……. đồng

+ Chi phí thiết bị : …… đồng

+ Chi phí quản lý dự án : ……. đồng

+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : …….đồng

+ Chi phí khác : …… đồng

+ Chi phí dự phòng : ……đồng

- Dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công.

- Nguồn vốn thực hiện: …...

6. Thời gian thực hiện: …….

7. Cơ quan, đơn vị thực hiện dự án: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

8. Các thông tin khác:

- Dự án nhóm …., Công trình ….. - Cấp …..

- Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: ……..

- Cấp quyết định đầu tư dự án: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Quy mô đầu tư: cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị.

(Quy mô chi tiết như trong hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư).

- Mục tiêu đầu tư: ……...

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

- Nghị quyết số …../NQ-HĐND ngày …/…/2026 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030;

- Biên bản họp ngày …./…/…. về việc họp khảo sát hiện trạng và đề xuất quy mô đầu tư dự án …..;

- Công văn số của đơn vị sử dụng về việc đề xuất quy mô;

- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh lập Báo cáo số …./BC-BQLDA ngày …./…./…. về việc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án …...

2. Trình thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (BCĐXCTĐT), thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án:

- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh trình Sở Tài chính thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án ….. tại Tờ trình số …./TTr-BQLDA ngày …./../…;

- Sở Tài chính ban hành Công văn số …./STC-TĐ ngày …/../…. về việc lấy ý kiến phục vụ công tác thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với dự án ……;

- Văn bản ý kiến của các sở ban ngành và địa phương

- Báo cáo số …./BC-STC ngày …./…/… của Sở Tài chính về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án …;

- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư số …/BC-BQLDA ngày …./…/… của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh dự án ..... (Hoàn thiện theo Báo cáo thẩm định số …/BC-STC ngày …./…/… của Sở Tài chính).

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

- Báo cáo số …./BC-STC ngày …./…/… của Sở Tài chính về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án …;

- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư số …/BC-BQLDA ngày …./…/… của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh dự án ..... (Hoàn thiện theo Báo cáo thẩm định số …/BC-STC ngày …./…/… của Sở Tài chính).

- Các tài liệu liên quan khác.

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án …….

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Tài chính (để biết);
- PGĐ……(theo dõi thực hiện);
- Lưu: VT, P…..
(…..)

GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 38

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
PHÒNG .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

Số: /TTr-

TỜ TRÌNH
Về việc thẩm định Nhiệm vụ ……..
Dự án: ……..

Kính gửi: Phòng Kế hoạch – Thẩm định.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Tây Ninh về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../.../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../.../2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ nhiệm vụ …… dự án….. ngày ..../.../2026 của Phòng chuyên môn lập.

Phòng chuyên môn đề nghị Phòng Kế hoạch - Thẩm định thẩm định nhiệm vụ nhiệm vụ …… dự án….., với nội dung cụ thể như sau:

I. Nội dung thẩm định Nhiệm vụ …..:

1. Giới thiệu chung:

- Tên dự án: …….

- Cấp quyết định chủ trương đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (theo quy định tại khoản 7, Điều 18 Luật đầu tư công số 58/2024/QH15).

- Cấp quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (theo quy định tại khoản 3, Điều 38 Luật đầu tư công số 58/2024/QH15);

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

- Nguồn vốn: …….

- Thời gian thực hiện: …..

- Quy mô, phạm vi đầu tư:

……

……

……

……

2. Mục đích nhiệm vụ ……..:

- Lập nhiệm vụ ….. làm cơ sở để ….. trình UBND tỉnh phê duyệt dự án.

3. Nội dung nhiệm vụ ……:

- Quy định rõ các nhiệm vụ cụ thể để làm cơ sở cho đơn vị tư vấn …… thực hiện.

II. Danh mục hồ sơ kèm theo:

Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../.../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../.../2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026;

nhiệm vụ …… dự án….. ngày ..../.../2026 của Phòng chuyên môn lập.

Phòng chuyên môn đề nghị Phòng Kế hoạch - Thẩm định thẩm định nhiệm vụ …. Dự án để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: P….
(……).

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 38

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bảng dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để .....
Dự án: .....

I. Cơ sở pháp lý:

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15ngày 29/11/2024; được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 4773/UBND-KTTC ngày 26/3/2026 của UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh tên chủ đầu tư và giao nhiệm vụ cho Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về

việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 317/QĐ-BQLDA ngày 13/3/2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng, các phòng chuyên môn và các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực;

Tổng mức đầu tư: **..... đồng** *(Bằng chữ: .....).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng sau thuế : ..... đồng
- Chi phí thiết bị sau thuế : ..... đồng
- Chi phí QLDA, tư vấn và chi phí khác : ..... đồng
- Chi phí dự phòng : ..... đồng

II. Các khoản mục chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/báo cáo kinh tế kỹ thuật (BCNCKT/BCKTKT),….:

1. Chi phí lập BCNCKT/BCKTKT:

……
.

1.1. Tổng chi phí xây dựng và thiết bị trước thuế (G_{XD+TB}):

- Chi phí xây dựng trước thuế (G_{XD}):

G_{XD} = ……/1,08 = …… đồng.

- Chi phí thiết bị trước thuế (G_{TB}):

G_{TB} = ……/1,08 = ……. đồng.

Tổng chi phí xây dựng và thiết bị trước thuế (G_{XD+TB}): **…… đồng**.

1.2. Định mức chi phí lập BCNCKT/BCKTKT (k_1):

Lấy theo bảng 2.3/2.4 phụ lục VIII Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026: Dùng phương pháp nội suy do chi phí xây dựng trước thuế của công trình ở trong khoảng (…. tỷ - …. tỷ)

Công trình dân dụng/HTKT	
Chi phí xây dựng và thiết bị trước thuế (tỷ đồng)	**k_1(%)**
.....	.....
.....	.....

*** Chi phí lập BCNCKT/BCKTKT:**

$C_{BCNCKT/BCKTKT} = G_{XD+TB} * 1,08 * k_1$

$C_{BCNCKT/BCKTKT}$ = …… * 1,08 * .....% = …… đồng.

Làm tròn: **…….. đồng**.

2. Chi phí thẩm tra BCNCKT/BCKTKT:

Theo bảng 2.18 phụ lục VIII Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng, được xác định như sau:

$$C_{TTr\ BCNCKT/BCKTKT} = G_{XD} * 1,08 * (k_2 + k_3) * k_4$$

Trong đó:

- G: Chi phí xây dựng trước thuế.
- 1,08: Thuế GTGT.
- k_2: Định mức chi phí thẩm tra thiết kế.
- k_3: Định mức chi phí thẩm tra dự toán.
- k_4: Hệ số điều chỉnh (thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật).

2.1. Chi phí xây dựng trước thuế (G_{XD}):

G_{XD} = ……../1,08 = …….. đồng.

2.2. Định mức chi phí thẩm tra thiết kế (k_2):

Lấy theo bảng 2.19 phụ lục VIII Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng: Công trình dân dụng/HTKT, chi phí xây dựng trước thuế ….. tỷ, **k_2 = …..%**.

2.3. Định mức chi phí thẩm tra dự toán (k_3):

Lấy theo theo bảng 2.20 phụ lục VIII Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026: Công trình dân dụng/HTKT, chi phí xây dựng trước thuế ….. tỷ, **k_3 = ….%**.

2.4. Hệ số điều chỉnh (k_4):

Lấy theo mục 4.3 chương II Phụ lục VIII Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng: **k_4=…..**

*** Chi phí thẩm tra BCNCKT/BCKTKT:**

$C_{TTr\ BCNCKT/BCKTKT} = G_{XD} * 1,08 * (k_2 + k_3) * k_4$

$C_{TTr\ BCNCKT/BCKTKT}$ = …….. * 1,08 * (…+….)% * … = …..…… đồng

Làm tròn: **…….. đồng**.

……
……
……
……
……

3. Phí thẩm định BCNCKT/BCKTKT:

Theo mục 2 điều 4 Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm

định dự án đầu tư xây dựng, được xác định như sau:

$C_{TĐ\ BCNCKT/BCKTKT}$ = TMĐT * Mức thu * 50%

Trong đó:

- TMĐT: Tổng mức đầu tư là …… đồng.
- Mức thu: theo biểu mức thu phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng là ….%.
- 50%: dự án được thẩm tra trước khi thẩm định.

*** Phí thẩm định BCNCKT/BCKTKT:**

$C_{TĐBCKTKT}$ = ……* ….% * 50% = ……đồng.

Làm tròn: **…….. đồng**.

……
……
……
……

III. Tổng hợp chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập BCNCKT/BCKTKT,….: …….. đồng.

(Bằng chữ: ……).

Đvt: đồng

Stt	Tên chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
1	Chi phí lập **BCNCKT/BCKTKT**	A	G_{XD+TB}*1,08*k_1	……
2	Chi phí thẩm tra **BCNCKT/BCKTKT**	B	G_{XD} *1,08*(k_2+k_3)*k_4	……
3	Phí thẩm định **BCNCKT/BCKTKT**	C	TMĐT*Mức thu*50%	……
4	**……**		**……..**	……
5	**Tổng cộng**	**D**	**A+B+C**	……

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

Người lập **TP.<PHÒNG SOẠN>**

MẪU SỐ 39

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
PHÒNG …..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: …./TTr-…..

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt Nhiệm vụ ….. dự án….

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Tây Ninh về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số …../QĐ-UBND ngày …./…/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án …..;

Căn cứ Quyết định số …../QĐ-UBND ngày …./…/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ nhiệm vụ …… dự án….. ngày …./…/2026 của Phòng chuyên môn lập.

Căn cứ Báo cáo số .../BC-KHTĐ ngày .../.../2026 của Phòng Kế hoạch – Thẩm định về việc báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ ….. dự án….

Phòng chuyên môn kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh phê duyệt nhiệm vụ …. Dự án…. với các nội dung như sau:

I. Nội dung Nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi

1. Giới thiệu chung

- Tên dự án: …….

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

- Quy mô đầu tư xây dựng:

……

……

……

- Loại, nhóm công trình: ……...

- Địa điểm xây dựng: …….

- Tổng mức đầu tư: ……..

- Nguồn vốn: ……..

- Thời gian thực hiện dự án: ……...

- Mục tiêu đầu tư:.

……

……

2. Mục đích nhiệm vụ ……:

……

……

……

3. Nội dung nhiệm vụ .....

……

……

……

II. Danh mục hồ sơ kèm theo:

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../.../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

- Nhiệm vụ lập ..... do ..... lập ngày ..../.../2026;

- *Báo cáo số .../BC-KHTĐ ngày .../.../2026 của Phòng Kế hoạch – Thẩm định về việc báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ ..... dự án…..*

Phòng chuyên môn kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh phê duyệt nhiệm vụ ..... dự án, làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo đúng quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- PGĐ .... (báo cáo);
- Lưu: .....
(….)

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 39

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày… tháng ….năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập …….

Dự án:…….

Kính gửi: ……

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15ngày 29/11/2024; được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 317/QĐ-BQLDA ngày 13/3/2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng, các phòng chuyên môn và các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực.

Phòng <<phongtrinh>> kính đề nghị Giám đốc xem xét, phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập …… dự án…… với nội dung như sau:

1. Giới thiệu chung về dự án:

- Tên dự án: ……...

- Chủ đầu tư: *Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh*.

- Địa điểm thực hiện dự án: ……..……...

- Tổng mức đầu tư: **…… đồng** *(Bằng chữ: ……..……..).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng sau thuế : ……. đồng
- Chi phí thiết bị sau thuế : ……. đồng
- Chi phí QLDA, tư vấn và chi phí khác : ……. đồng
- Chi phí dự phòng : ……. đồng

* Tổng giá trị chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập ……: **…….. đồng**.

2. Hồ sơ dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập ……. trình phê duyệt:

Bảng dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập …….. dự án …….. do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh lập ngày .....

3. Chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập ……..:

Tổng chi phí: **…… đồng** *(Bằng chữ: ……..).*

Đvt: đồng

Stt	Tên chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
1	Chi phí ……..	A		
2		B		
3		C		
4	**Tổng cộng (làm tròn)**	**D**		

Phòng <<phongtrinh>> kính đề nghị Giám đốc xem xét, phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập ……...……. dự án ……..……. với các nội dung nêu trên, để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc;
- PGĐ…(báo cáo);
- Lưu: <<phongtrinh>>.

(tên người trình)

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 40

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH
PHÒNG ……..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: …../……..

Tây Ninh, ngày……tháng……năm 2026

TỜ TRÌNH

Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<……>> thuộc dự án <<tên dự án>>

Kính gửi: Phòng Kế hoạch – Thẩm định

<<phòng trình>> trình Phòng Kế hoạch – Thẩm định xem xét, thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<……..>> thuộc dự án <<tên dự án>> trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án:

1. Tên dự án: <<tên dự án>>.

2. Dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư: **……. đồng** *(Bằng chữ: ……).*

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

4. Nguồn vốn: <<nguồn vốn>>.

5. Thời gian thực hiện dự án: <<thời gian thực hiện dự án>>.

6. Địa điểm, quy mô dự án:

6.1. Địa điểm: <<địa điểm xây dựng>>.

6.2. Quy mô dự án: <<theo Quyết định phê duyệt phê duyệt chủ trương đầu tư dự án>>.

II. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 317/QĐ-BQLDA ngày 13/3/2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng, các phòng chuyên môn và các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực;

Căn cứ <<Quyết định chủ trương đầu tư dự án>>;

Căn cứ <<Nghị quyết vốn trung hạn>>;

Căn cứ <<Quyết định kế hoạch vốn>>;

Căn cứ <<Quyết định phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án>>;

Căn cứ <<căn cứ khác có liên quan>>.

III. Phần công việc đã thực hiện: Không có.

IV. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu:

Bảng số 2

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị (đồng)
1			
2			
…			
Tổng giá trị *[kết chuyển sang nội dung tương ứng của **Bảng số 5**]*			

V. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: Việc phân chia dự án thành các gói thầu căn cứ vào tính chất kỹ thuật của từng công việc.

b) Giá gói thầu:

Giá trị gói thầu được phê duyệt tại <<Quyết định phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án >>.

- Gói thầu <<số gói thầu>>: Lập BCNCKT/BCKTKT.

Giá gói thầu = giá trị Chi phí Lập **BCNCKT/BCKTKT** + giá trị Dự phòng = <<giá gói thầu>> đồng.

+ Chi phí Lập **BCNCKT/BCKTKT**: ..... đồng

+ Dự phòng (....%): ..... đồng.

- Gói thầu <<số gói thầu>>: Thẩm tra BCNCKT/BCKTKT.

Giá gói thầu = giá trị Chi phí Thẩm tra **BCNCKT/BCKTKT** + giá trị Dự phòng = <<giá gói thầu>> đồng.

+ Chi phí Thẩm tra **BCNCKT/BCKTKT**: ..... đồng

+ Dự phòng (....%): ..... đồng.

- Gói thầu <<số gói thầu>>: Lập hồ sơ môi trường.

Giá gói thầu = giá trị Chi phí Lập hồ sơ môi trường + giá trị Dự phòng = <<giá gói thầu>> đồng.

+ Chi phí Lập hồ sơ môi trường: ..... đồng

+ Dự phòng (....%): ..... đồng.

- Gói thầu <<số gói thầu>>: Khảo sát xây dựng.

Giá gói thầu = giá trị Chi phí Khảo sát xây dựng + giá trị Dự phòng = <<giá gói thầu>> đồng.

+ Chi phí Khảo sát xây dựng: ..... đồng

+ Dự phòng (....%): ..... đồng.

- Gói thầu <<số gói thầu>>: .....

(cách tính giá gói thầu như các gói thầu trên)

c) Nguồn vốn: <<nguồn vốn>>.

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu:

- Hình thức lựa chọn nhà thầu:

+ Các gói thầu số <<sogoithauchidinh>>: Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu là "Chỉ định thầu rút gọn" phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 78 và khoản 2 Điều 80 Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

+ Các gói thầu số <<sogoithauchidinhthongthuong>>: Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu là "Chỉ định thầu thông thường" phù hợp với quy định tại Điều 78 và khoản 1 Điều 79 Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

+ Các gói thầu số <<chaohangcanhtranh>>: Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu là "Chào hành cạnh tranh qua mạng" phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật Đấu thầu và Điều 81 Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

+ Các gói thầu số <<dauthaurongrai>>,: Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu là "Đấu thầu rộng rãi qua mạng" phù hợp với quy định tại Điều 21 của Luật Đấu thầu.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu:

+ Các gói thầu số <<khongghiphuongthuc>> áp dụng hình thức "chỉ định thầu rút gọn": không ghi phương thức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Luật Đấu thầu 2023 và hướng dẫn tại phần Ghi chú số 7 mục V của Mẫu số 02A. Mẫu tờ trình kế hoạch

lựa chọn nhà thầu ban hành kèm theo Thông tư 79/2025/TT-BTC.

+ Các gói thầu số <<01giaidoan01tuihs>> áp dụng phương thức lựa chọn nhà thầu là "một giai đoạn một túi hồ sơ" phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Luật Đấu thầu 2023 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư, đấu thầu ngày 25/6/2025.

+ Các gói thầu <<01giaidoan02tuihs>> áp dụng phương thức lựa chọn nhà thầu là "một giai đoạn hai túi hồ sơ" phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Đấu thầu 2023 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư, đấu thầu ngày 25/6/2025.

đ) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu:

* Gói thầu có hình thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu rút gọn:

- Tổng thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 05 ngày theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

+ Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu số <<chaohangcanhtranh>>, <<dauthaurongrai>> phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 39 Luật Đấu thầu 2023, khoản 7 Điều 18 Nghị định 214/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại phần Ghi chú số 8 mục V của Mẫu số 02A. Mẫu tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu ban hành kèm theo Thông tư 79/2025/TT-BTC.

+ Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu số <<sogoithauchidinh>> phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 80 Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

+ Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu số <<sogoithauchidinhthongthuong>> phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 23 Luật Đấu thầu 2023.

e) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu:

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

g) Loại hợp đồng:

Đảm bảo theo quy định tại khoản 6 Điều 39 và Điều 64 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

h) Thời gian thực hiện gói thầu:

Đảm bảo theo quy định tại khoản 7 Điều 39 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, phù hợp với tiến độ thực hiện dự án.

i) Tùy chọn mua thêm (nếu có): Không áp dụng.

VI. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có):

Bảng 4

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị (đồng)
1			
2			

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị (đồng)
3			
…			
Tổng giá trị *[kết chuyển sang* ***Bảng số 5****]*			

VII. Tổng giá trị các phần công việc:

Bảng số 5

Stt	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
Tổng giá trị các phần công việc		
Dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư của dự án		

VIII. Kiến nghị:

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, <<phòng trình>> trình Phòng Kế hoạch – Thẩm định xem xét, thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<báo cáo kinh tế - kỹ thuật/báo cáo nghiên cứu khả thi>> thuộc dự án <<tên dự án>>.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

<<PHÒNG TRÌNH>>
TRƯỞNG PHÒNG

DANH MỤC TÀI LIỆU

(Kèm theo Tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu)

Stt	Nội dung	Ghi chú
1	<<Quyết định chủ trương đầu tư dự án>>.	Bản chụp
2	<<Nghị quyết vốn trung hạn>>.	Bản chụp
3	<<Quyết định kế hoạch vốn>>.	Bản chụp
4	<<Quyết định phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án >>.	Bản chụp
5	<<căn cứ khác có liên quan>>.	Bản chụp

PHỤ LỤC

Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

(Kèm theo Tờ trình số ..../..... ngày ..../..../.... của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh)

Bảng số 3

Stt	**Tên chủ đầu tư**	**Tên gói thầu**		**Giá gói thầu (đồng)**	**Nguồn vốn**	**Hình thức lựa chọn nhà thầu**	**Phương thức lựa chọn nhà thầu**	**Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu**	**Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu**	**Loại hợp đồng**	**Thời gian thực hiện gói thầu**	**Tùy chọn mua thêm**
		Tên gói thầu	***Tóm tắt công việc chính của gói thầu***									
1	Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh	....	….	<<giá gói thầu>> Dự phòng (….%)	<<nguồn vốn>>	….	….	…. ngày	Quý …. năm …..	….	…. ngày	Không áp dụng
2		....	….	<<giá gói thầu>> Dự phòng (….%)	<<nguồn vốn>>	….	….	…. ngày	Quý …. năm …..	….	…. ngày	Không áp dụng
3		....	….	<<giá gói thầu>> Dự phòng (….%)	<<nguồn vốn>>	….	….	…. ngày	Quý …. năm …..	….	…. ngày	Không áp dụng
…												
Tổng giá gói thầu *[kết chuyển sang **Bảng số 5**]*												

MẪU SỐ 41

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH
PHÒNG ……..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: …../……..

Tây Ninh, ngày……tháng……năm 2026

TỜ TRÌNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<……>> thuộc dự án <<tên dự án>>

Kính gửi: Giám đốc Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình
dân dụng tỉnh Tây Ninh

Căn cứ kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự án…. do Phòng chuyên môn lập và Báo cáo thẩm định số …/BC-KHTĐ ngày …./../2026 của Phòng Kế hoạch - Thẩm định, kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự án…., như sau:

I. Mô tả tóm tắt dự án:

1. Tên dự án: <<tên dự án>>.

2. Dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư: **……. đồng** *(Bằng chữ: ……).*

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

4. Nguồn vốn: <<nguồn vốn>>.

5. Thời gian thực hiện dự án: <<thời gian thực hiện dự án>>.

6. Địa điểm, quy mô dự án:

6.1. Địa điểm: <<địa điểm xây dựng>>.

6.2. Quy mô dự án: <<theo Quyết định phê duyệt phê duyệt chủ trương đầu tư dự án>>.

II. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 317/QĐ-BQLDA ngày 13/3/2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng, các phòng chuyên môn và các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực;

Căn cứ <<Quyết định chủ trương đầu tư dự án>>;

Căn cứ <<Nghị quyết vốn trung hạn>>;

Căn cứ <<Quyết định kế hoạch vốn>>;

Căn cứ <<Quyết định phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án>>;

Căn cứ <<căn cứ khác có liên quan>>.

III. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu cụ thể như sau:

1. Phần công việc đã thực hiện: ….. đồng.

2. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: …… đồng.

3. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: ….. đồng, gồm:

- Chi phí …….: …… đồng.

- Chi phí …….: …… đồng.

4. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu: …….

(Nội dung chi tiết Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo Tờ trình số ...../TTr-.... ngày ...../.../2026 của Phòng chuyên môn)

IV. Kết luận và kiến nghị

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc án…… đã được Phòng Kế hoạch –

Thẩm định thẩm định và đủ điều kiện trình phê duyệt.

Kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự án….., làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định *(dự thảo Quyết định kèm theo)*.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

<<PHÒNG TRÌNH>>
TRƯỞNG PHÒNG

DANH MỤC TÀI LIỆU

(Kèm theo Tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu)

Stt	Nội dung	Ghi chú
1	<<Quyết định chủ trương đầu tư dự án>>.	Bản chụp
2	<<Nghị quyết vốn trung hạn>>.	Bản chụp
3	<<Quyết định kế hoạch vốn>>.	Bản chụp
4	<<Quyết định phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án >>.	Bản chụp
5	<<căn cứ khác có liên quan>>.	Bản chụp

PHỤ LỤC

Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

(Kèm theo Tờ trình số ..../..... ngày ..../..../.... của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh)

Bảng số 3

Stt	**Tên chủ đầu tư**	**Tên gói thầu**		**Giá gói thầu (đồng)**	**Nguồn vốn**	**Hình thức lựa chọn nhà thầu**	**Phương thức lựa chọn nhà thầu**	**Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu**	**Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu**	**Loại hợp đồng**	**Thời gian thực hiện gói thầu**	**Tùy chọn mua thêm**
		Tên gói thầu	***Tóm tắt công việc chính của gói thầu***									
1	Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh	....	….	<<giá gói thầu>> Dự phòng (….%)	<<nguồn vốn>>	….	….	…. ngày	Quý …. năm …..	….	…. ngày	Không áp dụng
2		....	….	<<giá gói thầu>> Dự phòng (….%)	<<nguồn vốn>>	….	….	…. ngày	Quý …. năm …..	….	…. ngày	Không áp dụng
3		....	….	<<giá gói thầu>> Dự phòng (….%)	<<nguồn vốn>>	….	….	…. ngày	Quý …. năm …..	….	…. ngày	Không áp dụng
…												
Tổng giá gói thầu *[kết chuyển sang **Bảng số 5**]*												

MẪU SỐ 42

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
PHÒNG ……..

Số: …./TTr-….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày …. tháng …. năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v thẩm định dự toán gói thầu ….. thuộc dự án .....

Kính gửi: Phòng Kế hoạch - Thẩm định.

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ công văn số 9947/BXD-VPB của Bộ Xây dựng ngày 29/6/2026 về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../..../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../.../2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm ……;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-BQLDA ngày ...../.../2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để ..... thuộc dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ...../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu ... dự án…..

Căn cứ Bảng dự toán gói thầu ... dự án……

Phòng chuyên môn đề nghị Phòng Kế hoạch - Thẩm định thẩm định dự toán gói thầu …. Dự án… với nội dung như sau:

I. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu:

- Tên dự án: …….

- Gói thầu: …..

- Gói thầu: …..

- Chủ đầu tư: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

- Đơn vị quản lý thực hiện: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

- Đơn vị lập dự toán gói thầu: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

- Địa điểm xây dựng: phường Long An, tỉnh Tây Ninh.

II. Hồ sơ trình phê duyệt dự toán gói thầu:

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../..../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../…/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm ……;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-BQLDA ngày ...../…/2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán .chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để ..... thuộc dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ...../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu ... dự án…..

Căn cứ Bảng dự toán gói thầu ... dự án……

III. Giá dự toán gói thầu

1. Gói thầu .....

Giá trị dự toán gói thầu: ….. đồng *(Bằng chữ: ……. đồng).*

Đvt: đồng

Stt	Tên chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền

Stt	Tên chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
1	…….	A	Theo Quyết định …..	……
2	Chi phí dự phòng	B	…%*A	0
3	**Giá trị dự toán gói thầu**	**C**	**A+B**	**…..**

2. Gói thầu .....

Giá trị dự toán gói thầu: ….. đồng *(Bằng chữ: ……. đồng).*

Đvt: đồng

Stt	Tên chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
1	…….	A	Theo Quyết định …..	……
2	Chi phí dự phòng	B	…%*A	0
3	**Giá trị dự toán gói thầu**	**C**	**A+B**	**…..**

Phòng chuyên môn đề nghị Phòng Kế hoạch thẩm định, thẩm định dự toán gói thầu …. Thuộc dự án …../.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, …...
(…..)

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 43

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
PHÒNG ……

Số: …./TTr-…..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt dự toán gói thầu ….. thuộc dự án…..

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng.

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ công văn số 9947/BXD-VPB của Bộ Xây dựng ngày 29/6/2026 về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../..../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../.../2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm ……;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-BQLDA ngày ...../.../2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán .chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để ..... thuộc dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ...../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu ... dự án…..

Căn cứ Bảng dự toán gói thầu ... dự án.....

Căn cứ Tờ trình của phòng chuyên môn

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định số ...../BCTĐ-KHTĐ ngày ..../...2026 của Phòng Kế hoạch thẩm định về việc thẩm định dự toán gói thầu ... thuộc dự án….

Phòng chuyên môn kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét phê duyệt dự toán gói thầu …. Thuộc dự án…., với nội dung chủ yếu như sau:

I. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu:

- Tên dự án: ……..

- Gói thầu: ……..

- Chủ đầu tư: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

- Đơn vị lập dự toán gói thầu: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

- Địa điểm xây dựng: phường Long An, tỉnh Tây Ninh

II. Hồ sơ trình phê duyệt dự toán gói thầu:

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../..../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../.../2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm ……;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-BQLDA ngày ...../.../2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán .chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để ..... thuộc dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ...../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu ... dự án…..

Căn cứ Bảng dự toán gói thầu ... dự án.....

Căn cứ Tờ trình của phòng chuyên môn

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định số ...../BCTĐ-KHTĐ ngày ..../...2026 của Phòng Kế hoạch thẩm định về việc thẩm định dự toán gói thầu ... thuộc dự án….

III. Giá dự toán gói thầu:

- Giá trị dự toán gói thầu: **….. đồng** *(Bằng chữ: ……đồng).*

Đvt: đồng

Stt	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
1	…….	A	Theo Quyết định số	…….
2	Chi phí dự phòng	B	...*0%	0
3	**Giá trị dự toán gói thầu**	**C**	**A+B**	**……..**

Kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt dự toán gói thầu nêu trên để Phòng chuyên môn có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, P…….
(……).

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 44

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG <<*phongtrinh*>>	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-<<*phongtrinh*>>	*Tây Ninh, ngày…… tháng ……. năm 2026*

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu …….. thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án …….. (giai đoạn lập ……..)

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 210/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (hiệu lực từ ngày 01/7/2026);

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 317/QĐ-BQLDA ngày 13/3/2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng, các phòng chuyên môn và các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực.;

Căn cứ Quyết định số……/QĐ-BQLDA ngày .../.../2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án ……(giai đoạn lập ……);

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-BQLDA ngày .../.../2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án ..... (giai đoạn lập.....……);

Căn cứ Công văn số .../BQLDA-<<phongtrinh>> ngày .../.../2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc mời tham gia thực hiện gói thầu ……. thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án …….. (giai đoạn lập ……..);

Căn cứ Văn bản số …… ngày .../.../2026 của << Công ty Tư vấn>> về việc đồng ý tham gia gói thầu ……. thuộc dự án …….. (giai đoạn lập ……);

Căn cứ Báo cáo số .../BC-<<phongtrinh>> ngày .../.../2026 của Phòng <<phongtrinh>> về việc kiểm tra, đánh giá hồ sơ năng lực của << Công ty Tư vấn>> để tham gia thực hiện gói thầu ……. thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án …….. (giai đoạn lập ……);

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng số ……../TTHĐ ngày .../.../2026 ký giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và << Đơn vị Tư vấn>>.

Phòng <<*phongtrinh*>> kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu …….. thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị *dự án ……..(giai đoạn lập ……)*, với nội dung như sau:

1. Tên gói thầu: ……..

Thuộc dự án: ……

2. Đơn vị trúng thầu:

- Tên nhà thầu: …….
- Đại diện: (Ông/ Bà) …… Chức vụ: …….
- Địa chỉ: ……..
- Mã số thuế: …….

3. Giá trị trúng thầu (đã bao gồm VAT ….%): ……đồng

(bằng chữ: ……).

4. Loại hợp đồng: ……...

5. Thời gian thực hiện gói thầu: … ngày.

6. Thời gian thực hiện hợp đồng: … ngày, kể từ ngày Chủ đầu tư có thông báo thực hiện gói thầu.

7. Nguồn vốn: …….

Phòng <<*phongtrinh*>> kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT; <<*phongtrinh*>>.

<<*tênnguoitrinh*>>

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 45

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BQLDA-……
Về việc thẩm tra BCNCKT dự án ……..

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: ……..

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp và xác định định mức dự toán và các chi tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh về việc phê duyệt KHLCNT giai đoạn chuẩn bị dự án.....;

Căn cứ Hợp đồng số ..... ngày ..../…/2026 được ký kết giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh với ..... về việc thực hiện gói thầu thẩm tra BCNCKT dự án.....

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh đề nghị ….. thẩm tra BCNCKT dự án…... do ….. lập với các nội dung sau:

1. Nội dung thẩm tra:

Thẩm tra nội dung lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, đảm bảo đầy đủ các nội dung theo Hợp đồng đã ký kết, quy định tại Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ và các quy định khác liên quan.

2. Thời gian thẩm tra: …. ngày kể từ ngày Chủ đầu tư bào giao hồ sơ đầy đủ (biên bản bàn giao).

3. Hồ sơ gửi thẩm tra:

- Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi : … bộ.

- Hồ sơ khảo sát xây dựng.

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh đề nghị …. thẩm tra BCNCKT dự án…... do ….. lập với nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc Ban (báo cáo);
- Lưu: VT, P…
(. ….)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 46

CƠ QUAN CHUẨN BỊ DỰ ÁN **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

TỜ TRÌNH
Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi
(tên dự án/công trình của dự án)
Kính gửi: *(Cơ quan chuyên môn về xây dựng[1]).*

Căn cứ Luật Xây dựng ngày ... tháng ... năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan .....

(Cơ quan chuẩn bị dự án) trình *(Cơ quan chuyên môn về xây dựng)* thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi *(tên dự án/công trình của dự án)* với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

3. Mã định danh (nếu có):

4. Quy mô đầu tư xây dựng: Quy mô công suất, khả năng phục vụ, một số chỉ tiêu, thông số chính thể hiện quy mô kết cấu, giải pháp kỹ thuật của công trình chính, các hạng mục công trình khác (nếu có) của dự án.

5. Phạm vi, quy mô công trình trình thẩm định *(toàn bộ dự án hoặc từng dự án thành phần hoặc theo phân kỳ đầu tư theo giai đoạn thực hiện hoặc một hoặc một số công trình của dự án);* loại và cấp công trình trình thẩm định, thời hạn sử dụng của công trình trình thẩm định theo thiết kế[2]:

6. Người quyết định đầu tư:

7. Tên cơ quan chuẩn bị dự án và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):

8. Địa điểm xây dựng dự án *(ghi địa danh cấp xã, tỉnh)*; vị trí xây dựng công trình trình thẩm định[3]; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế[4] *(ghi địa danh cấp xã, tỉnh)*; diện tích sử dụng đất của dự án:

9. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng của dự án; chi phí đầu tư hạng mục công trình trình thẩm định (trường hợp thẩm định đối với một hoặc một số công trình của dự án):

10. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước/vốn ngân sách nhà nước khác/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)

11. Thời gian thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có):

12. Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

13. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; nhà thầu tư vấn lập thiết kế cơ sở/thiết kế FEED/thiết kế kỹ thuật trong Báo cáo nghiên cứu khả thi: *(tên nhà thầu, mã số doanh nghiệp)*

14. Nhà thầu khảo sát xây dựng: *(tên nhà thầu, mã số doanh nghiệp)*

15. Nhà thầu thẩm tra thiết kế[5]: *(tên nhà thầu, mã số doanh nghiệp)*

16. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan của dự án).

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi (theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Xây dựng năm 2025);

- Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng;

- Thiết kế cơ sở/thiết kế FEED/thiết kế kỹ thuật (bao gồm bản vẽ và thuyết minh) trong Báo cáo nghiên cứu khả thi;

- Báo cáo kết quả thẩm tra *(Bắt buộc khi công trình thuộc đối tượng phải thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Xây dựng năm 2025; các công trình khác khuyến khích thực hiện).*

3. Danh sách mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra (nếu có).

(Cơ quan chuẩn bị dự án) trình *(Cơ quan chuyên môn về xây dựng)* thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi *(tên dự án/công trình của dự án)* với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh... (để biết và quản lý)[6];
- Lưu:...

CƠ QUAN CHUẨN BỊ DỰ ÁN
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ và đóng dấu)

MẪU SỐ 47

UBND TỈNH TÂY NINH **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BQLDA-….. Về việc thẩm tra hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt dự án ……..	*Tây Ninh, ngày tháng năm 2026*

Kính gửi: ……..

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp và xác định định mức dự toán và các chi tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày .../../2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt nhiệm vụ thue61t kế (bước thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt) dự án….;

Căn cứ Hợp đồng số ..... ngày …./…/2026 được ký kết giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh với ..... về việc thực hiện thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt dự án….

Căn cứ Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt dự án….

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh đề nghị ….. thẩm tra thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt dự án….do ….. lập với các nội dung sau:

1. Nội dung thẩm tra:

Thẩm tra nội dung lập thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt dự án… đảm bảo đầy đủ các nội dung theo Hợp đồng đã ký kết, quy định tại Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ và các quy định khác liên quan.

2. Thời gian thẩm tra: …. ngày kể từ ngày Chủ đầu tư bào giao hồ sơ đầy đủ (biên bản bàn giao).

3. Hồ sơ gửi thẩm tra:

- Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi : … bộ.
- Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt dự án…
- Hồ sơ khảo sát xây dựng.
- Các tài liệu khác liên quan đến dự án (nếu có)

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh đề nghị …. Thẩm tra thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt dự án…….. do ….. lập với nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc Ban (báo cáo);
- Lưu: VT, P…
(. ….)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 48

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

Số: /BQLDA-CTDD

Về việc gửi hồ sơ đề nghị xác nhận xuống cấp đối với di tích …...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Tờ trình số ...../TTr-..... ngày ..../…/2026 của…. (Đơn vị sử dụng, bảo quản di tích) về việc xác nhận di tích xuống cấp để lập hồ sơ trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa ……;

Sau khi rà soát, Ban QLDA báo cáo đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tình trạng của di tích lịch sử - văn hóa ……., cụ thể như sau:

- Về nội dung mô tả chi tiết tình trạng xuống cấp di tích: theo nội dung tại Tờ trình số …../TTr-….. ngày …./…/2026 của…. (Đơn vị sử dụng, bảo quản di tích) về việc xác nhận di tích xuống cấp để lập hồ sơ trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa …….;.

- Về quy mô dự kiến cải tạo, đầu tư mới các hạng mục chính như sau:

……

……

……

(Nội dung dự kiến cải tạo, đầu tư chi tiết theo Bảng thuyết minh đính kèm).

- Về việc xác định các hạng mục dự kiến tu bổ, phục hồi, xây dựng mới thuộc khu vực bảo vệ I hay khu vực bảo vệ II của di tích:……

- Xác định nguồn vốn thực hiện: ……

- Sự cần thiết đầu tư: …….

Với các nội dung nêu trên, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh tổng hợp, gửi văn bản đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, xác nhận xuống cấp đối với di tích lịch sử …….. để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (báo cáo);
- Lưu: VT; P…...
(……)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 49

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
PHÒNG ……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-…..

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu (E-HSMT)
Gói thầu: ……..
Dự án: ……..

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD Công trình dân dụng.

Phòng chuyên môn kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt E-HSMT gói thầu ..... dự án....., với các nội dung như sau:

I. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh tây Ninh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-BQLDA ngày 11/02/2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phân công nhiệm vụ của lãnh đạo Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../.../2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-UBND ngày ..../../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án ……;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc dự toán gói thầu ……;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ mời thầu số ..../BC-KHTĐ ngày 30/7/2026 của Phòng Kế hoạch – Thẩm thẩm định gói thầu .....

Căn cứ Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) do .... lập

II. Thông tin gói thầu

- Tên gói thầu: .....

- Giá gói thầu được duyệt: ..... đồng *(theo Quyết định số .../QĐ-BQLDA ngày .../../2026 về việc phê duyệt dự toán gói thầu)*

- Nguồn vốn: .....

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: …. ngày;

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: ……..;

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: ……..

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: ……...

- Loại hợp đồng: …….

- Thời gian thực hiện gói thầu: …. ngày.

III. Kết quả thẩm định

Theo Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ mời thầu số …./BC-KHTĐ ngày 30/7/2026 của Phòng Kế hoạch – Thẩm thẩm định gói thầu …...:

- Hồ sơ E-HSMT được lập phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan, phù hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

- Nội dung E-HSMT tuân thủ Thông tư số 79/2025/TT-BTC, bao gồm:

+ Phần 1. Thủ tục đấu thầu

. Bảng dữ liệu đấu thầu.

. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT.

. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.

+ Phần 2. Yêu cầu

. Yêu cầu kỹ thuật (đối với phần công việc xây lắp, phi tư vấn, mua sắm

hàng hóa).

. Điều khoản tham chiếu (đối với phần công việc tư vấn)

+ Phần 3. Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng/ thỏa thuận khung

. Điều kiện cụ thể của hợp đồng.

. Biểu mẫu hợp đồng.

(Chi tiết theo Hồ sơ mời thầu đính kèm)

- Nội dung E-HSMT bảo đảm các yêu cầu về phạm vi công việc, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, điều kiện hợp đồng và các yêu cầu kỹ thuật của gói thầu;

- E-HSMT đủ điều kiện trình phê duyệt.

IV. Kiến nghị

Với các nội dung nêu trên, Phòng chuyên môn kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt E-HSMT gói thầu … dự án…. để làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT; …..
(……)

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 50

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG **PHÒNG …..**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …/TTr-….	*Tây Ninh, ngày tháng năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu …… dự án ……

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …./…./2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …./…./2026 của UBND tỉnh về bố trí vốn năm 2026;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-BQLDA ngày …./…./2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch LCNT dự án….;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-BQLDA ngày …./…./2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh về việc phê duyệt dự toán gói thầu….dự án….;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-BQLDA ngày …./…./2026 của Ban QLDA

Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ lập BCNCKT/BCKTKT dự án….;

Căn cứ Báo cáo thẩm định kết quả LCNT gói thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc BCKTKT số .../BC-KHTĐ ngày …./…/2026 của Tổ thẩm định thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Phòng chuyên môn kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu ….., với các nội dung sau:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: …….

- Tên gói thầu: ……..

- Giá gói thầu: ……. đồng.

- Tên Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

- Nguồn vốn: …...

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng).

- Loại hợp đồng: …..

- Thời gian thực hiện gói thầu: ….. ngày.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

- Tên nhà thầu: .....

+ Đại diện là: ..... Chức vụ: Tổng Giám đốc.

+ Địa chỉ: .....

- Mã số thuế: .....

- Giá dự thầu: ..... đồng.

- Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có): ..... đồng.

- Điểm kỹ thuật (nếu có): ..... điểm.

- Giá đánh giá (nếu có): Không có.

- Giá trúng thầu: ..... đồng *(bằng chữ: .....)*, bao gồm thuế VAT ...%.

- Thời gian thực hiện gói thầu: .... ngày.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: .... ngày kể từ ngày Chủ đầu tư có thông báo

thực hiện gói thầu. Tiến độ thực hiện Hợp đồng như sau:

.....

.....

.....

.....

(Thời gian thực hiện hợp đồng: không bao gồm ngày lễ, tết và ngày nghỉ; không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng)

- Các nội dung khác (nếu có): Không có.

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

.....

.....

4. Kết quả thẩm định:

- Tổ thẩm định thống nhất với kết quả lựa chọn nhà thầu do Tổ chuyên gia đề xuất.

(Chi tiết theo Báo cáo thẩm định kết quả LCNT gói thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc BCKTKT số .../BC-KHTĐ ngày ..../.../2026 của Tổ thẩm định thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh)

Phòng chuyên môn kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu ……..

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: P…...
(…….)

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 51

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

Số: …./TTr-BQLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày háng năm 2026

TỜ TRÌNH
Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án ……..

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án ….. do Phòng chuyên môn lập và Báo cáo thẩm định số …./BC-KHTĐ ngày …/…/2026 của Phòng Kế hoạch - Thẩm định,

Theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 22 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15[10], kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc cũ của Toà án nhân dân tỉnh Long An để làm trụ sở làm việc cho Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, như sau:

I. MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

1. Tên dự án: …….

2. Tổng mức đầu tư: …. đồng *(Bằng chữ: ….đồng)*, bao gồm:

- Chi phí xây dựng sau thuế :
- Chi phí thiết bị sau thuế :
- Chi phí QLDA :
- Chi phí Tư vấn :
- Chi phí khác :
- Chi phí dự phòng :

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

4. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

5. Thời gian thực hiện dự án: Năm …...

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; được sửa đổi, bổ sung

[10] điểm b khoản 22 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15, quy định: *"2. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Đối với gói thầu đấu thầu trước theo quy định tại Điều 42 của Luật này hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư thì người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu."*

một số Điều bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026;

- Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …/…/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án …..;

- Quyết định số …/QĐ-UBND ngày …/../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026;

- Quyết định số …/QĐ-UBND ngày …./…2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án ….;

- Tờ trình số ./TT..r-… ngày …/../2026 của Phòng chuyên môn về thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án ….;

- Báo cáo thẩm định số …./BC-KHTĐ ngày …/…/2026 của Phòng Kế hoạch - Thẩm định về việc thẩm định KHLCNT dự án…..

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

1. Phần công việc đã thực hiện: **….** đồng.

2. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: **….** đồng.

3. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: **….** đồng.

4. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu: **…** đồng.

(Nội dung chi tiết trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Tờ trình số ./TT..r-… ngày …/../2026 của Phòng chuyên môn).

IV. KIẾN NGHỊ

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án ….. đủ điều kiện phê duyệt. Kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng xem xét, phê duyệt làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, P…...
(…..)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bảng tài liệu kèm theo văn bản trình duyệt

*(Kèm theo Tờ trình số 2610/*TTr-BQLDA *ngày 13 tháng 7 năm 2026)*

Bảng 1

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Nghị quyết 45/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026;	Bản chụp
2	Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …/…/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án …..	Bản chụp
3	Quyết định số …/QĐ-UBND ngày …/../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026	Bản chụp
4	Quyết định số …/QĐ-UBND ngày …./…2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án ….;	Bản chụp
5	Tờ trình số ./TT..r-… ngày …/../2026 của Phòng chuyên môn về thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án ….;	Bản chụp
6	- Báo cáo thẩm định số …./BC-KHTĐ ngày …/…/2026 của Phòng Kế hoạch - Thẩm định về việc thẩm định KHLCNT dự án…..	Bản chụp

Phụ lục: Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

(Kèm theo Tờ trình số …./TTr-… ngày … tháng … năm 2026)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1												
2												
3												
Tổng giá gói thầu												

MẪU SỐ 52

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
PHÒNG ……..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TTr-….

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt dự toán gói thầu …… dự án…..

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng.

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ công văn số 9947/BXD-VPB của Bộ Xây dựng ngày 29/6/2026 về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …./…/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …./…/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án….;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …./…/2026 của UBND tỉnh về bố trí vốn năm 2026;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-BQLDA ngày …./…/2026 của Ban QLDA

Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch LCNT dự án….;

Căn cứ Bảng dự toán gói …. do … lập ngày ….;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định số .../BCTĐ-KHTĐ ngày .../.../2026 của Phòng Kế hoạch thẩm định về việc thẩm định dự toán gói thầu …. Dự án…

Phòng chuyên môn kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét phê duyệt dự toán gói thầu … dự án…, với nội dung chủ yếu như sau:

I. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu:

- Tên dự án: ……..

- Gói thầu: ……..

- Chủ đầu tư: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

- Đơn vị lập dự toán gói thầu: …..

- Địa điểm thực hiện: …..

II. Hồ sơ trình phê duyệt dự toán gói thầu:

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …./.../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …./.../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án….;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …./.../2026 của UBND tỉnh về bố trí vốn năm 2026;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-BQLDA ngày …./.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch LCNT dự án….;

Căn cứ Bảng dự toán gói …. do … lập ngày ….;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định số .../BCTĐ-KHTĐ ngày .../.../2026 của Phòng Kế hoạch thẩm định về việc thẩm định dự toán gói thầu …. Dự án…

III. Giá dự toán gói thầu:

Giá trị dự toán gói thầu: ….. đồng *(Bằng chữ: .....đồng).* Trong đó:

ĐVT: đồng

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN
1	Chi phí ……	G..	Theo bảng dự toán gói thầu ngày …..	….
2	Chi phí dự phòng	G_{dp}	G..*…%	….
3	Giá trị dự toán gói thầu	G_{dp}	Gtb+Gdp	….
	LÀM TRÒN			**….**

Kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt dự toán gói thầu nêu trên để Phòng chuyên môn có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, P…...
(…..).

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 53

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
PHÒNG ……..

Số: …/TTr-….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v phê duyệt nhiệm vụ thiết kế (thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt) thuộc dự án: ……

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …./…/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …./…/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án….;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …./…/2026 của UBND tỉnh về bố trí vốn năm 2026;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-BQLDA ngày …./…/2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch LCNT dự án….;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số …../BC-KHTĐ ngày …./…/2026 của Phòng Kế hoạch – Thẩm định thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định nhiệm vụ thiết kế (bước thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt);

Căn cứ hồ sơ Nhiệm vụ thiết kế (bước thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt) của dự án ……,

Căn cứ khoản 6 Điều 17 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, Phòng chuyên môn kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh phê duyệt Nhiệm vụ thiết kế (bước thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt) của dự án …., cụ thể như sau:

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-UBND ngày ..../.../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-UBND ngày ..../.../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án….;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-UBND ngày ..../.../2026 của UBND tỉnh về bố trí vốn năm 2026;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch LCNT dự án….;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số ...../BC-KHTĐ ngày ..../.../2026 của Phòng Kế hoạch – Thẩm định thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định nhiệm vụ thiết kế (bước thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt);

Căn cứ hồ sơ Nhiệm vụ thiết kế (bước thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt) của dự án ……,

2. Mục tiêu xây dựng công trình

…….

…….

…….

…….

3. Địa điểm xây dựng công trình: ……...

4. Nội dung nhiệm vụ thiết kế

- Tổng mức đầu tư (theo Quyết định phê duyệt dự án): **….. đồng** *(bằng chữ: …… đồng).*

- Loại, nhóm công trình: ……...

- Quy mô đầu tư:

…….

…….

…….

…….

4.1. Quy mô và yêu cầu thiết kế

4.1.1. Quy mô thiết kế

Chi tiết theo hồ sơ nhiệm vụ thiết kế đính kèm.

4.1.2. Yêu cầu thiết kế

Tuân thủ đúng Luật Xây dựng, các văn bản pháp quy về xây dựng và các tiêu chuẩn, quy phạm thiết kế hiện hành.

5. Thời hạn hoàn thành hồ sơ thiết kế: ……..

6. Thành phần hồ sơ sản phẩm: Thuyết minh thiết kế, bản vẽ thiết kế thi công chi tiết, dự toán - tổng dự toán, chỉ dẫn kỹ thuật, quy trình bảo trì công trình. Bàn giao bản in và 01 USB dữ liệu (file scan dấu đỏ và file mềm .doc, .xls, .dwg)

Phòng chuyên môn kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh phê duyệt Nhiệm vụ thiết kế (bước thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt) của dự án …….để có cơ sở lập Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: P…...
(…..)

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 54

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
PHÒNG ……..

Số: …/TTr-…

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt thuộc dự án …….

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng Ban hành Hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng và Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số …../QĐ-UBND ngày …./…/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự án …..;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../../2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế (bước lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở) dự án ……;

Căn cứ Văn bản số ..../BC-KHTĐ ngày .../.../2026 của Phòng Kế hoạch – Thẩm định về việc thông báo kết quả thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình…..;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số ..... ngày .../../2026 về việc Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt do ……lập;

Căn cứ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng dự án ……. do …… lập;

Phòng chuyên môn kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt thuộc dự án ……., với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Người phê duyệt: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

2. Tên công trình:……..

3. Mã định danh công trình xây dựng: ……...

4. Loại, cấp công trình:

- Loại: ……...
- Cấp công trình: …...

5. Tên dự án: ……..

6. Địa điểm xây dựng: …….

7. Nhà thầu khảo sát xây dựng: ……..

8. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: ……..

9. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: ……

10. Quy mô xây dựng: ……..

11. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình: ……...

12. Giá trị dự toán xây dựng công trình (làm tròn): **….. đồng** *(bằng chữ: ……. đồng).* Trong đó:

Chi phí xây dựng: …….. đồng;

Chi phí thiết bị: …….. đồng;

Chi phí QLDA: …… đồng;

Chi phí tư vấn: …… đồng;

Chi phí khác: …… đồng;

Chi phí dự phòng: …… đồng.

13. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: …….

14. Các nội dung khác (nếu có): Không.

Phòng chuyên môn kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt thuộc dự án ……., để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo theo quy định./.

TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- PGĐ …… (báo cáo);
- Lưu: VT, P……...

(…….)

MẪU SỐ 55

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

Số: /TTr-BQLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
Thẩm định, phê duyệt Hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường Thuộc dự án ……

Kính gửi:
- Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../.../2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Trên cơ sở hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường do ….. lập, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh kính trình Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh thẩm định và trình Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt Hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc dự án ……. với các nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: ……...

Mã số thông tin dự án: ……..

2. Nhóm dự án: ……...

3. Loại và cấp công trình chính:

- Loại công trình: ……..

- Cấp công trình: ……..

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: …….. năm.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh.

- Địa chỉ: …….

- Điện thoại.....

6. Địa điểm xây dựng: ……..

7. Tổ chức lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường: …….

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../.../2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

- Nghị quyết số .... Ngày .... của HĐND tỉnh về việc kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030.

2. Tài liệu hồ sơ:

- Hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Các văn bản pháp lý liên quan.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh kính trình Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh thẩm định và trình Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt Hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc dự án ……với các nội dung nêu trên./.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (báo cáo);
- Lưu: VT, P.....
(....)

MẪU SỐ 56

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
<<*phongtrinh*>>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-<<*phongtrinh*>>

Tây Ninh, ngày…… tháng ……. năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu …….. dự án…….

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 210/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (hiệu lực từ ngày 01/7/2026);

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-BQLDA ngày .../.../2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án…..;

Căn cứ Quyết định số……/QĐ-BQLDA ngày .../.../2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán gói thầu…. thuộc dự án…..;

Căn cứ Công văn số .../BQLDA-<<phongtrinh>> ngày .../.../2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc mời tham gia thực hiện gói thầu ……. thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án….;

Căn cứ Văn bản số …… ngày .../.../2026 của << Nhà thầu>> về việc đồng ý tham gia gói thầu ……. thuộc dự án ……;

Căn cứ Báo cáo số .../BC-<<phongtrinh>> ngày .../.../2026 của Phòng <<phongtrinh>> về việc kiểm tra, đánh giá hồ sơ năng lực của << Nhà thầu>> để tham gia thực hiện gói thầu ……. thuộc kế hoạch lựa chọn nhà dự án….;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng số ……../TTHĐ ngày .../.../2026 ký giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và << Nhà thầu>>.

Phòng <<*phongtrinh*>> kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu …….. thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án….., với nội dung như sau:

1. Tên gói thầu: ……..

Thuộc dự án: …….

2. Đơn vị trúng thầu:

- Tên nhà thầu: …….
- Đại diện: (Ông/ Bà) …… Chức vụ: …….
- Địa chỉ: ……..
- Mã số thuế: …….

3. Giá trị trúng thầu (đã bao gồm VAT ….%): ……đồng

(bằng chữ: ……).

4. Loại hợp đồng: ……...

5. Thời gian thực hiện gói thầu: … ngày.

6. Thời gian thực hiện hợp đồng: … ngày, kể từ ngày Chủ đầu tư có thông báo thực hiện gói thầu.

7. Nguồn vốn: …….

Phòng <<*phongtrinh*>> kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT; <<*phongtrinh*>>.

<<*tênnguoitrinh*>>

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 57

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
PHÒNG …….

Số: /TTr-….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt dự toán gói thầu …… dự án…..

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng.

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ công văn số 9947/BXD-VPB của Bộ Xây dựng ngày 29/6/2026 về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …./…/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …./…/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án….;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …./…/2026 của UBND tỉnh về bố trí vốn năm 2026;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-BQLDA ngày …./…/2026 của Ban QLDA

Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch LCNT dự án….;

Căn cứ Bảng dự toán gói …. do … lập ngày ….;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định số .../BCTĐ-KHTĐ ngày .../.../2026 của Phòng Kế hoạch thẩm định về việc thẩm định dự toán gói thầu …. Dự án…

Phòng chuyên môn kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét phê duyệt dự toán gói thầu … dự án…, với nội dung chủ yếu như sau:

I. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu:

- Tên dự án: ……..

- Gói thầu: ……..

- Chủ đầu tư: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

- Đơn vị lập dự toán gói thầu: …..

- Địa điểm thực hiện: …..

II. Hồ sơ trình phê duyệt dự toán gói thầu:

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …./.../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …./.../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án….;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …./.../2026 của UBND tỉnh về bố trí vốn năm 2026;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-BQLDA ngày …./.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch LCNT dự án….;

Căn cứ Bảng dự toán gói …. do … lập ngày ….;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định số .../BCTĐ-KHTĐ ngày .../.../2026 của Phòng Kế hoạch thẩm định về việc thẩm định dự toán gói thầu …. Dự án…

III. Giá dự toán gói thầu:

Giá trị dự toán gói thầu: ….. đồng *(Bằng chữ: .....đồng).* Trong đó:

ĐVT: đồng

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN
1	Chi phí ……	G..	Theo bảng dự toán gói thầu ngày …..	….
2	Chi phí dự phòng	G_{dp}	G..*…%	….
3	Giá trị dự toán gói thầu	G_{dp}	Gtb+Gdp	….
	LÀM TRÒN			**….**

Kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt dự toán gói thầu nêu trên để Phòng chuyên môn có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, P…...
(…..).

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 58

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
PHÒNG …….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TTr-

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc thống nhất chủ trương phát sinh, thay đổi một số nội dung trong quá trình thi công gói thầu .... thuộc dự án.....

Kính gửi: Phó Giám đốc Ban QLDA ĐTXD Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 732/2025/HĐ-BQLDA ngày 17/6/2025 được ký kết giữa Ban QLDA ĐTXD tỉnh Long An và Liên danh Phú Hương - Việt Nguyên - TopFire Việt Nam - Anh Khoa về việc thi công gói thầu Xây mới khối 24 phòng học, các hạng mục phụ, cải tạo các phòng chức năng và lắp đặt thiết bị thuộc dự án Xây dựng mới Trường THPT Chu Văn An;

Căn cứ Hợp đồng thi công số ..... ngày ..../../2026 được ký kết giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và .... về việc thực hiện gói thầu ....;

Căn cứ Biên bản họp ngày .../.../2026 về việc xử lý kỹ thuật trong quá trình thi công gói thầu .....

Trên cơ sở nội dung của Biên bản họp ngày .../.../2026 về việc xử lý kỹ thuật trong quá trình thi công gói thầu ....., Phòng chuyên môn kính trình Phó Giám đốc Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, thống nhất chủ trương phát sinh với nội dung như sau:

1. Về chủ trương phát sinh, thay đổi:

Đồng ý cho chủ trương phát sinh, thay đổi một số nội dung trong quá trình thi công gói thầu .... theo đề xuất tại Biên bản họp ngày .../.../2026 về việc xử lý kỹ thuật trong quá trình thi công gói thầu ....., cụ thể như sau:

- Nội dung phát sinh, thay đổi:

……
……
……
……
……

- Nguyên nhân phát sinh, thay đổi:
- Nguyên nhân chủ quan:

……
……
……

- Nguyên nhân khách quan:

……

……

2. Về trách nhiệm cụ thể của từng đơn vị và quy trình thực hiện:

……

……

……

……

3. Về đơn giá:

……

……

……

……

Phòng chuyên môn kính trình Phó Giám đốc Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, thống nhất chủ trương phát sinh, thay đổi một số nội dung trong quá trình thi công gói thầu …..thuộc dự án….. làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (b/c);
- Lưu: P…...
(……)

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 59

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG **PHÒNG ……**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-….	*Tây Ninh, ngày tháng năm 2026*

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

Dự án: .....

Kính gửi: Phòng Kế hoạch - Thẩm định

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp và xác định định mức dự toán và các chi tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Quyết định số……/QĐ-BQLDA ngày .../.../2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt dự án…..;

Căn cứ Biên bản họp số ..../BB-BQLDA-CTDD ngày .../../2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về nội dung điều chỉnh thiết kế, phát sinh khối lượng gói thầu …. Thuộc dự án;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra số …. ngày .../.../2026 về việc thẩm tra hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (điều chỉnh) dự án .....;

Căn cứ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (điều chỉnh) dự án .... do .... lập;

Phòng Quản lý công trình dân dụng đề nghị Phòng Kế hoạch - Thẩm định thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án ….. với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Người phê duyệt: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

2. Tên công trình: …..

3. Loại, nhóm dự án:

- Nhóm dự án: …

- Loại, cấp công trình: …..

4. Tên dự án: ….

5. Địa điểm xây dựng….

6. Nhà thầu khảo sát xây dựng: …..

7. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng điều chỉnh: …..

8. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng điều chỉnh: …..

9. Nội dung hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh thiết kế:

Stt	Hạng mục	Quy mô xây dựng		Lý do điều chỉnh
		Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	

(Quy mô cụ thể các hạng mục công trình theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh trình thẩm định).

10. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình: …..

11. Giá trị dự toán xây dựng công trình (sau điều chỉnh): …. đồng

(bằng chữ: ....).

- Chi phí xây dựng:
- Chi phí thiết bị:
- Chi phí quản lý dự án:
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:
- Chi phí khác:
- Chi phí dự phòng:

12. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

.....
.....
.....
.....

13. Nguồn vốn đầu tư: .....

14. Hình thức quản lý dự án: …….

15. Thời gian thực hiện: năm …….

Phòng Quản lý công trình dân dụng trình Phòng Kế hoạch - Thẩm định thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án ……, để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng KH-TĐ (tổ chức thẩm định);
- Lưu: VT, P…….
(….)

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 60

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
PHÒNG ……..

Số: /TTr-P.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế xây dựng và dự toán triển khai sau khi dự án được phê duyệt
Dự án: …….

Kính gửi: Giám đốc Ban QLDA ĐTXD Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp và xác định định mức dự toán và các chi tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Quyết định số……/QĐ-BQLDA ngày .../.../2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt dự án…..;

Căn cứ Biên bản họp số ..../BB-BQLDA-CTDD ngày .../../2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về nội dung điều chỉnh thiết kế, phát sinh khối lượng gói thầu .... Thuộc dự án;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra số .... ngày .../.../2026 về việc thẩm tra hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (điều chỉnh) dự án .....;

Căn cứ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (điều chỉnh) dự án .... do .... lập;

Căn cứ Báo cáo số .../BC-KHTĐ ngày .../.../2026 của Phòng Kế hoạch - Thẩm định về việc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán điều chỉnh triển khai sau khi dự án được phê duyệt dự án….;

Phòng Quản lý công trình dân dụng kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh phê duyệt điều chỉnh thiết kế xây dựng và dự toán triển khai sau khi dự án được phê duyệt thuộc dự án ….. với các nội dung như sau:

1. Điều chỉnh tại điều... của Quyết định ..../QĐ-BQLDA

- Quy mô đầu tư xây dựng:

Stt	**Hạng mục**	**Quy mô xây dựng**		**Lý do điều chỉnh**
		Trước điều chỉnh	**Sau điều chỉnh**	

2. Điều chỉnh tại Điều ... của Quyết định ..../QĐ-BQLDA

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Nội dung chi phí	Giá trị trước điều chỉnh *(Theo QĐ số .../QĐ-BQLDA ngày ...)*	Giá trị điều chỉnh	Giá trị sau điều chỉnh
1	Chi phí xây dựng			

Stt	Nội dung chi phí	Giá trị trước điều chỉnh *(Theo QĐ số .../QĐ-BQLDA ngày ...)*	Giá trị điều chỉnh	Giá trị sau điều chỉnh
2	Chi phí thiết bị			
3	Chi phí quản lý dự án			
4	Chi phí tư vấn			
5	Chi phí khác			
6	Chi phí dự phòng			
7	**Tổng cộng**			

3. Lý do điều chỉnh

……

……

……

4. Các nội dung khác thuộc Quyết định số ...../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 giữ nguyên, không thay đổi.

Phòng chuyên môn kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh phê duyệt điều chỉnh thiết kế xây dựng ……, để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:VT, P.....
(…)

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 61

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH
PHÒNG …….

Số: /TTr-…..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc thẩm định giá trị dự toán phát sinh gói thầu …….

Kính gửi: Phòng Kế hoạch – Thẩm định

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Long An về việc phê duyệt thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt dự án...;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Long An về việc phê duyệt dự toán gói thầu .....;

Căn cứ Hợp đồng thi công số ..... ngày ..../../2026 được ký kết giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và .... về việc thực hiện gói thầu ....;

Căn cứ Văn bản số .../BQLDA-... ngày .../.../2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc thống nhất chủ trương phát sinh một số nội dung trong quá trình thi công gói thầu .....;

Căn cứ Bảng xác nhận khối lượng phát sinh ngày ..../.../2026 của gói thầu .....thuộc dự án ....;

Căn cứ Bảng dự toán phát sinh của gói thầu ....) do .... lập ngày .../../2026;

Phòng chuyên môn đề nghị Phòng Kế hoạch – Thẩm định thẩm định giá trị dự toán phát sinh gói thầu ..... thuộc dự án .... với nội dung như sau:

I. Khái quát công trình:

1. Tên dự án: …….

2. Gói thầu: ……

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng.

4. Địa điểm thực hiện dự án: ……...

5. Giá gói thầu được duyệt: …….. đồng (theo Quyết định số …./QĐ-BQLDA ngày …./…./2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Long An). Trong đó:

+ Chi phí xây dựng :

+ Chi phí dự phòng :

6. Giá trị hợp đồng:

7. Hình thức hợp đồng:

8. Thời gian thực hiện hợp đồng:

9. Đơn vị thi công:

10. Đơn vị giám sát:

II. Nội dung công việc phát sinh:

…….

…….

IV. Dự toán phát sinh:

Stt	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
1	Chi phí phát sinh tăng	A	Theo Bảng dự toán phát sinh ngày ……	…….
2	Chi phí phát sinh giảm	B		…….

Với nội dung trên, Phòng chuyên môn đề nghị Phòng Kế hoạch – Thẩm định thẩm định định giá trị dự toán phát sinh gói thầu ..... thuộc dự án ..../.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,….
(….)

TRƯỞNG PHÒNG

MẪU SỐ 62

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày tháng năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số ..../NQ-HĐND ngày ...../2026 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Quyết định số 5115/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân công phụ trách tạm thời các lĩnh vực công tác của các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số ..../TTr-BQLDA ngày .../.../2026 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .... và ý kiến của Sở Tài chính tại Báo cáo số ..../BC-STC ngày .../..../2026 về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án .....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án ....., với các nội dung như sau:

1. Mục tiêu đầu tư:

……

2. Quy mô đầu tư

……..

3. Dự án đầu tư công: Nhóm ..., Công trình ..... Cấp .....

4. Tổng mức đầu tư (làm tròn): **..... đồng** *(Bằng chữ: .....đồng)*.

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng : ..... đồng

+ Chi phí thiết bị : ..... đồng

+ Chi phí quản lý dự án : ..... đồng

+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : ..... đồng

+ Chi phí khác : ..... đồng

+ Chi phí dự phòng : ..... đồng

5. Nguồn vốn: .....

6. Địa điểm thực hiện: .....

7. Thời gian thực hiện: Năm ……..

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh làm Chủ đầu tư và trực tiếp quản lý dự án.

2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh) chịu trách nhiệm:

- Khẩn trương thực hiện các hồ sơ, trình tự, thủ tục tiếp theo đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Triển khai thực hiện đúng quy mô đầu tư, quản lý và sử dụng vốn dự án, hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định và đảm bảo phát huy được mục tiêu đầu tư của dự án. Chủ đầu tư chỉ triển khai thực hiện dự án khi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bố trí vốn chính thức.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm bảo đảm nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn để Chủ đầu tư triển khai, hoàn thành dự án đúng tiến độ được phê duyệt; bố trí vốn đúng thời gian quy định, không để dự án chậm tiến độ do thiếu vốn và gây nợ đọng trong xây dựng cơ bản theo các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh, Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tính chính xác, nội dung thẩm định trình cấp có

thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nêu trên đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII; Đơn vị sử dụng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- TT. HĐND tỉnh (báo cáo):
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh
- Phòng …….;
- Lưu: VT.
….

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

MẪU SỐ 63

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
Số: /QĐ-BQLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Nhiệm vụ …… dự án

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Tây Ninh về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

Căn cứ nhiêm vụ ..... dự án .... Do.....lập;

Căn cứ Báo cáo số ..../BC-KHTĐ ngày ..../.../2026 của Phòng Kế hoạch – Thẩm định về việc báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ ..... dự án....;

Xét Tờ trình số .../TTr-.... ngày ..../.../2026 của Phòng chuyên môn về việc phê duyệt nhiệm vụ ..... dự án....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt nhiệm vụ …… dự án….:

Nội dung chi tiết theo hồ sơ nhiệm vụ …. Dự án…. do Phòng chuyên môn lập ngày …/…/2026 *(Đính kèm)*.

Điều 2. Nhiệm vụ …. Dự án…. là căn cứ để làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu lập …..và triển khai các bước tiếp theo theo quy định.

Điều 3. Phòng ….. tổ chức triển khai các bước tiếp theo đúng quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng các Phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3, 4;
- Giám đốc (báo cáo);
- Lưu: VT, P……
(…..).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 63

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BQLDA

Tây Ninh, ngày ... tháng ... năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để …… dự án ……

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

Căn cứ Bảng dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập …… công …… do Phòng …….. thuộc Ban Quản lý dự án ĐTXD Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh lập ngày……..

Xét Tờ trình ngày …….. của phòng <<phongtrinh>> về việc phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập …… và Báo cáo kết quả thẩm định ngày …….. của Phòng Kế hoạch - Thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập ……. dự án …… với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: …….
2. Nhóm dự án: ……..
3. Quy mô đầu tư xây dựng: ……
4. Nhóm dự án: …….
5. Địa điểm thực hiện dự án: ……
6. Thời gian thực hiện dự án: ……
7. Đơn vị lập dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để …….
8. Dự toán chi phí chuẩn bị dự án: …… đồng

(Bằng chữ: ……)

Trong đó:

- Chi phí lập …… : ……đồng
- Chi phí thẩm tra ….. : ……đồng
- Phí thẩm định ….. : ……đồng

Điều 2. Phòng Kế hoạch - Thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập ….. thuộc dự án ..... Phòng chuyên môn tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Giám đốc (Báo cáo);
- Lưu: VT, <<*phongtrinh*>>.

<<*tennguoitrinh*>>

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 64

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BQLDA

Tây Ninh, ngày .... tháng .... năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<……>>
Dự án: <<tên dự án>>

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 317/QĐ-BQLDA ngày 13/3/2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng, các phòng chuyên môn và các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực;

Căn cứ <<Quyết định chủ trương đầu tư dự án>>;

Căn cứ <<Nghị quyết vốn trung hạn>>;

Căn cứ <<Quyết định kế hoạch vốn>>;

Căn cứ <<Quyết định phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án>>;

Căn cứ <<căn cứ khác có liên quan>>;

Căn cứ Tờ trình số ..../..... ngày ..../..../.... của <<phòng trình>> về việc thẩm

định kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<…….>> thuộc dự án <<tên dự án>> và Báo cáo thẩm định số …./ BCTĐ-KHTĐ ngày ..../..../.... của phòng Kế hoạch - Thẩm định về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<…….>> thuộc dự án <<tên dự án>>;

Theo đề nghị của <<phòng trình>> - Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số …./ TTr-BQLDA ngày ..../..../.... về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<…….>> thuộc dự án <<tên dự án>>.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<……>> thuộc dự án <<tên dự án>> với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. <<Phòng trình>> chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<……>> theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- PGĐ …… (chỉ đạo, thực hiện);
- Lưu: VT.

(cán bộ trình)

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án để lập <<.....>>

Dự án: <<tên dự án>>

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-BQLDA ngày ..../..../2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh)

Stt	**Tên chủ đầu tư**	**Tên gói thầu**		**Giá gói thầu (đồng)**	**Nguồn vốn**	**Hình thức lựa chọn nhà thầu**	**Phương thức lựa chọn nhà thầu**	**Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu**	**Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu**	**Loại hợp đồng**	**Thời gian thực hiện gói thầu**	**Tùy chọn mua thêm**
		Tên gói thầu	***Tóm tắt công việc chính của gói thầu***									
1	Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh	....	….	<<giá gói thầu>> Dự phòng (….%)	<<nguồn vốn>>	….	….	…. ngày	Quý …. năm …..	….	…. ngày	Không áp dụng
2		....	….	<<giá gói thầu>> Dự phòng (….%)	<<nguồn vốn>>	….	….	…. ngày	Quý …. năm …..	….	…. ngày	Không áp dụng
3		....	….	<<giá gói thầu>> Dự phòng (….%)	<<nguồn vốn>>	….	….	…. ngày	Quý …. năm …..	….	…. ngày	Không áp dụng
…												
Tổng giá gói thầu												

MẪU SỐ 65

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-BQLDA

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự toán gói thầu, gói thầu ….. dự án…..

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ công văn số 9947/BXD-VPB của Bộ Xây dựng ngày 29/6/2026 về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định ...../QĐ-UBND ngày .../.../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án ……;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../.../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán dự án ……;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc Phê duyệt Kế hoạch

lựa chọn nhà thầu dự án….;

Căn cứ Bảng dự toán gói thầu, gói thầu …… dự án…. do phòng chuyên môn lập ngày .../.../2026;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định số ..../BCTĐ-KHTĐ ngày ..../.../2026 của Phòng Kế hoạch- Thẩm định về việc thẩm định dự toán gói thầu, gói thầu …… dự án….;

Căn cứ Tờ trình số .../TTr-... ngày .../..../2026 của Phòng chuyên môn về việc phê duyệt dự toán gói thầu, gói thầu …… dự án…..

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng ….. về việc phê duyệt dự toán gói thầu, gói thầu…, dự án….

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt dự toán gói thầu …, dự án…., cụ thể như sau:

- Tên dự án: ……...

- Gói thầu: ……..

- Gói thầu: …….

- Chủ đầu tư: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

- Đơn vị lập dự toán gói thầu: Phòng ……. - Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

- Địa điểm xây dựng……..

1. Giá trị dự toán gói thầu, gói .....: ..... đồng *(Bằng chữ: ……. đồng).*

Đvt: đồng

Stt	Tên chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
1	Chi phí …….	A		…..
2	Chi phí dự phòng	B	….%*A	……
3	**Giá trị dự toán gói thầu**	**C**	**A+B**	**……..**

2. Giá trị dự toán gói thầu, gói .....: ..... đồng *(Bằng chữ: ……. đồng).*

Đvt: đồng

Stt	Tên chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
1	Chi phí …….	A		…..
2	Chi phí dự phòng	B	….%*A	……
3	**Giá trị dự toán gói thầu**	**C**	**A+B**	**……..**

Điều 2. Phòng ……. có trách nhiệm tổ chức triển khai các bước tiếp theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2,3;
- Giám đốc (báo cáo);
- Lưu: VT, P……
(…..)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 66

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BQLDA

Tây Ninh, ngày ... tháng ... năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu …….. thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án….

GIÁM ĐỐC BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH

Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu;

Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh

Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án ……;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án để ……. dự án….;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán gói thầu…. ……. dự án….;

Căn cứ Văn bản số …….. ngày .../.../2026 của << Công ty Tư vấn>> về việc đồng ý tham gia gói thầu ……dự án….

Căn cứ Báo cáo số .../BC-<<phongtrinh>> ngày .../.../2026 của Phòng <<phongtrinh>> về việc kiểm tra, đánh giá hồ sơ năng lực của << Công ty Tư vấn>> để tham gia thực hiện gói thầu ……. dự án….

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng số ……../TTHĐ ngày .../.../2026 ký giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và << Nhà thầu>>;

Xét Tờ trình số .....ngày .../……/2026 của Trưởng phòng Phòng <<phongtrinh>> về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu …… dự án…..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ……. Dự án…., với nội dung như sau:

1. Tên gói thầu: ……..

Thuộc dự án: …….

2. Đơn vị trúng thầu:

- Tên nhà thầu: …….

- Đại diện: (Ông/ Bà) …… Chức vụ: …….

- Địa chỉ: ……..

- Mã số thuế: ……

3. Giá trị trúng thầu (đã bao gồm VAT …..%): ……đồng

(bằng chữ: ……).

4. Loại hợp đồng: ……...

5. Thời gian thực hiện gói thầu: … ngày.

6. Thời gian thực hiện hợp đồng: … ngày, kể từ ngày Chủ đầu tư có thông báo thực hiện gói thầu.

7. Nguồn vốn: …….

Điều 2. Giao Phòng Tài chính và Phòng <<*phongtrinh*>> và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các tiếp theo của quy trình đấu thầu.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng các Phòng chuyên môn trực thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh, Giám đốc << *Đơn vị Tư vấn*>> và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2, 3;
- Giám đốc (báo cáo);
- Lưu: VT, <<*phongtrinh*>>.

<<*tênnguoitrinh*>>

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 67

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BQLDA *Tây Ninh, ngày tháng năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu (E-HSMT) gói thầu ….., dự án…..

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh tây Ninh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-BQLDA ngày 11/02/2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phân công nhiệm vụ của lãnh đạo Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt dự án ……;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA

Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu án để ……. dự án….;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán gói thầu…. ……. dự án….;

Căn cứ Tờ trình số .... ngày .../.../2026 của ....về việc đề nghị phê duyệt E-HSMT gói thầu ..... dự án….;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ mời thầu số ..../BC-KHTĐ ngày .../.../2026 của Tổ thẩm định gói thầu ... dự án….;

Xét đề nghị của Phòng .... tại Tờ trình số .../TTr-... ngày .../.../2026 về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu (E-HSMT) gói thầu .... Dự án….

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt E-HSMT gói thầu … dự án….

Điều 2. Giao Phòng Tài chính, Phòng …., Tổ chuyên gia và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng phòng các phòng chuyên môn, Thành viên Tổ chuyên gia, Thành viên Tổ thẩm định thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2, 3;
- Giám đốc (báo cáo);
- Lưu: VT, P…...
(…)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 68

UBND TỈNH TÂY NINH **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-BQLDA	*Tây Ninh, ngày tháng năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu ……
Dự án: ……..

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-BQLDA ngày 11/02/2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phân công nhiệm vụ của lãnh đạo Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-UBND ngày ..../.../2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án ....;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán gói thầu…. ……. dự án….;

Căn cứ Quyết định số số ..../QĐ-BQLDA ngày 17/../..2026 của Ban Quản

lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu .... Thuộc dự án;

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-HSĐXKT số .... ngày .../../2026 của Tổ chuyên gia đấu thầu;

Căn cứ Báo cáo số .../BC-KHTĐ ngày .../..2026 của Tổ thẩm định thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng về việc báo cáo thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật gói thầu ...., dự án....;

Xét đề nghị của Phòng .... tại Tờ trình số .../TTr-P.... ngày .../.../2026 về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu ...., dự án....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu ……., dự án…., bao gồm:

Stt	Tên nhà thầu	Điểm kỹ thuật
1	……	…. điểm
2	……	…. điểm

Điều 2. Giao Phòng ……., Tổ chuyên gia đấu thầu và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng các phòng chuyên môn, Thành viên Tổ chuyên gia, Thành viên Tổ thẩm định thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2, 3;
- Giám đốc (báo cáo);
- Lưu: VT, …..
(….)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 69

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BQLDA

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: ……
Dự án: ……..

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; được sửa đổi, bổ sung một số Điều bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-UBND ngày ..../.../2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án ....;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán gói thầu…. ……. dự án….;

Căn cứ Quyết định số số ..../QĐ-BQLDA ngày 17/../..2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu …. Thuộc dự án;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày .../.../2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật gói thầu ..... thuộc dự án….;

Căn cứ Biên bản đối chiếu tài liệu ngày .../.../2026 giữa Chủ đầu tư và Tổ chuyên gia đấu thầu và nhà thầu …. tham gia gói thầu …. Thuộc dự án….;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng số .../TTHĐ ngày .../.../2026 gói thầu ... thuộc dự án….;

Căn cứ Báo cáo số .../BC-KHTĐ ngày .../.../2026 của Tổ thẩm định thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu ... thuộc dự án….;

Xét Tờ trình số .../TTr-... ngày .../../2026 của Phòng ….về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu …. Thuộc dự án,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu .. thuộc dự án…, với nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: …..

- Tên gói thầu: …..

- Giá gói thầu (theo Quyết định số …/QĐ-BQLDA ngày …/../2026): 2.394.183.633 đồng.

- Tên Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng).

- Loại hợp đồng: ….

- Thời gian thực hiện gói thầu: … ngày.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

- Tên nhà thầu: …….

+ Đại diện là: ….. Chức vụ: …..

+ Địa chỉ: …...

+ Mã số thuế: …...

- Giá dự thầu: ….. đồng.

- Điểm kỹ thuật: …. điểm.

- Giá trúng thầu (đã bao gồm VAT …%): ***….. đồng*** *(Bằng chữ: ….)*.

- Loại hợp đồng: …..

- Thời gian thực hiện gói thầu: … ngày.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: … ngày.

- Các nội dung khác (nếu có): Không có.

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

- Tên nhà thầu: …..

- Mã số thuế: …...

- Lý do nhà thầu không trúng thầu: …..

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Tài chính và Phòng Q…. căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng các Phòng chuyên môn trực thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh, nhà thầu Công ty …….. và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2, 3;
- Giám đốc (báo cáo);
- Lưu: VT, P…..
(….)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 70

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày tháng năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án .....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế thu nhập, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP, ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP, ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số ..../NQ-HĐND ngày ..../.../2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 66/2026/QĐ-CTUBND ngày 08/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về Phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, trách nhiệm tổ chức phá dỡ công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-UBND ngày ..../..../2026 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án ……;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND, ngày ..../..../2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 để thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

Theo đề nghị của Sở ..... tại Tờ trình số ..... ngày ...../.../2026 và Báo cáo thẩm định số ……/…. ngày ..../.../2026 của Sở.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án ....., với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: .....

2. Người quyết định đầu tư: .....

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

4. Mục tiêu đầu tư:

5. Quy mô đầu tư:

6. Tổ chức tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi: .....

7. Địa điểm đầu tư.....

8. Loại, nhóm dự án: ……

9. Tổng mức đầu tư của dự án (làm tròn): ….. đồng *(…… đồng)*. Trong đó:

- Chi phí GPMB (nếu có): ..... đồng,

- Chi phí (thiết bị hoặc xây dựng): ..... đồng,

- Chi phí quản lý dự án: ..... đồng,

- Chi phí tư vấn: ..... đồng,

- Chi phí khác: ..... đồng,

- Chi phí dự phòng: ..... đồng.

10. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến phân bổ nguồn vốn theo tiến độ:

Dự án được bố trí sử dụng nguồn vốn Ngân sách nhà nước, do đó nguồn vốn của dự án sẽ luôn được đảm bảo tính sẵn sàng.

Tổng mức đầu tư dự án do chủ đầu tư đề xuất là …… đồng. Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, dự kiến cân đối cho dự án này là ….. tỷ đồng (nguồn vốn ngân sách tỉnh) để đầu tư thực hiện dự án trong giai đoạn 2026 - 2030, do đó đảm bảo khả năng cân đối vốn thực hiện dự án.

Để đảm bảo dự án đầu tư được hiệu quả, dự án được đầu tư đến đâu sẽ đưa vào khai thác sử dụng ngay đến đó khi hoàn thành.

Trong các giai đoạn đầu tư của dự án, Chủ đầu tư và cấp có thẩm quyền cần xây dựng kế hoạch và phương án bố trí sử dụng nguồn vốn một cách hợp lý, hiệu quả và đạt chất lượng cao nhất.

11. Nguồn vốn đầu tư: .....

12. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh**.**

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư quản lý dự án theo quy định.

14. Thời gian thực hiện dự án: Năm …...

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức quản lý thực hiện dự án theo đúng quy định pháp luật hiện hành với các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này và ý kiến thẩm định của Sở ..... tại Báo cáo số ….. ngày …./…/2026.

2. Tổng mức đầu tư được duyệt là giới hạn tối đa cho phép để Chủ đầu tư lựa chọn phương án thực hiện dự án.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh; Giám đốc Sở .....; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP. UBND tỉnh;
- Phòng ....;
- Lưu: VT, …..

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

MẪU SỐ 71

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-BQLDA

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự án: ……..

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-STC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số ..../BC-KHTĐ ngày .../.../2026 của Phòng Kế hoạch – Thẩm định về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án……

Theo đề nghị của Phòng .... thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số ..../TTr-BQLDA ngày 28/7/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án……..

(Nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Phòng ……. chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2, Điều 3;
- PGĐ …. (t/h);
- Lưu: VT, P…...
(…..)

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN

Dự án: ……...

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BQLDA ngày tháng năm 2026)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
Tổng giá gói thầu												

MẪU SỐ 72

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-BQLDA

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ thiết kế (Bước thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt)

Dự án: ……..

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban Quản lý dự án về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án .....;

Căn cứ Hợp đồng số ..... ngày .../.../2026 ký giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và …….;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định số ..../BC-KHTĐ ngày .../.../2026 của Phòng Kế hoạch – Thẩm định về việc thẩm định Nhiệm vụ thiết kế (Bước thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng ..... tại Tờ trình số ..../TTr-.... ngày .../.../2026 về việc phê duyệt Nhiệm vụ thiết kế (Bước thiết kế xây dựng sau khi

dự án được phê duyệt).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ thiết kế (Bước thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt) với các nội dung chi tiết như sau:

1. Tên dự án: ……..

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

3. Đơn vị lập Nhiệm vụ thiết kế: ……..

4. Mục tiêu xây dựng:

……

……

……

5. Loại, cấp công trình: ……..

6. Địa điểm xây dựng: ……...

7. Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng:

……

……

……

8. Nội dung, quy mô và nhiệm vụ thiết kế

……

……

……

(Nội dung chi tiết theo hồ sơ nhiệm vụ thiết kế đính kèm)

9. Tổng mức đầu tư : **…. đồng** *(Bằng chữ: ..... đồng).*

10. Thời gian thực hiện: …. ngày kể từ ngày Nhiệm vụ thiết kế được phê duyệt.

11. Nhiệm vụ thiết kế: Thuyết minh Nhiệm vụ thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt *(kèm theo Quyết định này).*

12. Hồ sơ giao nộp:

- Hồ sơ thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt- dự toán, gồm: bản vẽ thiết kế thi công chi tiết, thuyết minh thiết kế thi công, dự toán - tổng dự toán, các chỉ dẫn kỹ thuật, quy trình bảo trì công trình đúng theo quy định hiện hành.

- Số bộ hồ sơ đảm bảo theo quy định hiện hành và điều khoản của hợp đồng, và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- 01 USB chứa toàn bộ dữ liệu công việc theo hợp đồng (file scan và file mềm định dạng word, excel, autocad,...).

Điều 2. Nhiệm vụ thiết kế được phê duyệt tại Điều 1 là căn cứ để triển khai thực hiện bước lập thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt - dự

toán dự án …….. đúng theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Phòng ……. tổ chức triển khai thực hiện theo nội dung Điều 1, Điều 2 của Quyết định này và triển khai các bước tiếp theo đúng Nhiệm vụ thiết kế được phê duyệt, đảm bảo tiến độ, chất lượng và tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng các Phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3, 4;
- Giám đốc (báo cáo);
- Lưu: VT; P.....
(.....)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 73

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
Số: /QĐ-BQLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt thuộc dự án ……..

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng và nội dung đính chính tại Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án .....;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Văn bản số ...../TĐ-PCCC ngày .../.../2026 của Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn Cứu hộ Công an tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định Thiết kế về Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số .... ngày .../../2026 về việc Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt do ……lập;

Căn cứ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng dự án ..... do .... lập;

Căn cứ Văn bản số .../BCTĐ-KHTĐ ngày .../.../2026 của Phòng Kế hoạch - Thẩm định về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và dự toán xây dựng công trình dự án ……;

Theo đề nghị của Phòng .... tại Tờ trình số .../TTr-.... ngày .../.../2026 về việc phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt thuộc dự án .....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt thuộc dự án ……., với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Người phê duyệt: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

2. Tên công trình: …….

3. Mã định danh công trình xây: ……..

4. Loại, cấp công trình:

5. Tên dự án……...

6. Địa điểm xây dựng: ……..

7. Nhà thầu khảo sát xây dựng: ……..

8. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: …….

9. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: ……...

10. Quy mô công trình:

……

……

……

11. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình:

12. Giá trị dự toán xây dựng công trình (làm tròn): ….**đồng** *(bằng*

chữ: đồng). Trong đó:

Chi phí xây dựng:

Chi phí thiết bị:

Chi phí QLDA:

Chi phí tư vấn:

Chi phí khác:

Chi phí dự phòng:

13. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

……

……

……

14. Các nội dung khác (nếu có):

Điều 2. Phòng ..... thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2,3;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc (báo cáo);
- Lưu:VT, P....

(….)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 74

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-BQLDA

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự toán gói thầu, gói thầu ….. dự án…..

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ công văn số 9947/BXD-VPB của Bộ Xây dựng ngày 29/6/2026 về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định …../QĐ-UBND ngày .../.../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án ……;

Căn cứ Quyết định …../QĐ-UBND ngày .../.../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án ……;

Căn cứ Quyết định số …../QĐ-UBND ngày ..../.../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án....;

Căn cứ Bảng dự toán gói thầu, gói thầu …… dự án…. do phòng chuyên môn lập ngày .../.../2026;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định số ..../BCTĐ-KHTĐ ngày ..../.../2026 của Phòng Kế hoạch- Thẩm định về việc thẩm định dự toán gói thầu, gói thầu …… dự án....;

Căn cứ Tờ trình số .../TTr-... ngày .../..../2026 của Phòng chuyên môn về việc phê duyệt dự toán gói thầu, gói thầu …… dự án…..

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng ….. về việc phê duyệt dự toán gói thầu, gói thầu…, dự án….

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt dự toán gói thầu …, dự án…., cụ thể như sau:

- Tên dự án: ……...
- Gói thầu: …….
- Chủ đầu tư: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.
- Đơn vị lập dự toán gói thầu: Phòng …….. - Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.
- Địa điểm xây dựng……..

Giá trị dự toán gói thầu, gói .....: ..... đồng *(Bằng chữ: ……. đồng).*

Stt	Tên chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
1	Chi phí …….	A		…..
2	Chi phí dự phòng	B	….%*A	……
3	**Giá trị dự toán gói thầu**	**C**	**A+B**	**……..**

Điều 2. Phòng ……. có trách nhiệm tổ chức triển khai các bước tiếp theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2,3;
- Giám đốc (báo cáo);
- Lưu: VT, P……
(…..)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 75

UBND TỈNH TÂY NINH **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-BQLDA	*Tây Ninh, ngày ... tháng ... năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu …….. thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án….

GIÁM ĐỐC BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH

Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu;

Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định ...../QĐ-UBND ngày .../.../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án ……;

Căn cứ Quyết định ...../QĐ-UBND ngày .../.../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án ……;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../.../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án….;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán gói thầu….. dự án….;

Căn cứ Văn bản số …….. ngày .../.../2026 của << Nhà thầu>> về việc đồng ý tham gia gói thầu ……dự án….

Căn cứ Báo cáo số .../BC-<<phongtrinh>> ngày .../.../2026 của Phòng <<phongtrinh>> về việc kiểm tra, đánh giá hồ sơ năng lực của << Nhà thầu>> để tham gia thực hiện gói thầu …..... dự án….

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng số ……../TTHĐ ngày .../.../2026 ký giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và << Nhà thầu>>;

Xét Tờ trình số .....ngày .../……/2026 của Trưởng phòng Phòng <<phongtrinh>> về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu …… dự án…..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ……. Dự án…., với nội dung như sau:

1. Tên gói thầu: ……..

Thuộc dự án: …….

2. Đơn vị trúng thầu:

- Tên nhà thầu: …….

- Đại diện: (Ông/ Bà) …… Chức vụ: …….

- Địa chỉ: ……..

- Mã số thuế: …….

3. Giá trị trúng thầu (đã bao gồm VAT …..%): ……đồng

(bằng chữ: ……).

4. Loại hợp đồng: ……...

5. Thời gian thực hiện gói thầu: … ngày.

6. Thời gian thực hiện hợp đồng: … ngày, kể từ ngày Chủ đầu tư có thông báo thực hiện gói thầu.

7. Nguồn vốn: …….

Điều 2. Giao Phòng Tài chính và Phòng <<*phongtrinh*>> và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các tiếp theo của quy trình đấu thầu.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng các Phòng chuyên môn trực thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh, Giám đốc << *Đơn vị Tư vấn*>> và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2, 3;
- Giám đốc (báo cáo);
- Lưu: VT, <<*phongtrinh*>>.
<<*tênnguoitrinh*>>

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 76

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
Số: /QĐ-BQLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu: ….. thuộc dự án ……

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định ...../QĐ-UBND ngày .../.../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án …….;

Căn cứ Quyết định ...../QĐ-UBND ngày .../.../2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án …….;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../.../2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án….;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày ..../.../2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán gói thầu..... dự án....;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BQLDA ngày .../...2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Long An về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu .. thuộc dự án ....;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-BQLDA ngày 11/02/2026 của Giám đốc Ban QLDA Đầu tư xây dựng xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phân công nhiệm vụ của lãnh đạo Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Báo cáo số .... ngày .../.../2026 của Tổ chuyên gia thuộc .....về việc báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu .... Thuộc dự án....;

Căn cứ Biên bản đối chiếu tài liệu ngày .../.../2026 gói thầu .... Thuộc dự án....;

Căn cứ Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu số ..../BC-KHTĐ ngày .../.../2026 của Tổ thẩm định thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia thuộc ....tại Tờ trình số ... ngày .../../2026; Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu số ..../BC-KHTĐ ngày .../.../2026 của Tổ thẩm định và Tờ trình số ..../TTr-.... ngày .../..2026 của phòng .... về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu .... thuộc .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu..... thuộc dự án, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Tên gói thầu: ……..

- Giá gói thầu: …. đồng (theo Quyết định số …/QĐ-BQLDA ngày …/…/2026).

- Tên Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: …….

- Loại hợp đồng: …...

- Thời gian thực hiện gói thầu: … ngày.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

2.1. Tên nhà thầu: ...

2.2. Giá dự thầu: ..... đồng.

2.3. Giá trúng thầu: **..... đồng** *(Bằng chữ: ....)*.

2.4. Thời gian thực hiện gói thầu: …. ngày.

2.5. Thời gian thực hiện hợp đồng: …0 ngày, kể từ ngày Chủ đầu tư có thông báo khởi công.

2.6. Loại hợp đồng: …...

2.7. Nguồn vốn: …….

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

……

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Phòng ….., Phòng Tài chính tổ chức hoàn thiện Hợp đồng với Nhà thầu trúng thầu để Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh ký kết hợp đồng với đơn vị trúng thầu theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Đơn vị trúng thầu có trách nhiệm thực hiện các nội dung tại Điều 1 và các cam kết trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ làm rõ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng các Phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh, Giám đốc Công ty …. và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Giám đốc (b/c);
- Tư vấn đấu thầu;
- Lưu: VT, P.....
(.....)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 77

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
Số: /QĐ-BQLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt giá trị dự toán phát sinh gói thầu …. Thuộc dự án…..

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ..../.../2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự án ....;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày .../2/...026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Long An về việc phê duyệt thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt dự án....;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BQLDA ngày .../2/...026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Long An về việc phê duyệt dự toán gói thầu.... dự án....;

Căn cứ Hợp đồng thi công số ... ngày ..../.../2026 được ký kết giữa Ban

Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và .... về việc thực hiện gói thầu ..... thuộc dự án...;

Căn cứ Văn bản số ..../BQLDA-.... ngày ..../.../2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc thống nhất chủ trương phát sinh một số nội dung trong quá trình thi công gói thầu ..... dự án...;

Căn cứ Bảng dự toán phát sinh của gói thầu ... thuộc dự án…. do lập ngày .../.../2026;

Căn cứ báo cáo kết quả thẩm định dự toán phát sinh số ..../BC-KHTĐ ngày .../.../2026 của Phòng Kế hoạch - Thẩm định, gói thầu ... thuộc dự án....;

Căn cứ Báo cáo số ..../BC-.... ngày ..../.../2026 của Phòng .... về việc giải trình các nội dung xử lý kỹ thuật để làm cơ sở trình phê duyệt dự toán phát sinh và ký phụ lục hợp đồng gói thầu ..... thuộc dự án….;

Xét Tờ trình số ..../TTr-.... ngày .../.../2026 của Phòng .... về việc phê duyệt giá trị dự toán phát sinh gói thầu .... thuộc dự án.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị dự toán phát sinh gói thầu ...thuộc dự án.....với nội dung như sau:

I. Khái quát công trình:

1. Tên dự án: ……...

2. Gói thầu: ……...

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

4. Địa điểm thực hiện dự án: ……..

5. Giá gói thầu được duyệt: … đồng (theo Quyết định số …./QĐ-BQLDA ngày …./…/2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Long An). Trong đó:

+ Chi phí xây dựng :

+ Chi phí dự phòng :

6. Giá trị hợp đồng: …….. đồng. Trong đó:

7. Hình thức hợp đồng: …...

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: …...

9. Đơn vị thi công: …...

10. Đơn vị giám sát: ……..

II. Nội dung công việc phát sinh:

……

……

……

III. Dự toán phát sinh: gói thầu …thuộc dự án…

Stt	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
1	Chi phí phát sinh tăng	A	Theo Bảng dự toán phát sinh ngày …	…..
2	Chi phí phát sinh giảm	B		……

Điều 2. Phòng Tài chính và phòng …… tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 2, 3;
- Giám đốc Ban (báo cáo);
- Lưu: VT, P…..
(….)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ 78

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
Số: /QĐ-BQLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế …. Dự án….

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp và xác định định mức dự toán và các chi tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …./…/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án ….

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày …./…/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự án ….

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BQLDA ngày …./…/2026 của .Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được duyệt dự án …..;

Căn cứ Thông báo kết luận nội dung cuộc họp số ..../TB-BQLDA ngày 20/7/2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về chủ trương điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng dự án .....;

Căn cứ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình điều chỉnh thuộc dự án .... do .... lập;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định số .../BC-KHTĐ ngày ..../...2026 của phòng Kế hoạch -Thẩm định về Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán điều chỉnh triển khai sau khi dự án được phê duyệt dự án .....;

Theo đề nghị của Trưởng ….. nước thải tại Tờ trình số …/TTr-…. ngày …./…/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế …. Dự án….

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế … dự án…. , với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Điều chỉnh một số nội dung tại …. Quyết định số …/QĐ-BQLDA

Chi tiết nội dung thiết kế điều chỉnh theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng điều chỉnh được thẩm định tại Báo cáo số …./BC-KHTĐ ngày …./…/2026 của phòng Kế hoạch – Thẩm định thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

2. Điều chỉnh ….. Quyết định số …./QĐ-BQLDA

Stt	Nội dung	Giá trị dự toán xây dựng (đồng)	
		Trước điều chỉnh (theo Quyết định số ……)	Sau điều chỉnh
1	Chi phí xây dựng		
2	Chi phí thiết bị		
3	Chi phí quản lý dự án		
4	Chi phí tư vấn xây dựng		
5	Chi phí khác		
6	Chi phí dự phòng		
Tổng cộng			

Điều 2. Các nội dung khác không thay đổi so với Quyết định …./QĐ-BQLDA ngày …./…/2026

Điều 3. Phòng ….. tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định kể từ ngày ký./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Như Điều 3, 4;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc (báo cáo);
- Lưu: VT, P…..

(…..)

MẪU SỐ 79

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày .... tháng .... năm .....

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

Số: ……/(Năm) /... (Ký hiệu hợp đồng)

Gói thầu (số, tên gói thầu)

thuộc Dự án/Công trình (tên, mã định danh Dự án/Công trình)

giữa

(Tên giao dịch của Bên giao thầu)

và

(Tên giao dịch của Bên nhận thầu)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

Điều 3. Sử dụng các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng và bản quyền

Điều 4. Trao đổi thông tin

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán

Điều 10. Nghiệm thu sản phẩm

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên nhận thầu

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên giao thầu

Điều 13. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng

Điều 14. Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Điều 15. Nhà thầu phụ (nếu có)

Điều 16. Nhân lực của Bên nhận thầu

Điều 17. Sửa đổi hợp đồng

Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng

Điều 19. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 20. Điều khoản chung

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

Điều 4. Trao đổi thông tin

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán

Điều 10. Nghiệm thu sản phẩm

Điều 13. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng

Điều 14. Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Điều 15. Nhà thầu phụ (nếu có)

Điều 16. Nhân lực của Bên nhận thầu

Điều 17. Sửa đổi hợp đồng

Điều 18. Tạm dừng hợp đồng

Điều 20. Điều khoản chung

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm … tại … *(Địa danh)*, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên giao thầu:

Tên giao dịch: …

Đại diện *(hoặc người được ủy quyền)* là: Ông/Bà: … Chức vụ:

Địa chỉ: …

Tài khoản: …

Mã số thuế: …

Đăng ký kinh doanh *(nếu có)*: …

Điện thoại: … Fax: … E-mail: …

Và bên kia là:

2. Bên nhận thầu:

Tên giao dịch: …

Đại diện *(hoặc người được ủy quyền)* là: Ông/Bà: … Chức vụ:

Địa chỉ: …

Tài khoản: …

Mã số thuế: …

Đăng ký kinh doanh *(nếu có)*: …

Điện thoại: … Fax: … E-mail: …

[Trường hợp Bên nhận thầu là liên danh thì ghi đầy đủ thông tin như trên của các thành viên trong liên danh và cử đại diện thành viên trong liên danh giao dịch theo phân công trong thỏa thuận liên danh.]

[Trường hợp các bên ủy quyền theo quy định pháp luật cho cá nhân, pháp nhân khác giao kết hợp đồng thì phải ghi rõ thông tin về giấy ủy quyền.]

[Trường hợp hợp đồng xây dựng được giao dịch bằng phương thức điện tử thì phải tuân thủ pháp luật về giao dịch điện tử.]

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng gói thầu (số, *tên gói thầu*) thuộc dự án/công trình *(tên dự án/công trình)* như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 210/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Quyết định số … ngày … tháng … năm … của … về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Bên nhận thầu gói thầu … [Ghi tên gói thầu] và thông báo trúng thầu số … ngày … tháng … năm … của Chủ đầu tư; ủy quyền theo quy định pháp luật cho cá nhân, pháp nhân khác giao kết hợp đồng;

Các quy định pháp luật, văn bản liên quan khác[1].

[Các bên tự quyết định lựa chọn áp dụng toàn bộ hoặc một phần các căn cứ pháp luật nêu trên và bổ sung các văn bản pháp lý khác có liên quan để thực hiện giao kết hợp đồng.]

---

[1] Như: Biên bản thương thảo hợp đồng; dự thảo hợp đồng (nếu có); ….

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau

1.1. Bên giao thầu là ... *(tên giao dịch của Bên giao thầu)*.

1.2. Bên nhận thầu là ... *(tên giao dịch của Bên nhận thầu)*.

1.3. Bên là Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

1.4. Công trình là ... *(tên công trình mà Bên nhận thầu thực hiện gói thầu xây dựng theo hợp đồng này).*

1.5. Dự án là dự án ... *(tên dự án hoặc dự án có công trình mà Bên nhận thầu thực hiện gói thầu xây dựng theo hợp đồng này)*.

1.6. Đại diện Bên giao thầu là người đại diện hợp pháp theo quy định pháp luật hoặc cá nhân, pháp nhân khác được ủy quyền giao kết hợp đồng theo quy định pháp luật.

1.7. Đại diện Bên nhận thầu là người đại diện hợp pháp theo quy định pháp luật hoặc cá nhân, pháp nhân khác được ủy quyền giao kết hợp đồng theo quy định pháp luật.

1.8. Đơn dự thầu (nếu có) là đề xuất của Bên nhận thầu có ghi giá dự thầu để thực hiện công việc theo đúng các yêu cầu của HSMT hoặc HSYC.

1.9. Gói thầu là ... *(tên gói thầu mà Bên nhận thầu thực hiện công việc xây dựng theo hợp đồng này)*.

1.10. Giá hợp đồng là giá trị ghi trong hợp đồng giữa Bên giao thầu và Bên nhận thầu. Giá hợp đồng theo quy định tại Điều [Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán].

1.11. Hoàn thành là việc Bên nhận thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;

1.12. Hợp đồng là thỏa thuận giữa Bên giao thầu và Bên nhận thầu, thể hiện bằng văn bản, được giao kết giữa hai bên, bao gồm cả phụ lục và các tài liệu hợp đồng kèm theo;

1.13. HSDT hoặc HSĐX (nếu có) của Bên nhận thầu là toàn bộ tài liệu theo quy định tại Phụ lục số ... [HSDT hoặc HSĐX (nếu có) của Bên nhận thầu].

1.14. HSMT hoặc HSYC (nếu có) của Bên giao thầu là toàn bộ tài liệu theo quy định tại Phụ lục số ... [HSMT hoặc HSYC (nếu có) của Bên giao thầu].

1.15. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.16. Mã định danh Dự án/Công trình được khởi tạo, cập nhật, quản lý theo quy định tại Nghị định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

1.17. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.18. Ngày làm việc là các ngày theo dương lịch, trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.19. Nhà thầu phụ là nhà thầu theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP.

1.20. Tài liệu hợp đồng là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng theo quy định tại Điều [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

1.21. Thời điểm hợp đồng có hiệu lực là thời điểm được quy định tại [ĐKCT];

1.22. Thời gian thực hiện các công việc của hợp đồng xây dựng là khoảng thời gian được tính từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực hoặc thời điểm bắt đầu thực hiện công việc theo thỏa thuận của các bên đến khi toàn bộ công việc của hợp đồng hoàn thành và được nghiệm thu theo thỏa thuận của hợp đồng (bao gồm cả thời gian được gia hạn theo quy định của hợp đồng); không bao gồm thời gian bảo hành, thời gian giám sát tác giả và thủ tục thanh lý hợp đồng (nếu có).

[Các bên tự quyết định làm rõ, thống nhất việc giải thích từ ngữ, đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.]

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau:

2.1.1. Thỏa thuận hợp đồng xây dựng (nếu có);

2.1.2. Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;

2.1.3. Đơn dự thầu;

2.1.4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng xây dựng, điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng;

2.1.5. Điều kiện chung của hợp đồng xây dựng;

2.1.6. Hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu của bên giao thầu;

2.1.7. Hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất của Bên nhận thầu ;

2.1.8. Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng xây dựng;

2.1.9. Các phụ lục của hợp đồng xây dựng;

2.1.10. Các tài liệu khác có liên quan.

2.2. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu của Hồ sơ hợp đồng được quy định tại [ĐKCT].

Điều 3. Sử dụng các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng và bản quyền

3.1. Sử dụng các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng

3.1.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của Bên nhận thầu trong khuôn khổ hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Bên giao thầu trừ khi các bên có thỏa thuận khác trong hợp đồng. Bên nhận thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên giao thầu.

3.1.2. Bên giao thầu và Bên nhận thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Bên nhận thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Bên giao thầu cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Bên nhận thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.

3.1.3. Bên giao thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Bên nhận thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Bên nhận thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Bên giao thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.

3.1.4. Nghĩa vụ của Bên giao thầu và Bên nhận thầu thực hiện theo quy định tại Điều [Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên nhận thầu] và Điều [Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên giao thầu] không áp dụng đối với các thông tin sau đây:

a) Thông tin mà Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;

b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu;

c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;

d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.

3.2. Bản quyền

3.2.1. Tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Bên nhận thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho Bên giao thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của Bên giao thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Bên nhận thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho Bên giao thầu kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Bên nhận thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên giao thầu.

3.2.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Bên nhận thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, Bên nhận thầu phải được Bên giao thầu chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. Bên giao thầu có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.

3.2.3. Bên nhận thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà Bên nhận thầu cung cấp cho Bên giao thầu không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.

3.2.4. Bên nhận thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà Bên nhận thầu cung cấp cho Bên giao thầu.

Điều 4. Trao đổi thông tin

4.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện; fax hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp trao đổi thông tin bằng hình thức trao đổi dữ liệu điện tử thì thực hiện theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử.

4.2. Trường hợp một trong các bên có sự thay đổi thông tin giao dịch thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời hạn được quy định tại [ĐKCT] kể từ ngày phát sinh thay đổi. Đối với các thông tin làm thay đổi tư cách pháp lý hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng, các bên thực hiện ký kết phụ lục hợp đồng để cùng thực hiện. Trường hợp không thông báo kịp thời thì bên có thay đổi phải chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại phát sinh do việc không thông báo kịp thời.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

5.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

5.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là Tiếng Việt.

[Trường hợp hợp đồng xây dựng có sự tham gia của bên nước ngoài thì ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt và ngôn ngữ khác do các bên thỏa thuận. Thứ tự ưu tiên các ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng xây dựng do các bên thỏa thuận, trường hợp các bên không có thỏa thuận thì tiếng Việt được ưu tiên.]

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng

6.1. Nội dung và khối lượng công việc Bên nhận thầu thực hiện được thể hiện cụ thể trong [HSMT (hoặc *HSYC*) của Bên giao thầu] và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

6.1.1. Tiếp nhận các nhiệm vụ, nghiên cứu các yêu cầu của Bên nhận thầu, các căn cứ pháp lý, quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các tài liệu liên quan phục vụ công tác lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.

6.1.2. Thu thập, kiểm tra và đánh giá các hồ sơ, tài liệu, số liệu hiện có để xác định các nội dung cần bổ sung; lập phương án kỹ thuật khảo sát (nếu có) và tiến hành khảo sát hiện trường nhằm điều tra, cập nhật các số liệu về điều kiện tự nhiên (địa hình, địa chất, thủy văn), hiện trạng sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội, môi trường cũng như các điều kiện liên quan khác phục vụ công tác lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.

6.1.3. Khảo sát, điều tra, nghiên cứu nhu cầu sử dụng, nhu cầu thị trường, khả năng khai thác, vận hành và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của dự án.

6.1.4. Nghiên cứu các quy hoạch có liên quan; đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương.

6.1.5. Nghiên cứu, đề xuất, phân tích, so sánh các phương án đầu tư, phương án kỹ thuật, công nghệ, kiến trúc, kết cấu, hạ tầng kỹ thuật và các giải pháp thực hiện dự án; lựa chọn phương án tối ưu.

6.1.6. Xác định quy mô đầu tư, công suất, địa điểm xây dựng, nhu cầu sử dụng đất, phương án tổ chức không gian, phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có).

6.1.7. Xác định tổng mức đầu tư, nhu cầu vốn, cơ cấu nguồn vốn; tính toán, phân tích hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội và đánh giá tính khả thi của dự án (nếu có).

6.1.8. Đánh giá các yếu tố tác động đến môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn công trình, hạ tầng kỹ thuật và các yêu cầu chuyên ngành khác theo quy định.

6.1.9. Xây dựng kế hoạch, tiến độ thực hiện dự án; đề xuất hình thức quản lý dự án, phương án tổ chức thực hiện và khai thác vận hành công trình.

6.1.10. Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và các hồ sơ, tài liệu kèm theo theo quy định của pháp luật.

6.1.11. Phối hợp, giải trình, bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi và các tài liệu liên quan theo yêu cầu của cơ quan có liên quan trong quá trình thẩm định, phê duyệt dự án.

6.1.12. Bàn giao đầy đủ hồ sơ, tài liệu, bản vẽ, dữ liệu và các sản phẩm tư vấn theo quy định của hợp đồng; chịu trách nhiệm về chất lượng và tính pháp lý của hồ sơ do mình lập.

6.2. Sản phẩm của hợp đồng được quy định tại [ĐKCT].

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

7.1. Yêu cầu về chất lượng

7.1.1. Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi phải phù hợp với nhiệm vụ thiết kế được duyệt và nội dung hợp đồng đã giao kết; đảm bảo phù hợp với phân kỳ đầu tư, các yêu cầu nêu tại quyết định hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án (nếu có); tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn áp dụng được Bên giao thầu chấp thuận.

7.1.2. Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi phải đáp ứng đầy đủ điều kiện để trình cơ quan chuyên môn về xây dựng (hoặc cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định và trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án theo quy định.

7.2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng quy định tại [ĐKCT].

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

8.1. Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại [ĐKCT]

8.2. Tiến độ thực hiện hợp đồng và các mốc hoàn thành các công việc chủ yếu được quy định cụ thể tại Phụ lục số … [Tiến độ thực hiện hợp đồng].

8.3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp Bên nhận thầu hoặc Bên giao thầu gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ tiến độ thực hiện hợp đồng thì Bên gặp khó khăn phải thông báo cho Bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Bên nhận được thông báo kéo dài thời gian sẽ nghiên cứu, xem xét và quyết định. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo, điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng và giao kết văn bản sửa đổi Hợp đồng để làm căn cứ thực hiện.

8.4. Trường hợp chậm trễ do lỗi của Bên nhận thầu dẫn đến phải gia hạn thời gian thực hiện các công việc Hợp đồng, thì Bên nhận thầu không được làm tăng Giá hợp đồng.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán

9.1. Giá hợp đồng

9.1.1. Hình thức giá hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

[Các bên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP để lựa chọn hình thức giá hợp đồng cho phù hợp.]

9.1.2. Giá hợp đồng quy định tại [ĐKCT].

9.1.3. Nội dung giá hợp đồng:

a) Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí (chi phí nhân công; chi phí hoàn thiện sản phẩm sau rà soát, thẩm định; chi phí khảo sát (nếu có); chi phí đi

lại; …; chi phí khác có liên quan) lãi và các khoản thuế, phí, lệ phí Bên nhận thầu phải nộp theo quy định.

b) Giá hợp đồng không bao gồm: Chi phí cho các cuộc họp của Bên giao thầu; chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng; chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;…

9.2. Tạm ứng và thanh toán

9.2.1. Tạm ứng:

a) Mức tạm ứng, số lần tạm ứng quy định tại [ĐKCT]

b) Cách thức hoàn trả tiền tạm ứng quy định tại [ĐKCT]

c) Trong thời hạn quy định tại [ĐKCT] Bên giao thầu tạm ứng cho Bên nhận thầu với số tiền quy định tại [ĐKCT]

d) Bên nhận thầu phải nộp cho Bên giao thầu bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương ứng với giá trị, loại tiền tạm ứng và trong khoảng thời gian được quy định tại [ĐKCT] kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi tiền tạm ứng đã thu hồi hết và sẽ được giảm trừ tương ứng với giá trị tiền tạm ứng được thu hồi.

9.2.2. Thanh toán

a) Tiến độ thanh toán

(i) Số lần thanh toán quy định tại [ĐKCT].

(ii) Giá trị mà Bên giao thầu sẽ thanh toán cho Bên nhận thầu theo các lần thanh toán cụ thể quy định tại [ĐKCT].

(iii) Trong thời gian quy định tại [ĐKCT], kể từ ngày Bên giao thầu nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên nhận thầu , Bên giao thầu phải thanh toán cho Bên nhận thầu.

b) Hồ sơ thanh toán

Khi đến thời hạn của mỗi lần thanh toán hoặc tạm thanh toán, Bên nhận thầu sẽ nộp cho Bên giao thầu các bộ hồ sơ thanh toán với số lượng và thành phần quy định tại [ĐKCT]

c) Hình thức thanh toán quy định tại [ĐKCT]

d) Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 10. Nghiệm thu sản phẩm

10.1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm

10.1.1. Hồ sơ hợp đồng đã giao kết giữa các bên, các phụ lục hợp đồng và văn bản sửa đổi hợp đồng (nếu có).

10.1.2. Nhiệm vụ tư vấn đã được Bên giao thầu (hoặc cấp có thẩm quyền) phê duyệt.

10.1.3. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật áp dụng cho dự án.

10.1.4. Hồ sơ, tài liệu, kết quả khảo sát xây dựng phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đã được phê duyệt.

10.1.5. Các văn bản pháp lý, quy hoạch chi tiết hoặc quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/500 hoặc 1/2000), văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

10.1.6. Văn bản yêu cầu chỉnh sửa, rà soát hồ sơ của Bên giao thầu trong các đợt báo cáo đầu kỳ, giữa kỳ (nếu có).

10.1.7. Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan chuyên môn liên quan (như: phòng cháy chữa cháy, an toàn, vệ sinh, môi trường, quốc phòng an ninh,... nếu có);

10.1.8. Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định hiện hành.

[Trường hợp thiết kế xây dựng tại Báo cáo nghiên cứu khả thi là thiết kế FEED hoặc thiết kế kỹ thuật thì bổ sung các căn cứ nghiệm thu theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết một số Điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng]

10.2. Nghiệm thu sản phẩm

10.2.1. Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành theo các giai đoạn/đợt tương ứng với tiến độ và nội dung thực hiện nhiệm vụ tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi quy định chi tiết tại [ĐKCT]

10.2.2. Bên nhận thầu có trách nhiệm sửa đổi, hoàn thiện các nội dung chưa đạt yêu cầu hoặc các sai sót trong hồ sơ sản phẩm theo đúng văn bản yêu cầu của Bên giao thầu, ý kiến của hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng trong phạm vi nội dung hợp đồng đã giao kết mà không được tính thêm chi phí.

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên nhận thầu

11.1. Quyền của Bên nhận thầu

11.1.1. Yêu cầu bên giao thầu cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

11.1.2. Được đề xuất với bên giao thầu về khối lượng công việc phát sinh hợp lý; thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của bên nhận thầu hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng phẩm tư vấn; thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng.

11.1.3. Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả); thuê thầu phụ thực hiện một phần công việc theo quy định tại Điều [Nhà thầu phụ (nếu có)].

11.1.4. Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của bên giao thầu; nhà thầu phụ do bên giao thầu chỉ định nếu trong hợp đồng không thỏa thuận hoặc không đáp ứng được các yêu cầu theo hợp đồng.

11.1.5. Được quyền yêu cầu bên giao thầu thanh toán đúng hạn, thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng và thỏa thuận trong hợp đồng.

11.1.6. Yêu cầu bên giao thầu nghiệm thu, nhận bàn giao sản phẩm của hợp đồng xây dựng.

11.1.7. Quyền khác theo quy định của hợp đồng xây dựng và pháp luật có liên quan.

11.2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên nhận thầu

11.2.1. Khảo sát, thu thập các thông tin, dữ liệu, tài liệu cần thiết để thực hiện công việc của hợp đồng.

11.2.2. Thực hiện công việc đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.

11.2.3. Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu, trình bày và bảo vệ sản phẩm tư vấn trong các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... đến khi sản phẩm được phê duyệt.

11.2.4. Chịu trách nhiệm về kết quả, chất lượng sản phẩm tư vấn theo hợp đồng đã ký và quy định của pháp luật.

11.2.5. Nộp cho Bên giao thầu các báo cáo, tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng; thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

11.2.6. Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo thỏa thuận trong hợp đồng.

11.2.7. Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Bên giao thầu cho tới ngày bàn giao công trình.

11.2.8. Giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng mà trong hợp đồng hoặc pháp luật có quy định;

11.2.9. Bảo quản và giao lại cho Bên giao thầu những tài liệu và phương tiện làm việc do Bên giao thầu cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

11.2.10. Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Bên giao thầu, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

11.2.11. Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng đã giao kết.

11.2.12. Bên nhận thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

11.2.13. Bên nhận thầu có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ hợp đồng.

11.2.14. Nhà thầu có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và mô hình thông tin công trình (BIM) trong quá trình thực hiện công việc theo yêu cầu của Hợp đồng.

11.2.15. Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của hợp đồng và pháp luật khác có liên quan.

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên giao thầu

12.1. Quyền của Bên giao thầu

12.1.1. Yêu cầu Bên nhận thầu bàn giao các hồ sơ, tài liệu liên quan đến sản phẩm của hợp đồng theo nội dung hợp đồng đã giao kết; được yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng và thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu về năng lực theo quy định.

12.1.2. Kiểm tra chất lượng, tiến độ thực hiện công việc thuộc phạm vi hợp đồng nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Bên nhận thầu.

12.1.3. Từ chối các đề xuất, kiến nghị không hợp lý hoặc không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng của bên nhận thầu trong thời hạn theo thỏa thuận hợp đồng và quy định của pháp luật; từ chối nghiệm thu, nhận bàn giao sản phẩm không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng.

12.1.4. Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm theo thỏa thuận hợp đồng.

12.1.5. Được chỉ định thầu phụ khi Bên nhận thầu chính không đáp ứng được yêu cầu theo hợp đồng đã giao kết; được quyền từ chối nhà thầu phụ do bên nhận thầu đề xuất.

12.1.6. Yêu cầu Bên nhận thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

12.1.7. Các quyền khác theo quy định của hợp đồng và pháp luật khác có liên quan.

12.2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên giao thầu

12.2.1. Cung cấp kịp thời hồ sơ và các tài liệu, phương tiện, máy và thiết bị có liên quan, vật tư theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có) và quy định của pháp luật có liên quan;

12.2.2. Tra cứu, kiểm tra thông tin năng lực hoạt động xây dựng của Bên nhận thầu.

12.2.3. Xem xét, chấp thuận danh sách các nhà thầu phụ đủ điều kiện năng lực chưa có trong hợp đồng theo đề nghị của Bên nhận thầu (nếu có).

12.2.4. Giải quyết kiến nghị của bên nhận thầu theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

12.2.5. Thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng; khoản tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng và thỏa thuận trong hợp đồng.

12.2.6. Giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng mà trong hợp đồng hoặc pháp luật có quy định.

12.2.7. Tổ chức nghiệm thu, nhận, bàn giao sản phẩm của hợp đồng.

12.2.8. Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Bên nhận thầu nếu Bên giao thầu cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

12.2.9. Xem xét, chấp thuận hoặc từ chối đề xuất của Bên nhận thầu về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng.

12.2.10. Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

12.2.11. Thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

12.2.12. Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của hợp đồng và pháp luật có liên quan.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng

13.1. Giải quyết tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng

13.1.1. Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng quy định tại [ĐKCT]

13.1.2. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, các bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của hợp đồng đối với các công việc không bị ảnh hưởng bởi nội dung tranh chấp; không được làm gián đoạn việc thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc các trường hợp được tạm dừng thực hiện hợp đồng tại Điều [Tạm dừng hợp đồng].

13.1.3. Việc áp dụng mô hình giải quyết tranh chấp theo thông lệ quốc tế (gọi tắt là mô hình ban xử lý tranh chấp) như sau:

a) Thời điểm thành lập ban xử lý tranh chấp quy định tại [ĐKCT]

b) Chi phí chi trả cho các thành viên tham gia ban xử lý tranh chấp và các chi phí khác có liên quan quy định tại [ĐKCT].

13.2. Khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng

13.2.1. Khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng được hiểu là khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện đúng nội dung hợp đồng đã giao kết. Khi đó, bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này.

13.2.2. Khi một bên khiếu nại, bên kia thì phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ những nội dung khiếu nại.

13.2.3. Các khiếu nại của mỗi bên phải được gửi đến đúng địa chỉ giao dịch hoặc địa chỉ trao đổi thông tin mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

13.2.4. Thời gian trả lời khiếu nại, văn bản trả lời khiếu nại, trường hợp không chấp thuận trả lời khiếu nại quy định tại [ĐKCT]

Điều 14. Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

14.1. Rủi ro là khả năng xảy ra các sự kiện hoặc tình huống trong quá trình thực hiện hợp đồng, có thể gây thiệt hại, phát sinh chi phí, kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

Đối với các rủi ro có thể lường trước tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên thỏa thuận cụ thể trách nhiệm về quản lý và xử lý, khắc phục rủi ro của mỗi bên. Các trường hợp rủi ro có thể lường trước quy định tại [ĐKCT].

14.2. Sự kiện bất khả kháng là các rủi ro không thể lường trước tại thời điểm giao kết hợp đồng, không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

14.2.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

14.2.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

14.2.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Bên nhận thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

14.2.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

14.2.5. Trong thời gian không thực hiện được dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của Bên giao thầu, Bên nhận thầu có nghĩa vụ:

a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Bên nhận thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần

thiết. Trường hợp được Bên giao thầu yêu cầu phục hồi lại dịch vụ thì Bên nhận thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc

b) Tiếp tục thực hiện dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Bên nhận thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều [Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng].

14.2.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có).

Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia. Đối với trường hợp chấm dứt này, Bên giao thầu sẽ phải thanh toán cho Bên nhận thầu các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

14.2.7. Các trường hợp bất khả kháng quy định tại [ĐKCT]

14.3. Hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong hoạt động xây dựng

14.3.1. Hoàn cảnh thay đổi cơ bản là sự thay đổi hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng lớn đến mức các bên biết trước thì đã không được giao kết và hoặc được giao kết với nội dung hoàn toàn khác; việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên; Bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích; có thể gồm các trường hợp: Nhà nước thay đổi chính sách, pháp luật; các điều kiện bất thường về địa chất không lường trước được và các trường hợp khác đáp ứng được các điều kiện nêu tại điểm này.

Các sự kiện được coi là hoàn cảnh thay đổi quy định tại [ĐKCT]

14.3.2. Thông báo về hoàn cảnh thay đổi cơ bản

a) Nếu một Bên rơi vào trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì phải thông báo cho Bên kia nêu rõ các công việc bị ảnh hưởng, mức độ bị ảnh hưởng, các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng và kiến nghị, đề xuất sửa đổi hợp đồng. Bên nhận được thông báo phải trả lời đồng ý hoặc không đồng ý hoặc ý kiến khác trong khoảng thời gian được quy định tại [ĐKCT].

b) Trường hợp Bên nhận được đề nghị sửa đổi Hợp đồng không đồng ý hoặc các Bên không đạt được thỏa thuận, thì Bên bị ảnh hưởng có thể đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của Pháp luật.

Điều 15. Nhà thầu phụ (nếu có)

15.1. Việc sử dụng nhà thầu phụ, nhà thầu phụ do Bên giao thầu chỉ định quy định tại [ĐKCT]

15.2. Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm trước Bên giao thầu về tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, sai sót của mình và các công việc do các nhà thầu phụ thực hiện.

15.3. Các tình huống Bên giao thầu được chỉ định nhà thầu phụ quy định tại [ĐKCT]

15.4. Bên giao thầu được thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất của nhà thầu chính và các thỏa thuận trong hợp đồng quy định tại [ĐKCT]

Điều 16. Nhân lực của Bên nhận thầu

16.1. Nhân lực của Bên nhận thầu và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực theo quy định, cụ thể tại Phụ lục số ... [Nhân lực của Bên nhận thầu].

16.2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục số ... [Nhân lực của Bên nhận thầu]. Trường hợp thay đổi nhân sự, Bên nhận thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Bên giao thầu , người thay thế phải đáp ứng các yêu cầu về điều kiện. Nếu Bên giao thầu không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng... ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên nhận thầu thì nhân sự đó coi như được Bên giao thầu chấp thuận.

16.3. Bên giao thầu có quyền yêu cầu Bên nhận thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Bên giao thầu hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên nhận thầu phải gửi văn bản thông báo cho Bên giao thầu trong vòng quy định tại [ĐKCT] kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên giao thầu về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên nhận thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

16.4. Bên nhận thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Bên giao thầu chấp thuận.

16.5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Bên giao thầu và Bên nhận thầu thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở Phụ lục số ... [Nhân lực của Bên nhận thầu].

16.6. Bên nhận thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Bên nhận thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 17. Sửa đổi hợp đồng

17.1. Nội dung, phạm vi và các trường hợp được sửa đổi hợp đồng; quy trình, thủ tục sửa đổi hợp đồng quy định tại [ĐKCT]

17.2. Điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng, chi tiết quy định tại [ĐKCT]

17.3. Điều chỉnh tiến độ, thời gian thực hiện hợp đồng

17.3.1. Các trường hợp được điều chỉnh thời gian, tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành các công việc, sản phẩm cụ thể của hợp đồng và trách nhiệm của mỗi bên đối với những thiệt hại do chậm thời gian, tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành các công việc, sản phẩm cụ thể của hợp đồng, chi tiết quy định tại [ĐKCT]

17.3.2. Trường hợp điều chỉnh thời gian hoặc tiến độ thực hiện hợp tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành các công việc, sản phẩm cụ thể của hợp đồng, chi tiết quy định tại [ĐKCT] đồng thời dẫn đến vượt thời gian thực hiện dự án thì Bên giao thầu phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định điều chỉnh thời gian thực hiện dự án trước khi điều chỉnh thời gian, tiến độ thực hiện hợp đồng.

17.4. Điều chỉnh giá hợp đồng trọn gói: chi tiết quy định tại [ĐKCT]

[Đối với các hình thức giá hợp đồng khác, việc sửa đổi hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 22, 23, 24, 25 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP]

[Các bên tham gia hợp đồng nghiên cứu các quy định có liên quan và các hướng dẫn cụ thể tại Mẫu hợp đồng này để điều chỉnh các nội dung trong hợp đồng cho phù hợp]

Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng

18.1. Tạm dừng hợp đồng

18.1.1. Việc tạm dừng thực hiện hợp đồng được áp dụng khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Một bên vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ hợp đồng đã cam kết;

b) Do sự kiện bất khả kháng theo quy định tại Điều [Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản];

c) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Thay đổi pháp luật ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng đ) Một bên được tạm dừng thực hiện hợp đồng quy định tại [ĐKCT]

18.1.2. Bên tạm dừng hợp đồng phải thông báo trước cho bên kia bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, thời điểm và hậu quả pháp lý kèm theo. Thời gian thông báo phải được thỏa thuận trong hợp đồng, tối đa không quá 28 ngày, trừ trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng. Các bên có trách nhiệm cùng thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng đã giao kết. Bên không thực hiện nghĩa vụ thông báo mà gây thiệt hại cho bên còn lại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường theo thỏa thuận quy định tại [ĐKCT]

18.2. Chấm dứt hợp đồng

18.2.1. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên giao thầu

Bên giao thầu có thể chấm dứt hợp đồng sau quy định tại [ĐKCT] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Bên nhận thầu. Bên giao thầu sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Bên nhận thầu không tuân thủ về bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu các bên có thỏa thuận bảo đảm thực hiện hợp đồng).

b) Bên nhận thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên nhận thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng quy định tại [ĐKCT] mà Bên giao thầu có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên giao thầu về sai sót đó.

c) Bên nhận thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng], hoặc quy định tại [ĐKCT] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

d) Bên nhận thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

đ) Bên nhận thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều [Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng].

g) Bên nhận thầu cố ý trình Bên giao thầu các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Bên giao thầu .

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều [Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Bên giao thầu có thể thuê các Bên nhận thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Bên giao thầu và các Bên nhận thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

18.2.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên nhận thầu

Bên nhận thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên giao thầu tối thiểu là quy định tại [ĐKCT] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Bên giao thầu trong khoảng thời gian quy định tại [ĐKCT].

b) Bên giao thầu không thanh toán cho Bên nhận thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều [Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng] sau khoảng thời gian quy định tại [ĐKCT] kể từ ngày Bên giao thầu nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Bên giao thầu không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều [Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên nhận thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian quy định tại [ĐKCT].

đ) Bên giao thầu bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

18.2.3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

18.2.4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Bên nhận thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

18.2.5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều [Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, các chi phí khác,...).

Điều 19. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

19.1. Quyết toán hợp đồng

19.1.1. Bên nhận thầu có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán hợp đồng theo loại hợp đồng các bên đã giao kết.

19.1.2. Hồ sơ quyết toán hợp đồng bao gồm:

a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng và công việc phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng;

b) Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng; giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã giao kết, giá trị đã thanh toán hoặc tạm thanh toán và giá trị còn lại mà bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán cho Bên nhận thầu;

c) Sản phẩm của hợp đồng theo quy định tại Điều [Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng];

d) Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng.

19.2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn ... ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều [Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng].

Điều 20. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm quy định tại [ĐKCT] .

(Trường hợp thời gian hiệu lực của hợp đồng khác do các bên thỏa thuận)

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Bên giao thầu sẽ giữ, số bản Bên nhận thầu sẽ giữ quy định tại [ĐKCT].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.2. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu của Hồ sơ hợp đồng là____ *[Ghi cụ thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu trong hồ sơ hợp đồng]*.

Điều 4. Trao đổi thông tin

4.2. Trong khoảng thời gian là _____ ngày [*Ghi cụ thể số ngày*]

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng

6.2. Sản phẩm của hợp đồng gồm____ *[Ghi cụ thể các sản phẩm mà Bên nhận thầu phải thực hiện và nộp cho Bên giao thầu]*, bao gồm nhưng không giới hạn:

6.2.1. Báo cáo giữa kỳ (nếu có).

6.2.2. Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung được quy định tại Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

6.2.3. Thiết kế xây dựng____ *[Ghi cụ thể là thiết kế cơ sở hoặc thiết kế FEED hoặc thiết kế kỹ thuật]*.

6.2.4. Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (nếu có).

[Các bên căn cứ loại thiết kế sử dụng tại báo cáo nghiên cứu khả thi trong hợp đồng đã ký, để xác định quy cách, nội dung hồ sơ thiết kế xây dựng bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung được quy định tại Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.]

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

7.2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là ____ *[Ghi cụ thể số lượng là bao nhiêu bộ]*.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

8.1. Thời gian thực hiện các công việc của hợp đồng là ____ *[Ghi cụ thể bao nhiêu ngày, kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực]*.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán

9.1.2. Giá hợp đồng được xác định với số tiền: *[Ghi cụ thể tổng số tiền, số tiền bằng chữ]*.

9.2.1. Tạm ứng:

a) Mức tạm ứng, số lần tạm ứng *[Ghi cụ thể mức tạm ứng, số lần tạm ứng]*

b) Cách thức hoàn trả tiền tạm ứng *[Ghi cụ thể tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị thanh toán thực tế đạt ... % giá trị hợp đồng]*

c) Trong thời hạn [*Ghi cụ thể số ngày*] Bên giao thầu tạm ứng cho Bên nhận thầu với số tiền *[Ghi cụ thể số tiền tạm ứng]*.

[Mức tạm ứng tối thiểu đối với hợp đồng tư vấn: 15% giá hợp đồng đối với hợp đồng có giá trị trên 10 tỷ đồng; 20% giá hợp đồng đối với các hợp đồng có giá trị đến 10 tỷ đồng.]

[Mức tạm ứng hợp đồng không được vượt quá 30% giá trị hợp đồng tại thời điểm giao kết (bao gồm cả dự phòng nếu có). Đối với dự án mà người quyết định đầu tư là Thủ tướng Chính phủ, việc quyết định mức tạm ứng cao hơn mức 30% do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định]

d) Bên nhận thầu phải nộp cho Bên giao thầu bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương ứng với giá trị, loại tiền tạm ứng và trong khoảng thời gian *[Ghi cụ thể số ngày]* kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

9.2.2. Thanh toán

a) Tiến độ thanh toán

(i) Số lần thanh toán [*Ghi cụ thể số lần thanh toán*]. Lần thanh toán cuối cùng sau khi Bên nhận thầu hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong hợp đồng.

(ii) Giá trị mà Bên giao thầu sẽ thanh toán cho Bên nhận thầu theo các lần thanh toán [*Ghi cụ thể số tiền mà Bên giao thầu sẽ thanh toán cho Bên nhận thầu tương ứng với các lần thanh toán*].

(iii) Trong khoảng thời gian là____ ngày [*Ghi cụ thể số ngày*] kể từ ngày Bên giao thầu nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên nhận thầu, Bên giao thầu phải thanh toán cho Bên nhận thầu.

b) Hồ sơ thanh toán

Khi đến thời hạn của mỗi lần thanh toán hoặc tạm thanh toán, Bên nhận thầu sẽ nộp cho Bên giao thầu các bộ hồ sơ thanh toán với số lượng và thành phần *[Ghi cụ thể số lượng và thành phần hồ sơ thanh toán]*

c) Hình thức thanh toán *[Ghi cụ thể hình thức thanh toán bằng chuyển khoản hoặc bằng hình thức khác do các bên tự thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan]*

Điều 10. Nghiệm thu sản phẩm

10.2.1. Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành___lần *[Ghi rõ số lần tiến hành nghiệm thu sản phẩm và cụ thể công việc phải nghiệm thu của từng lần nghiệm thu sản phẩm tư vấn]*.

Lần 1: Nghiệm thu sản phẩm trung gian/báo cáo đầu kỳ___ *[Ghi cụ thể công việc phải nghiệm thu của lần nghiệm thu này]*.

Lần 2: Nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng *(thiết kế cơ sở hoặc thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật đối với dự án thực hiện theo các bước thiết kế chuyên sâu tích hợp trong FS)* phục vụ công tác trình thẩm định___ *[Ghi cụ thể công việc phải nghiệm thu của lần nghiệm thu này]*.

……

Lần cuối: Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu, sản phẩm Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng

13.1.1. Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng *[Ghi cụ thể phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 86 Luật Xây dựng do các bên thỏa thuận. Khi giải quyết tranh chấp, các bên phải tôn trọng các thỏa thuận hợp đồng và các cam kết trong quá trình thực hiện hợp đồng, bảo đảm khách quan, bình đẳng và hợp tác]*

13.1.3. Việc áp dụng mô hình giải quyết tranh chấp theo thông lệ quốc tế (gọi tắt là mô hình ban xử lý tranh chấp) như sau:

a) Thời điểm thành lập ban xử lý tranh chấp *[Ghi cụ thể thỏa thuận của các bên về thời điểm thành lập ban xử lý tranh chấp (có thể được hình thành ngay sau khi giao kết hợp đồng, hoạt động thường trực trong quá trình thực hiện hợp đồng hoặc sau khi phát sinh tranh chấp), số lượng, tiêu chuẩn, trình độ, kinh nghiệm của các thành viên tham gia ban xử lý tranh chấp, phù hợp với yêu cầu của hợp đồng, tính chất, nội dung công việc trong hợp đồng; tính ràng buộc của quyết định, khuyến nghị phân xử tranh chấp; quy trình lựa chọn các thành viên tham gia ban xử lý tranh chấp và trình tự, thủ tục xử lý tiếp theo khi một bên không đồng ý với quyết định, khuyến nghị phân xử tranh chấp]*

b) Chi phí chi trả cho các thành viên tham gia ban xử lý tranh chấp và các chi phí khác có liên quan *[Ghi cụ thể chi phí mỗi bên phải chi trả*].

13.2. Khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng

13.2.4. Thời gian trả lời khiếu nại, văn bản trả lời khiếu nại, trường hợp không chấp thuận trả lời khiếu nại___ [*Ghi cụ thể thời gian trả lời khiếu nại, chấp thuận hoặc không chấp thuận nội dung khiếu nại, lý do*]

Điều 14. Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

14.1. Rủi ro là khả năng xảy ra các sự kiện hoặc tình huống trong quá trình thực hiện hợp đồng, có thể gây thiệt hại, phát sinh chi phí, kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

a) Đối với các rủi ro có thể lường trước tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên thỏa thuận cụ thể trách nhiệm về quản lý và xử lý, khắc phục rủi ro của mỗi bên. Các trường hợp rủi ro có thể lường trước *[Ghi cụ thể các trường hợp rủi ro có thể lường trước được do các bên thỏa thuận]*.

c) Các trường hợp bất khả kháng *[Ghi cụ thể các trường hợp bất khả kháng do các bên thỏa thuận]*.

14.3. Hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong hoạt động xây dựng

14.3.1. Các sự kiện được coi là hoàn cảnh thay đổi *[Ghi cụ thể các trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản do các bên thỏa thuận phù hợp với các tiêu chí của Bộ Luật Dân sự]*

14.3.2. Thông báo về hoàn cảnh thay đổi cơ bản

a) Nếu một Bên rơi vào trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì phải thông báo bằng văn bản trong thời gian sớm nhất có thể cho Bên kia nêu rõ các công việc bị ảnh hưởng, mức độ bị ảnh hưởng và đề xuất giải pháp khắc phục hoặc sửa đổi hợp đồng. Bên nhận được thông báo phải trả lời *[Ghi cụ thể đồng ý hoặc không đồng ý hoặc ý kiến khác trong thời hạn là___ngày]*.

Điều 15. Nhà thầu phụ (nếu có)

15.1. Việc sử dụng nhà thầu phụ, nhà thầu phụ do Bên giao thầu chỉ định: *[Ghi cụ thể việc sử dụng nhà thầu phụ, nhà thầu phụ do Bên giao thầu chỉ định trên cơ sở quy định tại Điều 19 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP]*

15.3. Các tình huống Bên giao thầu được chỉ định nhà thầu phụ: *[Ghi cụ thể các tình huống Bên giao thầu được chỉ định nhà thầu phụ]*

15.4. Bên giao thầu được thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất của nhà thầu chính và các thỏa thuận trong hợp đồng: [*Ghi cụ thể được hay không được*]

Điều 16. Nhân lực của Bên nhận thầu

16.3. Bên nhận thầu phải gửi văn bản thông báo cho Bên giao thầu trong vòng là___ *[Ghi cụ thể là bao nhiêu ngày]*

Điều 17. Sửa đổi hợp đồng

17.1. Nội dung, phạm vi và các trường hợp được sửa đổi hợp đồng; quy trình, thủ tục sửa đổi hợp đồng [*Ghi cụ thể nội dung, phạm vi và các trường hợp được sửa đổi hợp đồng; quy trình, thủ tục sửa đổi hợp đồng do các bên thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định tại Điều 84 Luật Xây dựng và Điều 22, 23, 24, 25 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP*]

17.2. Điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng cụ thể như sau: [*Ghi cụ thể thỏa thuận của các bên về các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng trong hợp đồng trên cơ sở quy định tại Điều 84 Luật Xây dựng và Điều 23 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP]*

17.3. Điều chỉnh thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

Các trường hợp được điều chỉnh thời gian, tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành các công việc, sản phẩm cụ thể của hợp đồng và trách nhiệm của mỗi bên đối với những thiệt hại do chậm thời gian, tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành các công việc, sản phẩm cụ thể của hợp đồng cụ thể như sau: *[Ghi cụ thể thỏa thuận của các bên về các trường hợp được điều chỉnh đơn giá và giá hợp đồng ; phương pháp điều chỉnh đơn giá và giá hợp đồng trên cơ sở quy định tại Điều 84 Luật Xây dựng, Điều 25 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP]*

17.4. Điều chỉnh giá hợp đồng trọn gói: Đối với khối lượng, công việc trong hợp đồng được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh (tăng hoặc giảm) hợp lý khối lượng, công việc do điều chỉnh phạm vi công việc của hợp đồng theo yêu cầu của bên giao thầu hoặc đề nghị của bên nhận thầu được bên giao thầu chấp thuận hoặc trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, trường hợp hoàn cảnh thực hiện hợp đồng thay đổi cơ bản theo quy định tại Điều [Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản]

Điều 18. Tạm dừng hợp đồng

18.1.1. Việc tạm dừng thực hiện hợp đồng được áp dụng khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

đ) Một bên được tạm dừng thực hiện hợp đồng *[Ghi cụ thể các trường hợp, phạm vi tạm dừng thực hiện hợp đồng (toàn bộ hoặc một phần công việc) mà Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu được tạm dừng thực hiện hợp đồng]*

18.2. Bên tạm dừng hợp đồng phải thông báo trước cho bên kia bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, thời điểm và hậu quả pháp lý kèm theo. Thời gian thông báo phải được thỏa thuận trong hợp đồng, tối đa không quá 28 ngày, trừ trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng. Các bên có trách nhiệm cùng thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng đã giao kết. Bên không thực hiện nghĩa vụ thông báo mà gây thiệt hại cho bên còn lại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường theo thỏa thuận

[Ghi cụ thể việc bồi thường thiệt hại theo một trong hai cách sau:

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường,... phù hợp với pháp luật dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan].

Điều 20. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm *[Ghi cụ thể ngày... tháng... năm... có hiệu lực của hợp đồng]*.

Hợp đồng này bao gồm___ trang *[Ghi cụ thể số lượng trang của hợp đồng]*, và___ Phụ lục *[Ghi cụ thể số lượng Phụ lục của hợp đồng]* được lập thành___bản *[Ghi cụ thể số lượng bản hợp đồng được phát hành]* bằng tiếng Việt *(hoặc ngôn ngữ khác hoặc song ngữ nếu có)* có giá trị pháp lý như nhau. Bên giao thầu sẽ giữ___bản *[Ghi cụ thể số lượng bản Bên giao thầu giữ]*, Bên nhận thầu sẽ giữ___bản

[Ghi cụ thể số lượng bản Bên nhận thầu giữ].

BÊN GIAO THẦU HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN GIAO THẦU	**BÊN NHẬN THẦU HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN NHẬN THẦU**

(Ghi tên, chức danh, ký tên, đóng dấu) (Ghi tên, chức danh, ký tên, đóng dấu)

MẪU SỐ 80

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày .... tháng .... năm .....

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

Số: ……/(Năm) /... (Ký hiệu hợp đồng)

Gói thầu (số, tên gói thầu)

thuộc Dự án/Công trình (tên, mã định danh Dự án/Công trình)

giữa

(Tên giao dịch của Bên giao thầu)

và

(Tên giao dịch của Bên nhận thầu)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

Điều 3. Sử dụng các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng và bản quyền

Điều 4. Trao đổi thông tin

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán

Điều 10. Nghiệm thu sản phẩm

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên nhận thầu

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên giao thầu

Điều 13. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng

Điều 14. Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Điều 15. Nhà thầu phụ (nếu có)

Điều 16. Nhân lực của Bên nhận thầu

Điều 17. Sửa đổi hợp đồng

Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng

Điều 19. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 20. Điều khoản chung

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

Điều 4. Trao đổi thông tin

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán

Điều 10. Nghiệm thu sản phẩm

Điều 13. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng

Điều 14. Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Điều 15. Nhà thầu phụ (nếu có)

Điều 16. Nhân lực của Bên nhận thầu

Điều 17. Sửa đổi hợp đồng

Điều 18. Tạm dừng hợp đồng

Điều 20. Điều khoản chung

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm … tại … *(Địa danh)*, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên giao thầu:

Tên giao dịch: …

Đại diện *(hoặc người được ủy quyền)* là: Ông/Bà: … Chức vụ:

Địa chỉ: …

Tài khoản: …

Mã số thuế: …

Đăng ký kinh doanh *(nếu có)*: …

Điện thoại: … Fax: … E-mail: …

Và bên kia là:

2. Bên nhận thầu:

Tên giao dịch: …

Đại diện *(hoặc người được ủy quyền)* là: Ông/Bà: … Chức vụ:

Địa chỉ: …

Tài khoản: …

Mã số thuế: …

Đăng ký kinh doanh *(nếu có)*: …

Điện thoại: … Fax: … E-mail: …

[Trường hợp Bên nhận thầu là liên danh thì ghi đầy đủ thông tin như trên của các thành viên trong liên danh và cử đại diện thành viên trong liên danh giao dịch theo phân công trong thỏa thuận liên danh.]

[Trường hợp các bên ủy quyền theo quy định pháp luật cho cá nhân, pháp nhân khác giao kết hợp đồng thì phải ghi rõ thông tin về giấy ủy quyền.]

[Trường hợp hợp đồng xây dựng được giao dịch bằng phương thức điện tử thì phải tuân thủ pháp luật về giao dịch điện tử.]

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng gói thầu (số, *tên gói thầu*) thuộc dự án/công trình *(tên dự án/công trình)* như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 210/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Quyết định số … ngày … tháng … năm … của … về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Bên nhận thầu gói thầu … [Ghi tên gói thầu] và thông báo trúng thầu số … ngày … tháng … năm … của Chủ đầu tư; ủy quyền theo quy định pháp luật cho cá nhân, pháp nhân khác giao kết hợp đồng;

Các quy định pháp luật, văn bản liên quan khác[1].

[Các bên tự quyết định lựa chọn áp dụng toàn bộ hoặc một phần các căn cứ pháp luật nêu trên và bổ sung các văn bản pháp lý khác có liên quan để thực hiện giao kết hợp đồng.]

---

[1] Như: Biên bản thương thảo hợp đồng; dự thảo hợp đồng (nếu có); ….

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau

1.1. Bên giao thầu là ... *(tên giao dịch của Bên giao thầu)*.

1.2. Bên nhận thầu là ... *(tên giao dịch của Bên nhận thầu)*.

1.3. Bên là Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

1.4. Công trình là ... *(tên công trình mà Bên nhận thầu thực hiện gói thầu xây dựng theo hợp đồng này)*.

1.5. Dự án là dự án ... *(tên dự án hoặc dự án có công trình mà Bên nhận thầu thực hiện gói thầu xây dựng theo hợp đồng này)*.

1.6. Đại diện Bên giao thầu là người đại diện hợp pháp theo quy định pháp luật hoặc cá nhân, pháp nhân khác được ủy quyền giao kết hợp đồng theo quy định pháp luật.

1.7. Đại diện Bên nhận thầu là người đại diện hợp pháp theo quy định pháp luật hoặc cá nhân, pháp nhân khác được ủy quyền giao kết hợp đồng theo quy định pháp luật.

1.8. Địa điểm dự án là địa điểm được nêu tại HSMT hoặc HSYC (nếu có) của Bên giao thầu;

1.9. Đơn dự thầu (nếu có) là đề xuất của Bên nhận thầu có ghi giá dự thầu để thực hiện công việc theo đúng các yêu cầu của HSMT hoặc HSYC.

1.10. Gói thầu là ... *(tên gói thầu mà Bên nhận thầu thực hiện công việc xây dựng theo hợp đồng này)*.

1.11. Giá hợp đồng là giá trị ghi trong hợp đồng giữa Bên giao thầu và Bên nhận thầu. Giá hợp đồng theo quy định tại Điều [Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán].

1.12. Hoàn thành là việc Bên nhận thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;

1.13. Hợp đồng là thỏa thuận giữa Bên giao thầu và Bên nhận thầu, thể hiện bằng văn bản, được giao kết giữa hai bên, bao gồm cả phụ lục và các tài liệu hợp đồng kèm theo;

1.14. HSDT hoặc HSĐX (nếu có) của Bên nhận thầu là toàn bộ tài liệu theo quy định tại Phụ lục số ... [HSDT hoặc HSĐX (nếu có) của Bên nhận thầu].

1.15. HSMT hoặc HSYC (nếu có) của Bên giao thầu là toàn bộ tài liệu theo quy định tại Phụ lục số ... [HSMT hoặc HSYC (nếu có) của Bên giao thầu].

1.16. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.17. Mã định danh Dự án/Công trình được khởi tạo, cập nhật, quản lý theo quy định tại Nghị định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

1.18. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.19. Ngày làm việc là các ngày theo dương lịch, trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.20. Nhà thầu phụ là nhà thầu theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP.

1.21. Tài liệu hợp đồng là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng theo quy định tại Điều [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

1.22. Thời điểm hợp đồng có hiệu lực là thời điểm được quy định tại [ĐKCT**]**;

1.23. Thời gian thực hiện các công việc của hợp đồng xây dựng là khoảng thời gian được tính từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực hoặc thời điểm bắt đầu thực hiện công việc theo thỏa thuận của các bên đến khi toàn bộ công việc của hợp đồng hoàn thành và được nghiệm thu theo thỏa thuận của hợp đồng (bao gồm cả thời gian được gia hạn theo quy định của hợp đồng); không bao gồm thời gian bảo hành, thời gian giám sát tác giả và thủ tục thanh lý hợp đồng (nếu có).

[Các bên tự quyết định làm rõ, thống nhất việc giải thích từ ngữ, đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.]

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau:

2.1.1. Thỏa thuận hợp đồng xây dựng (nếu có);

2.1.2. Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;

2.1.3. Đơn dự thầu;

2.1.4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng xây dựng hoặc điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng;

2.1.5. Điều kiện chung của hợp đồng xây dựng;

2.1.6. Hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu của bên giao thầu;

2.1.7. Hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất của Bên nhận thầu ;

2.1.8. Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng xây dựng;

2.1.9. Các phụ lục của hợp đồng xây dựng;

2.1.10. Các tài liệu khác có liên quan.

2.2. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu của Hồ sơ hợp đồng được quy định tại [ĐKCT].

Điều 3. Sử dụng các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng và bản quyền

3.1. Sử dụng các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng

3.1.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của Bên nhận thầu trong khuôn khổ hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Bên giao thầu trừ khi các bên có thỏa thuận khác trong hợp đồng. Bên nhận thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên giao thầu.

3.1.2. Bên giao thầu và Bên nhận thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Bên nhận thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Bên giao thầu cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Bên nhận thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.

3.1.3. Bên giao thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Bên nhận thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Bên nhận thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Bên giao thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.

3.1.4. Nghĩa vụ của Bên giao thầu và Bên nhận thầu thực hiện theo quy định tại Điều [Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên nhận thầu] và Điều [Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên giao thầu] không áp dụng đối với các thông tin sau đây:

(i) Thông tin mà Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;

(ii) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu;

(iii) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;

(iv) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.

3.2. Bản quyền

3.2.1. Tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Bên nhận thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho Bên giao thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và

thuộc quyền sở hữu duy nhất của Bên giao thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác trong hợp đồng

3.2.2. Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Bên nhận thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho Bên giao thầu kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Bên nhận thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên giao thầu.

Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Bên nhận thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, Bên nhận thầu phải được Bên giao thầu chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. Bên giao thầu có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.

3.2.3. Bên nhận thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà Bên nhận thầu cung cấp cho Bên giao thầu không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.

3.2.4. Bên nhận thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà Bên nhận thầu cung cấp cho Bên giao thầu.

Điều 4. Trao đổi thông tin

4.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện; fax hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp trao đổi thông tin bằng hình thức trao đổi dữ liệu điện tử thì thực hiện theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử.

4.2. Trường hợp một trong các bên có sự thay đổi thông tin giao dịch thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời hạn được quy định tại [ĐKCT] kể từ ngày phát sinh thay đổi. Đối với các thông tin làm thay đổi tư cách pháp lý hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng, các bên thực hiện ký kết phụ lục hợp đồng để cùng thực hiện. Trường hợp không thông báo kịp thời thì bên có thay đổi phải chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại phát sinh do việc không thông báo kịp thời.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

5.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

5.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là Tiếng Việt.

[Trường hợp hợp đồng xây dựng có sự tham gia của bên nước ngoài thì ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt và ngôn ngữ khác do các bên thỏa thuận. Thứ tự ưu tiên các ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng xây dựng do các bên thỏa thuận, trường hợp các bên không có thỏa thuận thì tiếng Việt được ưu tiên.]

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng

6.1. Nội dung và khối lượng công việc Bên nhận thầu thực hiện được thể hiện cụ thể trong [HSMT (hoặc *HSYC*) của Bên giao thầu] và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

6.1.1. Tiếp nhận nhiệm vụ, nghiên cứu các yêu cầu của Bên nhận thầu, các căn cứ pháp lý, quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các tài liệu liên quan phục vụ công tác thiết kế xây dựng.

6.1.2. Thu thập, kiểm tra và đánh giá các hồ sơ, tài liệu, số liệu hiện có để xác định các nội dung cần bổ sung; lập phương án kỹ thuật khảo sát (nếu có) và tiến hành khảo sát hiện trường nhằm điều tra, cập nhật các số liệu về điều kiện tự nhiên (địa hình, địa chất, thủy văn), hiện trạng sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội, môi trường và các điều kiện liên quan khác của khu vực dự án.

6.1.3. Lập thiết kế xây dựng theo các quy định hiện hành và tài liệu liên quan; phân tích so sánh các phương án thiết kế và lựa chọn phương án tối ưu.

6.1.4. Xác định dự toán xây dựng, nhu cầu vốn, cơ cấu nguồn vốn; tính toán, phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội và đánh giá tính khả thi của dự án (nếu có).

6.1.5. Đánh giá các yếu tố tác động đến môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn công trình, hạ tầng kỹ thuật và các yêu cầu chuyên ngành khác theo quy định.

6.1.6. Giải trình, bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ thiết kế xây dựng, phối hợp với Bên giao thầu trong quá trình trình thẩm định, phê duyệt; cung cấp các tài liệu, số liệu và nội dung giải trình theo yêu cầu của cơ quan có liên quan.

6.1.7. Bàn giao đầy đủ hồ sơ, tài liệu, bản vẽ, dữ liệu và các sản phẩm tư vấn theo quy định của hợp đồng; chịu trách nhiệm về chất lượng và tính pháp lý của hồ sơ do mình lập.

6.2. Sản phẩm của hợp đồng được quy định tại [ĐKCT].

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

7.1. Chất lượng, số lượng sản phẩm phải phù hợp với nội dung hợp đồng đã giao kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động xây dựng và quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng phải được Bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

7.2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng quy định tại [ĐKCT].

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

8.1. Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại [ĐKCT]

8.2. Tiến độ thực hiện hợp đồng và các mốc hoàn thành các công việc chủ yếu được quy định cụ thể tại Phụ lục số … [Tiến độ thực hiện hợp đồng].

8.3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp Bên nhận thầu hoặc Bên giao thầu gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ tiến độ thực hiện hợp đồng thì Bên gặp khó khăn phải thông báo cho Bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Bên nhận được thông báo kéo dài thời gian sẽ nghiên cứu, xem xét và quyết định. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo, điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng và giao kết văn bản sửa đổi Hợp đồng để làm căn cứ thực hiện.

8.4. Trường hợp chậm trễ do lỗi của Bên nhận thầu dẫn đến phải gia hạn thời gian thực hiện các công việc Hợp đồng, thì Bên nhận thầu không được làm tăng Giá hợp đồng.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán

9.1. Giá hợp đồng

9.1.1. Hình thức giá hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

[Các bên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP để lựa chọn hình thức giá hợp đồng cho phù hợp.]

9.1.2. Giá hợp đồng quy định tại [ĐKCT].

9.1.3. Nội dung giá hợp đồng:

a) Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí (chi phí nhân công; chi phí hoàn thiện sản phẩm sau rà soát, thẩm định; chi phí khảo sát (nếu có); chi phí đi lại; …; chi phí khác có liên quan) lãi và các khoản thuế, phí, lệ phí Bên nhận thầu phải nộp theo quy định

b) Giá hợp đồng không bao gồm: Chi phí cho các cuộc họp của Bên giao thầu; chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng; chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;…

9.2. Tạm ứng và thanh toán

9.2.1. Tạm ứng:

a) Mức tạm ứng, số lần tạm ứng quy định tại [ĐKCT]

b) Cách thức hoàn trả tiền tạm ứng quy định tại [ĐKCT]

c) Trong thời hạn quy định tại [ĐKCT] Bên giao thầu tạm ứng cho Bên nhận thầu với số tiền quy định tại [ĐKCT]

d) Bên nhận thầu phải nộp cho Bên giao thầu bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương ứng với giá trị, loại tiền tạm ứng và trong khoảng thời gian được quy định tại [ĐKCT] kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi tiền tạm ứng đã thu hồi hết và sẽ được giảm trừ tương ứng với giá trị tiền tạm ứng được thu hồi.

9.2.2. Thanh toán

a) Tiến độ thanh toán

(i) Số lần thanh toán quy định tại [ĐKCT].

(ii) Giá trị mà Bên giao thầu sẽ thanh toán cho Bên nhận thầu theo các lần thanh toán cụ thể quy định tại [ĐKCT].

(iii) Trong thời gian quy định tại [ĐKCT], kể từ ngày Bên giao thầu nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên nhận thầu , Bên giao thầu phải thanh toán cho Bên nhận thầu.

b) Hồ sơ thanh toán

Khi đến thời hạn của mỗi lần thanh toán hoặc tạm thanh toán, Bên nhận thầu sẽ nộp cho Bên giao thầu các bộ hồ sơ thanh toán với số lượng và thành phần quy định tại [ĐKCT]

c) Hình thức thanh toán quy định tại [ĐKCT]

d) Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 10. Nghiệm thu sản phẩm

10.1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm

10.1.1. Hồ sơ hợp đồng đã giao kết giữa các bên, các phụ lục hợp đồng và văn bản sửa đổi hợp đồng (nếu có).

10.1.2. Nhiệm vụ thiết kế đã được Bên giao thầu (hoặc cấp có thẩm quyền) phê duyệt.

10.1.3. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật áp dụng.

10.1.4. Hồ sơ, tài liệu, kết quả khảo sát xây dựng được phê duyệt.

10.1.5. Các văn bản pháp lý, quy hoạch chi tiết hoặc quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/500 hoặc 1/2000), văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

10.1.6. Văn bản yêu cầu chỉnh sửa, rà soát hồ sơ của Bên giao thầu (nếu có).

10.1.7. Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan chuyên môn liên quan (như: phòng cháy chữa cháy, an toàn, vệ sinh, môi trường, quốc phòng an ninh,... nếu có);

10.1.8. Thông báo kết quả thẩm tra, thẩm định thiết kế xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định hiện hành.

10.1.9. Các tài liệu khác có liên quan

10.2. Nghiệm thu sản phẩm

10.2.1. Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành theo các giai đoạn/đợt tương ứng với tiến độ và nội dung thực hiện nhiệm vụ tư vấn thiết kế xây dựng quy định chi tiết tại [ĐKCT]

10.2.2. Bên nhận thầu có trách nhiệm sửa đổi, hoàn thiện các nội dung chưa đạt yêu cầu hoặc các sai sót trong hồ sơ sản phẩm theo đúng văn bản yêu cầu của Bên giao thầu, ý kiến của hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng trong phạm vi nội dung hợp đồng đã giao kết mà không được tính thêm chi phí.

[Theo loại thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt thì sản phẩm nghiệm thu căn cứ theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết một số Điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng]

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên nhận thầu

11.1. Quyền của Bên nhận thầu

11.1.1. Yêu cầu bên giao thầu cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

11.1.2. Yêu cầu Bên giao thầu, nhà thầu thi công xây dựng thực hiện theo đúng thiết kế.

11.1.3. Được đề xuất với bên giao thầu về khối lượng công việc phát sinh hợp lý; thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của bên nhận thầu hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng phẩm tư vấn; thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng.

[Đối với công trình có tính chất kỹ thuật phức tạp, Bên nhận thầu được đề xuất với Bên giao thầu thực hiện các thí nghiệm, thử nghiệm mô phỏng để kiểm tra, tính toán khả năng làm việc của công trình nhằm hoàn thiện thiết kế xây dựng, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật và an toàn công trình.]

11.1.4. Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả); thuê thầu phụ thực hiện một phần công việc theo quy định tại Điều [Nhà thầu phụ (nếu có)].

11.1.5. Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của bên giao thầu; nhà thầu phụ do bên giao thầu chỉ định nếu trong hợp đồng không thỏa thuận hoặc không đáp ứng được các yêu cầu theo hợp đồng.

11.1.6. Từ chối những yêu cầu thay đổi thiết kế của Bên giao thầu trong trường hợp không phù hợp với quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng; nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng khi thi công không theo đúng thiết kế.

11.1.7. Được quyền yêu cầu bên giao thầu thanh toán đúng hạn, thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng và thỏa thuận trong hợp đồng.

11.1.8. Yêu cầu bên giao thầu nghiệm thu, nhận bàn giao sản phẩm của hợp đồng xây dựng.

11.1.9. Quyền khác theo quy định của hợp đồng xây dựng và pháp luật có liên quan.

11.2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên nhận thầu

11.2.1. Khảo sát, thu thập các thông tin, dữ liệu, tài liệu cần thiết để thực hiện công việc của hợp đồng.

11.2.2. Thực hiện công việc đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.

11.2.3. Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu, trình bày và bảo vệ sản phẩm tư vấn trong các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... đến khi sản phẩm được phê duyệt.

11.2.4. Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng theo hợp đồng xây dựng với Bên giao thầu; đồng thời phải thông báo kịp thời cho Bên giao thầu khi phát hiện thi công sai thiết kế được duyệt và kiến nghị biện pháp xử lý.

11.2.5. Chịu trách nhiệm về kết quả, chất lượng sản phẩm tư vấn theo hợp đồng đã ký và quy định của pháp luật.

11.2.6. Nộp cho Bên giao thầu các báo cáo, tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng; thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

11.2.7. Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo thỏa thuận trong hợp đồng.

11.2.8. Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Bên giao thầu cho tới ngày bàn giao công trình.

11.2.9. Giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng mà trong hợp đồng hoặc pháp luật có quy định;

11.2.10. Bảo quản và giao lại cho Bên giao thầu những tài liệu và phương tiện làm việc do Bên giao thầu cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

11.2.11. Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Bên giao thầu, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

11.2.12. Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng đã giao kết.

11.2.13. Bên nhận thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

11.2.14. Bên nhận thầu có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ hợp đồng.

11.2.15. Giám sát tác giả theo quy định.

11.2.16. Bên nhận thầu chịu trách nhiệm về chất lượng thiết kế xây dựng do mình thực hiện; việc thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng của cá nhân, tổ chức, chủ đầu tư, người quyết định đầu tư hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của Bên nhận thầu về chất lượng thiết kế xây dựng do mình thực hiện.

11.2.17. Nhà thầu có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và mô hình thông tin công trình (BIM) trong quá trình thực hiện Công việc theo yêu cầu của Hợp đồng.

11.2.18. Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của hợp đồng và pháp luật khác có liên quan.

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên giao thầu

12.1. Quyền của Bên giao thầu

12.1.1. Yêu cầu Bên nhận thầu bàn giao các hồ sơ, tài liệu liên quan đến sản phẩm của hợp đồng theo nội dung hợp đồng đã giao kết; được yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng và thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu về năng lực theo quy định.

12.1.2. Kiểm tra chất lượng, tiến độ thực hiện công việc thuộc phạm vi hợp đồng nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Bên nhận thầu.

12.1.3. Từ chối các đề xuất, kiến nghị không hợp lý hoặc không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng của bên nhận thầu trong thời hạn theo thỏa thuận hợp đồng và quy định của pháp luật; từ chối nghiệm thu, nhận bàn giao sản phẩm không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng.

12.1.4. Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm theo thỏa thuận hợp đồng.

12.1.5. Được chỉ định thầu phụ khi Bên nhận thầu chính không đáp ứng được yêu cầu theo hợp đồng đã giao kết; được quyền từ chối nhà thầu phụ do bên nhận thầu đề xuất.

12.1.6. Yêu cầu Bên nhận thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

12.1.7. Các quyền khác theo quy định của hợp đồng và pháp luật khác có liên quan.

12.2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên giao thầu

12.2.1. Cung cấp kịp thời hồ sơ và các tài liệu, phương tiện, máy và thiết bị có liên quan, vật tư theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có) và quy định của pháp luật có liên quan;

12.2.2. Tra cứu, kiểm tra thông tin năng lực hoạt động xây dựng của Bên nhận thầu.

12.2.3. Xem xét, chấp thuận danh sách các nhà thầu phụ đủ điều kiện năng lực chưa có trong hợp đồng theo đề nghị của Bên nhận thầu (nếu có).

12.2.4. Giải quyết kiến nghị của bên nhận thầu theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

12.2.5. Thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng; khoản tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng và thỏa thuận trong hợp đồng.

12.2.6. Giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng mà trong hợp đồng hoặc pháp luật có quy định.

12.2.7. Tổ chức nghiệm thu, nhận, bàn giao sản phẩm của hợp đồng.

12.2.8. Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Bên nhận thầu nếu Bên giao thầu cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

12.2.9. Xem xét, chấp thuận hoặc từ chối đề xuất của Bên nhận thầu về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng.

12.2.10. Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

12.2.11. Thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

12.2.12. Thông báo chấp thuận nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng bằng văn bản đến Bên nhận thầu nếu đạt yêu cầu.

12.2.13. Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của hợp đồng và pháp luật có liên quan.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng

13.1. Giải quyết tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng

13.1.1. Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng quy định tại [ĐKCT]

13.1.2. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, các bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của hợp đồng đối với các công việc không bị ảnh hưởng bởi nội dung tranh chấp; không được làm gián đoạn việc thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc các trường hợp được tạm dừng thực hiện hợp đồng tại Điều [Tạm dừng hợp đồng].

13.1.3. Việc áp dụng mô hình giải quyết tranh chấp theo thông lệ quốc tế (gọi tắt là mô hình ban xử lý tranh chấp) như sau:

a) Thời điểm thành lập ban xử lý tranh chấp quy định tại [ĐKCT]

b) Chi phí chi trả cho các thành viên tham gia ban xử lý tranh chấp và các chi phí khác có liên quan quy định tại [ĐKCT].

13.2. Khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng

13.2.1. Khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng được hiểu là khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện đúng nội dung hợp đồng đã giao kết. Khi đó, bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này.

13.2.2. Khi một bên khiếu nại, bên kia thì phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ những nội dung khiếu nại.

13.2.3. Các khiếu nại của mỗi bên phải được gửi đến đúng địa chỉ giao dịch hoặc địa chỉ trao đổi thông tin mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

13.2.4. Thời gian trả lời khiếu nại, văn bản trả lời khiếu nại, trường hợp không chấp thuận trả lời khiếu nại quy định tại [ĐKCT]

Điều 14. Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

14.1. Rủi ro là khả năng xảy ra các sự kiện hoặc tình huống trong quá trình thực hiện hợp đồng, có thể gây thiệt hại, phát sinh chi phí, kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

Đối với các rủi ro có thể lường trước tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên thỏa thuận cụ thể trách nhiệm về quản lý và xử lý, khắc phục rủi ro của mỗi bên. Các trường hợp rủi ro có thể lường trước quy định tại [ĐKCT].

14.2. Sự kiện bất khả kháng là các rủi ro không thể lường trước tại thời điểm giao kết hợp đồng, không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

14.2.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

14.2.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

14.2.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Bên nhận thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

14.2.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

14.2.5. Trong thời gian không thực hiện được dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của Bên giao thầu, Bên nhận thầu có nghĩa vụ:

a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Bên nhận thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được Bên giao thầu yêu cầu phục hồi lại dịch vụ thì Bên nhận thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc

b) Tiếp tục thực hiện dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Bên nhận thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều [Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng].

14.2.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có).

Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia. Đối với trường hợp chấm dứt này, Bên giao thầu sẽ phải thanh toán cho Bên nhận thầu các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

14.2.7. Các trường hợp bất khả kháng quy định tại [ĐKCT]

14.3. Hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong hoạt động xây dựng

14.3.1. Hoàn cảnh thay đổi cơ bản là sự thay đổi hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng lớn đến mức các bên biết trước thì đã không được giao kết và hoặc được giao kết với nội dung hoàn toàn khác; việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên; Bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích; có thể gồm các trường hợp: Nhà nước thay đổi chính sách, pháp luật; các điều kiện bất thường về địa chất không lường trước được và các trường hợp khác đáp ứng được các điều kiện nêu tại điểm này.

Các sự kiện được coi là hoàn cảnh thay đổi quy định tại [ĐKCT]

14.3.2. Thông báo về hoàn cảnh thay đổi cơ bản

a) Nếu một Bên rơi vào trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì phải thông báo cho Bên kia nêu rõ các công việc bị ảnh hưởng, mức độ bị ảnh hưởng, các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng và kiến nghị, đề xuất sửa đổi hợp đồng. Bên nhận được thông báo phải trả lời đồng ý hoặc không đồng ý hoặc ý kiến khác trong khoảng thời gian được quy định tại [ĐKCT].

b) Trường hợp Bên nhận được đề nghị sửa đổi Hợp đồng không đồng ý hoặc các Bên không đạt được thỏa thuận, thì Bên bị ảnh hưởng có thể đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của Pháp luật.

Điều 15. Nhà thầu phụ (nếu có)

15.1. Việc sử dụng nhà thầu phụ, nhà thầu phụ do Bên giao thầu chỉ định quy định tại [ĐKCT]

15.2. Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm trước Bên giao thầu về tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, sai sót của mình và các công việc do các nhà thầu phụ thực hiện.

15.3. Các tình huống Bên giao thầu được chỉ định nhà thầu phụ quy định tại [ĐKCT]

15.4. Bên giao thầu được thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất của Bên nhận thầu và các thỏa thuận trong hợp đồng quy định tại [ĐKCT]

Điều 16. Nhân lực của Bên nhận thầu

16.1. Nhân lực của Bên nhận thầu và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể tại Phụ lục số ... [Nhân lực của Bên nhận thầu].

16.2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục số ... [Nhân lực của Bên nhận thầu]. Trường hợp thay đổi nhân sự, Bên nhận thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Bên giao thầu , người thay thế phải đáp ứng các yêu cầu về điều kiện. Nếu Bên giao thầu không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng... ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên nhận thầu thì nhân sự đó coi như được Bên giao thầu chấp thuận.

16.3. Bên giao thầu có quyền yêu cầu Bên nhận thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Bên giao thầu hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên nhận thầu phải gửi văn bản thông báo cho Bên giao thầu trong vòng quy định tại [ĐKCT] kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên giao thầu về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên nhận thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

16.4. Bên nhận thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Bên giao thầu chấp thuận.

16.5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Bên giao thầu và Bên nhận thầu thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở Phụ lục số ... [Nhân lực của Bên nhận thầu].

16.6. Bên nhận thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Bên nhận thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 17. Sửa đổi hợp đồng

17.1. Nội dung, phạm vi và các trường hợp được sửa đổi hợp đồng; quy trình, thủ tục sửa đổi hợp đồng quy định tại [ĐKCT]

17.2. Điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng, chi tiết quy định tại [ĐKCT]

17.3. Điều chỉnh tiến độ, thời gian thực hiện hợp đồng

17.3.1. Các trường hợp được điều chỉnh thời gian, tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành các công việc, sản phẩm cụ thể của hợp đồng và trách nhiệm của mỗi bên đối với những thiệt hại do chậm thời gian, tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành các công việc, sản phẩm cụ thể của hợp đồng, chi tiết quy định tại [ĐKCT]

17.3.2. Trường hợp điều chỉnh thời gian hoặc tiến độ thực hiện hợp tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành các công việc, sản phẩm cụ thể của hợp đồng, chi tiết quy định tại [ĐKCT] đồng thời dẫn đến vượt thời gian thực hiện dự án thì Bên giao thầu phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định điều chỉnh thời gian thực hiện dự án trước khi điều chỉnh thời gian, tiến độ thực hiện hợp đồng.

17.4. Điều chỉnh giá hợp đồng trọn gói: chi tiết quy định tại [ĐKCT]

[Đối với các hình thức giá hợp đồng khác, việc sửa đổi hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 22, 23, 24, 25 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP]

[Các bên tham gia hợp đồng nghiên cứu các quy định có liên quan và các hướng dẫn cụ thể tại Mẫu hợp đồng này để điều chỉnh các nội dung trong hợp đồng cho phù hợp]

Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng

18.1. Tạm dừng hợp đồng

18.1.1. Việc tạm dừng thực hiện hợp đồng được áp dụng khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Một bên vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ hợp đồng đã cam kết;

b) Do sự kiện bất khả kháng theo quy định tại Điều [Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản];

c) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Thay đổi pháp luật ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng

đ) Một bên được tạm dừng thực hiện hợp đồng quy định tại [ĐKCT]

18.1.2. Bên tạm dừng hợp đồng phải thông báo trước cho bên kia bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, thời điểm và hậu quả pháp lý kèm theo. Thời gian thông báo phải được thỏa thuận trong hợp đồng, tối đa không quá 28 ngày, trừ trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng. Các bên có trách nhiệm cùng thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng đã giao kết. Bên không thực hiện nghĩa vụ thông báo mà gây thiệt hại cho bên còn lại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường theo thỏa thuận quy định tại [ĐKCT]

18.2. Chấm dứt hợp đồng

18.2.1. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên giao thầu

Bên giao thầu có thể chấm dứt hợp đồng sau quy định tại [ĐKCT] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Bên nhận thầu. Bên giao thầu sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Bên nhận thầu không tuân thủ về bảo đảm thực hiện hợp đồng tại Điều ... (nếu các bên có thỏa thuận bảo đảm thực hiện hợp đồng).

b) Bên nhận thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên nhận thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng quy định tại [ĐKCT] mà Bên giao thầu có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên giao thầu về sai sót đó.

c) Bên nhận thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng], hoặc quy định tại [ĐKCT] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

d) Bên nhận thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

đ) Bên nhận thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều [Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng].

g) Bên nhận thầu cố ý trình Bên giao thầu các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Bên giao thầu .

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều [Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Bên giao thầu có thể thuê các Bên nhận thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Bên giao thầu và các Bên nhận thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

18.2.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên nhận thầu

Bên nhận thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên giao thầu tối thiểu là quy định tại [ĐKCT] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Bên giao thầu trong khoảng thời gian quy định tại [ĐKCT].

b) Bên giao thầu không thanh toán cho Bên nhận thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều [Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng] sau khoảng thời gian quy định tại [ĐKCT] kể từ ngày Bên giao thầu nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Bên giao thầu không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều [Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên nhận thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian quy định tại [ĐKCT].

đ) Bên giao thầu bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

18.2.3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

18.2.4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Bên nhận thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

18.2.5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều [Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, các chi phí khác,...).

Điều 19. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

19.1. Quyết toán hợp đồng

19.1.1. Bên nhận thầu có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán hợp đồng theo loại hợp đồng các bên đã giao kết.

19.1.2. Hồ sơ quyết toán hợp đồng bao gồm:

a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng và công việc phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng;

b) Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng; giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã giao kết, giá trị đã thanh toán hoặc tạm thanh toán và giá trị còn lại mà bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán cho Bên nhận thầu;

c) Sản phẩm của hợp đồng theo quy định tại Điều [Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng];

d) Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng.

19.2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn ... ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều [Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng].

Điều 20. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm quy định tại [ĐKCT] .

(Trường hợp thời gian hiệu lực của hợp đồng khác do các bên thỏa thuận)

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Bên giao thầu sẽ giữ, số bản Bên nhận thầu sẽ giữ quy định tại [ĐKCT].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.2. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu của Hồ sơ hợp đồng là ___*[Ghi cụ thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu trong hồ sơ hợp đồng]*.

Điều 4. Trao đổi thông tin

4.2. Trong khoảng thời gian là ___ ngày [*Ghi cụ thể số ngày*]

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng

6.2. Sản phẩm của hợp đồng gồm___ *[Ghi cụ thể các sản phẩm mà Bên nhận thầu phải thực hiện và nộp cho Bên giao thầu]*, bao gồm nhưng không giới hạn:

6.2.1. Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung được quy định tại Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

6.2.2. Dự toán chi phí

6.2.3. Chỉ dẫn kỹ thuật

6.2.4. Quy trình bảo trì công trình xây dựng

[Các bên căn cứ loại thiết kế xây dựng để cụ thể sản phẩm của hợp đồng. Quy cách về hồ sơ thiết kế thực hiện theo các quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.]

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

7.2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là ___ *[Ghi cụ thể số lượng là bao nhiêu bộ]*.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

8.1. Thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày ___ *[Ghi cụ thể thời điểm có hiệu lực hoặc thời điểm bắt đầu thực hiện công việc]*

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán

9.1.2. Giá hợp đồng được xác định với số tiền: *[Ghi cụ thể tổng số tiền, số tiền bằng chữ]*.

9.2.1. Tạm ứng:

a) Mức tạm ứng, số lần tạm ứng *[Ghi cụ thể mức tạm ứng, số lần tạm ứng]*

b) Cách thức hoàn trả tiền tạm ứng *[Ghi cụ thể tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị thanh toán thực tế đạt ... % giá trị hợp đồng]*

c) Trong thời hạn [*Ghi cụ thể số ngày*] Bên giao thầu tạm ứng cho Bên nhận thầu với số tiền *[Ghi cụ thể số tiền tạm ứng]*.

[Mức tạm ứng tối thiểu đối với hợp đồng tư vấn: 15% giá hợp đồng đối với hợp đồng có giá trị trên 10 tỷ đồng; 20% giá hợp đồng đối với các hợp đồng có giá trị đến 10 tỷ đồng.]

[Mức tạm ứng hợp đồng không được vượt quá 30% giá trị hợp đồng tại thời điểm giao kết (bao gồm cả dự phòng nếu có). Đối với dự án mà người quyết định đầu tư là Thủ tướng Chính phủ, việc quyết định mức tạm ứng cao hơn mức 30% do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định]

d) Bên nhận thầu phải nộp cho Bên giao thầu bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương ứng với giá trị, loại tiền tạm ứng và trong khoảng thời gian *[Ghi cụ thể số ngày]* kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

9.2.2. Thanh toán

a) Tiến độ thanh toán

(i) Số lần thanh toán [*Ghi cụ thể số lần thanh toán*]. Lần thanh toán cuối cùng sau khi Bên nhận thầu hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong hợp đồng.

(ii) Giá trị mà Bên giao thầu sẽ thanh toán cho Bên nhận thầu theo các lần thanh toán [*Ghi cụ thể số tiền mà Bên giao thầu sẽ thanh toán cho Bên nhận thầu tương ứng với các lần thanh toán*].

(iii) Trong khoảng thời gian là ___ngày [*Ghi cụ thể số ngày*] kể từ ngày Bên giao thầu nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên nhận thầu, Bên giao thầu phải thanh toán cho Bên nhận thầu.

b) Hồ sơ thanh toán

Khi đến thời hạn của mỗi lần thanh toán hoặc tạm thanh toán, Bên nhận thầu sẽ nộp cho Bên giao thầu các bộ hồ sơ thanh toán với số lượng và thành phần *[Ghi cụ thể số lượng và thành phần hồ sơ thanh toán]*

c) Hình thức thanh toán *[Ghi cụ thể hình thức thanh toán bằng chuyển khoản hoặc bằng hình thức khác do các bên tự thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan]*

Điều 10. Nghiệm thu sản phẩm

10.2.1. Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành___lần *[Ghi rõ số lần tiến hành nghiệm thu sản phẩm và cụ thể công việc phải nghiệm thu của từng lần nghiệm thu sản phẩm tư vấn]*.

Lần 1: *[Ghi cụ thể công việc phải nghiệm thu của lần nghiệm thu này]*.

Lần 2: *[Ghi cụ thể công việc phải nghiệm thu của lần nghiệm thu này]*.

……

Lần cuối: Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu, sản phẩm thiết kế được phê duyệt.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng

13.1.1. Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng *[Ghi cụ thể phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 86 Luật Xây dựng do các bên thỏa thuận. Khi giải quyết tranh chấp, các bên phải tôn trọng các thỏa thuận hợp đồng và các cam kết trong quá trình thực hiện hợp đồng, bảo đảm khách quan, bình đẳng và hợp tác]*

13.1.3. Việc áp dụng mô hình giải quyết tranh chấp theo thông lệ quốc tế (gọi tắt là mô hình ban xử lý tranh chấp) như sau:

a) Thời điểm thành lập ban xử lý tranh chấp *[Ghi cụ thể thỏa thuận của các bên về thời điểm thành lập ban xử lý tranh chấp (có thể được hình thành ngay sau khi giao kết hợp đồng, hoạt động thường trực trong quá trình thực hiện hợp đồng hoặc sau khi phát sinh tranh chấp), số lượng, tiêu chuẩn, trình độ, kinh nghiệm của các thành viên tham gia ban xử lý tranh chấp, phù hợp với yêu cầu của hợp đồng, tính chất, nội dung công việc trong hợp đồng; tính ràng buộc của quyết định, khuyến nghị phân xử tranh chấp; quy trình lựa chọn các thành viên tham gia ban xử lý tranh chấp và trình tự, thủ tục xử lý tiếp theo khi một bên không đồng ý với quyết định, khuyến nghị phân xử tranh chấp]*

b) Chi phí chi trả cho các thành viên tham gia ban xử lý tranh chấp và các chi phí khác có liên quan *[Ghi cụ thể chi phí mỗi bên phải chi trả*].

13.2. Khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng

13.2.4. Thời gian trả lời khiếu nại, văn bản trả lời khiếu nại, trường hợp không chấp thuận trả lời khiếu nại ___ [*Ghi cụ thể thời gian trả lời khiếu nại, chấp thuận hoặc không chấp thuận nội dung khiếu nại, lý do*]

Điều 14. Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

14.1. Rủi ro là khả năng xảy ra các sự kiện hoặc tình huống trong quá trình thực hiện hợp đồng, có thể gây thiệt hại, phát sinh chi phí, kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

a) Đối với các rủi ro có thể lường trước tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên thỏa thuận cụ thể trách nhiệm về quản lý và xử lý, khắc phục rủi ro của mỗi bên. Các trường hợp rủi ro có thể lường trước *[Ghi cụ thể các trường hợp rủi ro có thể lường trước được do các bên thỏa thuận]*.

c) Các trường hợp bất khả kháng *[Ghi cụ thể các trường hợp bất khả kháng do các bên thỏa thuận]*.

14.3. Hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong hoạt động xây dựng

14.3.1. Các sự kiện được coi là hoàn cảnh thay đổi *[Ghi cụ thể các trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản do các bên thỏa thuận phù hợp với các tiêu chí của Bộ Luật Dân sự]*

14.3.2. Thông báo về hoàn cảnh thay đổi cơ bản

a) Nếu một Bên rơi vào trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì phải thông báo bằng văn bản trong thời gian sớm nhất có thể cho Bên kia nêu rõ các công việc bị ảnh hưởng, mức độ bị ảnh hưởng và đề xuất giải pháp khắc phục hoặc sửa đổi hợp đồng. Bên nhận được thông báo phải trả lời *[Ghi cụ thể đồng ý hoặc không đồng ý hoặc ý kiến khác trong thời hạn là___ngày]*.

Điều 15. Nhà thầu phụ (nếu có)

15.1. Việc sử dụng nhà thầu phụ, nhà thầu phụ do Bên giao thầu chỉ định: *[Ghi cụ thể việc sử dụng nhà thầu phụ, nhà thầu phụ do Bên giao thầu chỉ định trên cơ sở quy định tại Điều 19 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP]*

15.3. Các tình huống Bên giao thầu được chỉ định nhà thầu phụ: *[Ghi cụ thể các tình huống Bên giao thầu được chỉ định nhà thầu phụ]*

15.4. Bên giao thầu được thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất của Bên nhận thầu và các thỏa thuận trong hợp đồng: [*Ghi cụ thể được hay không được*]

Điều 16. Nhân lực của Bên nhận thầu

16.3. Bên nhận thầu phải gửi văn bản thông báo cho Bên giao thầu trong vòng là ___ *[Ghi cụ thể là bao nhiêu ngày]*

Điều 17. Sửa đổi hợp đồng

17.1. Nội dung, phạm vi và các trường hợp được sửa đổi hợp đồng; quy trình, thủ tục sửa đổi hợp đồng [*Ghi cụ thể nội dung, phạm vi và các trường hợp được sửa đổi hợp đồng; quy trình, thủ tục sửa đổi hợp đồng do các bên thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định tại Điều 84 Luật Xây dựng và Điều 22, 23, 24, 25 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP*]

17.2. Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng: [*Ghi cụ thể thỏa thuận của các bên về các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng trong hợp đồng trên cơ sở quy định tại Điều 84 Luật Xây dựng và Điều 23 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP]*

17.3. Điều chỉnh tiến độ, thời gian thực hiện hợp đồng

17.3.1. Các trường hợp được điều chỉnh thời gian, tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành các công việc, sản phẩm cụ thể của hợp đồng và trách nhiệm của mỗi bên đối với những thiệt hại do chậm thời gian, tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành các công việc, sản phẩm cụ thể của hợp đồng như sau: *[Ghi cụ thể thỏa thuận của các bên về các trường hợp được điều chỉnh thời gian, tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành các công việc, sản phẩm cụ thể của hợp đồng và trách nhiệm của mỗi bên đối với những thiệt hại do chậm thời gian, tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành các công việc, sản phẩm cụ thể của hợp đồng trên cơ sở quy định tại Điều 84 Luật Xây dựng, Điều 25 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP]*

17.3.2. Trường hợp điều chỉnh thời gian hoặc tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành các công việc, sản phẩm cụ thể của hợp đồng *[Ghi cụ thể thỏa*

thuận của các bên về các trường hợp điều chỉnh thời gian hoặc tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành các công việc, sản phẩm cụ thể của hợp đồng], đồng thời dẫn đến vượt thời gian thực hiện dự án thì Bên giao thầu phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định điều chỉnh thời gian thực hiện dự án trước khi điều chỉnh thời gian, tiến độ thực hiện hợp đồng.

17.4. Điều chỉnh giá hợp đồng trọn gói: Đối với khối lượng, công việc trong hợp đồng được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh (tăng hoặc giảm) hợp lý khối lượng, công việc do điều chỉnh phạm vi công việc của hợp đồng theo yêu cầu của bên giao thầu hoặc đề nghị của bên nhận thầu được bên giao thầu chấp thuận hoặc trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, trường hợp hoàn cảnh thực hiện hợp đồng thay đổi cơ bản theo quy định tại Điều [Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản]

Điều 18. Tạm dừng hợp đồng

18.1.1. Việc tạm dừng thực hiện hợp đồng được áp dụng khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

đ) Một bên được tạm dừng thực hiện hợp đồng *[Ghi cụ thể các trường hợp, phạm vi tạm dừng thực hiện hợp đồng (toàn bộ hoặc một phần công việc) mà Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu được tạm dừng thực hiện hợp đồng]*

18.2. Bên tạm dừng hợp đồng phải thông báo trước cho bên kia bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, thời điểm và hậu quả pháp lý kèm theo. Thời gian thông báo phải được thỏa thuận trong hợp đồng, tối đa không quá 28 ngày, trừ trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng. Các bên có trách nhiệm cùng thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng đã giao kết. Bên không thực hiện nghĩa vụ thông báo mà gây thiệt hại cho bên còn lại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường theo thỏa thuận

[Ghi cụ thể việc bồi thường thiệt hại theo một trong hai cách sau:

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường,... phù hợp với pháp luật dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan].

Điều 20. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm *[Ghi cụ thể ngày... tháng... năm... có hiệu lực của hợp đồng]*.

Hợp đồng này bao gồm ___ trang *[Ghi cụ thể số lượng trang của hợp đồng]*, và ___ Phụ lục *[Ghi cụ thể số lượng Phụ lục của hợp đồng]* được lập thành___bản *[Ghi cụ thể số lượng bản hợp đồng được phát hành]* bằng tiếng Việt *(hoặc ngôn ngữ khác hoặc song ngữ nếu có)* có giá trị pháp lý như nhau. Bên giao thầu sẽ giữ ___ bản *[Ghi cụ thể số lượng bản Bên giao thầu giữ]*, Bên nhận thầu sẽ giữ___bản *[Ghi cụ thể số lượng bản Bên nhận thầu giữ]*.

BÊN GIAO THẦU HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN GIAO THẦU (Ghi tên, chức danh, ký tên, đóng dấu)	**BÊN NHẬN THẦU HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN NHẬN THẦU** (Ghi tên, chức danh, ký tên, đóng dấu)

MẪU SỐ 81

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: ……/.....(Năm) /...(ký hiệu hợp đồng)

Gói thầu (số, tên gói thầu)

thuộc Dự án/Công trình (tên, mã định danh Dự án/Công trình)

giữa

(Tên giao dịch của Bên giao thầu)

và

(Tên giao dịch của Bên nhận thầu)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA BÊN GIAO THẦU, BÊN NHẬN THẦU

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

Điều 4. Thông báo

Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật áp dụng; nghiệm thu và bàn giao sản phẩm của hợp đồng xây dựng

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

Điều 10. Sửa đổi hợp đồng

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Bên giao thầu

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Bên nhận thầu

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của tư vấn quản lý dự án (nếu có)

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của tư vấn giám sát thi công xây dựng (nếu có)

Điều 15. Nhà thầu phụ

Điều 16. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Điều 17. Điện, nước và an ninh công trường

Điều 18. Tạm dừng hợp đồng

Điều 19. Chấm dứt hợp đồng

Điều 20. Bảo hiểm và bảo hành

Điều 21. Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Điều 22. Sự kiện bồi thường

Điều 23. Thưởng hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng

Điều 24. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

Điều 25. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 26. Hiệu lực của hợp đồng

Điều 27. Điều khoản chung

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

Điều 4. Thông báo

Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật áp dụng; nghiệm thu và bàn giao sản phẩm của hợp đồng xây dựng

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

Điều 10. Sửa đổi hợp đồng

Điều 15. Nhà thầu phụ

Điều 18. Tạm dừng hợp đồng

Điều 19. Chấm dứt hợp đồng

Điều 21. Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Điều 22. Sự kiện bồi thường

Điều 24. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

Điều 25. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 26. Hiệu lực của hợp đồng

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKCT	Điều kiện cụ thể
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
VNĐ	Đồng Việt Nam

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA BÊN GIAO THẦU VÀ BÊN NHẬN THẦU

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm … tại … *(Địa danh)*, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên giao thầu:

Tên giao dịch: …

Đại diện *(hoặc người được ủy quyền)* là: Ông/Bà: … Chức vụ:

Địa chỉ: …

Tài khoản: …

Mã số thuế: …

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp *(nếu có)*: …

Điện thoại: … Fax: … E-mail: …

Và bên kia là:

2. Bên nhận thầu:

Tên giao dịch: …

Đại diện *(hoặc người được ủy quyền)* là: Ông/Bà: … Chức vụ:

Địa chỉ: …

Tài khoản: …

Mã số thuế: …

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp *(nếu có)*: …

Điện thoại: … Fax: … E-mail: …

[Trường hợp Bên nhận thầu là liên danh thì ghi đầy đủ thông tin như trên của các thành viên trong liên danh và cử đại diện thành viên trong liên danh giao dịch theo phân công trong thỏa thuận liên danh.]

[Trường hợp các bên ủy quyền theo quy định pháp luật cho cá nhân, pháp nhân khác giao kết hợp đồng thì phải ghi rõ thông tin về giấy ủy quyền.]

[Trường hợp hợp đồng xây dựng được giao dịch bằng phương thức điện tử thì phải tuân thủ pháp luật về giao dịch điện tử.]

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thi công xây dựng gói thầu (*tên gói thầu*) thuộc dự án *(tên dự án)* như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 210/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số … ngày … tháng … năm … của … về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Bên nhận thầu gói thầu … [Ghi tên gói thầu] và thông báo trúng thầu số … ngày … tháng … năm … của bên mời thầu;

Các văn bản liên quan khác.

[Tùy thuộc từng hợp đồng cụ thể, các bên xem xét bổ sung, loại bỏ các căn cứ, tài liệu cho phù hợp (như các căn cứ liên quan đến pháp luật về đấu thầu, các tài liệu khác như kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có),...).]

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. *Bên* là Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu tùy theo ngữ cảnh (yêu cầu) diễn đạt.

1.2. *Bảng tiên lượng* là bảng kê chi tiết khối lượng và đơn giá, giá các công việc trong hợp đồng.

1.3. *Bản vẽ thiết kế* là tất cả các bản vẽ, bảng tính toán và thông tin kỹ thuật tương tự của công trình do Bên giao thầu cấp cho Bên nhận thầu hoặc do Bên nhận thầu lập đã được Bên giao thầu chấp thuận.

1.4. *Biên bản nghiệm thu* là biên bản được phát hành theo Điều [Yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật áp dụng; nghiệm thu và bàn giao sản phẩm của hợp đồng xây dựng].

1.5. *Chỉ dẫn kỹ thuật* là tập hợp các yêu cầu về kỹ thuật dựa trên các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình để hướng dẫn về việc sử dụng vật liệu, sản phẩm, thiết bị; thực hiện các bước thi công, giám sát và nghiệm thu công trình

1.6. *Bên giao thầu* là (*tên giao dịch của Bên giao thầu*) quy định tại [ĐKCT].

1.7. *Công trình* là công trình chính và công trình tạm hoặc là một trong hai loại công trình này quy định tại [ĐKCT].

1.8. *Công trình chính* là các công trình *(tên công trình)* mà Bên nhận thầu thi công theo hợp đồng.

1.9. *Công trình tạm* là các công trình phục vụ thi công xây dựng công trình.

1.10. *Công trường* là địa điểm Bên giao thầu giao cho Bên nhận thầu để thi công công trình cũng như bất kỳ địa điểm nào khác được quy định trong hợp đồng quy định tại [ĐKCT].

1.11. *Dự án* là *(tên dự án).*

1.12. *Đại diện Bên giao thầu* là người được Bên giao thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền theo từng thời gian và điều hành công việc thay mặt cho Bên giao thầu.

1.13. *Đại diện Bên nhận thầu* là người được Bên nhận thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Bên nhận thầu ủy quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Bên nhận thầu.

1.14. *Đại diện nhà thầu tư vấn* là người được nhà thầu tư vấn ủy quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do nhà thầu tư vấn giao.

1.15. *Hạng mục công trình* là một công trình chính hoặc một phần công trình chính.

1.16. *Hồ sơ dự thầu (hoặc Hồ sơ đề xuất)* của Bên nhận thầu là toàn bộ tài liệu do Bên nhận thầu lập theo yêu cầu của Hồ sơ mời thầu (hoặc Hồ sơ yêu cầu) và được nộp cho bên mời thầu theo quy định tại Phụ lục số ... [Hồ sơ dự thầu *(hoặc Hồ sơ đề xuất)* của Bên nhận thầu].

1.17. *Hồ sơ mời thầu (hoặc Hồ sơ yêu cầu)* của Bên giao thầu là toàn bộ tài liệu theo quy định tại Phụ lục số ... [Hồ sơ mời thầu *(hoặc Hồ sơ yêu cầu)* của Bên giao thầu].

1.18. *Hợp đồng* là toàn bộ tài liệu cấu thành nên Hồ sơ hợp đồng và các sửa đổi, bổ sung đã được các Bên thống nhất trong quá trình thực hiện hợp đồng.

1.19. *Pháp luật* là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.20. *Ngày* được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.21. *Ngày khởi công* là ngày được thông báo theo khoản 8.2 Điều 8 [Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng] quy định tại [ĐKCT].

1.22. *Ngày làm việc* là các ngày theo dương lịch, trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.23. *Bên nhận thầu* là *(tên giao dịch của Bên nhận thầu)* quy định tại [ĐKCT].

1.24. *Nhà thầu phụ* là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng thầu phụ với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc của nhà thầu chính.

1.25. *Nhà thầu tư vấn* là tổ chức, cá nhân do Bên giao thầu ký hợp đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc thuộc hoạt động tư vấn xây dựng.

1.26. *Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản* được định nghĩa tại Điều [Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản].

1.27. *Sửa đổi* là sự thay đổi, điều chỉnh về khối lượng, tiến độ, thời gian thực hiện, đơn giá, giá hợp đồng, các nội dung khác của hợp đồng có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên giao thầu.

1.28. *Thiết bị của Bên giao thầu* là máy móc, phương tiện do Bên giao thầu cấp cho Bên nhận thầu sử dụng để thi công công trình, như đã nêu trong Phụ lục số ... [Hồ sơ mời thầu *(hoặc Hồ sơ yêu cầu)* của Bên giao thầu].

1.29. *Thiết bị của Bên nhận thầu* là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các phương tiện, thiết bị khác yêu cầu phải có để Bên nhận thầu thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào (nếu có).

1.30. *Tư vấn thiết kế* là tư vấn thực hiện việc thiết kế xây dựng công trình.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ hợp đồng xây dựng gồm thỏa thuận hợp đồng này và các tài liệu kèm theo hợp đồng quy định tại [ĐKCT].

2.2. Tất cả các tài liệu nêu tại khoản 2.3 Điều này (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.

2.3. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng, bao gồm:

2.3.1. Thỏa thuận hợp đồng xây dựng (nếu có);

2.3.2. Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;

2.3.3. Đơn dự thầu;

2.3.4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng xây dựng hoặc điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;

2.3.5. Điều kiện chung của hợp đồng xây dựng;

2.3.6. Hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu của Bên giao thầu;

2.3.7. Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;

2.3.8. Hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất của Bên nhận thầu;

2.3.9. Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng xây dựng;

2.3.10. Các phụ lục của hợp đồng xây dựng;

2.3.11. Các tài liệu khác có liên quan.

2.4. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng do các bên thỏa thuận áp dụng, trường hợp các bên không thỏa thuận thì áp dụng theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 2.3 Điều này quy định tại [ĐKCT].

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

3.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định tại [ĐKCT].

3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt quy định tại [ĐKCT].

Điều 4. Thông báo

4.1. Tất cả các kiến nghị, đề xuất, yêu cầu và các ý kiến của các bên trong quá trình quản lý thực hiện hợp đồng xây dựng phải được thông báo cho bên kia bằng văn bản (văn bản giấy hoặc thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử). Nội dung văn bản kiến nghị, đề xuất, yêu cầu cần thể hiện căn cứ, cơ sở, hiệu quả (nếu có) của các kiến nghị, đề xuất, yêu cầu và thời hạn trả lời theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

4.2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về người đại diện để thực hiện quản lý thực hiện hợp đồng xây dựng thì các bên cử và thông báo cho bên kia về người đại diện, phạm vi, trách nhiệm và quyền hạn của người đại diện để quản lý thực hiện hợp đồng xây dựng.

4.3. Thông báo của một bên phải được người đại diện có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền giao kết sẽ được coi là có hiệu lực tại thời điểm (*ghi thời điểm do hai bên ấn định trên cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 388 Bộ Luật Dân sự*) quy định tại [ĐKCT].

Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

5.1.1. Bên nhận thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương ...% giá trị hợp đồng cho Bên giao thầu trong vòng ... ngày trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 210/2016/NĐ-CP quy định tại [ĐKCT]. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Bên giao thầu chấp thuận và phải tuân theo mẫu ở Phụ lục số ... [Bảo đảm thực hiện hợp đồng] (*hoặc theo mẫu khác được Bên giao thầu chấp thuận*).

5.1.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có giá trị và có hiệu lực tới khi Bên nhận thầu đã thi công, hoàn thành công trình, hoặc hạng mục công trình tương ứng với hợp đồng đã giao kết được Bên giao thầu nghiệm thu và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình.

5.1.3. Bên nhận thầu không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực; chậm tiến độ do lỗi của Bên nhận thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng và các trường hợp vi phạm khác đến mức phải thu hồi bảo đảm thực hiện hợp đồng *(ghi rõ trường hợp được các bên thỏa thuận)*. Bên giao thầu phải hoàn trả cho Bên nhận thầu bảo đảm thực hiện hợp đồng khi Bên nhận thầu đã hoàn thành các công việc theo hợp đồng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

5.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng *(trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)*

5.2.1. Trước khi Bên giao thầu tạm ứng hợp đồng cho Bên nhận thầu thì Bên nhận thầu phải nộp cho Bên giao thầu bảo lãnh tạm ứng hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 210/NĐ-CP quy định tại [ĐKCT].

5.2.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tiền tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Bên nhận thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.

5.2.3. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng bao gồm cả dự phòng (nếu có) sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán (theo thỏa thuận của các bên) và đảm bảo theo quy định tại điểm m khoản 4 Điều 12 Nghị định số 210/NĐ-CP.

5.3. Mức tạm ứng hợp đồng là mức tối đa theo thẩm quyền quy định tại pháp luật hợp đồng.

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc

6.1. Bên nhận thầu thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Bên giao thầu chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được mô tả trong Phụ lục số ... [Hồ sơ mời thầu *(hoặc Hồ sơ yêu cầu)* của Bên giao thầu]; Phụ lục số ... [Hồ sơ dự thầu *(hoặc Hồ sơ đề xuất)* của Bên nhận thầu] được Bên giao thầu chấp thuận và biên bản đàm phán hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

6.2. Nội dung và khối lượng công việc của hợp đồng thi công xây dựng được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP, có thể bao gồm toàn bộ hoặc một số công việc sau:

6.2.1. Bàn giao và tiếp nhận, quản lý mặt bằng xây dựng, tiếp nhận và bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình;

6.2.2. Cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công để thi công xây dựng công trình theo hợp đồng;

6.2.3. Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;

6.2.4. Thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế. Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra chạy thử đơn động và chạy thử liên động theo kế hoạch trước khi đề nghị nghiệm thu;

6.2.5. Kiểm soát chất lượng công việc xây dựng và lắp đặt thiết bị; giám sát thi công xây dựng công trình đối với công việc xây dựng do Nhà thầu phụ thực hiện trong trường hợp là Bên nhận thầu chính hoặc tổng thầu;

6.2.6. Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có);

6.2.7. Thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;

6.2.8. Thực hiện nghiệm thu công việc chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;

6.2.9. Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn, bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ;

6.2.10. Bảo vệ công trường, mặt bằng thi công trong phạm vi hợp đồng;

6.2.11. Thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực công trường;

6.2.12. Hợp tác với các Bên nhận thầu khác trên công trường (nếu có);

6.2.13. Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm au khi hoàn thành;

6.2.14. Các công việc khác trong quá trình thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận của hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

6.3. Phạm vi công việc thực hiện đối với hợp đồng thi công xây dựng: Là việc thi công xây dựng công trình trên cơ sở hồ sơ thiết kế do Bên giao thầu cung cấp hoặc phê duyệt; các chỉ dẫn kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng; cung cấp vật tư, vật liệu, thiết bị phục vụ thi công; lắp đặt thiết bị công trình, thiết bị công nghệ; phá dỡ công trình xây dựng; thí nghiệm, kiểm tra chất lượng và một số công việc có liên quan quy định tại [ĐKCT].

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật áp dụng; kiểm tra, giám sát của Bên giao thầu; nghiệm thu và bàn giao sản phẩm của hợp đồng

7.1. Yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật áp dụng

Yêu cầu về chất lượng sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP như sau:

7.1.1. Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Bên giao thầu chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu) phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình, xây dựng của nhà nước có liên quan; Bên nhận thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.

7.1.2. Bên nhận thầu phải cung cấp cho Bên giao thầu các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.

7.1.3. Bên nhận thầu đảm bảo vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng.

7.2. Kiểm tra, giám sát của Bên giao thầu

7.2.1. Bên giao thầu được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên (nếu có) của Nhà thầu phục vụ cho gói thầu để kiểm tra.

7.2.2. Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở khu vực, trên công trường được quy định trong hợp đồng, Bên giao thầu được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.

a) Bên nhận thầu phải tạo mọi điều kiện cho đại diện hợp pháp của Bên giao thầu để tiến hành các hoạt động nêu trên, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện đi lại ở khu vực trên công trường, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của Bên nhận thầu.

b) Đối với các công việc mà người của Bên giao thầu được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Bên nhận thầu phải thông báo cho Bên giao thầu biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lập, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Bên giao thầu phải tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không cần lý do, hoặc thông báo ngay cho Bên nhận thầu việc Bên giao thầu không kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định để Bên nhận thầu có thể tiếp tục các công việc tiếp theo. Việc Bên giao thầu không tham gia quá trình này không làm thay đổi hay miễn trừ trách nhiệm của Bên nhận thầu được pháp luật quy định và nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng.

7.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành và nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình

7.3.1. Việc nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành và nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP và quy định có liên quan tại Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

7.3.2. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi, bổ sung được Bên giao thầu chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao và các quy định khác có liên quan.

7.4. Chạy thử của công trình (nếu có)

7.4.1. Trước khi bắt đầu chạy thử khi hoàn thành, Bên nhận thầu phải trình Bên giao thầu các tài liệu hoàn công, các sổ tay vận hành và bảo trì phù

hợp với đặc tính kỹ thuật với đầy đủ chi tiết để vận hành, bảo trì, tháo dỡ, lắp đặt, điều chỉnh và sửa chữa.

7.4.2. Bên nhận thầu phải cung cấp các máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành chạy thử cụ thể một cách hiệu quả. Bên nhận thầu phải thống nhất với Bên giao thầu về thời gian, địa điểm tiến hành chạy thử của thiết bị, vật liệu và các hạng mục công trình.

7.4.3. Bên giao thầu phải thông báo trước .... ngày quy định tại [ĐKCT] cho Bên nhận thầu về ý định của mình là sẽ tham gia vào lần chạy thử. Nếu Bên giao thầu không tham gia vào lần chạy thử tại địa điểm và thời gian đã thỏa thuận, Bên nhận thầu có thể tiến hành chạy thử và việc chạy thử coi như đã được tiến hành với sự có mặt của Bên giao thầu, trừ khi có thỏa thuận khác giữa các bên.

7.4.4. Nếu Bên nhận thầu phải chịu sự chậm trễ hay chịu các chi phí do tuân thủ các hướng dẫn của Bên giao thầu, hay do sự chậm trễ thuộc trách nhiệm của Bên giao thầu, Bên nhận thầu phải thông báo cho Bên giao thầu biết và được:

a) Gia hạn thời gian do sự chậm trễ;

b) Thanh toán mọi chi phí cộng thêm vào giá hợp đồng.

7.4.5. Bên nhận thầu phải trình cho Bên giao thầu các báo cáo có xác nhận về các lần chạy thử và các bên ký biên bản chạy thử làm cơ sở thanh lý hợp đồng theo quy định.

7.5. Trách nhiệm của các Bên đối với các sai sót

7.5.1. Đối với các sản phẩm sai sót (chưa bảo đảm yêu cầu của hợp đồng) thì phải được kiểm tra, đánh giá, khắc phục; trường hợp không khắc phục được thì phải loại bỏ, thay thế; trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật. Bên nào gây ra sai sót thì bên đó phải chịu toàn bộ chi phí liên quan đến khắc phục, thay thế, thí nghiệm, kiểm định (nếu có) và các chi phí khác liên quan đến việc khắc phục sai sót, cũng như tiến độ thực hiện hợp đồng.

7.5.2. Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng làm ảnh hưởng đến sự vận hành của công trình, Bên giao thầu có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc kiểm định nào nêu trong hợp đồng, bao gồm cả các cuộc kiểm định khi hoàn thành và kiểm định sau khi hoàn thành. Yêu cầu này được thông báo trong khoảng thời gian … ngày quy định tại [ĐKCT] sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng. Các kiểm định này phải được tiến hành theo các điều kiện được áp dụng cho các kiểm định trước, bằng kinh phí của Bên nhận thầu.

7.5.3. Trường hợp sai sót do Bên nhận thầu gây ra

a) Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Bên giao thầu không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho mục đích đã định thì Bên giao thầu

sẽ chấm dứt hợp đồng; khi đó, Bên nhận thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên giao thầu theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.

b) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Bên giao thầu đồng ý, Bên nhận thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

c) Nếu Bên nhận thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Bên giao thầu hoặc đại diện của Bên giao thầu có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Bên nhận thầu biết về ngày này.

d) Nếu Bên nhận thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Bên giao thầu có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Bên nhận thầu phải chịu mọi chi phí (Bên nhận thầu không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của Bên giao thầu), Bên nhận thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng.

7.6. Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

Sau khi đã cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao, mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

8.1. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP.

8.2. Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng

8.2.1. Ngày khởi công công trình là ngày ... tháng ... năm ... quy định tại [ĐKCT].

8.2.2. Bên nhận thầu sẽ bắt đầu tiến hành thi công xây dựng công trình *(ngay sau ngày khởi công)* và sẽ thực hiện thi công xây dựng công trình đúng thời gian thực hiện hợp đồng mà không được chậm trễ.

8.2.3. Bên nhận thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của hợp đồng trong khoảng thời gian ... ngày kể từ ngày khởi công công trình quy định tại [ĐKCT].

8.3. Tiến độ thực hiện hợp đồng

Bên nhận thầu có trách nhiệm lập tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng trình Bên giao thầu chấp thuận để làm căn cứ thực hiện trong vòng ... ngày quy định tại [ĐKCT] sau ngày khởi công. Bên nhận thầu cũng phải trình tiến độ thi công đã được sửa đổi nếu tiến độ thi công trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của Bên nhận thầu. Trừ khi được quy định khác trong hợp đồng, mỗi bản tiến độ thi công sẽ bao gồm:

8.3.1. Trình tự thực hiện công việc của Bên nhận thầu và thời gian thi công cho mỗi giai đoạn chính của công trình.

8.3.2. Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định.

8.3.3. Báo cáo tiến độ Bên nhận thầu phải thể hiện:

a) Biện pháp tổ chức thi công trên công trường và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình.

b) Bên nhận thầu được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của hợp đồng.

c) Bên nhận thầu phải thực hiện theo tiến độ thi công và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Nếu bản tiến độ thi công này không phù hợp với hợp đồng thì Bên giao thầu sẽ thông báo cho Bên nhận thầu trong vòng ... ngày sau khi nhận được bản tiến độ thi công của Bên nhận thầu và các bên thống nhất về tiến độ thi công phù hợp với thực tế. Bên giao thầu sẽ được phép dựa vào bản tiến độ thi công phù hợp với thực tế này để yêu cầu Bên nhận thầu thực hiện theo tiến độ của hợp đồng.

d) Trường hợp Bên nhận thầu thông báo cho Bên giao thầu về các tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu hoặc làm chậm việc thi công công trình hay làm tăng giá hợp đồng. Trong trường hợp đó, Bên giao thầu hoặc nhà thầu tư vấn có thể yêu cầu Bên nhận thầu báo cáo về những ảnh hưởng của các tình huống trong tương lai và đề xuất theo khoản [Điều chỉnh tiến độ hợp đồng thi công xây dựng]. Bên nhận thầu phải nộp cho Bên giao thầu một bản tiến độ thi công sửa đổi phù hợp với khoản này.

8.4. Điều chỉnh tiến độ hợp đồng thi công xây dựng

8.4.1. Điều chỉnh tiến độ hợp đồng thi công xây dựng theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP quy định tại [ĐKCT].

8.4.2. Bên giao thầu và Bên nhận thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

a) Bên giao thầu không trao cho Bên nhận thầu quyền tiếp cận, sử dụng các phần hoặc toàn bộ công trường theo thời gian quy định;

b) Bên giao thầu chậm trễ không có lý do trong việc cấp biên bản nghiệm thu công trình;

c) Bên nhận thầu tuân thủ các hướng dẫn của Bên giao thầu khi các hướng dẫn của Bên giao thầu đúng quy định, mới phát sinh, không nằm trong thỏa thuận đã có trước đó.

8.4.3. Bên nhận thầu được phép theo Điều [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp] gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:

a) Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Bên giao thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;

b) Do ảnh hưởng của các trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản;

c) Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Bên giao thầu, nhân lực của Bên giao thầu hay các Bên nhận thầu khác của Bên giao thầu gây ra như: việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Bên nhận thầu gây ra;

d) Do Bên giao thầu không thanh toán hoặc chậm thanh toán vốn theo quy định của hợp đồng.

8.5. Đẩy nhanh tiến độ

Trường hợp Bên giao thầu cần Bên nhận thầu hoàn thành trước ngày hoàn thành dự kiến, Bên giao thầu phải yêu cầu Bên nhận thầu đề xuất các chi phí phát sinh nhằm đẩy nhanh tiến độ. Nếu Bên giao thầu chấp nhận các chi phí mà Bên nhận thầu đề xuất thì ngày hoàn thành dự kiến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp và được Bên giao thầu, Bên nhận thầu xác nhận.

Nếu các chi phí phát sinh do Bên nhận thầu đề xuất để đẩy nhanh tiến độ được Bên giao thầu chấp thuận thì giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh và các chi phí phát sinh sẽ được xem là một thay đổi của hợp đồng.

8.6. Khắc phục tiến độ chậm trễ

Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng của công việc đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong khoản 8.4 Điều này, khi đó Bên giao thầu yêu cầu Bên nhận thầu trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện tiến độ hoàn thành, trong thời gian yêu cầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

9.1. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

[Phân loại hợp đồng theo hình thức giá hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP.]

[Việc lựa chọn hình thức giá hợp đồng căn cứ vào điều kiện cụ thể của gói thầu, trên cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP.]

9.2. Tổng giá trị hợp đồng quy định tại [ĐKCT].

9.2.1. Chi tiết giá hợp đồng được nêu trong Phụ lục số .... [Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán].

9.2.2. Giá hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo hợp đồng, bản quyền, lợi nhuận của Bên nhận thầu và tất cả các loại thuế, phí liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

9.2.3. Giá hợp đồng chỉ được điều chỉnh theo quy định tại Điều [Điều chỉnh khối lượng công việc, đơn giá, giá hợp đồng xây dựng và một số nội dung khác trong hợp đồng].

[Giá hợp đồng theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP. Đối với hợp đồng tổng thầu thi công giá hợp đồng đã bao gồm chi phí tổng thầu thi công xây dựng.]

9.3. Tạm ứng

9.3.1. Tiền tạm ứng quy định tại [ĐKCT] được thu hồi dần qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký (trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho tạm ứng ở mức cao hơn).

9.3.2. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Bên nhận thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán. Khoản tiền tạm ứng hay hoàn trả tiền tạm ứng sẽ không được tính đến khi định giá các công việc đã thực hiện, các thay đổi hợp đồng, các sự kiện bồi thường, thưởng hợp đồng hoặc bồi thường thiệt hại.

Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt hợp đồng theo Điều [Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Bên giao thầu], Điều [Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Bên nhận thầu] hoặc Điều [Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản] (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên giao thầu trong thời gian .... ngày.

9.3.3. Bên nhận thầu phải sử dụng tiền tạm ứng theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP. Tiền tạm ứng chỉ được sử dụng cho việc trả lương cho người lao động, mua hoặc huy động thiết bị, nhà xưởng, vật tư và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng.

[Đối với hợp đồng xây dựng có yêu cầu về sản xuất các cấu kiện, bán thành phẩm có giá trị lớn hoặc phải dự trữ vật liệu để đảm bảo kế hoạch, tiến độ thi công theo hợp đồng đã giao kết thì các bên thỏa thuận về kế hoạch tạm ứng và mức tạm ứng (không tính vào tạm ứng hợp đồng) để bảo đảm tiến độ thực hiện hợp đồng.]

[Trường hợp cần tạm ứng với mức cao hơn cho Bên nhận thầu đặt cọc hoặc thanh toán trước cho nhà sản xuất, nhà cung ứng vật tư, thiết bị theo thiết kế công nghệ để đảm bảo yêu cầu của dự án và các trường hợp cần thiết khác thì phải được người quyết định đầu tư cho phép. Đối với dự án mà người quyết định đầu tư là Thủ tướng Chính phủ, việc quyết định mức tạm ứng cao hơn mức 30% do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.]

[Trường hợp là nhà thầu liên danh thì cần quy định rõ trong hợp đồng xây dựng (hoặc thỏa thuận liên danh) việc tạm ứng cho nhà thầu đứng đầu liên danh hay trực tiếp cho các nhà thầu trong liên danh.]

9.4. Thanh toán

9.4.1. Tiến độ và thời hạn thanh toán

a) Số lần thanh toán quy định tại [ĐKCT].

b) Giá trị mà Bên giao thầu sẽ thanh toán cho Bên nhận thầu theo các lần thanh toán cụ thể quy định tại [ĐKCT].

c) Trong thời gian quy định tại [ĐKCT], kể từ ngày Bên giao thầu nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên nhận thầu, Bên giao thầu phải thanh toán cho Bên nhận thầu.

d) Bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn theo các thỏa thuận trong hợp đồng cho Bên nhận thầu. Trường hợp Bên giao thầu chậm thanh toán thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[Lãi suất chậm thanh toán do các bên thỏa thuận trong hợp đồng; trường hợp không có thỏa thuận thì xác định theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi Bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán.]

9.4.2. Hồ sơ thanh toán

a) Khi đến thời hạn của mỗi lần thanh toán hoặc tạm thanh toán, Bên nhận thầu sẽ nộp cho Bên giao thầu các bộ hồ sơ thanh toán với số lượng và thành phần quy định tại [ĐKCT]

b) Việc thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm, nếu có) được nghiệm thu của từng lần thanh toán và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá đã sửa đổi theo Điều [Điều chỉnh khối lượng công việc, đơn giá, giá hợp đồng xây dựng và một số nội dung khác trong hợp đồng] theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng.

9.4.3. Đồng tiền và hình thức thanh toán

a) Đồng tiền thanh toán: giá hợp đồng sẽ được thanh toán bằng VNĐ và .... *(Ngoại tệ nếu có và ghi rõ thời điểm và ngân hàng, loại ngoại tệ và tỷ giá thanh toán tương ứng).*

b) Hình thức thanh toán: thanh toán bằng hình thức chuyển khoản *(trường hợp khác do các bên thỏa thuận và phù hợp với quy định pháp luật).*

9.4.4. Thanh toán tiền bị giữ lại

Bên giao thầu sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền bị giữ lại cho Bên nhận thầu quy định tại [ĐKCT] khi các bên đã đủ căn cứ để xác định giá trị của các lần thanh toán và khi Bên nhận thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định tại Điều [Bảo hiểm và bảo hành].

Điều 10. Sửa đổi hợp đồng

10.1. Việc điều chỉnh khối lượng, công việc hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP; việc điều chỉnh đơn giá, giá hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP quy định tại [ĐKCT].

10.2. Điều chỉnh đơn giá và giá hợp đồng

10.2.1. Việc điều chỉnh đơn giá và giá hợp đồng được thực hiện bằng phương pháp bù trừ trực tiếp, phương pháp điều chỉnh bằng hệ số điều chỉnh giá (Pn) quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 210/2026/NĐ-CP quy định tại [ĐKCT].

10.2.2. Giá hợp đồng được điều chỉnh trong một số trường hợp quy định tại Điều 22 [Sự kiện bồi thường].

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Bên giao thầu

11.1. Quyền của Bên giao thầu

11.1.1. Cử người đại diện để quản lý thực hiện hợp đồng, bao gồm cả tư vấn quản lý hợp đồng (nếu có).

11.1.2. Xem xét chấp nhận đề xuất thay đổi người đại diện để quản lý thực hiện hợp đồng, nhân sự chủ chốt của Bên nhận thầu.

11.1.3. Xem xét chấp thuận đề xuất của Bên nhận thầu về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; thay đổi, điều chỉnh biện pháp thi công.

11.1.4. Đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng xây dựng với Bên nhận thầu theo quy định của pháp luật và của hợp đồng xây dựng

11.1.5. Yêu cầu Bên nhận thầu bàn giao các hồ sơ, tài liệu liên quan đến sản phẩm của hợp đồng theo nội dung hợp đồng đã giao kết.

11.1.6. Xem xét, chấp thuận danh sách các nhà thầu phụ đủ điều kiện năng lực chưa có trong hợp đồng xây dựng theo đề nghị của Bên nhận thầu.

11.1.7. Kiểm tra chất lượng, tiến độ thực hiện công việc thuộc phạm vi hợp đồng, cơ sở gia công chế tạo thiết bị, cấu kiện bán thành phẩm (nếu có) của Bên nhận thầu nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Bên nhận thầu.

11.1.8. Kiểm tra, giám sát hệ thống quản lý chất lượng, công tác an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ của Bên nhận thầu trên công trường.

11.1.9. Yêu cầu bên nhận thầu tạm dừng thi công và khắc phục hậu quả khi phát hiện Bên nhận thầu vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

11.1.10. Từ chối nghiệm thu, nhận bàn giao sản phẩm không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng.

11.1.11. Yêu cầu Bên nhận thầu bồi thường thiệt hại, chịu phạt vi phạm hợp đồng và thực hiện các nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng.

11.1.12. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

11.2. Nghĩa vụ của Bên giao thầu

11.2.1. Thông báo cho Bên nhận thầu biết bằng văn bản khi thay đổi người đại diện để quản lý thực hiện hợp đồng.

11.2.2. Giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng mà trong hợp đồng xây dựng hoặc pháp luật có quy định.

11.2.3. Xin giấy phép xây dựng (nếu pháp luật quy định);

11.2.4. Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho Bên nhận thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của hợp đồng;

11.2.5. Đảm bảo các điều kiện để khởi công công trình xây dựng theo quy định, quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả (nếu có) và tổ chức nghiệm thu, nhận bàn giao sản phẩm của hợp đồng xây dựng.

11.2.6. Cung cấp kịp thời hồ sơ và các tài liệu, phương tiện, máy và thiết bị có liên quan, vật tư theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có) và quy định của pháp luật có liên quan; giải quyết kiến nghị của Bên nhận thầu theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

11.2.7. Bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho Bên nhận thầu theo tiến độ thanh toán trong hợp đồng;

11.2.8. Thanh toán cho Bên nhận thầu khoản tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP và thỏa thuận trong hợp đồng.

11.2.9. Phối hợp với Bên nhận thầu trong quá trình đào tạo, chuyển giao công nghệ, hướng dẫn lắp đặt, sử dụng, vận hành.

11.2.10. Thuê tư vấn giúp Bên giao thầu giám sát theo quy định tại Điều 13 hoặc Điều 14 của hợp đồng này [Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn];

11.2.11. Xem xét và chấp thuận kịp thời trong thời gian ... ngày bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Bên nhận thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình. Nếu Bên giao thầu chậm phản hồi gây ảnh hưởng đến việc thực hiện công việc của Bên nhận thầu, Bên nhận thầu có quyền yêu cầu gia hạn tiến độ tương ứng và yêu cầu đền bù thiệt hại phát sinh (nếu có).

11.2.12. Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng đã giao kết.

11.2.13. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

[Trường hợp Bên giao thầu thực hiện thiết kế công nghệ cho Bên nhận thầu thì bổ sung quy định rõ việc Bên giao thầu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về chất lượng và quyền sở hữu trí tuệ của thiết kế này.]

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Bên nhận thầu

12.1. Quyền của Bên nhận thầu

12.1.1. Cử người đại diện để quản lý thực hiện hợp đồng, bao gồm cả tư vấn quản lý hợp đồng (nếu có).

12.1.2. Đề xuất với Bên giao thầu về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; thay đổi, điều chỉnh biện pháp thi công sau khi được Bên giao thầu chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã giao kết.

12.1.3. Từ chối thực hiện hợp đồng khi Bên giao thầu chưa đáp ứng đủ các điều kiện theo nội dung hợp đồng đã giao kết và quy định pháp luật có liên quan.

12.1.4. Yêu cầu Bên giao thầu nghiệm thu, nhận bàn giao sản phẩm của hợp đồng xây dựng.

12.1.5. Yêu cầu Bên giao thầu thanh toán khoản tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP.

12.1.6. Yêu cầu Bên giao thầu bàn giao mặt bằng thi công công trình để thực hiện hợp đồng. Bên nhận thầu được thanh toán chi phí phát sinh do sự chậm trễ bàn giao mặt bằng thi công công trình của Bên giao thầu.

12.1.7. Yêu cầu Bên nhận thầu bồi thường thiệt hại, chịu phạt vi phạm hợp đồng và thực hiện các nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng.

12.1.8. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

12.2. Nghĩa vụ của Bên nhận thầu

12.2.1. Thông báo cho Bên giao thầu biết bằng văn bản khi thay đổi người đại diện để quản lý thực hiện hợp đồng.

12.2.2. Huy động các nhân sự chủ chốt và sử dụng các thiết bị đã kê khai trong HSDT (HSĐX) hoặc đã bổ sung để thực hiện công trình.

12.2.3. Không tiếp tục sử dụng nhân sự đã được Bên giao thầu chỉ ra hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, ép buộc hoặc gây trở ngại trong quá trình thực hiện công trình, các hành vi vi phạm pháp luật khác.

12.2.4. Lập tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng trình Bên giao thầu chấp thuận để làm căn cứ thực hiện nếu các bên có thỏa thuận.

12.2.5. Thi công xây dựng công trình đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;

12.2.6. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và mô hình thông tin công trình (BIM) trong quá trình thực hiện Công việc theo yêu cầu của Hợp đồng

12.2.7. Lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của hợp đồng.

12.2.8. Đảm bảo an toàn giao thông, bảo vệ môi trường theo quy định trong quá trình thi công xây dựng.

12.2.9. Giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.

12.2.10. Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Bên giao thầu trong khoảng thời gian ... ngày, nếu trong khoảng thời gian này mà Bên nhận thầu không trả lời thì được coi như Bên nhận thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Bên giao thầu.

12.2.11. Thực hiện bảo hành công trình theo quy định pháp luật và thỏa thuận trong hợp đồng.

12.2.12. Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng đã giao kết.

12.2.13. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

[Trường hợp Bên nhận thầu là tổng thầu thi công xây dựng, trong hợp đồng cần quy định rõ quyền và nghĩa vụ của tổng thầu thi công xây dựng như khoản 12.3 dưới đây trong hợp đồng xây dựng.]

12.3. Quyền và nghĩa vụ của tổng thầu thi công xây dựng

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại khoản 12.1, 12.2 điều này, tổng thầu thi công xây dựng còn có các quyền và nghĩa vụ sau:

12.3.1. Kiểm soát toàn bộ các phương tiện và biện pháp thi công trong phạm vi công trường của toàn bộ dự án.

12.3.2. Lựa chọn nhà thầu thông qua đấu thầu hoặc chỉ định thầu phù hợp với hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng đã ký và quy định pháp luật về đầu tư xây dựng công trình, hợp đồng xây dựng.

12.3.3. Bổ sung hoặc thay thế các nhà thầu phụ (nếu cần) để đảm bảo chất lượng, giá cả và tiến độ thực hiện các công việc của hợp đồng sau khi được Bên giao thầu chấp thuận.

12.3.4. Tổ chức điều hành công trường, điều phối các nhà thầu phụ về việc sử dụng hợp lý các công trình phụ trợ, các công trình phục vụ thi công để tránh lãng phí; sử dụng, bảo vệ mặt bằng và giữ gìn an ninh trật tự công trường.

12.3.5. Lập và thỏa thuận với Bên giao thầu về kế hoạch tiến độ thực hiện các giai đoạn thi công và hạng mục công trình chủ yếu, kế hoạch thanh toán của hợp đồng.

12.3.6. Tổ chức việc mua sắm, chế tạo và cung ứng vật tư, thiết bị theo yêu cầu và tiến độ thực hiện hợp đồng tổng thầu; thỏa thuận và thống nhất với Bên giao thầu về nội dung hồ sơ mời thầu mua sắm các thiết bị công nghệ chủ yếu và chi phí mua sắm thiết bị của hợp đồng trên cơ sở kết quả đấu thầu về thiết bị (nếu có thỏa thuận trong hợp đồng).

12.3.7. Tổ chức hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo chất lượng các công việc thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và theo các thỏa thuận hợp đồng.

12.3.8. Tổ chức, điều phối và quản lý các hoạt động trên công trường; thực hiện biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và an ninh trên công trường.

12.3.9. Chủ động phối hợp với Bên giao thầu trong việc tổ chức đào tạo cán bộ quản lý và công nhân vận hành sử dụng công trình; thực hiện việc chuyển giao công nghệ, bàn giao các bản vẽ, tài liệu kỹ thuật có liên quan đến vận hành, sử dụng và bảo trì công trình cho Bên giao thầu.

12.3.10. Thực hiện các công việc thử nghiệm, hiệu chỉnh, vận hành chạy thử đồng bộ công trình và bàn giao công trình hoàn thành cho Bên giao thầu theo thỏa thuận hợp đồng và theo quy định của nhà nước.

12.3.11. Thực hiện bảo hành công trình theo quy định của nhà nước.

12.3.12. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bên giao thầu về chất lượng, tiến độ thực hiện công việc theo hợp đồng đã ký kết, kể cả phần việc do

nhà thầu phụ thực hiện và phải bồi thường vật chất cho những thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

12.4. Nhân lực của Bên nhận thầu

Nhân lực của Bên nhận thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ. Bên giao thầu có thể yêu cầu Bên nhận thầu sa thải *(hay tác động để sa thải)* bất cứ nhân lực nào ở công trường hay công trình, kể cả đại diện của Bên nhận thầu nếu những người đó: có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cẩn; không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng; gây phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường.

Khi đó, Bên nhận thầu sẽ chỉ định *(hoặc buộc phải chỉ định)* một người khác thích hợp để thay thế. Bên nhận thầu phải luôn đảm bảo trật tự, an toàn cho người và tài sản trên công trường.

12.5. Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Bên nhận thầu

Bên nhận thầu phải trình cho Bên giao thầu những chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Bên nhận thầu trên công trường.

12.6. Hợp tác

Bên nhận thầu phải có trách nhiệm thực hiện việc hợp tác trong công việc đối với: nhân lực của Bên giao thầu; các Bên nhận thầu khác do Bên giao thầu thuê.

Các dịch vụ cho nhân lực và Bên nhận thầu khác nêu trên có thể bao gồm việc sử dụng thiết bị của Bên nhận thầu, các công trình tạm hoặc việc bố trí đường vào công trường là trách nhiệm của Bên nhận thầu. Trường hợp các dịch vụ này làm phát sinh chi phí ngoài giá hợp đồng thì các bên xem xét thỏa thuận bổ sung chi phí này.

Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường, phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các Bên nhận thầu khác ở phạm vi *(nếu có)* được nêu rõ trong hồ sơ mời thầu *(hoặc hồ sơ yêu cầu)* của Bên giao thầu.

12.7. Định vị các mốc

Bên nhận thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong hợp đồng. Bên nhận thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

Bên giao thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo để tham chiếu đó *(các điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn),* nhưng Bên nhận thầu phải cố gắng để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.

Trường hợp, Bên nhận thầu bị chậm trễ và phải chịu chi phí mà không phải do lỗi của mình gây ra, thì Bên nhận thầu sẽ thông báo cho Bên giao thầu và có quyền thực hiện theo Điều 24 [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

12.8. Điều kiện về công trường

Bên nhận thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu, bao gồm:

12.8.1. Địa hình của công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất công trình khi mà trong HSMT (HSYC) hoặc tài liệu làm rõ đã có báo cáo khảo sát địa chất công trình;

12.8.2. Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu;

12.8.3. Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót.

12.8.4. Các quy định của pháp luật về lao động;

12.8.5. Các yêu cầu của Bên nhận thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.

Bên nhận thầu được coi là đã thỏa mãn về tính đúng, đủ của điều kiện công trường để xác định giá hợp đồng.

Nếu Bên nhận thầu gặp phải các điều kiện địa chất bất lợi mà Bên nhận thầu cho là không lường trước được, thì Bên nhận thầu phải thông báo cho Bên giao thầu biết một cách sớm nhất có thể. Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện địa chất sao cho Bên giao thầu có thể kiểm tra được và phải nêu lý do tại sao Bên nhận thầu coi các điều kiện địa chất đó là không lường trước được. Bên nhận thầu phải tiếp tục thi công xây dựng công trình, sử dụng các biện pháp thỏa đáng và hợp lý và thích ứng với điều kiện địa chất đó và phải tuân theo bất kỳ chỉ dẫn nào mà Bên giao thầu có thể đưa ra. Nếu một chỉ dẫn tạo ra sự thay đổi, thì các bên xem xét tiêu chí để thống nhất áp dụng theo Điều [Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản].

12.9. Đường đi và phương tiện

Bên nhận thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Bên nhận thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Bên nhận thầu cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng kinh phí của mình.

Bên nhận thầu phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường, cầu do việc sử dụng, đi lại của Bên nhận thầu hoặc người của Bên nhận thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

Trừ khi được quy định khác trong các điều kiện và điều khoản này:

12.9.1. Bên nhận thầu không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Bên giao thầu hoặc những người khác;

12.9.2. Bên nhận thầu *(trong quan hệ giữa các bên)* sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Bên nhận thầu làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó;

12.9.3. Bên nhận thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;

12.9.4. Bên giao thầu không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;

12.9.5. Bên giao thầu không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào;

12.9.6. Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Bên nhận thầu sẽ do Bên nhận thầu chịu.

12.10. Vận chuyển vật tư thiết bị (trừ khi có quy định khác)

12.10.1. Bên nhận thầu phải thông báo cho Bên giao thầu không muộn hơn ... ngày, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị);

12.10.2. Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Bên giao thầu đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Bên nhận thầu.

12.11. Thiết bị Bên nhận thầu

Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Bên nhận thầu phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Bên nhận thầu không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Bên giao thầu. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Bên giao thầu đối với các xe cộ vận chuyển vật tư, thiết bị hoặc nhân lực của Bên nhận thầu ra khỏi công trường.

12.12. Thiết bị và vật liệu do Bên giao thầu cấp *(nếu có)*

12.12.1. Bên giao thầu phải chịu trách nhiệm đối với thiết bị, vật liệu của mình cấp cho Bên nhận thầu.

12.12.2. Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm đối với từng thiết bị, vật liệu của Bên giao thầu trong khi người của Bên nhận thầu vận hành, lái, điều khiển, sử dụng, quản lý hoặc kiểm soát nó.

Số lượng thích hợp và số tiền phải trả (với giá đã nêu) để sử dụng thiết bị của Bên giao thầu đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Bên nhận thầu phải thanh toán số tiền này cho Bên giao thầu.

Bên giao thầu phải cung cấp, miễn phí "các vật liệu do mình cung cấp" (nếu có) theo các chi tiết nêu trong các yêu cầu của Bên giao thầu. Bên giao thầu phải chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp những vật tư này tại thời điểm và địa điểm được quy định trong hợp đồng. Bên nhận thầu phải kiểm tra những vật liệu này và phải thông báo kịp thời cho Bên giao thầu về sự thiếu hụt, sai sót hoặc không có của những vật liệu này. Trừ khi hai bên có thỏa thuận

khác, Bên giao thầu phải xác định ngay sự thiếu hụt, sai sót như đã được thông báo.

Sau khi được kiểm tra, vật liệu do Bên giao thầu cấp sẽ phải được Bên nhận thầu bảo quản và giám sát cẩn thận. Trách nhiệm kiểm tra, bảo quản của Bên nhận thầu không làm giảm trách nhiệm của Bên giao thầu đối với sự thiếu hụt, sai sót, lỗi không thấy rõ khi kiểm tra.

12.13. Hoạt động của Bên nhận thầu trên công trường

Bên nhận thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Bên nhận thầu có và được Bên giao thầu đồng ý là nơi làm việc. Bên nhận thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Bên nhận thầu và nhân lực của Bên nhận thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận.

Trong thời gian thi công công trình, Bên nhận thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Bên nhận thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Bên nhận thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Bên nhận thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác và công trình tạm. Bên nhận thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Bên nhận thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Bên nhận thầu hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

Nếu tất cả những vật tư, thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong vòng ... ngày sau khi Bên giao thầu cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Bên giao thầu có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị, số tiền thu được từ việc bán vật tư, thiết bị sẽ trả cho Bên nhận thầu sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Bên giao thầu.

12.14. Các vấn đề khác có liên quan

Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Bên giao thầu. Bên nhận thầu phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.

Khi phát hiện ra những đồ vật này, Bên nhận thầu phải thông báo ngay cho Bên giao thầu để hướng dẫn giải quyết. Nếu Bên nhận thầu gặp phải sự chậm trễ và phải chịu chi phí để thực hiện hướng dẫn thi Bên nhận thầu phải thông báo cho Bên giao thầu và có quyền theo Điều [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn (áp dụng đối với trường hợp Bên giao thầu ký hợp đồng thuê tư vấn quản lý dự án)

13.1. Quyền của nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các nhiệm vụ do Bên giao thầu quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này.

Nhà thầu tư vấn không có quyền sửa đổi hợp đồng. Nhà thầu tư vấn có thể thực hiện quyền hạn được gắn với chức danh nhà thầu tư vấn như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong hợp đồng. Nếu Nhà thầu tư vấn được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Bên giao thầu trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Bên giao thầu cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của Nhà thầu tư vấn, trừ những gì đã thỏa thuận với Bên nhận thầu.

Tuy nhiên, mỗi khi Nhà thầu tư vấn thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể mà cần có sự chấp thuận của Bên giao thầu *(vì mục đích của hợp đồng)* thì được xem như Bên giao thầu đã chấp thuận.

Trừ khi được nêu khác đi trong điều kiện này thì:

13.1.1. Mỗi khi thực thi nhiệm vụ hoặc thực hiện một quyền hạn đã được xác định cụ thể hoặc bao hàm trong hợp đồng, Nhà thầu tư vấn được xem là làm việc cho Bên giao thầu;

13.1.2. Nhà thầu tư vấn không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng hay cho một bên nào;

13.1.3. Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của Nhà thầu tư vấn (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Bên nhận thầu khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.

13.2. Ủy quyền của Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể phân công nhiệm vụ và ủy quyền cho một số cá nhân nhất định sau khi được sự chấp thuận của Bên giao thầu. Những cá nhân này có thể là một Nhà thầu tư vấn thường trú hoặc giám sát viên độc lập được chỉ định để giám sát hoặc chạy thử các hạng mục thiết bị, vật liệu. Sự phân công, ủy quyền hoặc hủy bỏ sự phân công, ủy quyền của nhà thầu tư vấn phải thể hiện bằng văn bản và chỉ có hiệu lực khi nào Bên giao thầu nhận được văn bản đó. Tuy nhiên, trừ khi có thỏa thuận khác của hai bên trong hợp đồng hoặc của Bên giao thầu, Nhà thầu tư vấn sẽ không ủy quyền để quyết định bất kỳ vấn đề gì.

Các cá nhân này phải là những người có đủ trình độ, năng lực để thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền.

Mỗi cá nhân được phân công nhiệm vụ hoặc được ủy quyền, chỉ được quyền đưa ra chỉ dẫn cho Bên nhận thầu trong phạm vi được xác định trong sự ủy quyền. Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào

của một cá nhân phù hợp với sự ủy quyền sẽ có cùng hiệu lực như là việc thực hiện công việc của chính Nhà thầu tư vấn. Tuy nhiên:

13.2.1. Bất kỳ một sự không thành công trong công việc, không chấp thuận một công việc, thiết bị hoặc vật liệu nào đó, sẽ không có nghĩa là sự phê duyệt và do vậy, sẽ không phương hại đến quyền của Nhà thầu tư vấn trong việc bác bỏ công việc, thiết bị hoặc vật liệu đó;

13.2.2. Nếu Bên nhận thầu có điều gì hoài nghi đối với một quyết định hoặc chỉ dẫn nào đó của các cá nhân này thì Bên nhận thầu có thể nêu vấn đề đó với Nhà thầu tư vấn là người sẽ nhanh chóng khẳng định, đảo ngược hoặc thay đổi quyết định hoặc chỉ dẫn đó.

13.3. Chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể đưa ra cho Bên nhận thầu bất kỳ lúc nào các chỉ dẫn và bản vẽ bổ sung hoặc sửa đổi cần thiết cho việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa mọi sai sót, tất cả phải phù hợp với hợp đồng. Bên nhận thầu sẽ chỉ nhận các chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền.

Bên giao thầu phải tuân theo các chỉ dẫn do nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền đưa ra, về bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến hợp đồng. Khi có thể, các chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn và người được ủy quyền phải được đưa ra ở dạng văn bản. Trong trường hợp, Nhà thầu tư vấn hoặc một người được ủy quyền:

13.3.1. Đưa ra chỉ dẫn bằng lời nói;

13.3.2. Nhận được sự đề nghị hoặc yêu cầu bằng văn bản về chỉ dẫn nhưng không trả lời bằng cách đưa ra ý kiến bằng văn bản trong vòng.... ngày làm việc, sau khi nhận được đề nghị hoặc yêu cầu đó; Thì sự đề nghị hoặc yêu cầu đó chính là chỉ dẫn bằng văn bản của Nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền *(trường hợp cụ thể do các bên quy định trong hợp đồng)*.

13.4. Thay thế Nhà thầu tư vấn

Nếu Bên giao thầu có ý định thay thế Nhà thầu tư vấn thì không ít hơn ... ngày trước khi dự định thay thế, Bên giao thầu phải thông báo cho Bên nhận thầu thông tin chi tiết tương ứng của Nhà thầu tư vấn được dự kiến thay thế. Bên giao thầu không được thay thế Nhà thầu tư vấn bằng một người mà Bên nhận thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Bên giao thầu các chi tiết, lý lẽ để giải thích.

13.5. Quyết định của Nhà thầu tư vấn *(trường hợp Bên giao thầu không thuê Nhà thầu tư vấn thì khoản này áp dụng cho chính Bên giao thầu)*

Những điều kiện này quy định rằng, Nhà thầu tư vấn *(thay mặt cho Bên giao thầu)* sẽ tiến hành công việc theo khoản này để đồng ý hay quyết định một vấn đề, nhà thầu tư vấn phải trao đổi ý kiến với từng bên để cố gắng đạt được sự thống nhất chung. Trường hợp không đạt được sự thống nhất, nhà thầu tư vấn sẽ đưa ra một quyết định khách quan phù hợp với hợp đồng, có xem xét thích đáng đến những sự việc có liên quan.

Nhà thầu tư vấn cần thông báo cho hai bên về từng thỏa thuận hay quyết định với lý lẽ bảo vệ của mình. Mỗi bên phải cố gắng tôn trọng hiệu lực của mỗi thỏa thuận hoặc quyết định, trừ khi và cho tới khi được xem xét theo Điều [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn (áp dụng đối với trường hợp Bên giao thầu ký hợp đồng thuê tư vấn giám sát thi công xây dựng)

14.1. Quyền của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng (NTVGSTCXD)

Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng là người sẽ thực hiện các nhiệm vụ do Bên giao thầu giao cho NTVGSTCXD trong hợp đồng và các quy định cụ thể theo quy định của pháp luật. NTVGSTCXD có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này.

NTVGSTCXD không có quyền sửa đổi hợp đồng. NTVGSTCXD có thể thực hiện quyền hạn được gắn với chức danh NTVGSTCXD như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong hợp đồng. Nếu NTVGSTCXD được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Bên giao thầu trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Bên giao thầu cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của NTVGSTCXD, trừ những gì đã thỏa thuận với Bên nhận thầu.

Trừ khi được nêu khác đi trong điều kiện này thì:

14.1.1. NTVGSTCXD không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng hay cho một bên nào;

14.1.2. Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, thông báo, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của NTVGSTCXD (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Bên giao thầu khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.

14.2. Trách nhiệm của NTVGSTCXD

Giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình *(nếu không thuê tư vấn giám sát thì công việc này thuộc trách nhiệm của Bên giao thầu).*

Nội dung giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

14.3. Thay thế NTVGSTCXD

Nếu Bên giao thầu có ý định thay thế NTVGSTCXD thì không ít hơn ... ngày trước khi dự định thay thế, Bên giao thầu phải thông báo cho Bên nhận thầu thông tin chi tiết tương ứng của NTVGSTCXD được dự kiến thay thế. Bên giao thầu không được thay thế NTVGSTCXD bằng một người mà Bên nhận thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Bên giao thầu các chi tiết, lý lẽ để giải thích.

Điều 15. Nhà thầu phụ

15.1. Khi ký hợp đồng thầu phụ quy định tại [ĐKCT], Bên nhận thầu phải thực hiện theo các quy định sau:

15.1.1. Đối với các Nhà thầu phụ không có trong danh sách thầu phụ kèm theo hợp đồng thì phải được Bên giao thầu chấp thuận quy định tại [ĐKCT];

15.1.2. Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm trước Bên giao thầu về khối lượng, tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và sai sót của mình và các công việc/nghĩa vụ khác đối với phần việc do các Nhà thầu phụ thực hiện;

15.1.3. Bên nhận thầu không được giao cho Nhà thầu phụ thực hiện vượt quá....% giá trị hợp đồng.

15.2. Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định *(nếu có)*

15.2.1. Nhà thầu phụ do chủ đầu tư chỉ định là nhà thầu phụ được chủ đầu tư chỉ định cho nhà thầu chính thuê làm nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi thầu chính không đáp ứng được yêu cầu theo hợp đồng đã giao kết về an toàn, chất lượng và tiến độ thực hiện hợp đồng sau khi chủ đầu tư đã yêu cầu.

15.2.1. Nhà thầu chính có quyền từ chối nhà thầu phụ do chủ đầu tư chỉ định nếu việc chỉ định nhà thầu phụ của chủ đầu tư không thuộc các trường hợp đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng; công việc nhà thầu chính, thầu phụ đang thực hiện vẫn tuân thủ đúng các thỏa thuận trong hợp đồng hoặc có đầy đủ cơ sở cho rằng nhà thầu phụ do chủ đầu tư chỉ định không đáp ứng được các yêu cầu theo hợp đồng.

15.3. Chủ đầu tư được thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất của nhà thầu chính và các thỏa thuận trong hợp đồng.

15.4. Hợp tác với Bên nhận thầu khác.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên nhận thầu phải hợp tác với các Bên nhận thầu khác và các đơn vị liên quan cùng làm việc trên công trường trong khoảng thời gian làm việc của các Bên nhận thầu, đơn vị liên quan đó theo kế hoạch. Trường hợp thay đổi kế hoạch làm việc của các Bên nhận thầu khác, Bên giao thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên nhận thầu về những thay đổi đó.

Trường hợp có quy định trong thông số kỹ thuật hoặc theo yêu cầu của Bên giao thầu, Bên nhận thầu phải hợp tác và tạo điều kiện phù hợp cho nhân sự của Bên giao thầu và các nhân sự khác tiến hành đánh giá tác động môi trường và xã hội. Bên giao thầu phải thông báo trước cho Bên nhận thầu về việc này.

Điều 16. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

16.1. An toàn lao động

16.1.1. Bên nhận thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận.

16.1.2. Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

16.1.3. Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

16.1.4. Bên nhận thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

16.1.5. Bên nhận thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.

Khi có sự cố về an toàn lao động, Bên nhận thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Bên nhận thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

16.2. Bảo vệ môi trường

16.2.1. Bên nhận thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

16.2.2. Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

16.2.3. Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp Bên nhận thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Bên giao thầu, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu Bên nhận thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

16.2.4. Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

16.3. Phòng chống cháy nổ

Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ.

Điều 17. Điện, nước và an ninh công trường

17.1. Điện, nước trên công trường

Trừ trường hợp quy định ở dưới đây, Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Bên nhận thầu cần.

Bên nhận thầu có quyền sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường cho mục đích thi công công trình mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Bên giao thầu; Bên nhận thầu có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. Bên nhận thầu phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ. Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Bên nhận thầu phải thanh toán theo quy định của hợp đồng.

17.2. An ninh công trường

Trừ khi có quy định khác trong những điều kiện riêng:

17.2.1. Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;

17.2.2. Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Bên nhận thầu và của Bên giao thầu và những người khác do Bên giao thầu (hoặc người thay mặt) thông báo cho Bên nhận thầu biết.

Điều 18. Tạm dừng hợp đồng

18.1. Việc tạm dừng thực hiện hợp đồng được áp dụng khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

18.1.1. Một bên vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ hợp đồng đã cam kết;

18.1.2. Do sự kiện bất khả kháng theo quy định tại Điều [Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản];

18.1.3. Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

18.1.4 Thay đổi pháp luật ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng

18.1.5. Một bên được tạm dừng thực hiện hợp đồng quy định tại [ĐKCT]

18.2. Bên tạm dừng hợp đồng phải thông báo trước cho bên kia bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, thời điểm và hậu quả pháp lý kèm theo. Thời gian thông báo phải được thỏa thuận trong hợp đồng, tối đa không quá … ngày, trừ trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng. Các bên có trách nhiệm cùng thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng đã giao kết. Bên không thực hiện nghĩa vụ thông báo mà gây thiệt hại cho bên còn lại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường theo thỏa thuận quy định tại [ĐKCT].

19. Chấm dứt hợp đồng

19.1. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên giao thầu

19.1.1. Bên giao thầu có thể chấm dứt hợp đồng sau quy định tại [ĐKCT] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Bên nhận thầu. Bên giao thầu sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Bên nhận thầu không tuân thủ về bảo đảm thực hiện hợp đồng tại Điều ... (nếu các bên có thỏa thuận bảo đảm thực hiện hợp đồng).

b) Bên nhận thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên nhận thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng quy định tại [ĐKCT] mà Bên giao thầu có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên giao thầu về sai sót đó.

c) Bên nhận thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng], hoặc quy định tại [ĐKCT] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

d) Bên nhận thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

đ) Bên nhận thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều [Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng].

g) Bên nhận thầu cố ý trình Bên giao thầu các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Bên giao thầu .

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều [Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản].

19.1.2. Nếu có ở một trong những trường hợp tại khoản 19.1.1 điều này, Bên giao thầu có thể bằng cách thông báo cho Bên nhận thầu trước ... ngày, chấm dứt hợp đồng và trục xuất Bên nhận thầu ra khỏi công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của điểm (đ) Bên giao thầu có thể thông báo chấm dứt hợp đồng ngay lập tức.

19.1.3. Bên giao thầu sẽ thông báo cho Bên nhận thầu giải phóng các thiết bị, công trình tạm của Bên nhận thầu ở tại hoặc gần công trường. Ngay khi nhận được thông báo, trong thời gian .... ngày, Bên nhận thầu phải tiến hành tháo dỡ, di chuyển các thiết bị, công trình tạm này.

19.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên nhận thầu

19.2.1. Bên nhận thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên giao thầu tối thiểu là quy định tại [ĐKCT] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Bên giao thầu trong khoảng thời gian quy định tại [ĐKCT].

b) Bên giao thầu không thanh toán cho Bên nhận thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều [Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng] sau khoảng thời gian quy định tại [ĐKCT] kể từ ngày Bên giao thầu nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Bên giao thầu không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều [Giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên nhận thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian quy định tại [ĐKCT].

đ) Bên giao thầu bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

19.2.2. Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp tại khoản 19.2.1 điều này, Bên nhận thầu có thể bằng thông báo trước ... ngày cho Bên giao thầu để chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của điểm d Bên nhận thầu có thể thông báo chấm dứt hợp đồng ngay lập tức.

19.3. Sự lựa chọn của một Bên trong việc quyết định chấm dứt hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Bên còn lại theo hợp đồng.

19.4. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các Bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

19.5. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng:

19.5.1. Bên giao thầu có thể lựa chọn đơn vị khác tiếp tục thực hiện công việc.

19.5.2. Bên nhận thầu sẽ ngay lập tức:

a) Dừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Bên giao thầu hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình;

b) Chuyển giao cho Bên giao thầu toàn bộ tài liệu của Bên nhận thầu, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Bên nhận thầu đã được thanh toán;

c) Di dời tất cả vật tư, vật liệu khỏi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi công trường.

19.6. Xác định giá vào ngày chấm dứt hợp đồng

Ngay khi thông báo chấm dứt theo khoản [Chấm dứt hợp đồng bởi Bên giao thầu] có hiệu lực, Bên giao thầu sẽ xem xét đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, vật tư, vật liệu và tài liệu của Bên nhận thầu và các khoản tiền phải thanh toán cho Bên nhận thầu cho các công việc được thực hiện theo đúng hợp đồng.

19.7. Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng

19.7.1. Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo khoản [Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên giao thầu] có hiệu lực, Bên giao thầu có thể:

a) Không thanh toán thêm cho Bên nhận thầu cho đến khi chi phí thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn

thành (nếu có) và các chi phí khác mà Bên giao thầu chấp thuận đã được xác định;

b) Thu lại từ Bên nhận thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Bên giao thầu phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành công trình, sau khi tính đến bất kỳ một khoản nợ nào đối với Bên nhận thầu. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Bên giao thầu sẽ thanh toán phần tiền cân đối còn lại cho Bên nhận thầu.

19.7.2. Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo khoản [Chấm dứt hợp đồng bởi Bên nhận thầu] đã có hiệu lực, Bên giao thầu sẽ ngay lập tức:

a) Trả lại bảo lãnh thực hiện cho Bên nhận thầu;

b) Thanh toán cho Bên nhận thầu.

Điều 20. Bảo hiểm và bảo hành

20.1. Bảo hiểm và bảo hành theo hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP và các quy định tại khoản 20.2, 20.3 điều này.

20.2. Bảo hiểm

20.2.1. Bên giao thầu phải mua bảo hiểm công trình xây dựng theo quy định. Khi có tổn thất, thiệt hại xảy ra đối với công trình, mà tổn thất, thiệt hại đó thuộc phạm vi công việc của Bên nhận thầu, Bên nhận thầu phải thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để được bồi thường. Bên giao thầu sẽ không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp Bên nhận thầu không thực hiện những thủ tục trên. Trường hợp Bên nhận thầu được bồi thường thì Bên nhận thầu phải chịu mức khấu trừ theo quy định của hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm xây dựng công trình ký giữa Bên giao thầu và đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm;

20.2.2. Bên nhận thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Bên nhận thầu, bảo hiểm đối với bên thứ 3.

20.3. Bảo hành

Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Bên nhận thầu phải:

20.3.1. Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian …….. tháng *(tối thiểu là 24 tháng)* đối với các công trình cấp đặc biệt, cấp 1, ...tháng *(tối thiểu 12 tháng)* đối với các công trình cấp 2, cấp 3 và cấp 4, cụ thể do các bên thỏa thuận.

20.3.2. Trường hợp, Bên giao thầu trả tiền giữ lại trong các giai đoạn thanh toán cho bảo hành thì Bên nhận thầu phải nộp cho Bên giao thầu bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình trong vòng 21 ngày trước ngày nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng. Bảo lãnh bảo hành phải có giá trị cho đến hết thời gian bảo hành và phải do một thể nhân hoặc pháp nhân cấp và phải theo mẫu quy định như trong Phụ lục số... [các biểu mẫu] hoặc mẫu khác thì phải được Bên giao thầu chấp thuận.

20.3.3. Trong thời gian bảo hành công trình Bên nhận thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Bên nhận thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Bên nhận thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Bên giao thầu về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Bên nhận thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Bên giao thầu có quyền thuê một Bên nhận thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Bên nhận thầu chịu và được khấu trừ vào tiền bảo hành của Bên nhận thầu và thông báo cho Bên nhận thầu giá trị trên, Bên nhận thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.

[Các bên thỏa thuận trong hợp đồng về điều kiện, thời gian bảo hành sản phẩm của hợp đồng; mức bảo đảm bảo hành; hình thức bảo đảm bảo hành và việc hoàn trả bảo đảm bảo hành sau khi kết thúc thời hạn bảo hành. Bên nhận thầu có trách nhiệm bảo hành theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng và quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.]

Điều 21. Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP và quy định dưới đây.

21.1. Định nghĩa

21.1.1. Rủi ro là khả năng xảy ra các sự kiện hoặc tình huống trong quá trình thực hiện Hợp đồng, có thể gây thiệt hại, phát sinh chi phí, kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện nghĩa vụ của các Bên.

Đối với các rủi ro có thể lường trước tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên thỏa thuận cụ thể trách nhiệm về quản lý và xử lý, khắc phục rủi ro của mỗi bên. Các trường hợp rủi ro có thể lường trước quy định tại [ĐKCT].

21.1.2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước khi ký kết hợp đồng và không thể khắc phục được mặc dù đã áp mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, như: động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, địch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác. Các trường hợp bất khả kháng quy định tại [ĐKCT].

21.1.3. Hoàn cảnh thay đổi cơ bản là sự thay đổi hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng lớn đến mức các bên biết trước thì đã không được giao kết và hoặc được giao kết với nội dung hoàn toàn khác; việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên; bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích; có thể gồm các trường hợp: Nhà nước thay đổi chính sách, pháp luật; các điều kiện bất thường về địa chất không lường trước được và các trường hợp khác đáp ứng được các điều kiện nêu tại điểm này. Các trường hợp bất khả kháng quy định tại [ĐKCT].

21.2. Thông báo về rủi ro, bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Khi một Bên bị rơi vào tình trạng rủi ro, bất khả kháng hoặc hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất có thể và đề xuất giải pháp khắc phục. Bên nhận được thông báo phải trả lời đồng ý hoặc không đồng ý hoặc ý kiến khác trong thời hạn quy định tại [ĐKCT].

21.2.1. Nếu một Bên bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng do tình trạng bất khả kháng, Bên đó phải gửi thông báo cho Bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng này và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và sẽ bị cản trở.

a) Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

b) Kể cả trong trường hợp khoản này có quy định khác thì bất khả kháng cũng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ Bên nào cho Bên kia theo hợp đồng.

21.2.2. Nếu một Bên rơi vào trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì phải thông báo cho Bên kia nêu rõ các công việc bị ảnh hưởng, mức độ bị ảnh hưởng và đề xuất giải pháp khắc phục hoặc sửa đổi hợp đồng.

21.3. Hậu quả của các rủi ro

Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro được liệt kê trong khoản [Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản] dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho công trình, bất động sản, vật tư thiết bị hay các tài liệu của Bên nhận thầu, thì Bên nhận thầu phải ngay lập tức gửi thông báo cho Bên giao thầu và sửa chữa những mất mát, hư hỏng trong phạm vi Bên giao thầu yêu cầu.

21.4. Trách nhiệm của Bên nhận thầu đối với rủi ro

21.4.1. Bên nhận thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc bảo đảm công trình và hàng hóa từ ngày khởi công cho đến ngày phát hành biên bản nghiệm thu hoặc coi như được phát hành theo khoản [Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình] cho công trình, khi trách nhiệm được chuyển qua Bên giao thầu. Nếu biên bản nghiệm thu được phát hành (hoặc coi như đã phát hành) cho bất cứ hạng mục hay công trình nào, thì trách nhiệm bảo đảm bất kỳ hạng mục nào của công trình đó được chuyển cho Bên giao thầu.

21.4.2. Sau khi trách nhiệm được chuyển một cách phù hợp cho Bên giao thầu, Bên nhận thầu sẽ nhận trách nhiệm bảo đảm đến bất kỳ công việc nào còn tồn lại chưa giải quyết xong vào ngày được nêu trong biên bản nghiệm thu cho đến khi các công việc này được hoàn thành.

21.4.3. Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho công trình, vật tư, thiết bị hoặc tài liệu của Bên nhận thầu nào trong khoảng thời gian Bên nhận thầu đang chịu trách nhiệm bảo đảm, được liệt kê trong khoản [Trách nhiệm của Bên nhận thầu đối với rủi ro], Bên nhận thầu sẽ phải sửa những mất

mát hay hư hỏng bằng sự rủi ro và chi phí của Bên nhận thầu, để công trình, vật tư, thiết bị và tài liệu của Bên nhận thầu đúng với hợp đồng.

21.4.4. Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hỏng hóc hay mất mát xảy ra sau khi biên bản nghiệm thu đã được phát hành và cả những việc xảy ra trước đó thuộc trách nhiệm của Bên nhận thầu và quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP.

21.5. Bồi thường rủi ro

Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên giao thầu, các nhân viên của Bên giao thầu đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

21.5.1. Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay chết của bất cứ người nào xảy ra do nguyên nhân thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót, trừ khi có thể quy cho việc cẩu thả, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Bên giao thầu, các nhân viên của Bên giao thầu hoặc bất kỳ đại diện riêng nào của họ.

21.5.2. Hỏng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là bất động sản hay của cá nhân (không phải là công trình), ở phạm vi mà những hỏng hóc hay mất mát này:

a) Phát sinh từ hoặc trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót;

b) Được quy cho sự bất cẩn, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Bên nhận thầu, nhân lực của Bên nhận thầu hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được họ thuê.

21.5.3. Bên giao thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên nhận thầu, các nhân viên của Bên nhận thầu đối với các khiếu nại, thiệt hại, mất mát, chi phí, phí (gồm phí và các phí pháp lý) liên quan đến tổn hại thân thể, ốm đau, bệnh, tật hay chết được quy cho sự cẩu thả, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Bên giao thầu, các nhân viên của Bên giao thầu.

21.6. Các hậu quả của bất khả kháng hoặc hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Nếu Bên nhận thầu bị cản trở thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào của mình theo hợp đồng do bất khả kháng hoặc hoàn cảnh thay đổi cơ bản mà đã thông báo theo khoản [Thông báo về rủi ro, bất khả kháng hoặc hoàn cảnh thay đổi cơ bản] và chịu sự chậm trễ và chịu chi phí do bất khả kháng, Bên nhận thầu sẽ có quyền theo Điều [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp]:

21.6.1. Kéo dài thời gian do sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị và sẽ bị chậm trễ theo khoản [Gia hạn thời gian hoàn thành];

21.6.2. Nếu sự việc hay trường hợp thuộc loại được mô tả trong khoản [Định nghĩa] được thanh toán các chi phí này.

Sau khi nhận được thông báo này, Bên giao thầu phải xem xét để nhất trí hay quyết định các vấn đề này.

21.7. Sửa đổi hợp đồng do hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Nếu một Bên bị ảnh hưởng bởi các sự kiện hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên đó có thể đề nghị Bên kia xem xét sửa đổi Hợp đồng. Bên nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng phải trả lời đồng ý hoặc không đồng ý hoặc ý kiến khác trong thời gian quy định tại [ĐKCT] về đề nghị sửa đổi hợp đồng.

Trường hợp Bên nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng không đồng ý hoặc các Bên không đạt được thỏa thuận, thì Bên bị ảnh hưởng có thể đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của Pháp luật.

21.8. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm

Nếu việc thực hiện Công việc cơ bản đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong khoảng thời gian được quy định tại [ĐKCT] do bất khả kháng đã được thông báo theo khoản 21.2, hoặc trong nhiều khoảng thời gian mà tổng số thời gian được quy định tại [ĐKCT] do cùng sự kiện bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai Bên có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho Bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt hợp đồng sẽ có hiệu lực trong khoảng thời gian được quy định tại [ĐKCT] sau khi bên kia nhận được thông báo.

Đối với trường hợp chấm dứt này, Bên giao thầu sẽ phải thanh toán cho Bên nhận thầu:

21.8.1. Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng;

21.8.2. Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Bên nhận thầu, hoặc những thứ Bên nhận thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Bên giao thầu khi đã được Bên giao thầu thanh toán và Bên nhận thầu sẽ để cho Bên giao thầu tùy ý sử dụng.

21.8.3. Mọi chi phí hoặc trách nhiệm khác mà trong trường hợp bất khả kháng hoặc hoàn cảnh thay đổi cơ bản Bên nhận thầu phải chịu để hoàn thành công trình.

21.8.4. Chi phí di chuyển các công trình tạm và thiết bị của Bên nhận thầu khỏi công trình.

21.8.5. Chi phí bồi thường cho đội ngũ nhân viên và người lao động được Bên nhận thầu thuê trong toàn bộ thời gian liên quan đến công trình vào thời điểm chấm dứt hợp đồng.

Điều 22. Sự kiện bồi thường

22.1. Các sự kiện sau đây sẽ được xem là sự kiện bồi thường

22.1.1. Bên giao thầu không giao một phần mặt bằng công trường vào ngày tiếp nhận công trường theo quy định.

22.1.2. Bên giao thầu sửa đổi lịch hoạt động của các Bên nhận thầu khác, làm ảnh hưởng đến công việc của Bên nhận thầu trong hợp đồng này.

22.1.3. Bên giao thầu thông báo trì hoãn công việc hoặc không cấp bản vẽ, thông số kỹ thuật hay các chỉ thị cần thiết để thực hiện công trình đúng thời hạn.

22.1.4. Bên giao thầu yêu cầu Bên nhận thầu tiến hành các thử nghiệm bổ sung nhưng kết quả không tìm thấy sai sót.

22.1.5. Bên giao thầu không phê chuẩn hợp đồng sử dụng Nhà thầu phụ mà không có lý do xác đáng, hợp lý.

22.1.6. Điều kiện nền đất công trường xấu hơn nhiều so với dự kiến tại thời điểm trước khi có thư chấp thuận mà dự kiến đó đã được đưa ra một cách hợp lý dựa trên các thông tin cung cấp cho các Bên nhận thầu (bao gồm các Báo cáo khảo sát công trường), các thông tin có sẵn khác và kết quả thị sát công trường.

22.1.7. Bên giao thầu yêu cầu giải quyết tình huống đột xuất hoặc công việc phát sinh cần thiết để bảo đảm an toàn công trình hoặc các lý do khác.

22.1.8. Các Bên nhận thầu khác và cơ quan, đơn vị liên quan hoặc Bên giao thầu không làm việc vào các ngày đã nêu trong hợp đồng và không làm việc trong các điều kiện đã nêu trong hợp đồng, gây ra chậm trễ hoặc làm phát sinh chi phí cho Bên nhận thầu.

22.1.9. Tạm ứng chậm.

22.1.10. Bên nhận thầu chịu ảnh hưởng từ rủi ro của Bên giao thầu.

22.1.11. Bên giao thầu chậm cấp giấy chứng nhận hoàn thành công trình mà không có lý do hợp lý.

22.2. Nếu sự kiện bồi thường quy định tại [ĐKCT] làm tăng chi phí hay cản trở việc hoàn thành công việc trước ngày hoàn thành dự kiến, thì giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh tăng lên, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được gia hạn. Bên giao thầu phải xem xét quyết định việc điều chỉnh giá hợp đồng và gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.

22.3. Sau khi Bên nhận thầu cung cấp thông tin chứng minh ảnh hưởng của từng sự kiện bồi thường đối với dự toán chi phí của Bên nhận thầu, Bên giao thầu phải xem xét, đánh giá và điều chỉnh giá hợp đồng cho phù hợp. Nếu dự toán của Bên nhận thầu không hợp lý thì Bên giao thầu sẽ điều chỉnh giá hợp đồng dựa trên dự toán phù hợp theo đúng quy định do Bên giao thầu lập.

Bên nhận thầu có thể không được bồi thường khi các quyền lợi của Bên giao thầu bị ảnh hưởng nặng nề do việc Bên nhận thầu không cảnh báo sớm hoặc không hợp tác với Bên giao thầu.

Điều 23. Thưởng hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng

23.1. Thưởng hợp đồng

Trường hợp Bên nhận thầu hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng sớm hơn so với thời hạn quy định trong hợp đồng này, mang lại hiệu quả cho Bên giao thầu thì cứ mỗi ... tháng (khoảng thời gian) Bên giao thầu sẽ thưởng cho

Bên nhận thầu... % mỗi ... tháng (khoảng thời gian) và mức thưởng tối đa không quá ... % giá trị phần hợp đồng làm lợi.

23.1.1. Mức thưởng: *[ghi mức thưởng đối với việc hoàn thành sớm công trình, sáng kiến của Bên nhận thầu; hoặc nêu rõ nếu không áp dụng thưởng hợp đồng]*.

23.1.2. Tổng số tiền thưởng tối đa: *[ghi tổng số tiền thưởng tối đa, (nếu có)]*.

23.2. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với Bên nhận thầu: nếu chậm tiến độ ... ngày thì phạt... % giá hợp đồng cho ... ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá ... % giá trị hợp đồng bị vi phạm theo quy định tại Điều 86 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15.

[Ghi nội dung phạt, mức phạt và tổng giá trị phạt tối đa phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng].

Điều 24. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

24.1. Khiếu nại

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP.

24.2. Xử lý các tranh chấp

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP.

24.2.1. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải quy định tại [ĐKCT].

24.2.2. Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng... ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam quy định tại [ĐKCT]. Quyết định của trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

24.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 25. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

25.1. Quyết toán hợp đồng

Quyết toán hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP, quy định pháp luật khác có liên quan và gồm các quy định sau:

25.1.1. Trong vòng ……. ngày quy định tại [ĐKCT] sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng, Bên nhận thầu sẽ trình cho Bên giao thầu ... (bộ) quyết toán hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Bên giao thầu đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu sau:

a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng và công việc phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng;

b) Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng; giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã giao kết, giá trị đã thanh toán hoặc tạm thanh toán và giá trị còn lại mà Bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán cho Bên nhận thầu;

c) Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình đối với hợp đồng có công việc thi công xây dựng;

d) Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng.

25.2. Thời hạn Bên nhận thầu giao nộp hồ sơ quyết toán hợp đồng không được quá ... ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc cần thực hiện theo hợp đồng, bao gồm cả công việc phát sinh (nếu có).

25.2. Thanh lý hợp đồng

Thanh lý hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP và các quy định sau:

25.2.1. Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

a) Các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã giao kết;

b) Hợp đồng xây dựng được chấm dứt theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 và Điều 18 [Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên giao thầu], Điều 19 [Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Bên nhận thầu].

25.2.2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn ... ngày quy định tại [ĐKCT] kể từ ngày các bên tham gia hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo điểm a khoản này.

25.3. Chấm dứt trách nhiệm của Bên giao thầu

Bên giao thầu sẽ không chịu trách nhiệm với Bên nhận thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng sau khi thanh lý hợp đồng.

Điều 26. Hiệu lực của hợp đồng

26.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng này. Số bản, trang, Phụ lục và ngôn ngữ hợp đồng quy định tại [ĐKCT].

26.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm quy định tại [ĐKCT] và sau khi Bên giao thầu đã nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng.

26.3. Tính pháp lý của hợp đồng xây dựng:

26.3.1. Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà Bên giao thầu, Bên nhận thầu và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện;

26.3.2. Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định, của pháp luật có liên quan.

Điều 27. Điều khoản chung

27.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những Điều đã quy định trong hợp đồng này. Khi một bên có kiến nghị, đề xuất, yêu cầu thì bên kia phải có trách nhiệm trả lời.

27.2. Hợp đồng này bao gồm ... trang và ...phụ lục được lập thành ... bản bằng tiếng Việt. Bên giao thầu sẽ giữ ... bản tiếng Việt, Bên nhận thầu sẽ giữ ... bản tiếng Việt *(Trường hợp có sử dụng từ hai thứ ngôn ngữ trở lên thì các bên quy định thêm về số bản hợp đồng bằng các ngôn ngữ khác).*

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Các điều khoản trong Điều kiện cụ thể này bổ sung và sửa đổi cho các điều khoản tương ứng trong Điều kiện chung. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa hai phần, quy định tại Điều kiện cụ thể sẽ được ưu tiên áp dụng

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.6. *Bên giao thầu* là … *[Tên giao dịch của Bên giao thầu]*.

1.7. *Công trình* bao gồm *[Ghi tóm tắt sơ lược về tên, địa điểm thi công gói thầu, bao gồm cả thông tin về quan hệ với các gói thầu khác trong dự án]*.

1.10. *Công trường [Ghi địa chỉ của công trường]* và được xác định trong bản vẽ số *[Ghi số]*.

Thông tin về công trường là: *[Liệt kê các thông tin và dữ liệu về công trường]*.

1.21. *Ngày khởi công* là: ... *[Ghi ngày]*.

1.23. *Bên nhận thầu* là: … *[Ghi tên hợp pháp đầy đủ của Bên nhận thầu]*.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ hợp đồng: … *[Ghi đầy đủ các tài liệu của hồ sơ hợp đồng]*.

2.4. Thứ tự ưu tiên: … *[Ghi các tài liệu của hồ sơ hợp đồng theo thứ tự ưu tiên nếu có]*.

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

3.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ chính thức, vốn vay ưu đãi phát sinh từ Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên *[Ghi rõ nguồn vốn hỗ trợ chính thức, vốn vay ưu đãi]*.

3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt.

[Trường hợp hợp đồng xây dựng có sự tham gia của bên nước ngoài thì ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt và ngôn ngữ khác do các bên thỏa thuận. Thứ tự ưu tiên các ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng xây dựng do các bên thỏa thuận, trường hợp các bên không có thỏa thuận thì tiếng Việt được ưu tiên.]

Điều 4. Thông báo

4.3. Thông báo của một bên được người đại diện có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền giao kết sẽ được coi là có hiệu lực tại thời điểm *[Ghi rõ thời điểm]*.

Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

5.1.1. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là … *[Ghi cụ thể là bao nhiêu % trên giá trị hợp đồng]* tương đương … *[Ghi cụ thể giá trị và loại tiền tệ]*.

- Thời gian gửi bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên giao thầu là … *[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau khi cả hai bên đã ký hợp đồng]*.

- Thời gian Bên nhận thầu phải gia hạn bảo đảm thực hiện là … *[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày trước ngày hết hạn bảo đảm thực hiện]*.

- Thời gian thanh toán nợ cho Bên giao thầu là … *[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau khi thỏa thuận hoặc quyết định phải trả]*.

- Thời gian sửa chữa sai sót là … *[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên giao thầu]*.

- Thời gian trả lại bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên nhận thầu là … *[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau khi cấp biên bản nghiệm thu hoàn thành và đã nhận được bảo đảm bảo hành]*.

[Trường hợp Bên nhận thầu là nhà thầu liên danh thì ghi rõ trong hợp đồng nghĩa vụ của từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện cho Bên giao thầu, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Trường hợp các thành viên liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng xây dựng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho Bên giao thầu; việc thực hiện nghĩa vụ bảo đảm của từng thành viên trong liên danh đối với nhà thầu đứng đầu liên danh thực hiện theo thỏa thuận liên danh giữa các bên.]

[Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn thì các bên phải phải quy định cụ thể trường hợp Bên nhận thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm ... ngày trước ngày hết hạn, Bên nhận thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.]

[Các bên thỏa thuận về việc Bên giao thầu chứng minh đủ năng lực tài chính để thực hiện hợp đồng hoặc có biện pháp đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, trừ hợp đồng thuộc dự án đầu tư công.]

[Đối với các hợp đồng xây dựng thuộc dự án PPP, việc chứng minh đủ năng lực tài chính để thực hiện hợp đồng xây dựng của Bên giao thầu được thực hiện bằng các hình thức bảo đảm theo quy định của pháp luật, hợp đồng cung cấp tín dụng hoặc thỏa thuận cho vay vốn với các định chế tài chính hoặc biện pháp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán khác theo đúng thỏa thuận của các bên.]

5.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng *(Trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)*

5.2.1. Thời gian nộp bảo lãnh tiền tạm ứng là … *[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau khi hợp đồng có hiệu lực]*.

[Không bắt buộc phải bảo lãnh tạm ứng hợp đồng đối với các hợp đồng xây dựng có giá trị tạm ứng hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng 01 tỷ đồng và các hợp đồng xây dựng theo hình thức tự thực hiện bao gồm cả hình thức do cộng đồng dân cư thực hiện theo các chương trình mục tiêu.]

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc

6.3. Trường hợp Bên giao thầu cung cấp một số hay toàn bộ vật tư, máy thi công thì các bên cần thể hiện rõ trong hợp đồng; bao gồm cả về khối lượng, chất lượng, thời gian, địa điểm cung cấp.

[Phạm vi công việc của hợp đồng thi công xây dựng có thể bao gồm cả việc mua sắm thiết bị công trình; thực hiện thiết kế bản vẽ thi công triển khai sau thiết kế kỹ thuật theo thỏa thuận của hợp đồng. Việc bổ sung phạm vi công việc trong trường hợp này có thể tham khảo các mẫu hợp đồng tương ứng với nội dung, phạm vi công việc bổ sung.]

[Trường hợp Bên nhận thầu là nhà thầu liên danh, trong hợp đồng cần bổ sung nội dung quy định liên quan đến phân chia khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh (đồng thời với việc quy định trong thỏa thuận liên danh, phù hợp với năng lực của từng nhà thầu).]

[Trường hợp giao kết hợp đồng với nhiều nhà thầu chính để thực hiện các công việc của dự án, thì phạm vi công việc, tiến độ thực hiện và các nội dung khác có liên quan của từng hợp đồng phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với phạm vi công việc, tiến độ thực hiện và các nội dung khác có liên quan của dự án, tránh chồng chéo.]

[Trường hợp nhà thầu chính giao kết hợp đồng với nhà thầu phụ thì phạm vi công việc, tiến độ thực hiện và các nội dung khác có liên quan của từng hợp đồng thầu phụ phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với phạm vi công việc, tiến độ thực hiện và các nội dung khác có liên quan của hợp đồng thầu chính, tránh chồng chéo.]

[Trường hợp nhà thầu chính giao kết hợp đồng với nhà thầu phụ thì phạm vi công việc, tiến độ thực hiện và các nội dung khác có liên quan của từng hợp đồng thầu phụ phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với phạm vi công việc, tiến độ thực hiện và các nội dung khác có liên quan của hợp đồng thầu chính, tránh chồng chéo.]

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng

7.4. Chạy thử của công trình (nếu có)

7.4.3. Thời gian chạy thử là … *[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau ngày đã thông báo hoặc vào ngày yêu cầu]*.

7.5. Trách nhiệm của các Bên đối với các sai sót

7.5.2. Thời gian phản hồi Bên nhận thầu là … *[Ghi cụ thể thời gian bao nhiêu ngày sau ngày kể từ khi nhận được đề nghị nghiệm thu công trình của Bên nhận thầu]*.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

8.2. Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng

8.2.1. Ngày khởi công là … *[Ghi cụ thể thời gian bao gồm ngày, tháng, năm]*.

- Thời gian thông báo trước cho Bên nhận thầu về ngày khởi công là … *[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày]*.

- Ngày hợp đồng bắt đầu có hiệu lực là … *[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày]*.

8.2.3. Thời gian hoàn thành toàn bộ công việc là … *[Ghi cụ thể thời gian bao gồm ngày, tháng, năm]*.

8.3. Tiến độ thực hiện hợp đồng

- Thời gian trình tiến độ chi tiết thực hiện công việc là … *[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau ngày khởi công]*.

- Thời gian phản hồi cho Bên nhận thầu về tiến độ đề xuất là … *[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày Bên giao thầu nhận được bảng tiến độ của Bên nhận thầu]*.

[Trường hợp có yêu cầu về thời hạn hoàn thành các công việc, giai đoạn, sản phẩm cụ thể của hợp đồng thì các bên phải thỏa thuận trong hợp đồng.]

[Đối với hợp đồng xây dựng có yêu cầu thực hiện theo từng giai đoạn, ngoài tiến độ thực hiện hợp đồng tổng thể cho cả hợp đồng, thì tiến độ thực hiện hợp đồng chi tiết có thể được lập cho từng giai đoạn.]

8.4. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng

8.4.1. Các trường hợp khác: … *[Ghi các trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khác (nếu có)]*.

Điều 9. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

9.2. Giá hợp đồng

- Hợp đồng này là hợp đồng … *[Ghi cụ thể loại giá hợp đồng]*

- Giá hợp đồng gồm:

+ Bằng Việt Nam Đồng: … Đồng.

+ Bằng Ngoại tệ: … *[Ghi tên đồng ngoại tệ sử dụng]*.

+ Khoản bổ sung hay giảm trừ:

9.3. Tạm ứng

- Thời gian nộp bảo lãnh tiền tạm ứng là … *[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau khi hợp đồng có hiệu lực]*.

- Thời gian bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng hết hiệu lực khi Bên giao thầu chấp thuận bằng văn bản.

- Bên giao thầu sẽ chuyển tiền tạm ứng vào ngân hàng ... (do Bên giao thầu và Bên nhận thầu thống nhất trước khi ký hợp đồng) trong thời gian ... ngày sau khi Bên nhận thầu nộp Bảo lãnh tiền tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng.

- Tạm ứng: … *[Ghi số tiền tạm ứng gồm thuế VAT (nếu có), các chứng từ để tạm ứng, phương thức tạm ứng... phù hợp quy định của pháp luật về xây dựng]*.

[Mức tạm ứng tối thiểu đối với hợp đồng thi công xây dựng công trình: 10% giá hợp đồng đối với hợp đồng có giá trị trên 50 tỷ đồng; 15% giá hợp đồng đối với hợp đồng có giá trị từ 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng; 20% giá hợp đồng đối với các hợp đồng có giá trị dưới 10 tỷ đồng.]

[Mức tạm ứng hợp đồng không được vượt quá 30% giá trị hợp đồng tại thời điểm giao kết (bao gồm cả dự phòng nếu có). Trường hợp cần tạm ứng với mức cao hơn cho Bên nhận thầu đặt cọc hoặc thanh toán trước cho nhà sản xuất, nhà cung ứng vật tư, thiết bị theo thiết kế công nghệ để đảm bảo yêu cầu của dự án và các trường hợp cần thiết khác thì phải được người quyết định đầu tư cho phép. Đối với dự án mà người quyết định đầu tư là Thủ tướng Chính phủ, việc quyết định mức tạm ứng cao hơn mức 30% do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.]

- Thời gian tạm ứng: … ngày … tháng … năm … *[Ghi cụ thể thời gian tạm ứng]*.

9.4. Thanh toán

9.4.1. Tiến độ và thời hạn thanh toán

a) Số lần thanh toán [*Ghi cụ thể số lần thanh toán*]. Lần thanh toán cuối cùng sau khi Bên nhận thầu hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong hợp đồng.

b) Giá trị mà Bên giao thầu sẽ thanh toán cho Bên nhận thầu theo các lần thanh toán [*Ghi cụ thể số tiền mà Bên giao thầu sẽ thanh toán cho Bên nhận thầu tương ứng với các lần thanh toán*].

c) Trong khoảng thời gian là … ngày [*Ghi cụ thể số ngày*] kể từ ngày Bên giao thầu nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên nhận thầu, Bên giao thầu phải thanh toán cho Bên nhận thầu.

9.4.2. Hồ sơ thanh toán

Khi đến thời hạn của mỗi lần thanh toán hoặc tạm thanh toán, Bên nhận thầu sẽ nộp cho Bên giao thầu các bộ hồ sơ thanh toán với số lượng và thành phần *[Ghi cụ thể số lượng và thành phần hồ sơ thanh toán]*.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng, công việc hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng theo hợp đồng) trong giai đoạn thanh toán.

- Bảng tính đơn giá, giá đã điều chỉnh (còn gọi là đơn giá, giá thanh toán) theo Điều [Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng] theo đúng thỏa thuận trong hợp

đồng, bảng tính giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này.

- Đề nghị thanh toán của Bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, các khoản phải giảm trừ theo quy định hợp đồng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này.

[Đối với hợp đồng trọn gói, các bên có thể xem xét, quyết định việc thỏa thuận thanh toán theo bảng tiến độ].

[Trường hợp là nhà thầu liên danh cần quy định rõ trong hợp đồng xây dựng (hoặc thỏa thuận liên danh) việc thanh toán cho nhà thầu đứng đầu liên danh hay trực tiếp cho các nhà thầu trong liên danh.]

[Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ do chủ đầu tư chỉ định cần quy định rõ việc chủ đầu tư được thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất của nhà thầu chính và các thỏa thuận trong hợp đồng.]

[Hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng do Bên nhận thầu lập phù hợp với từng loại hợp đồng xây dựng, giá hợp đồng, các thỏa thuận trong hợp đồng (bao gồm cả biểu mẫu, nếu có) và được đại diện Bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện Bên nhận thầu xác nhận.]

[Thành phần hồ sơ thanh toán (bao gồm cả biểu mẫu, nếu có) do các bên thỏa thuận tương ứng với loại hợp đồng xây dựng.]

[Đối với các hợp đồng xây dựng thuộc dự án đầu tư công, dự án PPP, các bên căn cứ theo từng hình thức giá hợp đồng để xác định thành phần chủ yếu của hồ sơ thanh toán theo quy định tại khoản Điều 29 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP.]

9.4.4. Thanh toán tiền bị giữ lại

Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: … *[Ghi tỷ lệ phần trăm]*

[Số tiền giữ lại thường là 5% và không vượt quá 10% trong mọi trường hợp].

Điều 10. Sửa đổi hợp đồng

10.1. Việc điều chỉnh khối lượng công việc và một số nội dung khác trong hợp đồng.

Khối lượng điều chỉnh *[Ghi cụ thể các trường hợp điều chỉnh khối lượng công việc hoặc phân công việc thi công xây dựng thay đổi, điều chỉnh, bổ sung thiết kế và phạm vi công việc khác với quy định của hợp đồng].*

Đối với điều chỉnh một số nội dung khác trong hợp đồng *[Ghi cụ thể nguyên tắc điều chỉnh, phương pháp, công thức, nguồn dữ liệu và trách nhiệm của các bên theo quy định pháp luật].*

[Trường hợp Bên nhận thầu là nhà thầu liên danh, cần quy định rõ trong hợp đồng (hoặc thỏa thuận liên danh) việc điều chỉnh khối lượng công việc giữa các thành viên trong liên danh nhà thầu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 23 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP.]

[Việc điều chỉnh thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng, sửa đổi các nội dung khác của hợp đồng do các bên thỏa thuận căn cứ theo quy định tại Điều 22, 25 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP.]

10.2. Điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng

Trường hợp điều chỉnh giá hợp đồng: … *[Ghi cụ thể các trường hợp được điều chỉnh giá hợp đồng gắn với nội dung, phương pháp, thời gian, công thức, nguồn dữ liệu điều chỉnh và các nội dung có liên quan đảm bảo phù hợp với nguyên tắc điều chỉnh của từng loại giá hợp đồng theo quy định pháp luật]*.

Phương pháp điều chỉnh theo hướng dẫn tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 210/2026/NĐ-CP.

Điều 15. Nhà thầu phụ

15.1. Danh sách Nhà thầu phụ: … *[Ghi danh sách Nhà thầu phụ phù hợp với danh sách Nhà thầu phụ nêu trong HSDT]*.

- Giá trị công việc mà Nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: … giá hợp đồng *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà ghi tỷ lệ % theo tỷ lệ quy định pháp luật]*.

- Nêu các yêu cầu cần thiết khác về Nhà thầu phụ *[Ghi yêu cầu khác về Nhà thầu phụ (nếu có)]*.

[Các nội dung trong hợp đồng thầu phụ có thể tham khảo các mẫu hợp đồng do Bộ Xây dựng công bố tương ứng với nội dung, phạm vi công việc nhà thầu phụ thực hiện.]

[Trường hợp hợp đồng xây dựng thuộc các dự án đầu tư công, dự án PPP, các bên cần căn cứ quy định pháp luật về đấu thầu trong việc ký hợp đồng thầu phụ.]

Điều 18. Tạm dừng hợp đồng

18.1.1. Việc tạm dừng thực hiện hợp đồng được áp dụng khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

18.1.5. Một bên được tạm dừng thực hiện hợp đồng *[Ghi cụ thể các trường hợp, phạm vi tạm dừng thực hiện hợp đồng (toàn bộ hoặc một phần công việc) mà Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu được tạm dừng thực hiện hợp đồng]*

18.2. Bên tạm dừng hợp đồng phải thông báo trước cho bên kia bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, thời điểm và hậu quả pháp lý kèm theo. Thời gian thông báo phải được thỏa thuận trong hợp đồng, tối đa không quá … ngày, trừ trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng. Các bên có trách nhiệm cùng thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng đã giao kết. Bên không thực hiện nghĩa vụ thông báo mà gây thiệt hại cho bên còn lại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường theo thỏa thuận.

[Ghi cụ thể việc bồi thường thiệt hại theo một trong hai cách: (i) Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;(ii) Bồi thường thiệt hại trên

cơ sở một mức xác định (nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường,... phù hợp với pháp luật dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan).

[Đối với hợp đồng thuộc dự án đầu tư công, dự án PPP, các bên căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP để thỏa thuận trong hợp đồng cho phù hợp.]

Điều 19. Chấm dứt hợp đồng

19.1.1. Khoảng thời gian là … *[ghi cụ thể số ngày hoặc tháng kể từ một thời điểm cụ thể]*.

19.2.1. Khoảng thời gian là … *[ghi cụ thể số ngày hoặc tháng kể từ một thời điểm cụ thể]*.

Điều 21. Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

21.1.1. Các trường hợp rủi ro có thể lường trước *[Ghi cụ thể các trường hợp rủi ro có thể lường trước được do các bên thỏa thuận]*.

21.1.2. Các trường hợp bất khả kháng *[Ghi cụ thể các trường hợp bất khả kháng do các bên thỏa thuận]*.

21.1.3. Các trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản *[Ghi cụ thể các trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản do các bên thỏa thuận]*.

21.2. Thời hạn: … *[ghi cụ thể số ngày hoặc tháng kể từ một thời điểm cụ thể]*.

21.7. Thời hạn: … *[ghi cụ thể số ngày hoặc tháng kể từ một thời điểm cụ thể]*.

21.8. Thời hạn: … *[ghi cụ thể số ngày hoặc tháng kể từ một thời điểm cụ thể]*.

Điều 22. Sự kiện bồi thường

22.2. Bồi thường thiệt hại: .... *[Ghi "Áp dụng" hoặc "Không áp dụng"]*. Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu quy định bồi thường thiệt hại theo một trong hai cách sau:

22.2.1. Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;

22.2.2. Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự.

[Ghi nội dung bồi thường thiệt hại, mức bồi thường thiệt hại và tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa phù hợp với quy định của pháp luật].

Điều 24. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

24.2. Xử lý các tranh chấp

24.2.1. Thời gian tiến hành Trọng tài phân xử là … *[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau ngày kể từ khi thông báo không thỏa mãn được đưa ra bởi một bên]*.

24.2.2. Hình thức giải quyết tranh chấp … *[Ghi cụ thể hình thức giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài và thông tin cụ thể đối với hình thức*

xử lý tranh chấp lựa chọn bao gồm nhưng không giới hạn Trọng tài viên, Tòa án].

Điều 25. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

25.1. Quyết toán hợp đồng

25.1.1. Thời gian trình hồ sơ quyết toán hợp đồng là … *[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu và xác nhận của Bên giao thầu]*.

25.1.2. Số lượng hồ sơ quyết toán hợp đồng là … *[Ghi cụ thể số bộ]*.

[Thành phần hồ sơ quyết toán nêu trên áp dụng bắt buộc đối với hợp đồng xây dựng thuộc các dự án đầu tư công, dự án PPP.]

[Thời hạn quyết toán hợp đồng xây dựng đối với hợp đồng xây dựng thuộc các dự án đầu tư công, dự án PPP thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP.]

25.2. Thanh lý hợp đồng

Thời gian tiến hành thanh lý hợp đồng là … *[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày nhưng không quá .... ngày]*

[Việc thanh lý hợp đồng xây dựng thuộc các dự án đầu tư công, dự án PPP thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP.]

Điều 26. Hiệu lực của hợp đồng

26.1. Hợp đồng này bao gồm … *[Ghi cụ thể là bao nhiêu trang]*, và … *[Ghi cụ thể là bao nhiêu Phụ lục]* được lập thành … *[Ghi cụ thể là bao nhiêu bản]* bằng tiếng Việt có hiệu lực pháp lý như nhau, và … *[Ghi cụ thể là bao nhiêu bản]* bằng tiếng … *[Ghi cụ thể ngôn ngữ hợp đồng khác ngoài tiếng Việt]*.

- Bên giao thầu sẽ giữ … *[Ghi cụ thể là bao nhiêu bản]* bằng tiếng Việt và … *[Ghi cụ thể là bao nhiêu bản]* bằng tiếng … *[Ghi cụ thể ngôn ngữ hợp đồng khác ngoài tiếng Việt]*.

- Bên nhận thầu sẽ giữ … *[Ghi cụ thể là bao nhiêu bản]* bằng tiếng Việt và … *[Ghi cụ thể là bao nhiêu bản]* bằng tiếng … *[Ghi cụ thể ngôn ngữ hợp đồng khác ngoài tiếng Việt]*.

26.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ … *[Ghi cụ thể thời gian ngày, tháng, năm]* và sau khi Bên giao thầu đã nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Điều 5.

BÊN GIAO THẦU HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN GIAO THẦU	**BÊN NHẬN THẦU HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN NHẬN THẦU**
(*Ghi tên, chức danh, ký tên, đóng dấu*)	(*Ghi tên, chức danh, ký tên, đóng dấu*)

MẪU SỐ 82

Mẫu số 01. Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư cả năm

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: /BCGSĐT	*……, ngày ... tháng ... năm ……*

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ ĐẦU TƯ

(Năm...)

Kính gửi: ……..

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ ĐẦU TƯ

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư của các bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương và doanh nghiệp nhà nước.

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư các dự án trên Hệ thống nghiệp vụ về giám sát, đánh giá đầu tư

B. VIỆC BAN HÀNH VĂN BẢN TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN

I. VIỆC BAN HÀNH VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CÁC CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN

1. Tình hình ban hành các văn bản hướng dẫn các chính sách pháp luật về đầu tư *(thống kê số lượng văn bản ban hành và đánh giá kết quả tổ chức thực hiện).*

(Kèm theo Phụ biểu: B.01.1)

2. Khó khăn, vướng mắc (nếu có).

3. Đề xuất kiến nghị (nếu có).

II. VIỆC LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÁC QUY HOẠCH THEO QUY ĐỊNH

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện các quy hoạch *(thống kê số lượng quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch được lập, thẩm định, phê duyệt và đánh giá kết quả tổ chức thực hiện quy hoạch).*

(Kèm theo Phụ biểu: B.02.1, B.02.2)

2. Khó khăn, vướng mắc (nếu có).

3. Đề xuất kiến nghị (nếu có).

C. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ TRONG KỲ

1. Đánh giá chung về tình hình thực hiện vốn đầu tư trong kỳ

- Đánh giá về tổng vốn đầu tư được huy động trong kỳ: tổng số và mức độ tăng/giảm so với năm trước.

- Đánh giá về cơ cấu vốn huy động trong kỳ: vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công (khoản 19 Điều 3 Nghị định số 19/2026/NĐ-CP), vốn khác (trong đó vốn FDI, vốn của nhà đầu tư tư nhân trong nước) được huy động trong kỳ và mức độ tăng/giảm so với năm trước.

2. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công trong kỳ

- Việc lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công.

- Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công: Tổng giá trị giải ngân vốn đầu tư công trong kỳ; Đánh giá tổng giá trị giải ngân so với tổng vốn kế hoạch giao.

- Số vốn bố trí trả nợ đọng XDCB, số nợ đọng XDCB còn lại; đánh giá tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Tình trạng lãng phí, thất thoát vốn đầu tư công (nếu có).

(Kèm theo Phụ biểu C.01.1)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

1. Tình hình thực hiện các chương trình đầu tư công

1.1. Tổng hợp tình hình lập, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công: số lượng chương trình đầu tư công được quyết định chủ trương đầu tư, trong đó, nêu rõ số lượng chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có); giá trị tổng vốn nhà nước (bao gồm: vốn đầu tư công (NSTW, NSĐP, vốn nước ngoài, vốn khác), kinh phí thường xuyên (NSTW, NSĐP) và vốn huy động khác) tham gia vào các chương trình này và các chương trình đầu tư công khác (nếu có).

1.2. Tổng hợp tình hình thực hiện chương trình đầu tư công

- Tổng giá trị khối lượng thực hiện (trong đó, làm rõ giá trị khối lượng thực hiện của vốn nhà nước tham gia dự án), tổng số vốn giải ngân các dự án thành phần thuộc chương trình đầu tư công, trong đó nêu rõ:

+ Vốn đầu tư công (NSTW, NSĐP, vốn nước ngoài, vốn khác);

+ Kinh phí thường xuyên (NSTW, NSĐP);

+ Và vốn huy động khác.

- Sơ bộ kết quả đạt được so với mục tiêu của chương trình đã được phê duyệt.

1.3. Các khó khăn, vướng mắc chính trong quá trình thực hiện

1.4. Kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo Phụ biểu: C.02.1a, C.02.1b, C.02.1c)

2. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư công (bao gồm cả trường hợp doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ, dự án đầu tư công bằng văn bản)

2.1. Tổng hợp tình hình chuẩn bị dự án đầu tư công:

- Tổng số dự án đầu tư công được quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Tổng số dự án đầu tư công được quyết định, điều chỉnh đầu tư, trong đó, nêu rõ số dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.

2.2. Tổng hợp tình hình thực hiện các dự án đầu tư công

- Tổng số dự án đầu tư công thực hiện trong kỳ (phân loại theo nhóm Dự án quan trọng quốc gia, nhóm A, nhóm B, nhóm C; số lượng dự án khởi công mới, số lượng dự án chuyển tiếp từ kỳ trước theo Phụ biểu số C.02.2a)

- Tình hình thực hiện dự án đầu tư so với tiến độ thực hiện được phê duyệt, trong đó nêu rõ số dự án chậm tiến độ.

- Tình hình thực hiện và giải ngân

+ Tổng giá trị khối lượng thực hiện (chi tiết theo nhóm dự án sử dụng vốn trong nước, dự án sử dụng vốn nước ngoài; nhóm dự án sử dụng vốn NSTW, NSĐP)

+ Tổng số vốn giải ngân (chi tiết theo nhóm dự án sử dụng vốn trong nước, dự án sử dụng vốn nước ngoài; nhóm dự án sử dụng vốn NSTW, NSĐP).

- Số dự án còn nợ đọng XDCB (nếu có).

- Số dự án được quyết toán vốn đầu tư công trong kỳ.

2.3. Tổng hợp tình hình nghiệm thu, đưa dự án vào khai thác sử dụng

- Số dự án được nghiệm thu hoàn thành.

- Số dự án được quyết toán hoàn thành trong kỳ.

- Số dự án được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trong kỳ, trong đó, nêu rõ số dự án có thất thoát, gây lãng phí (nếu có).

- Tình hình khai thác sử dụng dự án:

+ Tổng số dự án đưa vào khai thác sử dụng.

+ Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ, trong đó, nêu rõ số dự án đưa vào sử dụng nhưng kém hiệu quả (nếu có).

2.4. Các khó khăn, vướng mắc chính trong quá trình thực hiện

2.5. Kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo các Phụ biểu: C.02.2a, C.02.2b)

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NGOÀI ĐẦU TƯ CÔNG

1. Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước để đầu tư kinh doanh tại doanh nghiệp nhà nước, nội dung báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư thực hiện theo mục V dưới đây.

2. Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công khác trừ dự án quy định tại mục III.1 nêu trên, nội dung báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư thực hiện theo mục II trên đây.

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN PPP

1. Tổng hợp tình hình thực hiện chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng dự án.

Số dự án được quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, ký kết hợp đồng, trong đó, làm rõ số dự án có vốn nhà nước tham gia và giá trị tổng vốn nhà nước tham gia vào các dự án này.

2. Tổng hợp tình hình thực hiện Hợp đồng dự án.

- Tổng giá trị khối lượng thực hiện các dự án PPP, trong đó, làm rõ giá trị khối lượng thực hiện của vốn nhà nước tham gia dự án.

- Tổng số vốn giải ngân các dự án PPP trong kỳ, trong đó, nêu rõ:

+ Vốn nhà nước đã giải ngân (vốn nhà nước giải ngân trong kỳ, lũy kế vốn nhà nước đã giải ngân, tỷ lệ giải ngân so với tổng vốn nhà nước tham gia vào dự án).

+ Vốn chủ sở hữu đã giải ngân (vốn chủ sở hữu đã giải ngân trong kỳ, lũy kế vốn chủ sở hữu đã giải ngân, tỷ lệ giải ngân so với tổng vốn chủ sở hữu).

+ Vốn vay đã giải ngân (vốn vay đã giải ngân trong kỳ, lũy kế vốn vay đã giải ngân, tỷ lệ giải ngân so với tổng vốn vay).

3. Tổng hợp tình hình quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, đưa dự án vào khai thác, vận hành

- Số dự án được quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, trong đó, làm rõ số dự án được quyết toán vốn đầu tư công và số dự án được quyết toán vốn xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.

- Số dự án được xác nhận hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.

- Số dự án đưa vào khai thác, vận hành.

- Số dự án được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trong kỳ, trong đó, nêu rõ số dự án có thất thoát, gây lãng phí (nếu có).

- Số dự án kết thúc hợp đồng.

- Số dự án được đánh giá tác động, trong đó, nêu rõ số dự án đưa vào sử dụng nhưng kém hiệu quả (nếu có).

4. Các khó khăn, vướng mắc chính trong quá trình thực hiện

5. Kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo Phụ biểu: C.04.1)

V. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU TƯ

1. Tổng hợp tình hình thực hiện chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư.

Số dự án được quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, trong đó, làm rõ số dự án có vốn nhà nước tham gia (dự án do doanh nghiệp nhà nước là nhà đầu tư).

2. Tổng hợp tình hình thực hiện dự án

- Tổng vốn đầu tư đăng ký và tổng số vốn đầu tư được thực hiện (chi tiết theo vốn đầu tư (gồm vốn chủ sở hữu và vốn huy động) của nhà đầu tư trong nước (bao gồm vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước và vốn khác) và vốn FDI).

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính với ngân sách Nhà nước, bao gồm: tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp ngân sách nhà nước; thực hiện cam kết nộp NSNN (nếu có) và giá trị thực hiện các nghĩa vụ khác theo cam kết (nếu có).

- Tình hình khai thác, vận hành dự án, trong đó, nêu rõ kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về số lao động, tình hình thực hiện nộp ngân sách nhà nước (thuế thu nhập doanh nghiệp), đầu tư cho nghiên cứu & phát triển, xử lý và bảo vệ môi trường và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.

3. Các khó khăn, vướng mắc chính trong quá trình thực hiện

4. Kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo Phụ biểu số C.05.1, C.05.2, C.05.3 và C.05.4)

VI. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ TRONG KỲ

1. Đánh giá chung về tình hình tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

2. Đánh giá về tình hình kiểm tra, giám sát, đánh giá dự án: số lượng đoàn kiểm tra, giám sát, đánh giá được thực hiện trong kỳ; số lượng dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện; số lượng dự án có khó khăn, vướng mắc và kiến nghị xử lý.

3. Đánh giá về tình hình thực hiện công tác giám sát đầu tư của cộng đồng

- Tình hình triển khai công tác giám sát đầu tư của cộng đồng:

+ Việc chấp hành các quy định về giám sát đầu tư của Mặt trận tổ quốc các cấp, ban giám sát cộng đồng;

+ Số lượng dự án được thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng;

+ Các phát hiện chính của công tác giám sát đầu tư của cộng đồng (theo quy định tại Điều 80 Nghị định số 19/2026/NĐ-CP);

- Kết quả xử lý sau giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Các khó khăn vướng mắc, kiến nghị giải pháp xử lý.

(Kèm theo Phụ biểu C.06)

(Nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện, định kỳ hằng năm)

D. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Các đề xuất về đổi mới cơ chế, chính sách, điều hành của Chính phủ, các Bộ, ngành.

2. Các đề xuất về tổ chức thực hiện./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

MẪU SỐ 83

Mẫu số 02. Báo cáo đánh giá ban đầu

(Đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CHỦ ĐẦU TƯ** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /BCĐGĐT	*……. ngày ….. tháng ….. năm …….*

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ BAN ĐẦU

Tên dự án: ……..

Kính gửi: …….

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN *(tóm tắt theo Quyết định đầu tư)*

1. Tên dự án:

2. Chủ đầu tư:

3. Tổ chức tư vấn lập dự án:

4. Mục tiêu của dự án:

5. Quy mô, công suất:

6. Nội dung đầu tư chính/các hạng mục đầu tư chính:

7. Địa điểm dự án:

8. Diện tích sử dụng đất:

9. Hình thức quản lý dự án:

10. Các mốc thời gian về dự án:

- Số, ngày phê duyệt quyết định đầu tư:

- Thời gian thực hiện dự án:

+ Thời gian bắt đầu:

+ Thời gian kết thúc:

11. Tổng mức đầu tư:

12. Nguồn vốn đầu tư:

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Công tác chuẩn bị, tổ chức, huy động các nguồn lực để thực hiện dự án bảo đảm đúng mục tiêu, tiến độ đã được phê duyệt.

2. Những vướng mắc, phát sinh mới xuất hiện so với thời điểm phê duyệt dự án.

3. Những nội dung có liên quan khác (nếu có).

III. KIẾN NGHỊ

Đề xuất các biện pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh phù hợp với điều kiện thực tế.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

MẪU SỐ 84

Mẫu số 03. Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn thực hiện đầu tư

(Đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CHỦ ĐẦU TƯ** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: /BCGSĐGĐT	*……. ngày ….. tháng ….. năm …….*

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ TRONG GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

(6 tháng/năm)

Tên dự án: ……..

Kính gửi: …….

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN *(tóm tắt theo Quyết định đầu tư hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh)*

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 02.

(Thông tin về dự án chỉ báo cáo 01 lần tại kỳ báo cáo đầu tiên sau khi quyết định đầu tư dự án hoặc sau khi điều chỉnh dự án có các nội dung điều chỉnh liên quan đến những thông tin về dự án nêu trên)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tình hình thực hiện dự án:

1.1. Tiến độ thực hiện dự án: *(Công tác lập TKKT, công tác thu hồi, bồi thường và hỗ trợ tái định cư, công tác đấu thầu, công tác thực hiện hợp đồng ….)*.

1.2. Giá trị khối lượng thực hiện dự án theo tiến độ:

- Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

+ Tổng diện tích đất được thu hồi và bàn giao đến thời điểm báo cáo.

+ Giá trị bồi thường đến thời điểm báo cáo so với tổng giá trị bồi thường theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

+ Khó khăn, vướng mắc (nếu có):

- Công tác thực hiện dự án theo hợp đồng (*mức độ hoàn thành các hạng mục theo hợp đồng, giá trị khối lượng thực hiện)*

1.3. Tình hình quản lý vốn và tổng hợp kết quả giải ngân:

1.4. Chất lượng công việc đạt được: *(Mô tả chất lượng công việc đã đạt được tương ứng với các giá trị khối lượng công việc trong từng giai đoạn đã được nghiệm thu, thanh toán)*

1.5. Các chi phí khác liên quan đến dự án:

1.6. Các biến động liên quan đến quá trình thực hiện dự án:

2. Công tác quản lý dự án:

2.1. Kế hoạch triển khai thực hiện: *(Nêu kế hoạch tổng thể từng giai đoạn công tác quản lý dự án để đạt được tiến độ yêu cầu)*

2.2. Kế hoạch chi tiết các nội dung quản lý thực hiện dự án: *(Mô tả kế hoạch chi tiết của từng giai đoạn đối với thành phần công việc liên quan đến giai đoạn quản lý thực hiện dự án)*

2.3. Kết quả đạt được so với kế hoạch đề ra và điều chỉnh kế hoạch thực hiện cho phù hợp với yêu cầu:

2.4. Công tác đảm bảo chất lượng và hiệu lực quản lý dự án:

3. Tình hình xử lý, phản hồi thông tin:

3.1. Việc đảm bảo thông tin báo cáo: *(Tính chính xác, trung thực của thông tin báo cáo)*

3.2. Xử lý thông tin báo cáo: *(Việc xử lý các thông tin báo cáo kịp thời kể từ khi nhận được báo cáo để phản hồi kịp thời, tránh gây hậu quả bất lợi cho dự án)*.

3.3. Kết quả giải quyết các vướng mắc, phát sinh: *(Nêu các kết quả đạt được thông qua quá trình đã xử lý các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án)*.

III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tình hình thực hiện dự án:

2. Công tác quản lý dự án:

3. Tình hình xử lý, phản hồi thông tin:

IV. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

(Kèm theo Phụ biểu 03A.1.1, 03A.1.2, 03A.2, 03A.3)

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

MẪU SỐ 84

Mẫu số 04. Báo cáo đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn

(Đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CHỦ ĐẦU TƯ** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---
Số: /BCĐGĐT	*…… ngày ….. tháng…… năm ……..*

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ HOẶC GIAI ĐOẠN

Tên dự án: ……..

Kính gửi: …….

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 02.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Sự phù hợp của kết quả thực hiện chương trình, dự án so với mục tiêu đầu tư.

2. Mức độ hoàn thành khối lượng công việc đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch được phê duyệt.

3. Các nội dung có liên quan khác (nếu có).

III. KIẾN NGHỊ

Đề xuất các giải pháp cần thiết, kể cả việc điều chỉnh chương trình, dự án.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

MẪU SỐ 85

Mẫu số 05. Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án đầu tư

(Đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CHỦ ĐẦU TƯ** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---
Số: /BCGSĐGĐT	*…… ngày …… tháng….. năm …….*

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ
TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án: ……..

Kính gửi: …….

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 02.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Báo cáo chi tiết về toàn bộ quá trình thực hiện dự án đến thời điểm xin điều chỉnh dự án (về khối lượng, giá trị thực hiện, giải ngân từng hạng mục đầu tư...).

III. NỘI DUNG VÀ LÝ DO ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN

- Căn cứ pháp lý điều chỉnh dự án

- Nêu rõ các nội dung chính của việc điều chỉnh dự án, các thành phần của dự án được điều chỉnh

- Nêu rõ các lý do, nguyên nhân và trách nhiệm của các bên liên quan dẫn đến phải điều chỉnh dự án (trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án).

IV. ĐÁNH GIÁ LẠI HIỆU QUẢ DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH

V. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

MẪU SỐ 86

Mẫu số 06. Báo cáo đánh giá đột xuất

(Đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công)

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BCĐGĐT	*…… ngày ….. tháng…… năm ……..*

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ ĐỘT XUẤT

Tên dự án: ……..

Kính gửi: …….

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 02.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Sự phù hợp của kết quả thực hiện chương trình, dự án đến thời điểm đánh giá so với mục tiêu đầu tư.

2. Mức độ hoàn thành khối lượng công việc đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch được phê duyệt.

3. Xác định những phát sinh ngoài dự kiến (nếu có), nguyên nhân phát sinh ngoài dự kiến và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của những phát sinh ngoài dự kiến đến việc thực hiện chương trình, dự án, khả năng hoàn thành các mục tiêu của chương trình, dự án.

III. KIẾN NGHỊ

Đề xuất các giải pháp cần thiết.

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

MẪU SỐ 87

Mẫu số 07. Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc đầu tư

(Đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CHỦ ĐẦU TƯ** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: /BCGSĐGĐT	*…… ngày ….. tháng…… năm ……..*

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC ĐẦU TƯ

Tên dự án: ……..

Kính gửi: ……

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 02.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Tổng kết toàn bộ quá trình thực hiện dự án: *Mô tả tóm tắt quá trình thực hiện dự án từ giai đoạn chuẩn bị thực hiện đầu tư đến kết thúc đầu tư.*

2. Tổng hợp các kết quả thực hiện đạt được của dự án:

2.1. Kết quả thực hiện các nội dung đã được phê duyệt: *Nêu rõ kết quả và mức độ đạt được các nội dung đã được phê duyệt: mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, tiến độ thực hiện, chất lượng,....*

2.2. Kết quả thực hiện về vốn đầu tư: *So sánh giữa tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư với tổng giá trị thực hiện và giải ngân thực tế; các điều chỉnh chủ yếu về tổng mức đầu tư của dự án (nếu có); các yếu tố ảnh hưởng.*

2.3. Những yếu tố tác động đến kết quả thực hiện dự án

2.4. Nêu sơ bộ về các lợi ích do dự án mang lại cho những đối tượng thụ hưởng

2.5. Tác động và tính bền vững của dự án: *Nêu những nhân tố tác động, đảm bảo sự bền vững và phát huy hiệu quả của dự án.*

3. Bài học rút ra từ thực tiễn tổ chức thực hiện dự án và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

III. KIẾN NGHỊ

Nêu các kiến nghị để phát huy tính hiệu quả, sự bền vững hoặc khắc phục các hạn chế của dự án.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

MẪU SỐ 88

Mẫu số 10. Báo cáo tổng hợp công tác giám sát, đánh giá các chương trình, dự án đầu tư công thuộc phạm vi quản lý trong năm

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CHỦ ĐẦU TƯ** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /BCGSĐGĐT	*…… ngày …… tháng…… năm ……..*

BÁO CÁO TỔNG HỢP CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ TRONG NĂM …

Kính gửi: ……..

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết)*.

- Tổng hợp số liệu về kế hoạch vốn đầu tư trong năm;

- Tình hình thực hiện vốn đầu tư trong kỳ *(giá trị khối lượng thực hiện của tất cả các nguồn vốn)*;

- Kết quả huy động và giải ngân vốn đầu tư trong kỳ;

- Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có);

- Tình trạng lãng phí, thất thoát vốn đầu tư công (nếu có).

(Kèm theo Phụ biểu C.01.1 của Mẫu số 01)

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

1. Tình hình thực hiện các chương trình đầu tư công

1.1. Tổng hợp tình hình lập, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công: số lượng chương trình đầu tư công được quyết định chủ trương đầu tư, trong đó, nêu rõ số lượng chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có); giá trị tổng vốn nhà nước (bao gồm: vốn đầu tư công (NSTW, NSĐP, vốn nước ngoài, vốn khác), kinh phí thường xuyên (NSTW, NSĐP) và vốn huy động khác) tham gia vào các chương trình này và các chương trình đầu tư công khác (nếu có).

1.2. Tổng hợp tình hình thực hiện chương trình đầu tư công

- Tổng giá trị khối lượng thực hiện (trong đó, làm rõ giá trị khối lượng thực hiện của vốn nhà nước tham gia dự án), tổng số vốn giải ngân các dự án thành phần thuộc chương trình đầu tư công, trong đó nêu rõ:

+ vốn đầu tư công (NSTW, NSĐP, vốn nước ngoài, vốn khác);

+ kinh phí thường xuyên (NSTW, NSĐP);

+ và vốn huy động khác.

- Sơ bộ kết quả đạt được so với mục tiêu của chương trình đã được phê duyệt.

1.3. Các khó khăn, vướng mắc chính trong quá trình thực hiện

1.4. Kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo Phụ biểu: C.02.1a, C.02.1b, C.02.1c)

2. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư công (bao gồm cả trường hợp doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ, dự án đầu tư công bằng văn bản)

2.1. Tổng hợp tình hình chuẩn bị dự án đầu tư công:

- Tổng số dự án đầu tư công được quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Tổng số dự án đầu tư công được quyết định, điều chỉnh đầu tư, trong đó, nêu rõ số dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.

2.2. Tổng hợp tình hình thực hiện các dự án đầu tư công

- Tổng số dự án đầu tư công thực hiện trong kỳ (phân loại theo nhóm Dự án quan trọng quốc gia, nhóm A, nhóm B, nhóm C; số lượng dự án khởi công mới, số lượng dự án chuyển tiếp từ kỳ trước theo *C.02.2a*)

- Tình hình thực hiện dự án đầu tư so với tiến độ thực hiện được phê duyệt, trong đó nêu rõ số dự án chậm tiến độ.

- Tình hình thực hiện và giải ngân

+ Tổng giá trị khối lượng thực hiện (chi tiết theo nhóm dự án sử dụng vốn trong nước, dự án sử dụng vốn nước ngoài; nhóm dự án sử dụng vốn NSTW, NSĐP)

+ Tổng số vốn giải ngân (chi tiết theo nhóm dự án sử dụng vốn trong nước, dự án sử dụng vốn nước ngoài; nhóm dự án sử dụng vốn NSTW, NSĐP).

- Số dự án còn nợ đọng XDCB (nếu có).

- Số dự án được quyết toán vốn đầu tư công trong kỳ.

2.3. Tổng hợp tình hình nghiệm thu, đưa dự án vào khai thác sử dụng

- Số dự án được nghiệm thu hoàn thành.

- Số dự án được quyết toán hoàn thành trong kỳ.

- Số dự án được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trong kỳ, trong đó, nêu rõ số dự án có thất thoát, gây lãng phí (nếu có).

- Tình hình khai thác sử dụng dự án:

+ Tổng số dự án đưa vào khai thác sử dụng.

+ Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ, trong đó, nêu rõ số dự án đưa vào sử dụng nhưng kém hiệu quả (nếu có).

2.4. Các khó khăn, vướng mắc chính trong quá trình thực hiện

2.5. Kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo các Phụ biểu: C.02.2a, C.02.2b,

III. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NGOÀI ĐẦU TƯ CÔNG

1. Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước để đầu tư kinh doanh tại doanh nghiệp nhà nước (nội dung báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư thực hiện theo mục V của Mẫu số 01).

2. Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công khác trừ dự án quy định tại mục III.1 nêu trên, nội dung báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư thực hiện theo mục II trên đây.

IV. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Các đề xuất về đổi mới cơ chế, chính sách, điều hành của Chính phủ, các Bộ, ngành.

2. Các đề xuất về tổ chức thực hiện./.

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)